TỔNG TẬP
VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

DIÊU CHU HUY




NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Người dịch:
Gs LÊ HUY TIÊU
Gs ĐỖ ĐỨC SÂM
ĐƯƠNG THU ÁI

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc
Nhân dân Quảng Tây Xuất bản xã
In lần thứ hai - 1993

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

DIÊU CHU HUY

# VU THUẬT THẦN BÍ

(NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ PHÁN THUẬT LÊN ĐỒNG, THUẬT CẦU HỒN NHẬP XÁC)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

# MỤC LỤC


LỜI NHÀ XUẤT BẢN ..... 7

LỜI TỰA TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA ..... 9

LỜI TỰA (CUỐN VU THUẬT THẦN BÍ) ..... 15

PHẦN DẪN ..... 29

CHƯƠNG I: **ĐÁM NẤM ĐỘC LÒE LOẸT : NHỮNG CHỦNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU HỒN (THƯỢNG)** ..... 43

I. Khiêu thần ..... 43
II. Vũ tiên đồng ..... 50
III. Đấu địa cổ ngưu khiêu oai thần ..... 62
IV. Tẩu âm ..... 64
V. Tứ đại môn ..... 70
VI. Xướng thần tiên ..... 74

CHƯƠNG II: **ĐÁM NẤM ĐỘC LÒE LOẸT : NHỮNG CHỦNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU HỒN (HẠ)** ..... 87

VII. Phù ky ..... 87
VIII. Viên quan .....
IX. Lên trời (thăng không) ..... 94
X. Đi nhanh (khoái hành) ..... 111
XI. Thây chết đi (hành thi) ..... 113

CHƯƠNG III: **MA LỰC CỦA CÔ ĐỒNG ÁO ĐEN: HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG VÀ CÔNG DỤNG CHỦ YẾU CỦA PHONG TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC.** ..... 116

Hiện tượng siêu thường chủ yếu trong tập tục cầu thần nhập xác ..... 116

*Siêu trí lực* ..... 116

*Siêu thể lực* ..... 124

*Siêu nghị lực* ..... 126

*Siêu thị lực* ..... 133

*Siêu trí nhớ* ..... 134

*Lục nhớ những sự việc đã qua, vạch rõ những điều bí ẩn riêng tư của con người, dự trắc được tương lai* ..... 134

*ý niệm chi động* ..... 139

Công dụng chủ yếu của tục cầu thần nhập xác ..... 142

*Thông thần* ..... 142

*Dự tri vấn sự* ..... 143

*Trị bệnh* ..... 148

*Vui chơi giải trí* ..... 164

Phong tục gọi hồn nhập xác với đấu tranh chính trị và quân sự ..... 165

Thực dụng ..... 170

CHƯƠNG IV: **THỦ PHÁP VÀ ĐẠO CỤ CỦA MA THUẬT SƯ: THỦ ĐOẠN CHỦ YẾU CỦA THÁNH NHẬP CÔ ĐỒNG** ..... 175

Cuồng vũ ..... 175

Che mặt ..... 183

Quạt gió ..... 184

Khí hun ..... 185

Chăm chú nhìn bát nước, gương cổ, thủy tinh thể ..... 187

Dược vật ..... 189
Thần đàn vu âm ..... 198
Niệm chú đốt bùa ..... 202
Đạo cụ ..... 205
Tự giầy vò mình ..... 209
Trợ thủ ..... 212

CHƯƠNG V: **LẦN SÂU VÀO HANG TỐI. CHÂN TƯỚNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (THƯỢNG)** ..... 214
Quá trình cầu thần nhập xác cũng là quá trình thôi miên ..... 215
Cơ sở sinh lý, cơ sở tâm lý, cơ sở vật lý và cơ sở văn hóa của việc cầu thần nhập xác ..... 220
Nghiệm chứng và giải thích những hiện tượng siêu thường trong vu thuật giáng thần bằng những thành quả nghiên cứu thuật thôi miên và khoa học nhân thể. ..... 237

CHƯƠNG VI: **LẦN SÂU VÀO HANG TỐI. CHÂN TƯỚNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (HẠ)** ..... 243
Phân tích mấy hiện tượng "thần bí" trong tục giáng thần. ..... 243
Thế giới quỷ thần trong tâm lý mê cuồng ..... 244
Bí mật của "thây chết đi được" ..... 263
Bí mật chữa bệnh của thầy mo ..... 266
Điều khó hiểu của It-tê-ri lây lan ..... 274
Người bị thôi miên trong trạng thái "thôi miên sâu" vì sao "không học mà biết" ..... 276

CHƯƠNG VII: **BẢN HỢP TẤU NHIỀU TẦNG VỀ THẦN TIÊN THẬT GIẢ: TÍNH BỊP BỢM VÀ HẠN CHẾ CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC** ..... 288

Một số mánh bịp trong tục cầu thần nhập xác ..... 288

Ảo thuật trong xiếc và trò bịp cầu thần nhập xác ..... 296

CHƯƠNG VIII: **VIỆC LÀM XẤU CỦA YA DANG VÀ XA OA; TÁC HẠI CỦA TỤC CẦU THẦN** ..... 307

tệ cầu thần nhập xác phá hoại nghiêm trọng tinh thần và sức khỏe của người cầu thần nhập xác ..... 308

Tệ tục giáng thần tạo điều kiện cho những hoạt động tội phạm mê tín bịp bợm ..... 312

Tệ tục cầu thần nhập xác thúc đẩy sự hình thành và duy trì tâm lý mê tín ..... 327

CHƯƠNG IX: **NHỮNG CƠN ĐIÊN NHẢY MÚA, NHỮNG ĐỢT IT-STÊ-RI, THUỐC TẠO ẢO GIÁC VÀ NHỮNG CÁI KHÁC: NGUỒN GỐC, SỰ HÌNH THÀNH, SỰ TRUYỀN TIẾP VÀ SỰ LAN RỘNG CỦA TỤC CẦU THẦN** ..... 338

Thời kỳ khởi nguồn và thời kỳ hình thành tục cầu thần ..... 339

Nơi khởi nguồn của tục cầu thần ..... 350

Khởi nguồn của tục cầu thần và bệnh tinh thần ..... 352

Nguồn gốc của tục cầu thần với vũ đạo nguyên thủy và thuốc thực vật pgấy ảo giác ..... 357

Cách thức truyền nối tục cầu thần nhập xác ..... 360

VĨ THANH ..... 371

## *LỜI NHÀ XUẤT BẢN*

*Trong vài năm gần đây, nhất là từ khi chúng ta bước vào thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng mê tín dị đoan, có một thời tạm lắng xuống, nay lại có dấu hiệu xuất hiện trở lại.*

*Đây đó, những cuốn sách in trái phép như; Tử vi, Tướng số, Lịch vạn sự, xem tướng tay, tướng mặt... được lén lút bày bán.*

*Kinh nghiệm cho thấy, để chống lại có hiệu quả những tan tích của văn hoá lạc hậu, cần phải xây dựng một nền văn hoá văn minh, khoa học và tiến bộ.*

*Với mục đích trên Nhà Xuất Bản Văn Hoá - Thông Tin cho ra mắt bạn đọc TỔNG TẬP VĂN HOÁ THẦN BÍ TRUNG HOA. Trong bộ sách này, các tác giả - những học giả lớn của Trung Quốc đương đại - đã trình bày một cách có hệ thống những nghiên cứu công phu về những hiện tượng văn hoá mang tính chất thần bí sâu đậm.*

*Bằng việc vận dụng các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khách quan khoa học, các tác giả đã chỉ ra những nhân tố hợp lý cần kế thừa trong số các kinh nghiệm và trí thức của người xưa để lại trong các thuật Phong thuỷ, Trạch cát, Quyền mưu, Chiêm tinh, Chiêm mộng... Đồng thời cũng chỉ ra các điểm vô lý mê tín dị đoan, các lý luận mâu thuẫn và phản khoa học trong các thuật đó.*

*Đây là bộ sách rất đồ sộ, dày tới hàng vạn trang, trong đó không khỏi có đôi điều thiếu sót. Nhà Xuất Bản Văn Hoá - Thông Tin rất mong được các bạn đọc lượng thứ và góp ý để có được những ấn phẩm tốt hơn.*

*NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN.*

# LỜI TỰA

## TỔNG TẬP
## VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

Văn hoá Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hoá mang mầu sắc thần bí, đều có thể gọi là văn hoá thần bí. Tam hoàng ngũ đế, hậu phi thê thiếp, thái giám ngoại thích (họ ngoại nhà vua), thuật sĩ thầy mo, ẩn sĩ tiên nhân, thiện nam tín nữ, bang hội, tam giáo cửu lưu, tam phần ngũ điển, mật tịch cấm thư, dị đoan tà thuyết, âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, kỳ môn độn giáp, tiên tri cấm kỵ, tập tục hủ lậu, xem tướng đoán chữ, luyện đơn dưỡng sinh, chiêm tinh phong thuỷ , việc lạ chuyện kỳ, vũ thuật khí công, đều là văn hoá thần bí.

Bất cứ văn hoá nào, do tính chất đặc biệt của nó, đều có chỗ đứng nhất định. Văn hoá thần bí Trung hoa là một bộ phận quan trọng cấu thành văn hoá Trung Hoa. So với nền

văn hoá tao nhã lấy Nho học làm hạt nhân, thì có thể gọi nó là văn hoá đời thường; so với văn hóa quang trường khoa cử, thì có thể gọi nó là văn hóa đại chúng; so với dòng văn hoá chính thống do các nhà cầm quyền đề xướng qua các thời đại, thì có thể gọi nó là văn hóa mạch ngầm; so với văn hoá hiện đại của nền đại công nghiệp, thì có thể gọi nó là văn hoá truyền thống; so với nền văn hoá Tây phương gió Âu mưa Mỹ, thì có thể gọi nó là văn hoá bản địa.

Trong lâu đài văn hoá, không có một nền văn hoá nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục, như văn hoá thần bí. Hán Vũ Đế trong bài "Thơ du tiên" viết:"Thuỷ Hoa cứu linh ảo, Dương Tinh trắc thần bí". Thế nào là "cứu", "trắc"?. Cổ kim có biết bao tao nhân mặc khách đã tốn bao tâm huyết vào đó. Có người từ nhỏ đã dấn thân vào đây, như "Tấn thư - Trần Huấn truyện", có ghi: "(Huấn) từ nhỏ thích đọc những chuyện thần bí, thiên văn lịch pháp, âm dương, xem thời tiết, môn nào cũng tới mức tinh thông". Có người trở thành thông thái tài cao học rộng như Mao Dĩnh mà Hàn Dũ chép trong "Xương Lê tập" quyển 36: "Dĩnh có trí nhớ tốt, lại kiên trì, biên soạn các truyện, từ thời kết nút dây thừng để nhớ, đến các công việc nhà Tần, không sót chuyện nào. Âm dương, bói toán, xem tướng, y lý, sắc tộc, sơn kinh, địa chí, chữ viết, đồ hoạ, cửu lưu bách gia, thiên nhận thư, phù đồ. Lão tử, các thuyết của nước ngoài, thảy đều cặn kẽ".

Văn hoá thần bí là một cái kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mê tín thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình. Nhìn qua xã hội bây giờ, ở Trung Quốc cũng như ở nước ngoài, không ít người bận rộn với văn hoá thần bí, và thành quả cũng không nhỏ. Rất tiếc và đáng giận, trong cảnh huyên náo ấy, có một số tên vô lại trà trộn vào, chúng là tên bất học vô thuật, nhưng lại biên soạn những loại sách nhỏ" Ngũ hoa nhập môn" in giấy nến để tuyên truyền mê tín, đảo lộn trắng đen, đầu độc dân chúng, nhằm vét tiền đầy túi. Kẻ tiểu nhân làm bậy, người quân tử nghĩ sao? Một số người thừa chữ coi văn hoá thần bí là "không phải học thuật" " văn hoá thấp kém", thậm chí cho rằng " thịt chó không thể bày trên mâm chính ", sợ ảnh hưởng đến thanh danh cao quý của mình. Mặc cho kẻ tiểu nhân hò hét trên đất bụi, người quân tử nhắm mắt làm ngơ. Thế là, văn hoá thần bí càng huyền hồ, càng xám xịt, càng không thể thấu hiểu, thậm chí rơi vào vũng bùn đen.

Trước tình thế ấy, chúng tôi bắt tay vào nghiên cứu văn hoá thần bí.

Mầu sắc thần bí rất sợ bị sự thật phá vỡ, đống rác mê tín phải được khoa học quét sạch. Mây mù tư tưởng không thể dùng búa chém chết, những hiện tượng lịch sử phải từ góc độ lịch sử mà giải thích. Những hiện tượng văn hoá thần

bí đang diễn ra trước mắt chúng tôi, là một thể cộng đồng phức tạp, quái gở li kỳ, là hình thái ý thức pha trộn giữa tinh hoa và thô thiển. Nó có truyền thống thâm căn cố đế, có thị trường mà tất cả ngóc ngách đều có thể lọt vào, có khả năng tái sinh từ suy vi đến hưng thịnh. Từ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, văn hoá thần bí đã một thời phiêu bạt, nhưng nó chuyển từ trên mặt đất xuống dưới mặt đất, từ chỗ đang lan tràn rút về tạm thời co lại. Một khi mở cửa, trào lưu lịch sử bung ra, mạch ngầm này sẽ hoà nhập với phong tục ngoại lai từ Hồng Kông, Đài Loan thừa cơ tràn vào, loang khắp hang cùng ngõ hẻm, tố chất truyền thống hoà trộn với màu sắc hiện đại, xấu tốt khó mà phân biệt. Nếu không xem xét ngọn nguồn, không làm rõ đúng sai, không hướng dẫn đúng đắn cho quần chúng, thì những phong tục cũ kỹ lạc hậu và những tập tục phong kiến sẽ hồi phục trong dân, nó sẽ bôi đen và thay thế dần phong tục xã hội chủ nghĩa đã vun đắp được trong bốn mươi năm, rồi thay thế hẳn. Đây là điều nguy hiểm. Để phối hợp với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, phối hợp với việc trừ sáu cái hại, nên tích cực hành động, nghiên cứu văn hoá thần bí. Nhất là những người làm công tác khoa học xã hội ở bậc cao học, học thuật, phải phục vụ bốn hiện đại hoá, phục vụ cho cải cách, mở cửa, phục vụ xã hội, nhân dân; nghiên cứu văn hoá thần bí là nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta. Huống hồ, bản thân văn hoá thần bí là một hiện tượng văn hoá, các học giả ở bậc cao học không nghiên cứu thì ai nghiên cứu?

Mấy năm gần đây, chúng tôi đang nghiên cứu. Văn hoá thần bí và Trung Quốc đương đại" Văn hoá thần bí và Văn minh phương Đông", hai đề tài lớn. Đúng lúc đồng chí ÂU VI VI (Quảng tây Nhân dân xuất bản xã) đặt chúng tôi viết " Những bí ẩn của bát quái -(Chu Dịch)". Sau khi in ra, dư luận đánh giá tốt, rất nhiều học giả và quần chúng công nông viết thư khen ngợi và cổ vũ, mong muốn có nhiều loại sách mang tính khoa học, có tính chất học thuật, dễ đọc như thế. Để khỏi phụ lòng bạn đọc, chúng tôi quyết định ra loại sách này.

Loại sách này do Vương Ngọc Đức chủ biên. Diêu Vĩ Quân phó chủ biên, được Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã hết sức ủng hộ, nhất là được đồng chí ÂU VI VI, Chủ-nhiệm phòng biên tập văn, sử giúp đỡ cụ thể. Trong loại sách này, chúng tôi cố gắng vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, với thái độ khoa học, thực sự cầu thị và phương pháp học thuật nghiêm túc, kết hợp với nhiệm vụ xây dựng văn minh tinh thần, phối hợp với hiện thực xã hội, khai thác tư liệu lịch sử, nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh từng vấn đề trong văn hoá thần bí, cần phê phán thì phê phán, cần kế thừa thì kế thừa, để cặn bã phải lắng xuống, để hủ lậu hoá thành thần kỳ, để học thuật trong đục rõ ràng, để văn hoá Trung Hoa toả sáng.

Người xưa nói: "Đường đi ngàn dặm, bắt đầu từ đôi chân". Khi loại sách này ra đời, chúng tôi cảm thấy đây mới chỉ là bước đầu của việc nghiên cứu văn hoá thần bí, vất vả

gian truân, đường xa gánh nặng. Do công việc nghiên cứu này mới chỉ khởi đầu, lại thêm trình độ có hạn, loại sách này chắc chắn có chỗ sai sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm, giúp đỡ, cùng chúng tôi ra sức nêu cao nền văn hoá Trung Quốc.

**VƯƠNG NGỌC ĐỨC**

*Phòng Nghiên cứu tư liệu lịch sử*
*Trường Đại học Hoa Trung*
*Tháng 10 năm 1990*

# LỜI TỰA

## (Cuốn Vu Thuật Thần Bí)

**GIÁO SƯ PHÙNG NHĨ KHANG**
**Trưởng Khoa Văn Hoá Phương Đông**
**Đại Học Nam Khai**

Tháng trước, Diêu Chu Huy tiên sinh gửi cho tôi bản thảo cuốn : "Vu thuật thần bí - nghiên cứu về phong tục cầu hồn nhập xác " và bảo tôi viết cho lời tựa. Ba năm trước, Diêu tiên sinh đến làm nghiên cứu sinh tại Đại học Nam Khai nói tôi công tác, ông đã trình bày tình hình điều tra và nghiên cứu về hoạt động nghi thức "đấu âm quyền", qua đó tôi biết ông là người có học vấn chuyên sâu ; ông tỏ ra muốn tranh thủ trong thời gian làm nghiên cứu sinh, đọc một số sách mà nơi ông công tác không có, quả nhiên ông làm việc rất khẩn trương, đọc ngấu nghiến, qua đó tôi dự đoán ông sẽ trở thành học giả trẻ có thành tựu trong nghiên cứu khoa học. Nay nhìn thấy bản thảo của ông, tôi rất mừng. Ông mời tôi viết tựa, tôi cần nói mấy lời chúc mừng ông. Nhưng tôi ít nghiên cứu về cầu hồn nhập xác, nên chỉ có thể nói vài lời bình luận nông cạn và xin nêu một số vấn đề.

Xưa kia đọc tiểu thuyết "Sơ khắc phách án kinh kỳ" của Lãng Mông Sơ người đời Minh, trong lời tựa quyển 39 có viết như sau:

"Thầy đồng bà cốt, từ xưa đã có. Đời Hán gọi là "hạ thần", đời Đường gọi là "người thấy quỷ". Những người ấy biết sai khiến quỷ thần, hiểu được hoạ phúc cát hung của người ta, rất kinh nghiệm. Vì thế, Công khanh đại phu đều tín nhiệm họ. Thậm chí triều đình có khi cũng cho gọi họ đến. Họ đều truyền thụ những điều chân thật, có thể đi được có thể làm được. Không phải là hoang đường. Nhưng mọi sự trong thế gian, có cái thật và cũng có cái giả. Có bọn đàn ông đàn bà ngu dốt vô tri liều xưng là thần thánh, giả nói âm dương để lừa dối dân chúng, làm ra vẻ này vẻ nọ, từ xưa đến nay vẫn có. Cho đến hiện nay, những thầy vu thuật có phép thuật thật không còn nữa. Còn những bọn thôn phu quê mùa, những người đàn bà bẻm mép tự xưng là "thái bảo" là "Sư nương" dối trá cầu hồn nhập xác chỉ để lừa người ngu mà thôi... Thấy nhà nào có người ốm đến mời, lúc đầu bọn chúng nói cứu không được không được, mãi đến khi cầu bái khẩn thiết, nói bã bọt mép ra thì chúng bảo nhà đó mang quần áo đi cầm cố, sống dở chết dở mà vẫn còn sợ thần đạo không chịu cứu, gia chủ khóc lóc, cho đến khi bệnh tật ngày một nặng, cúng bái không kết quả, cũng không được oán giận họ, nghi ngờ họ, mà chỉ nghĩ rằng mình chưa tận tâm lòng thành, thần đạo không ưa, thế là cúng bái càng nhiều. Không biết rằng làm cho người ta tốn kém bao nhiêu tiền của, giết hại biết bao sinh mệnh... Luật pháp cấm chỉ vu sư tà thuật rất nghiêm... Những người ngu dốt vẫn cứ tin trở thành thói tục, thật là căn bệnh khó hiểu, chỉ làm trò cười cho những người hiểu biết mà thôi."

Qua đoạn văn trên ta thấy họ Lãng cho rằng:

(1) Trung Quốc từ xưa đến nay đều có tục cầu hồn nhập xác.

(2) Thực sự là có thuật cầu thần có thể cầu hồn, ban phúc và cũng có kẻ ngông cuồng mượn cầu hồn để lừa bịp.

(3) Thuật lên đồng cổ đại đã mất rồi, còn tà thuật hiện hành là ngu si quá đáng, ngay đến thuật của tà thuật cũng không có, nhưng người ngu thì vẫn cứ tin, rõ là hủ tục ngoan cố.

(4) Cho chúng ta biết, chính phủ ở các thời ở Trung Quốc ngăn cấm tà thuật, thể hiện sự quan tâm đối với dân chúng.

Trong chính sử, lịch sử địa phương, các văn tập tôi đã nhiều lần nhìn thấy có ghi chép về chuyện cầu hồn nhập xác, tác giả của những tài liệu này có người tin, có người không tin. Đọc những tài liệu này, lòng tôi sinh mối ngờ vực : cầu hồn nhập xác mê hoặc nhân dân là rất đáng ghét, nhưng nó sai ở chỗ nào thì tôi không nói được, những hiện tượng dị thường có liên quan đến nó giải thích thế nào thì chịu. Tôi biết khoa học nghiên cứu về thân thể con người là lạc hậu nhất trong các lĩnh vực khoa học, nó còn nhiều bí mật chờ đợi ngành khoa học đó giải thích. Xem ra, nhận thức của tôi so với nhận thức của Lăng Mông Sơ không cao hơn bao nhiêu. Với một mong ước có thể giải được những điều nghi ngờ của mình, tôi hứng thú đọc tác phẩm này của Diêu tiên sinh.

Tôi từng nghiên cứu lịch sử hoàng đế Ung Chính đời Thanh. Khi hoàng đế bị bệnh nặng, mời một đạo sĩ tên là Giả Sĩ Phương đến chữa, lúc đầu thấy kiến hiệu, hoàng đế khen ông ta là "kỳ nhân", nhưng khi bệnh còn

chưa khỏi, lại coi ông ta là yêu quái giết đi, nguyên nhân chỉ là vì ông ta có thể khống chế được hoàng đế. Khi chữa bệnh, Giả Sĩ Phương "miệng niệm thần chú và dùng thuật ấn xoa" vua Ung Chính nói : "Ông ta bắt trẩm cúi xuống, đứng yên hay động đậy, ông ta cũng dùng tay ấn xuống, dường như không thể nào thoát khỏi bàn tay của ông ta được". Bấy giờ tôi không hiểu tại sao hoàng đế Ung Chính tiền hậu bất nhất như thế, Giả Sĩ Phương có tội gì ? Bây giờ dường như tôi đã hiểu : Giả Sĩ Phương dùng thuật thôi miên, chế ngự hoàng đế, tuy có kiến hiệu, nhưng đã làm tổn thương đến lòng tự trọng của quân vương vốn chỉ quen một mình được suy tôn, nhà vua không giết chết Giả Sĩ Phương thì không giải toả được nỗi hận trong lòng. Tác phẩm của ông Diêu đã giúp tôi hiểu như thế. Nhận thức của tôi được nâng cao, như thế sách của ông Diêu là có ích cho đời. Dưới đây tôi trình bày những suy nghĩ của tôi về tác phẩm của ông Diêu một cách khách quan, không xuất phát từ sự thể nghiệm chật hẹp của tôi. Nghiên cứu về tục cầu hồn nhập xác đề cập đến nhiều ngành khoa học, rất khó khăn, mới ở giai đoạn mày mò, nghiên cứu của Diêu tiên sinh là biểu hiện giầu tinh thần tìm tòi. Tìm hiểu tục cầu hồn nhập xác, cần phải vận dụng tri thức và phương pháp nghiên cứu của khoa học về thân thể con người, y học, tôn giáo học, thần học, văn hoá nhân loại học, dân tộc học, tâm lý học, xã hội học và lịch sử học v.v..

Cần phải vận dụng tri thức của các ngành đó một cách tổng hợp. Người nghiên cứu rất khó cùng một lúc có đầy đủ những kiến thức đa dạng của khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học về thân thể con người. Do vậy việc nghiên cứu tục cầu hồn nhập xác là khá khó khăn. Từ xưa đến nay có không ít người nghiên cứu nó, Lăng Mông Sơ xứng đáng ở vị trí hàng đầu. Nhưng khoa học cổ đại không phát triển, nên người ta không thể vạch ra cái bí mật của việc lên đồng gọi hồn. Những nhà nghiên cứu hiện đại đa phần là mới khảo sát và trình bày một phần nhỏ của phong tục lên đồng gọi hồn, chứ chưa viết được một trước tác nghiên cứu toàn diện nào. Diêu tiên sinh rất nhạy cảm về vấn đề này, trong sách ông tỏ ra lấy làm tiếc về tình trạng nghiên cứu "phân tích thiếu nhiều góc độ, thiếu nhiều tầng lớp và không hệ thống, không tường tận", trong thư ông gửi cho tôi nói "tập trung bút lực từ góc độ khoa học cận hiện đại như thuật thôi miên, khoa học về thân thể con người v.v.. để nghiên cứu tục mê tín, đó là một công việc có tính sáng tạo, đó là thử thách giống như lần đầu ăn cua mà Lỗ Tấn tiên sinh thường nói vậy". Đúng như vậy Diêu tiên sinh hành động theo trí hướng đó, tập hợp được nhiều tư liệu, như trên đã nói, đồng thời đi sâu vào thực tiễn xã hội, tiến hành điều tra điền dã. Làm việc gian khổ tỷ mỷ kết hợp với nhuệ khí dũng cảm tiến thủ của một học giả trẻ, trong lĩnh vực lên đồng gọi hồn Diêu

tiên sinh đã nghiên cứu khá toàn diện, tức là nghiên cứu nguồn gốc, truyền thống, truyền bá, chủng loại của tục lên đồng gọi hồn, nghiên cứu phương pháp, thủ đoạn, hiện tượng siêu thường và công dụng của việc cầu hồn nhập xác, nghiên cứu sự lừa bịp và tác hại của cầu hồn nhập xác, đề cập đến những vấn đề chủ yếu của tục cầu hồn nhập xác. Đúng là sự tìm tòi mang tính sáng tạo.

Vấn đề tìm tòi của Diêu tiên sinh có giá trị học thuật, tôi thể hiện ở 3 mặt dưới đây :

1. Luận chứng và khẳng định hoạt động cầu hồn nhập xác có tác dụng chữa bệnh cho con người v.v.. không phải thuần tuý là thuật lừa bịp. Ông đã hai lần đến thực địa quan sát hoạt động "đấu âm quyền" và điều tra phỏng vấn, cho rằng biểu hiện siêu thường của người biểu diễn không phải giả vờ mà làm được, mà là biểu hiện chân thực. Ông khẳng định trong hoạt động cầu hồn nhập xác có biểu hiện của siêu trí lực, siêu thể lực, siêu nghị lực, siêu ký ức, dự báo ý niệm sai khiến v.v.. Ông không coi những hiện tượng dị thường là do tác động của thần, của lực siêu tự nhiên mà là những hành vi của bản thân con người (nguyên nhân sẽ nói ở điểm hai) do đó ông viết một cách thú vị rằng : "Anh là thần, thần là anh". Trong giới học thuật của nước ta, đối với hoạt động cầu hồn nhập xác có một cách nói hoàn toàn phủ định, cho đó là thuật lừa bịp. Ông Diêu khẳng định

rằng vu thuật có khả năng bị coi là tuyên truyền mê tín, truyền bá thuyết duy tâm, nhưng ông Diêu lấy khoa học làm vũ khí, ông có dũng khí, có can đảm biểu hiện quan điểm của mình.

2. Cho rằng làm thuật thôi miên, gợi phát lên cái khả năng đặc biệt của thân thể con người, tạo thành biểu hiện siêu thường ở vu sư và người bị làm thí nghiệm sản sinh ra hiệu quả chữa bệnh v.v.. đó chính là cái gọi là cầu hồn nhập xác. Ông Diêu cho rằng quá trình cầu hồn nhập xác cũng là quá trình thôi miên : người đi vào trạng thái thôi miên sản sinh ra hiện tượng tê cứng đau đớn và giữ "quan hệ cảm ứng" với thầy thôi miên ; con người ai ai cũng đều có khả năng đặc biệt kỳ lạ, nếu muốn biểu hiện được, thì cần phải tiến hành huấn luyện dẫn dụ ; nhân loại phổ biến là có khả năng làm ám thị, và có tâm hướng chủ động tiếp thụ ám thị thầy thôi miên và vu sư cổ đại dùng phương pháp thôi miên hữu hiệu và nguyên lý ám thị để gợi phát lên khả năng đặc.biệt ở thân thể con người, làm cho người bị thôi miên trong trạng thái mê cuồng thể hiện ra những hiện tượng siêu thường như siêu trí lực, siêu thể lực, siêu thị lực, siêu thính lực, siêu vị giác, siêu nghị lực, siêu ký ức, tư duy truyền cảm, ý niệm sai khiến, dự báo tương lai, quan sát quá khứ (nhớ lại quá khứ). Do đó, "linh nghiệm"của việc lên đồng, đánh đồng thiếp, lời thầy phán v.v.. là do tác

dụng của năng lực dự báo ẩn tàng trong công năng đặc biệt của con người mà thôi, nhớ lại quá khứ của Viên quang đánh đồng thiếp, lên đồng v.v.. nói chuyện với "vong hồn" là do sự mẫn cảm siêu thường và năng lực thần giao cách cảm của tiềm thức nên có thể nhìn thấy "bức tranh còn sót lại", nghe được "tín hiệu còn sót lại". Người lên đồng, tiên đồng, tiên cô tuy không học bao giờ nhưng cũng có thể múa, hát, đánh kiếm, không biết chữ cũng có thể viết, đó là vì do tác động của trí lực siêu thường mà ra. Ông Diêu giải thích với độc giả rằng biểu hiện siêu thường của cầu hồn nhập xác là do khả năng vốn có trong con người đã phát huy ra dưới tác động của thuật thôi miên, nói có thần bí là vì do người ta không nhận thức được nó, nên đã lấy quan niệm quỷ thần để giải thích nó, khiến cái bí mật của nó khó mà giải thích được. Diêu tiên sinh còn đặc biệt chỉ ra : Thực chất của cái gọi là khả năng đặc biệt do thần truyền thụ, nó giống như những ảnh ảo, ảo giác do con người làm ra mà thôi (bao gồm thôi miên, đương nhiên gồm cả khí công, tĩnh toạ, ngồi thiền, yoga), chứ quyết không phải là khả năng kỳ lạ do "quỷ thần sai khiến". Nhận thức luận và phương pháp luận của Diêu tiên sinh có thể biểu hiện thành sơ đồ dưới đây :

Diêu tiên sinh vận dụng tri thức khoa học nhân thể để giải thích tục cầu hồn nhập xác, lập luận có căn cứ,

nói có lý lẽ, vạch ra cái bí mật của việc gọi hồn nhập xác một cách xác thực, ông làm một cuộc thí nghiệm rất hay.

3. Tìm tòi nghiên cứu quan niệm mê tín, thần học trong hoạt động gọi hồn nhập xác và trong nhận thức. Diêu tiên sinh tuy khẳng định tính chân thực của hoạt động gọi hồn nhập xác, nhưng cũng không quên vạch trần hành vi đối trá bịp bợm của những tên bợm bịp lợi dụng hoạt động gọi hồn nhập xác. Thật và giả đều bao hàm trong hoạt động gọi hồn nhập xác, làm thế nào để phân biệt, và vạch trần nó ra? Diêu tiên sinh đã tốn nhiều công sức, nhận thức được tính hạn chế của khả năng đặc biệt trong hoạt động gọi hồn nhập xác. Tỷ lệ thành công của nó phụ thuộc vào tính cách tâm tình và tinh lực của người ngồi đồng, không phải lúc nào cũng thành công ; thành công hay không còn phụ thuộc vào vu sư thuật sư, trong số họ có người không biết thuật thôi miên, chỉ biết giả vờ là thần là quỷ, đương nhiên là họ không đạt được hiệu quả, không dẫn phát ra được công năng đặc biệt. Diêu tiên sinh đã đưa ra một loạt thí dụ, vạch trần sự lừa đảo của vu sư đã gây nên bi kịch cho những người cuồng tín.

Cần chỉ ra rằng, cống hiến học thuật của Diêu tiên sinh là biết lợi dụng thành quả nghiên cứu của khoa học nhân thể và lịch sử tục gọi hồn nhập xác của giới học thuật đương đại, kết hợp với kết quả nghiên cứu của riêng mình, có nghĩa là nói ông có khả năng tổng hợp

cao, hấp thụ chất dinh dưỡng của người khác để tạo ra thành quả riêng của mình. Thành quả đó là tuyệt mỹ, nó giải thích khá thành công những điều bí mật của việc gọi hồn nhập xác, chỉ ra mặt giả và mặt thật của hoạt động đó. Về mặt thật đã giải thích sơ bộ và hợp lý, đó là sự tìm tòi có hiệu quả nổi bật về tục gọi hồn nhập xác, là sự tìm tòi trên con đường khoa học.

Khi viết tác phẩm này, Diêu tiên sinh tỏ ra rất nhiệt tình, ông phê phán hoạt động mê tín trong tục gọi hồn nhập xác, vạch trần hành động tội ác ngu dân của những ông đồng bà cốt, đề cao khoa học, hy vọng nâng cao trình độ văn hoá khoa học của dân tộc chúng ta , làm thay đổi phong tục, khắc phục tục mê tín quỷ thần. Ông cho rằng tục lên đồng gọi hồn làm cho người ta càng mê tín hơn, nó mở cửa thuận lợi cho những hoạt động tội ác của bọn người xấu. Ông căm ghét hủ tục ấy và cũng lo lắng khi thấy hủ tục này đang sống dậy. Nhưng ông không tiêu cực, ông dùng nghiên cứu của mình, trình bày một cách khoa học để giúp cho người ta từ bỏ hoạt động mê tín ấy đi. Sự tình không phải chỉ ở nguyện vọng phê phán của ông, quan trọng hơn là ông đã tiến hành nghiên cứu tỷ mỉ, sâu sắc cái đó mới có khả năng đạt được mục đích của việc phê phán, giúp nhân dân tự mình đứng dậy khắc phục ảnh hưởng của thuật tà, tự giác thay đổi tập tục, ngăn chặn sự lây lan của tục gọi hồn nhập xác. Thái độ khoa học ấy không giống với những người

dùng lôgic đơn giản phủ nhận hiện tượng dị thường trong hoạt động gọi hồn nhập xác. Nhưng người phủ nhận một cách đơn giản tuy có thái độ rõ ràng, nhưng thiếu tinh thần khoa học, thiếu tính thuyết phục, nên không thể giải quyết những vấn đề thực tế đang tồn tại trong xã hội. Diêu tiên sinh biết rút kinh nghiệm không dừng lại ở mức của những người phủ định đơn giản. Tinh thần trách nhiệm này là động lực làm cho việc nghiên cứu của ông sâu sắc thêm, do đấy gợi ý cho độc giả rất nhiều cách phấn đấu cho việc nâng cao văn hoá dân tộc, uốn nắn hủ tục xã hội, đó mới là việc làm hữu ích của những người làm công tác văn hoá, chứ không phải ở chỗ tuyên truyền chủ trương suông. Nước ta đang cần những người như Diêu tiên sinh rất cần cù thiết thực trong công việc xây dựng văn hoá, giáo dục, khoa học, kinh tế. Đối lập với tác phong thiết thực là thói giả tạo nói suông, 10 năm động loạn (ý chỉ Cách mạng văn hoá 1966 - 1976 ND), thói xấu ấy đã lên đến đỉnh điểm, nay vẫn còn, cho nên tôi nói: bằng lao động cần cù của mình, Diêu tiên sinh đã vượt lên trước tác của ông.

Sách của ông chưa thể nói là thập toàn thập mỹ, nhưng thái độ nghiên cứu của ông, tinh thần vô tư không để tâm đến thiệt hơn của ông thật là đáng quý.

Tục gọi hồn nhập xác là một hiện tượng trong nền văn hoá thần bí, nghiên cứu rất khó, nó lại là văn hoá thông tục, khó được đi vào ngôi nhà "đại nhã", cho nên

giới học thuật ít nghiên cứu. Tình hình đó giờ đây trở thành vấn đề bức xúc, cần phải phân tích sâu hoạt động gọi hồn nhập xác. Nhiệm vụ to lớn như vậy không phải một người trong một thời gian ngắn có thể làm được. Thành quả nghiên cứu của Diêu tiên sinh còn chưa làm cho người ta thoả mãn, còn có chỗ chưa hài lòng. Do đấy tôi đưa ra mấy vấn đề để trao đổi với Diêu tiên sinh và xin thỉnh giáo các học giả uyên bác khác.

1. Thuật lên đồng là nhất nguyên hay đa nguyên? Diêu tiên sinh cho rằng vu thuật sinh ra ở Bắc Á (học giả nói Diêu tiên sinh đồng ý cách nói này) phê phán thuyết đa nguyên, nhưng mô tả con đường truyền bá của nó thì chưa đủ sức thuyết phục, thiếu tư liệu, như dẫn ra quan điểm của Su-in, nói tổ tiên của người châu Úc là từ Đông Nam Á và vùng Hoa Nam Trung Quốc di sang. Họ có thể là truyền vu thuật sang, nhưng đấy chỉ là giả thiết, chưa thể thành luận điểm chắc chắn. Con đường truyền bá còn chưa rõ thì thuyết đơn nguyên khó đứng vững. Tôi nghĩ, vu thuật là tôn giáo nguyên thuỷ, nhưng không có mấy triết lý, trong xã hội loài người, ở khắp nơi, trong thời đại mông muội đều có thể sản sinh ra, do đấy có thể là đa nguyên, nó không giống với 3 tôn giáo Phật giáo, Cơ đốc giáo và đạo Islam, chỉ là đơn nguyên.

2. Trong hoạt động gọi hồn nhập xác làm thế nào phân biệt được tính chất khoa học và mê tín? Đây là

vấn đề phức tạp. Diêu tiên sinh có ý định giải thích, và quả là có giải thích thật, nhưng quy nạp chưa đủ, đặc biệt là phân tích mang tính quy luật vẫn còn thiếu. Ví dụ trong một mục nói đến "thuật lừa bịp" của vu sư, chỉ nói sơ qua một chút hiện tượng, chứ chưa nói rõ "thuật" của thuật lừa bịp là cái gì, do đó chưa phân biệt được đâu là khoa học đâu là mê tín. Mê tín và khoa học đều hàm chứa trong một hoạt động gọi hồn nhập xác, cần phân biệt cho rõ, đó là nhiệm vụ đầu tiên của việc nghiên cứu vấn đề, cũng là nhiệm vụ cơ bản, không làm rõ thì sẽ giao động ở khoa học và mê tín, duy vật và duy tâm và sẽ khó rất trở thành nghiên cứu khoa học.

3. Tuổi thọ của những người hoạt động cầu hồn nhập xác như vu sư, thầy thôi miên, người ngồi thôi miên, người ngồi đồng nên có một chuyên đề nghiên cứu. Diêu tiên sinh đã chỉ ra những người này trong khi tiến hành cầu hồn nhập xác, sức khoẻ và thần kinh có bị ảnh hưởng, tôi cho rằng có thể nghiên cứu sâu vấn đề ấy, nên thống nhất vấn đề sức khoẻ, tử vong, tuổi thọ của những người ấy lại mà khảo sát, nên làm thống kê cụ thể để thấy được quan hệ giữa công năng đặc biệt và cầu hồn nhập xác.

4. Kiên trì phương hướng và phương pháp nghiên cứu tổng hợp đa ngành khoa học. Ở trên đã nói, khoa học về nhân thể còn ở tình trạng lạc hậu, không tương xứng với sự phát triển khoa học của xã hội loài người, người ta cần tăng cường sự giải phẫu tự thân, nhận thức

tự thân. Chỉ khi nào khoa học về nhân thể phát triển, những hiện tượng có liên quan đến thân thể con người, như hoạt động cầu hồn nhập xác chẳng hạn, thì mới có khả năng nhận thức đầy đủ. Dương nhiên việc nghiên cứu thân thể con người lại không phải là cô lập, cần phải kết hợp với việc nghiên cứu khoa học tự nhiên và xã hội để tiến hành nghiên cứu một cách tổng hợp. Những người nghiên cứu theo phương pháp này, không nghi ngờ gì là cần có tri thức đa ngành khòa học, cần có cơ sở tri thức hợp lý. Nhưng việc học tập của mọi người là chia ngành, rất khó một lúc có đầy đủ tri thức về các ngành, do đấy phải học bổ túc một cách thích đáng, mở rộng lĩnh vực tri thức, làm cho vốn kiến thức của bản thân có thể thích ứng với yêu cầu nghiên cứu đề tài cầu hồn nhập xác, ngõ hầu có thể hoàn thành tốt sứ mệnh nghiên cứu. Tin rằng trong những trước tác nghiên cứu sau này, Diêu tiên sinh sẽ không ngừng nâng cao trình độ học thuật để có nhiều thành quả to lớn cống hiến cho xã hội.

Xin lấy lời chúc mừng tốt đẹp làm lời tựa cho cuốn sách này.

**Phùng Nhĩ Khang**

*Viết tại Bắc Đới Hà*

*19 - 7 - 1992*

# PHẦN DẪN

## I

Trước mắt bạn đọc là một công trình chuyên luận về phong tục cầu thần nhập xác [1] trong văn hoá thần bí Trung Hoa.

Cầu thần nhập xác là gì? Phong tục cầu thần nhập xác là gì?

Cầu thần nhập xác ( giáng thần phụ thể) còn gọi là thỉnh thần phụ thể, thần linh phụ thể, quỷ thần phụ thể, tinh linh phụ thể, giáng thần, giáng linh, hạ thần... Hiện tượng cầu thần phụ thể có thể nhiều người chưa nhìn thấy tận mắt, nhưng có lẽ không xa lạ mấy với mọi người. Trong phim ảnh, tuồng, kịch, tác phẩm văn học và trong dư luận ở đầu phố cuối ngõ, đề tài này được đề cập luôn. Trong tác phẩm văn học nổi tiếng " Hồng

(1) Dịch cụm từ Hán "Giáng thần phụ thể" nghĩa là cầu thần (ma, quỷ...) về nhập vào thân xác người trần thế. Dịch thế chưa lột hết ý, nhưng khái quát được các tên gọi khác nhau trong tiếng Hán ở các địa phương khác nhau : thỉnh thần phụ thể, thỉnh thần phụ thân, thần linh phụ thể, quỷ thần phụ thể, tinh linh phụ thể, giáng thần, giáng linh, hạn thần, hạ linh... một loại hoạt động mê tín kiểu cầu đồng, cầu hồn... của người Việt nam ta --- ND

Lâu Mộng" mà nhiều người đã từng đọc , có đến mấy đoạn tả cảnh quỷ thần nhập xác. Hồi 112 " Diệu cô oan nghiệt gặp hoạ lớn, dì Triệu cừu thù xuống âm ty" có một đoạn miêu tả khá chi tiết dì Triệu bị ma ám (quỷ nhập xác);

"...Dè đâu dì Triệu miệng xùi bọt mép, đôi mắt trợn ngược, lưỡi thè dài ra, làm mọi người hết cả vía. Giả Hoàn vội chạy lại kêu toáng lên. Dì Triệu tỉnh lại nói:

"Tôi không quay lại đâu, tôi phải theo cụ cố về Nam". Mọi người nói : "Cụ cố đâu có cần cô đi theo?" Dì Triệu nói :"Cả đời tôi theo hầu cụ cố, thế mà ông lớn không tha, hết cách làm tình làm tội tôi, nhất quyết bắt tôi xuống làm nàng hầu... Nay tôi nhất quyết đi về, xem còn ai bắt nạt tôi nữa không." Mọi người nghe thế mới biết Uyên Ương đã nhập xác dì Triệu..."

" Miệng xùi bọt mép, mắt trợn ngược, lưỡi thè dài" là viết dì Triệu bị "con cua thắt cổ" Uyên Ương ám. "Tôi không quay lại, tôi phải theo cụ cố về Nam", " Tôi cả đời phải hầu hạ cụ cố, thế mà ông lớn không tha, hết cách làm tình làm tội tôi, nhất quyết bắt tôi làm nàng hầu..." là giọng lưỡi Uyên Ương. Sau khi Giả Mẫu qua đời, Uyên Ương thắt cổ tự sát và chuyện Giả Kính muốn bắt Uyên Ương làm nàng hầu, bị cự tuyệt, đã làm tình làm tội Uyên Ương. Đây là Uyên Ương sau khi đã chết, nhập vào xác dì Triệu, mượn miệng dì Triệu để nói.

Trong truyện ngắn " Anh Hai Đen lấy vợ" của nhà văn đương đại Triệu Thụ Lý cũng có đoạn tả cảnh quỷ

thần nhập xác. Trong đó có đoạn viết cô tiên Ba già chơi trống bỏi, trông thấy Hai Đen "ngon như quả táo tươi" nói mấy câu đùa cợt, nhờ láng giềng bên Đông, hàng xóm đằng Tây mượn người làm mối gả chồng cho Tiểu Cần. Có ông họ Ngô vốn là thuộc hạ Diêm Tích Sơn, là một sĩ quan đã từng làm lữ đoàn trưởng về hưu, nhà rất giàu có, đã chết vợ. Y đã gặp Tiểu Cần trong một lần hội chùa, muốn cưới làm vợ kế. Người mối mới ngỏ ý, cô tiên Ba vội hứng lấy ngay. Chỉ vài ngày sau thì cho chạm ngõ. Tiểu Cần đã bàn bạc kỹ với Hai Đen, đâu có chịu nghe. Hôm chạm ngõ, Tiểu Cần làm toáng lên, vứt hết lễ vật của nhà họ Ngô. Người mối vừa ra khỏi cửa, Tiểu Cần bảo mẹ : "Mặc mẹ đấy, ai nhận lễ của người ta thì đi mà lấy người ta". Thế là

"Cô tiên Ba buồn bực, ngủ suốt cả nửa ngày. Ăn cơm tối rồi, bà nói rằng thần đã nhập vào bà, ngáp liền mấy cái rồi cất giọng hát. Trước hết bà nói Vu Phúc không dạy được con, sau đó nói Tiểu Cần có duyên nợ với ông Ngô từ kiếp trước, hát rằng: "Nhân duyên kiếp trước trời đã định, làm trái ý trời không được sống..." Vu Phúc vội quỳ xuống van xin, thần một mực đòi Vu Phúc phải đánh cho Tiểu Cần một trận nên thân...

"Liêu trai chí dị" của Bồ Tùng Linh viết đến mấy trăm truyện ma quỷ thần thánh thiện ác đủ loại, trong đó không thể kể hết những chuyện quỉ thần nhập xác.

Ngoài các tác phẩm văn học nghệ thuật và những chuyện khác nhau đầu phố cuối ngõ r[illegible]ong các sử sách

cũng không ít những đoạn văn viết về quỷ thần nhập xác. Những chuyện như thế sẽ được dẫn ra nhiều trong các chương văn sau này.

"Cầu thần nhập xác" trong các tài liệu về khoa tâm lý được gọi là "chuyển đổi nhân cách", tức là nói người ta cảm thấy mình trở thành một người khác, một con ma hay một vị thần, mang nhân cách của người khác, cưu ma quỉ, thần thánh để trò truyện hay làm một việc gì đó với người khác, con ma khác vị thần khác, còn "mình" đã không là "mình" nữa [1]. Trên thế giới căn bản không có thần thánh ma quỷ gì, thế thì "quỷ thần" làm sao có thể hiểu nhập vào xác người ? Hiện tượng này nên hiểu thế nào? Đây là câu hỏi mà sách này muốn trả lời. Hy vọng các bạn đọc sau khi đọc xong sách này sẽ nhận được những gợi ý có ích.

Với những người hữu thần, "cầu thần nhập xác" có hai nghĩa: Một là tin vào thần linh có thể nhập vào thể xác của người, hai là con người do quỷ thần nhập xác mà có hiện tượng mê cuồng (cũng gọi là "xuất thần", "mất thần", "mê huyền", "cuồng huyền", "bị ma ám"v.v.)

Tương ứng với quan niệm mê tín "quỉ thần nhập xác" "tục cầu thần nhập xác" (gọi tắt là "tục giáng thần") là chỉ hoạt động có tính quần chúng nhất định do thầy mo hoặc là người của tín quỉ thần khác tổ chức trong các ngày lễ tết hoặc ngày thường, qua tế lễ, cầu khấn,

(1) Phó Vinh "Thuật ám thị" NXB nhân dân Giang Tây. 10 1989. trang 139.

đọc chú, múa hát... mà cầu xin thần linh nhập vào thể xác người khác hoặc chính mình, biến mình hoặc người khác trở thành người thay mặt cho quỉ thần mà giải đáp những điều cầu hỏi, xua đuổi tà ma hoặc trị tật bệnh.

# II

Trên lãnh thổ thiêng liêng cổ xưa của tổ quốc ta đã từng tồn tại phổ biến tục cầu thần nhập xác. Lật bộ sử đồ sộ của Trung Quốc ra, vô luận chính sử hay dã sử, hay là các tập địa phương chí hầu như bộ nào cũng ghi lại những sự kiện loại này :

"*Hiến đế khởi cư trú*" ghi :"Thời có tinh thích phương thuật tà đạo, quỉ thần, thường có đạo sỹ và bà mo ca hát, khua chiêng gõ trống cầu thần".

"*Đài Loan thông sử - tôn giáo chí*" ghi : "Thầy mo bà mo Đài loan gồm mấy loại... ba là hồng di, có thể bắt quỷ thần nói chuyện với người. Bốn là một cô đồng, trần mình xoã tóc, nhẩy múa như điên, cắt lưỡi đầm lưng máu me đầm đìa, quỉ thần nhập vào người, rách da rách thịt mà không đau".

"*Bình Dương luyện chí*" - "*Phong thổ chí*" ghi : "Có tục cầu đồng, viết bùa đốt lên người đồng thì đồng nhảy nhót, nói lời thần. Người ta có thể hỏi về tật bệnh, tai hoạ... loại có quỉ thần ám vào phụ nữ, nói về những điều lành điều dữ của người, gọi là "linh cô", phụ nữ rất tin".

"*Mã quan luyện chí - Phong tục chí*" ghi : "Bắt vong, còn gọi là cầu hồn, do các bà mo làm. Người nhà người chết nhớ thương người chết, mời bà mo cầu hồn người chết về để nói chuyện. Bà mo làm phép, tay cầm quạt trắng, nhắm mắt ngồi trên ghế, một lát sau thì lắc lư toàn thân, như vậy coi là hồn đã về và nhập vào bà mo. Người nhà hỏi về việc nhà trước sau khi chết, bà mo nhân danh người chết mà trả lời, đại để coi là linh hồn người chết đã nhập vào bà mo. Khi hồn đi gọi là hồn mãi, nhiều phụ nữ rất tin".

"*Di Kim giáp chí*" ghi : "Người dân vùng Chương Tuyền thường dùng uế tích kim cương pháp" để chữa bệnh đòi tà ma. Thần giáng thì mượn miệng trẻ nhỏ để nói".

"*Thuật dị chí*" ghi : "Năm thứ 5 niên hiệu Nghĩa Hy, Tống Vũ đế đi đánh Tiên Hy, thắng lớn, tiến vây Quảng Cố, các tướng tá trong quân sai sứ giả dâng cúng chúng sinh, tiền bạc, bái yết miếu Thái Sơn. Có nữ vu sư họ Tần, người Phụng Cao, là vợ goá của người họ Sách cùng huyện, có thể cữa linh chỉ giáo, nói gì có nấy".

Những chuyện về người Trung Quốc cổ cận đại cầu hồn nhập xác nhiều vô kể, không sao nói hết. Ngay cả ngày nay, khi mà nền văn minh nhân loại đang bước vào thế kỷ 21, tục cầu thần nhập xác vẫn tồn tại ở nhiều vùng nước ta. Các sách vở báo chí cả nước ta đã đưa nhiều bản tin về việc vì mê tín cầu thần nhập xác mà bị mắc lừa, chịu thiệt hại, thậm chí vì vậy mà làm việc phạm pháp. Dưới đây xin dẫn ra ba ví dụ :

Sáng sớm ngày 20 tháng 2 năm 1986, rất đông người tụ tập đến nhà Lý Thư Hải, thôn Ba Nhĩ xã Cao Gia Oa Phố, thị xã Xích Phong, Nội Mông để đưa đám mẹ Lý Thư Hải. Khi mở nắp quan tài để bạn bè từ biệt mẹ Lý Thư Hải, người ta giật mình thấy mặt và tay người chết bầm tím sưng húp, ở cổ có dấu bị bóp cổ, cánh mũi bị xuyên thủng, máu vẫn còn giỏ giọt. Thấy vậy, em trai mẹ Lý Thư Hải bừng bừng nổi giận, tát cho Lý Thư Hải mấy cái quát hỏi : "Nói mau, mẹ mày vì sao chết?". Ba anh em Lý Thư Hải, Lý Thư Ngọc, Lý Thư Long quì rạp xuống...

Đầu đuôi sự việc là thế này : Mẹ Thư Hải đã ngoài 60 tuổi, vì làm lụng vất vả lâu năm, đã mắc bệnh viêm phế quản, dần dần phát triển thành lao phổi. Tháng giêng năm đó vì bệnh nặng, đã được đưa vào bệnh viện, nhưng bệnh không đỡ, anh em họ Lý lại đưa mẹ về nhà. Về nhà rồi, bệnh ngày một nặng thêm. Vì não thiếu dưỡng khí, bà mê sảng, nói lảm nhảm. Dè đâu chính con trai bà lại cho rằng "Chó sói vàng đã nhập vào xác bà".

Chiều 19 tháng 2, Lý Thư Hải nghe mẹ nói sảng, đã quát lớn"Tên sói vàng, tao cho mày một nhát dao đứt lìa cổ cho mày xem". Nói rồi cầm dao chém lia lịa vào tấm nệm mẹ y đang nằm trên giường và làm mẹ giật mình tỉnh lại.

Bà mẹ tỉnh lại càng khiến anh em họ Lý tin rằng mẹ họ đã bị sói lông vàng nhập xác. Khoảng 8 giờ tối,

ba anh em họ Lý bắt đầu "trị sói" cho mẹ. Lý Thư Hải tìm được một cái kim to, đè chặt bà cụ mà cầm kim xiên từ bên này cánh mũi sang bên kia. Có lẽ cho rằng kim chưa đủ hiện, y dùng cái dùi, cái đinh sắt to. Tiếp theo đó, ba anh em y liên tiếp đấm đá thục mạng vào sườn, vào mông bà cụ. Bà cụ kêu la thảm thiết không hề động lòng anh em họ Lý. Họ còn dùng roi da quất tới tấp vào bà cụ, lột hết quần áo cụ khiêng ra sân chịu rét... Những hành hạ dã man kia kéo dài mãi gần sáng, khi bà cụ chỉ còn thoi thóp chút hơi tàn, họ mới dừng lại.

Tiếp sau đó họ mời lão thầy cúng cùng thôn là Lý Thành Duy đến chỉ đạo họ "trị ma sói vàng". Lý Thành Duy chỉ huy anh em họ dội nước lạnh lên người bà cụ, xong rồi y viết một đạo bùa dán lên ngực cụ, dùng lưỡi cày đè lên rồi bảo hai anh em Lý Thư Ngọc, Lý Thư Long thay nhau mà dẫm và khi bà cụ tắt hơi hẳn, đem bà đóng vào quan tài ! (Báo "Tuấn Mã", Nội Mông, số 6 năm 1990).

Ngày 28 tháng 4 năm 1986, Vu An Quí khu Tô Gia thôn thành phố Thẩm Dương nghe lời người em là Vu An Trường vốn làm nghề thầy cúng nói là "có một điều dữ đang đổ xuống nhà họ Vu, đó là hồn ma của kẻ thù ám vào chị dâu, tôi không trị được nó thì nhà ta nguy to" Khi nghe nói oan hồn sẽ bắt đi ba người họ Vu thì Vu An Quý hết lời khuyên vợ phải chịu khổ để "trị ma". Kết quả là y để cho em trai dùng dao hành hạ vợ mình

đến chết. Còn bản thân y thì theo lệnh em trai, giữ chặt hai vai vợ và sau khi vợ chết y còn làm cái việc gọi là "thay thế", thực chất là hiếp thây vợ chết. (Theo báo "Đảng viên cộng sản" tỉnh Liêu Ninh, số 9 năm 1986).

Ngày 27 tháng 7 năm 1986, Trương Vĩnh Dân ở thôn Tây Đầu xã Diễn Trì, huyện Diệu, tỉnh Thiểm Tây, lập địa thờ thần, đốt hương hoá vàng tự xưng là "Thần chuột", nói rằng "thần chuột" sẽ bị tai hoạ. Dân làng vốn mê tín, coi nhà Trương Vĩnh Dân là miếu thần chuột, hương vàng lễ bái nghi ngút. Về sau, Trương Vĩnh Dân không những nói là theo ý thần hãm hiếp phụ nữ, mà còn đốt nhà mình nói là "mở cửa tài", dân làng đến chữa cháy bị y đánh chết ba người (Theo "Thiểm Tây nhật báo", ngày 7 tháng 2 năm 1987).

# III

Đáng kinh ngạc là, tục cầu thần nhập xác không phải chỉ có ở Trung Quốc. Nó là một lịch sử văn hoá có tính thế giới. Lần dở những tài liệu dân tộc học, dân tộc chí các nước, chúng ta sẽ thấy hủ tục mê tín cầu thần nhập xác được ghi chép rất nhiều . Các dân tộc nguyên thuỷ phần lớn đều tin rằng các thuật sĩ thầy mo có thể cầu thần nhập xác. Khi thần nhập vào ai, người đó không biết gì nữa hết, toàn thân lắc lư run rẩy và có những biểu hiện mê cuồng. Bản thân người đó không

hề hay biết gì về những hiện tượng đó, tất cả là do qui thần. Trong trạng thái dị thường đó, mọi lời người đó nói ra đều được coi là lời của thần linh, ma quỷ. Họ có thể nhân danh thần mà phát biểu, nói rõ số phận tương lai của người, có thể tìm ra căn nguyên tật bệnh, có thể chữa bệnh. Ví dụ :

Một khi qui thần đã nhập vào một thuật sĩ người Bô-li-ni-xi-a châu Đại Dương thì vị thuật sĩ đó sẽ lập tức lắc lư run rẩy mãnh liệt, thậm chí phát điên phát cuồng. Người thuật sĩ sẽ bị co rút tay chân, méo mồm lệch mũi, mặt mày xấu xí dữ tợn, trợn trừng mắt, hoàn toàn mất hết tri giác. Trong tình hình đó, người thuật sĩ thường lăn kềnh ra đất , sùi bọt mép, có vẻ như quỷ thần nhập vào người y, khiến như vậy. Lúc đó thuật sĩ sẽ phát ra những tiếng kêu ré lên, nói lảm nhảm vô nghĩa. Đó là lời lẽ của thần thánh ma quỷ? Các thuật sĩ khác hầu hạ thuật sĩ đó tự cho là có thể hiểu được những biểu hiện có nghĩa là gì, họ lập tức hứng lấy, và chuyển các tín đồ đệ tử ý kiến của thần[1].

Thầy bói người Tu-đa miền Nam Ấn Độ có thể đưa mình vào trạng thái mê cuồng và dùng một thứ ngôn ngữ xa lạ. Người ta tin rằng đó là qui thần đã nhập vào người.

---

(1) Sách "Kim Chi" (quyển thượng) do Phi Lôi dịch, NXB Văn Nghệ dân gian Trung Quốc, tháng 6 năm 1987, trang 142 – 143

Thầy mo người Exki-mô phía Bắc châu Mỹ khi chữa bệnh cho ai, thường dùng những câu chữ cổ lỗ khó hiểu, tạo ra một thứ tiếng địa phương đặc biệt để giao thiệp với thần linh, dùng trống gõ nhịp để hát một thứ vu ca, nhảy một loại điệu nhảy điên dại, thô lỗ, để ra lệnh cho quỉ thần phải trả lại linh hồn cho người bệnh. Trong khi biểu diễn, các thầy mo đó run rẩy, rên rỉ và đưa mình vào cuộc trạng thái điên loạn mù cuồng. Người Pu-xung-man-côn châu Phi, khi trong cộng đồng có người ốm thì mời một "thầy thuốc" đến rút nhỏ bệnh cho người ốm. Trong cúng lễ, để chữa bệnh "thầy thuốc" nhẩy múa xung quanh người bệnh, nhẩy đến sát người bệnh thì áp mình vào người bệnh , một tay để vào trước ngực, một tay để sau lưng người bệnh để hút ra cái thể dịch tội lỗi. "Thầy" kêu ré lên, dùng hết sức lực để nhổ bệnh tật ra, vất vào sau vòng lửa. Sau đó "thầy thuốc" đi vào trạng thái cuồng si dần. Khi "thầy" thở hổn hển, bước loạng choạng tay chân co giật, thì các đồ đệ của "thầy" ôm lấy "thầy", bảo vệ "thầy" và rồi thầy cúng đổ toàn thân ngã vào lòng đồ đệ...

Các dân tộc nguyên thuỷ trên thế giới như vậy, ngay ngày nay khi khoa học đã phát triển đến mức cao, ở các xã hội tư bản phát triển, vẫn cứ tồn tại tục cầu thần nhập xác. Như các "hội giáng thần" tồn tại phổ biến ở Âu Mỹ thì những ngày hội lấy người bị quỉ thần ám làm nhân vật trung tâm , tìm cách nói chuyện với người đã chết. Những "hội" như vậy thường được tổ chức ở những

chỗ tối hoặc tranh tối tranh sáng bởi vì ánh sáng cản trở việc giao thiệp với qui thần. Mỗi hội "giáng thần" như vậy thường có từ 6 đến 8 người tham gia, những người tham gia thường nắm tay nhau thành vòng tròn. Nếu nghe được cái gọi là tiếng nói của quỉ thần, nghe người bị quỉ thần ám nói hoặc nhìn thấy được ma quỉ thì tức là quỉ thần và người đã tương thông với nhau. Có khi nghe được tiếng nhạc không biết từ đâu vọng đến, tràn ngập cả gian phòng, có lúc đồ đạc trong phòng tự nhiên chuyển động, di dịch, có khi xuất hiện tay chân, hoặc hình ảnh toàn thân của người chết do "ngoại chất" của người bị thần ám hình thành ra. Lại còn có chuyện bắt quỷ thần viết chữ, những lời nói thiêng liêng nhập định.. cũng là hình thức giao thiệp được với quỷ thần.

# IV

Tục cầu thần nhập xác là thần bí nhất trong văn hoá thần bí nhất của thế giới, cũng là thần bí nhất trong văn hoá Thần bí Trung Hoa. Nó thần bí hơn cả chiết tự đoán số, bói toán mai rùa, cỏ thi, xem tướng lấy số... Những vệ sỹ tôn giáo hữu thần thường dựa vào nó mà khẳng định có ma quỉ thần thánh, coi như bằng chứng của việc "quỉ thần có thể nhập xác, yêu quái có thể ám người". Những tín đồ sùng bái thần tiên càng quì sụp dưới chân nó, thì thụp lễ bái. Nhưng các bậc hiền tri

xưa nay vẫn không tin, nếu có nói đến thì cũng chỉ bài bác, coi là trò bịp, nhưng chưa ai đưa ra được một lời giải thích hợp lý nào về các hiện tượng siêu thường vẫn tồn tại thật sự, do đó sức phản kích yếu ớt, thỉnh thoảng cũng có người nhìn ra được bản chất sự việc, nhưng sự phản bác cũng chỉ như chuồn chuồn đạp nước, không có sự phân tích tỷ mỷ, có hệ thống từ nhiều góc độ khác nhau, nhiều tầng bậc khác nhau. Trong tục cầu thần nhập xác tồn tại rất phổ biến trong nhiều tầng lớp xã hội, nhưng các văn bản triết học và khoa học xã hội rất ít đề cập đến, cho đến nay về mặt này vẫn chỉ có những lời thuyết giáo, răn dạy hời hợt. Thực tế chứng minh rằng, một hiện tượng phức tạp tồn tại qua bao nhiêu thế kỷ, bao hàm nhiều lĩnh vực khoa học, nhiều trạng thái tâm lý như thế, những lời thuyết giáo đơn phương đơn giản, vụn vặt và hời hợt là không thể giải quyết và thanh toán được. Chỉ dùng những cách giáo dục chính trị tư tưởng trừu tượng là rất không đủ ; những biện pháp cấm đoán mang tính hành chính pháp lý cũng không thể giải quyết được gì. Trạng thái tâm lý mê tín, một khi đã hình thành, có gốc rễ bền chặt như vậy sẽ bám chặt lấy linh hồn người ta, rất khó mà phá bỏ. Kết quả sẽ là anh cứ giữ những điệu hát hay của anh, tôi cứ theo những giọng riêng của tôi, đâu vẫn hoàn đấy. Tục cầu thần nhập xác vẫn tồn tại sờ sờ trong thời đại khoa học ngày nay, không những thế mà lại còn có cơ phát triển ở vùng kinh tế

văn hoá lạc hậu hay ở cả những vùng kinh tế văn hoá phát triển tiên tiến là vì vậy. Nhìn nhận tục cầu thần nhập xác thế nào. Làm thế nào để giải thích nó một cách khoa học, có sức thuyết phục đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách của chúng ta , nhằm chống lại có hiệu quả sự duy trì và lan tràn tục lệ mê tín cầu thần nhập xác. Trước tình hình như vậy, nhất là trước hiện tượng đau lòng khi tệ tục mê tín đó đang ngóc đầu dậy và lan tràn khắp nơi, tôi bắt đầu tìm hiểu tục lệ cầu thần nhập xác.

Mục đích của tôi là giáo dục thuyết phục người ta từ bỏ tục lệ mê tín cầu thần nhập xác. Mà muốn cho sự giáo dục thuyết phục có hiệu quả, tôi phải vạch trần chân tướng của tục cầu thần nhập xác. Chỉ khi nào đưa được người ta lên con đường khoa học thì tục cầu thần nhập xác mới được từ bỏ hẳn. Dưới đây chúng ta hãy từ nhiều góc độ khác nhau, cùng tìm hiểu cội nguồn của tệ tục cầu thần nhập xác, lột trần cái áo ngoài thần bí của nó, triệt để xé bỏ cái màng bọc thần bí của nó.

# Chương I

## ĐÁM NẤM ĐỘC LOÈ LOẸT : NHỮNG CHỦNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU HỒN (THƯỢNG)

Tục cầu thần nhập xác đã xuất hiện từ trong xã hội thị tộc mẫu hệ [1], hình thức sớm nhất, đầu tiên, cổ lão nhất của nó là "Khiêu thần" (nhảy múa cầu thần - ND) [2]. Về sau, cùng với sự phát triển của xã hội loài người và sự gia công chế biến của các loại thầy mo thầy cúng các dân tộc, tục cầu thần nhập xác đã từ hình thức "Khiêu thần" tính cổ mà diễn biến thành "vũ tiên đồng" "tẩu âm", "xướng thần tiên", "phù kì", "viên quang"... đủ loại đủ màu rối cả mắt.

### I - KHIÊU THẦN

Khiêu thần còn gọi là "Khiêu đại thần" "hạ thần" là cách cầu thần cổ nhất do các dân tộc tin theo Tát Mãn giáo [3] tạo ra và sử dụng trước tiên.

---

(1). (2) Xem ở chương 9

(3) Là một tôn giáo nguyên thuỷ cho rằng thần linh có thể chi phối người, người cũng có thể chi phối thần linh. Khi chữa bệnh, các Tát Mãn (hay Xa man) đọc thần chú, múa chân múa tay, nhảy nhót như điên, lúc đó coi là thần đã nhập vào Tát Mãn. Một số dân tộc thuộc ngữ hệ An-tai ở miền Bắc nước ta tin theo tôn giáo này. Một số vùng khác trên thế giới cũng có.

Thừa nhận rằng có thần thánh và tin rằng thần thánh có thể can thiệp vào việc của người, đem đến hoạ phúc cho người là nội dung trung tâm của quan niệm mê tín Tát Mãn giáo. Từ thời đại thị tộc theo chế độ bộ lạc, các dân tộc tin theo Tát Mãn giáo thường cầu thần để cầu xin sản xuất được mùa, đánh nhau thắng lợi hoặc xua đuổi tà ma, chôn cất người chết, cầu phúc trừ hoạ cho bộ tộc. Về sau Tát Mãn giáo suy yếu dần, những hoạt động cầu thần qui mô lớn ít dần, nhưng người ta vẫn cầu thần chữa bệnh. Tục cầu thần được duy trì là vì Tát Mãn giáo tin rằng tật bệnh là do thần thánh ma quỷ gây ra. Người theo Tát Mãn giáo cho rằng, quỉ thần không vui thì quấy nhiễu (làm cho linh hồn người ta không yên mà gây ra tật bệnh, thậm chí quỉ thần có thể bắt linh hồn người bệnh đi. Do đó để cho khỏi bệnh, phải tìm mọi cách làm cho quỉ thần vui mà không quấy rầy người ta nữa, để qủi thần trả lại hồn vía cho người bệnh. Mà cách tốt nhất để qủi thần vui là cầu thần. Cầu thần là phải nhờ các Tát Mãn, vì Tát Mãn có thể giao thiệp được với quỉ thần, qua đó mà tìm hiểu xem người ốm vì lẽ gì đã làm phật ý vị thần nào, phải cúng tế bằng cái gì mới có thể làm quỉ thần nguôi giận mà không quấy phá nữa. Có khi Tát Mãn cưỡi chim cưỡi thú xuống âm phủ, đánh bại quỉ thần ác, cướp lại linh hồn cho người ốm.

Không chỉ người tin theo Tát Mãn giáo, ở nước ta, các dân tộc Hán, Tạng, Di, Choang, Bố y, Dao, Mèo,

... không tin Tát Mãn giáo cũng coi cầu thần là cách chủ yếu để giao thiệp với quỉ thần và nghi thức cầu thần của các dân tộc này về đại thể cũng giống như các dân tộc theo Tát Mãn giáo, tức là vừa đánh trống tay vừa quay tròn nhẩy múa, và cũng đều qua các bước mời thần, đón thần, nhập thần, thần nhập xác, thần cử động, thần nói (hoặc hát), thần về... Nhưng trong các cách cầu thần, thì cách của các dân tộc theo Tát Mãn giáo vẫn được coi là cổ nhất. Dưới đây lấy nghi thức cầu thần của bộ tộc Ngạc Luân Xuân làm ví dụ[1].

*1. Chuẩn bị*

Trước khi cầu thần, Tát Mãn dùng trống bịt da thử một mặt, đội mũ thần, đi giầy thần và mặc áo thần. Trên vai áo, đính 10 hoặc 20 hàng vỏ sò, trước ngực áo và sau lưng áo treo 10 hoặc 20 cái gương đồng to nhỏ khác nhau, trong đó gương yểm tâm và hộ bối là to nhất, tác dụng của gương là để soi ma quỉ. Có loại còn đính thêm ba hàng chuông kiểu nhạc ngựa.

Thời gian cầu thần thường là buổi tối, thời gian được coi là thuận tiện nhất để mời được tổ thần giáng lâm. Địa điểm cầu thần thường là một bãi đất trống, phẳng gần nhà người ốm. Bãi cầu thần phải được quét dọn sạch sẽ, vì thần không thích chỗ ô uế. Giữa bãi, đốt một đống lửa, đốt cỏ thơm. Lúc

(1) Theo "tín ngưỡng nguyên thuỷ của bộ tộc Ngạc Luân Xuân" trong sách "Bàn về tôn giáo nguyên thuỷ" của giáo sư Thái Gia Kỳ.

đó toàn gia người ốm hoặc tất cả bộ tộc đều có mặt đông đủ, ngồi quanh bãi.

*2. Cầu thần*

Chuẩn bị xong xuôi rồi, Tát Mãn bắt đầu đăng đàn. Tát Mãn (nam hoặc nữ) tay trái cầm trống, tay phải cầm dùi trống, ngồi xếp bằng tròn trên vị trí riêng gọi là "Tháp Liễu Lan", mắt lim dim ngáp liền mấy cái rồi bắt đầu đánh trống. Đây là tín hiệu báo rằng tổ thần đã giáng lâm. Tiếng trống nhanh dần, mạnh dần. Trong nhịp trống đó, Tát Mãn nói lảm nhảm, hai mắt nhắm nghiền, mặt nghẹo sang một bên, toàn thân lắc lư, run rẩy, răng nghiến ken két. Cứ thế một hồi lâu, Tát Mãn ngân nga lên một điệu nhạc không lời. Tiếng trống cũng lúc khoan lúc nhặt, muốn nói thần linh đang nhập vào xác Tát Mãn. Sau mấy cái rung vai, co rút toàn thân, Tát Mãn dần dần như mất hết tri giác. Đột nhiên, tiếng trống im bặt, toàn thân Tát Mãn run lên bần bật, trong những tiếng lanh canh, leng keng của những vỏ sò, nhạc đồng trên áo thần, tát mãn cất cao giọng hát. Mỗi một câu hát của Tát Mãn đều được những người có mặt hoạ theo. Một lát sau, Tát Mãn lại gõ trống lúc mạnh lúc yếu, lúc nhặt lúc khoan. Lúc này tổ thần đã hoàn toàn nhập vào xác tát mãn và mượn miệng Tát Mãn mà nói, mà hỏi. Sau khi người nhà người ốm hoặc người giúp việc tát mãn nói rõ là ai đó thuộc nhà nào bị ốm, thì Tát Mãn

đứng lên, vừa gõ trống vừa hát, vừa quay tròn nhảy múa không ngừng. Lúc này Tát Mãn nhờ tổ thần lần lượt mời các vị thần liên quan để tìm hiểu nguyên nhân tật bệnh. Thần nào được mời, thần nào không mời mà cũng đến... tất cả từ miệng của Tát Mãn mà biết được. Lại có những vị thần mời mãi cũng không đến, Tát Mãn phải làm ra vẻ như chạy ngược chạy xuôi, đi xa, lên cao mời cho được. Sau khi các thần cần mời đã đến đủ, Tát Mãn lập chào trùng vị và hỏi cho ra người ốm đã xúc phạm vị thần nào. Thường thì vị thần đã gây ra tật bệnh tự nhận mình đã gây ra bệnh vì lý do gì, cần phải cúng đơm cái gì thì khỏi bệnh... Đến đây thì lễ cầu thần có thể coi như kết thúc được rồi. Nhưng có khi, thần gây bệnh rất ngoan cố, không chịu trả lại linh hồn cho người ốm. Thế là Tát Mãn phải cùng với tổ thần ra trận, chiến đấu quyết liệt với thần xấu, để cướp lại hồn cho người ốm. Người ta thấy Tát Mãn dẫm chân, nhảy nhót lung tung, quay cuồng, giang tay như bay, rồi dồn hết sức đánh đông, chặn tây miệng thở hổn hển. Có khi trong chiến đấu, Tát Mãn kiệt sức bất tỉnh. Người giúp việc phải dìu Tát Mãn dậy, dậy rồi lại tiếp tục chiến đấu. Có khi vì Tát Mãn già yếu, phải có người đưa thuốc hút, đưa nước uống. Cứ thế mãi đến khi đánh bại hung thần, cướp lại hồn cho người ốm, Tát Mãn mới dừng lại, lần lượt chào tiễn các thần.

Khiêu thần là một trong những hình thức cầu thần nhập xác mê tín nhất của nhiều dân tộc thiểu số tin hay

không tin Tác Mãn giáo của nước ta. Các dân tộc đó tin rằng "thần thích nhảy múa làm vui, lâu ngày không nhảy múa thì thần sẽ quấy rối". Họ lại tin rằng quỉ thần thích nhập vào xác Tát Mãn, mượn miệng tát mãn mà nói chuyện với người trần, đáp ứng những cầu xin của người, vì vậy họ thích khiêu thần. Các dân tộc thiểu số Ngạc Luân Xuân, Ngạc Đã Khắc, Mẫu, Hách Tích tín ngưỡng Tác Mãn giáo càng hay khiêu thần, "hễ ốm là khiêu thần". Một số vùng người Hán cũng vậy. "Đồng Trị Vân Hoà huyện chí" ghi : "Dân ở đây nịnh thần tin quỉ, ốm không uống thuốc mà chỉ cần khấn quỉ thần. Thầy mo đánh trống, hát múa thâu đêm ở vùng thôn quê càng mê tín".

Bài thơ ghi lại trong" Gia Tĩnh Ân Giang huyện chí "càng nói rõ tình trạng đó :

Người làng có bệnh không uống thuốc,
Chúa thần cầu đến ma bệnh lui.
Chạy đón thầy mo, đêm cầu thần,
Cừu trắng cá đỏ bày la liệt,
Con cái cung kính lạy trước án,
Nhà nghèo thiếu thịt thần chớ trách
Thầy mo đánh trống múa và ca,
Tiền giấy từng chuỗi đầy âm khí,
Thầy phán tuổi ngươi chỉ đến đây.
Thần thương cảnh ngươi tha tội chết.
Tiễn thần lên ngựa, thầy về nhà,
Người nhà bắc thang gọi hồn khóc.

Cần nói rõ rằng, không phải mọi nghi thức khiêu thần đều là cầu thần nhập xác. Ngay trong cùng một dân tộc, có khi khiêu thần là không thể không cầu thần nhập xác, nhưng có khi không hẳn phải thế. Cầu hay không cầu là do có cần phải hỏi thần điều gì hay không mà quyết định. Nói chung, khi khiêu thần để chữa bệnh thì phải cầu thần nhập xác. Khi khiêu thần chỉ để tế tự thì không hẳn phải cầu thần nhập xác. Ví dụ, các dân tộc Di, Choang xưa kia, mỗi khi trong bộ tộc có người ốm, cứ phải khiêu thần. Trong nghi thức khiêu thần này, với dân tộc Di thì thầy mo thổi kèn bầu, bà mo đánh trống da cừu, theo nhịp trống mà nhảy múa. Còn với dân tộc Choang thì chỉ có thầy mo đội mặt nạ vừa hát vừa múa thôi. Các điệu múa thường được dùng là đèn hoa, cá chép vượt long môn lượn theo những đường đã được đánh dấu sẵn. Như vậy là để cầu thần đuổi ma, cầu phúc trừ hoạ, ngay cả những dân tộc theo Tát Mãn giáo cũng không phải mỗi lần khiêu thần đều cầu thần nhập xác. Hình thức "Khiêu lộ thần" của dân tộc Hách Triết là thuộc loại này. Khiêu lộ thần còn gọi là "Khiêu lộc thần", "Khiêu thái bình thần". Gọi là "lộ thần" có nghĩa là "xin thần phù hộ cho người vượng của nhiều". Loại khiêu thần này thường tổ chức vào mùa xuân hoặc mùa thu (tháng 2-3 hay 7-8 âm lịch), còn ngày giờ cụ thể phải do Tát Mãn quyết định. Sau khi đã chọn được ngày rồi, Tát Mãn sẽ làm công việc chuẩn bị Khiêu lộ thần trong đêm đầu. Ngày hôm đó, sau khi mặt trời lên khỏi ba ngọn sào, Tát Mãn tế thần ở nhà mình, mọi người phun lên người

Tát Mãn một ít rượu, mấy thanh niên giương gậy thần, tượng thần đi theo tát mãn gõ trống đi từ trong nhà ra, vừa đi vừa hát múa. Đoàn người đi quanh xóm một vòng, trên đường đi thỉnh thoảng rẽ vào một gia đình nào đó nhảy múa cầu phúc, vào nhà nào thì nhà đó phải mời rượu Tát Mãn hoặc đem cây nghênh xuân thái sợi, mua nước mời Tát Mãn uống để tỏ lòng thành kính thờ thần. Có nhà nhân dịp đó mà hoàn nguyện, rất rộn rịp. Đoàn người quay lại nhà tát mãn rồi thì những người hoàn nguyện mang thịt, rượu đến. Tát Mãn thay áo thần, đeo nhạc vào lưng, vừa đánh trống vừa ca múa. Chờ thịt chín, Tát Mãn lại mặc áo thần, mang thần cụ tiếp tục múa. Cuối cùng mọi người ăn uống no say rồi giải tán[1].

Một số hình thức ca múa của các dân tộc Miêu, Bố y, Đồng, Thổ Gia.. cũng là khiêu thần không cầu thần nhập xác bởi vì mục đích của nó cũng là tế lễ, khấn cầu và hoàn nguyện.

## II VŨ TIÊN ĐỒNG

Hình thức cổ nhất của tục cầu thần nhập xác là khiêu thần, trong quá trình lưu truyền đã tuỳ địa phương, tuỳ thời đại mà có những thay đổi. Hiện nay ở nước ta, trong một số địa phương còn thấy tổ chức"Vũ tiên đồng", một biến thể của nghi thức khiêu thần cổ xưa, ở đây người ta có thể thấy Tát Mãn múa búa đôi, múa thương, múa côn chiến đấu quyết liệt với hung thần.

(1) Theo "Trung quốc các dân tộc tôn giáo dị thần thoại đại từ điển" NXB Học uyển. 10 - 1990, trang 309.

Vũ tiên đồng cũng gọi "đấu ôm quyền", "thiếu niên quyền", "âm tháo", "thần đả" , "thiếu lâm thần dả", "thần bệnh", "mê đồng tử", "mê ngưu", "giáng bát tiên", "đá đồng", "khiêu đồng"... Vũ tiên đồng ra đời từ bao giờ, ngày nay khó mà khảo sát. Nhưng muộn nhất, dưới thời Càn Long đời Thanh đã được ghi lại trong thư tịch. Theo sách "Chàm Phi đáng" ngày mồng 4 tháng 4 năm thứ 31 hiệu Càn Long, Hùng Học Bằng viết : "Từ trước đã có trò Vũ tiên đồng, không có lệ cấm. Bọn du đãng hiếu sự.. đã dựa vào đó mà bày đặt ra, diễn làm thần quyền". Tiểu thuyết bút ký "Kiên Biều tập" xuất bản dưới thời Khang Hy viết : "Diễn trò chiêu hồn, do trẻ con mấy tuổi biểu diễn, khóc cười vui buồn, tay chân múa nhẩy. Một đứa tự xưng Tây Sở bá vương, cầm một cây gỗ lớn mà múa, không biết nặng."Diễn trò chiêu hồn đây tức là vũ tiên đồng. Tục này rất thịnh ở nước ta thời cận đại. Cứ đến tháng 8 tháng 9 những ngày thu lạnh, đêm trăng sáng, sau cả ngày làm việc, nông dân các thôn xóm tụ tập trước từ đường. Trên bãi cỏ trẻ con chơi đùa thường diễn trò vũ tiên đồng. Trước khi diễn trò, phải chuẩn bị các binh khí cổ như đao, thương, côn, kiếm và hương vãng tiền giấy. Người biết trò này, chọn khoảng hơn chục đứa bé trên 10 tuổi, cho nhắm mắt ngồi trên ghế (hoặc ngồi xổm ngay trên mặt đất). Thế rồi châm hương đốt bùa, cầm hương huơ quanh đứa bé, lượn quanh lũ trẻ mấy vòng, miệng lẩm nhẩm thần chú. Khoảng thổi chín nồi cơm sau đó, túm đầu từng đứa một mà kéo dậy, đứa nào theo tay đứng dậy, hơ hương vào

mũi mà không biết, thiêm thiếp như ngủ thì coi là tiên đã nhập vào nó. Có khi cả hơn chục đứa đều được cả, có khi chỉ dăm ba đứa. Người làm phép gọi những đứa đã được tiên nhập xác là "sư phụ", hỏi tên, đứa thì xưng là Võ Tòng, đứa xưng Trư Bát Giới, Trương Tam Lý Tứ, phần lớn là những nhân vật thần quái. Rồi lại hỏi đứa giỏi côn, đứa giỏi quyền, đứa giỏi kiếm ..v.v.. đứa nào thích vũ khí gì thì trao cho vũ khí đó. Thế là lũ trẻ vung quyền múa đao bày thành trận thế, tiến lui nhảy múa như rất thành thạo, nghiễm nhiên thỏ thành võ sư. Diễn xong, đốt bùa tiễn thần rồi làm cho đứa nào đứa ấy đều tỉnh lại như thường. Hỏi những việc vừa rồi, không đứa nào nhớ gì hết, nhưng đều có vẻ mệt. Phong trào Nghĩa Hoà đoàn nước ta từng một thời rung động trong ngoài nước, "trai tráng đều tin theo" (1), đến mức "cả nước như cuồng" (2). Loại "thần quyền nghĩa hoà " này tức là "vũ tiên đồng". Cách diễn luyện thần quyền nghĩa hoà tức là "Phàm con em đến đàn đều đốt hương khấu đầu thờ, đại sư huynh cho bùa. Số này chuẩn bị cân đai, đại sư huynh đọc chú, gọi là thượng pháp. Người đó nằm sấp xuống trên mặt đất, một lát sau vùng dậy, nắm gươm đao mà múa, sức rất khoẻ.... Hết phép, hết sức, gọi là khước pháp, thì uể oải mệt mỏi, yếu ớt hơn lúc bình thường" (1) Hoặc vào "vào đàn thì nằm phủ phục trước đàn, được đại sư huynh đốt bùa đọc chú, gọi là thỉnh thần. Lại bảo người đó nghiến chặt răng,

(1) "Nghĩa hoà đoàn" (2). NXB nhân dân Thượng Hải .6-1957. trang 7

(2) "Nghĩa hoà đoàn" (2). trang 434.

thở hít bằng miệng. Một lát sau thì xùi bọt mép trắng, gọi là "thần giáng" rồi bảo người đó cầm đao cầm côn mà múa" (2).

Ngay cả ngày nay, ở một số vùng biên giới xa xôi, tục vũ tiên đồng vẫn còn. Mùa xuân năm 1989 tác giả đã đem theo học trò là Dương Huệ Trạch đi điền dã khảo sát văn học dân gian ở huyện Quảng Nam tỉnh Vân Nam, đã tận mắt được xem hoạt động "đấu âm quyền" ở thôn Mộ Nặc, thị trấn Châu Lâm huyện đó. Đây là di phong của tục vũ tiên đồng. Gọi là "đấu âm quyền" túc là biểu diễn các động tác vũ thuật sau khi đã cầu thần nhập xác. Người ta nói đó là hồn người diễn là đến âm phủ học võ thuật với vong linh một người võ nghệ cao cường xưa. Chính vì vậy nên mới gọi là "đấu âm quyền". Tình hình mà chúng tôi đã tận mắt mục kích xin được kể lại như sau :

Trước hết người chủ trì chuẩn bị. Các bước cụ thể là :

1. Rửa tay.

2. Đốt "đèn thần" ở giữa khám thờ.

3. Đốt một nắm nhang (khoảng 40) chiếc cắm ba que vào lò hương trước đèn thần, số còn lại được cầm đi đến phía trước cửa, bên trái cửa, bên phải cửa và hướng về phía khám thờ, mỗi nơi vái một cái.

4. Chính giữa phía trước cửa, cách cửa khoảng 5 mét cắm ba que hương, rồi quỳ xuống trước bàn thờ khấn

(1) "Loạn trung nhật ký tàn cảo"

(2) "Nghĩa hoà đoàn"

mời thần. Xong rồi đứng dậy lại cắm vào khe tường hai bên bàn thờ, mỗi nơi một que hương.

5. Phía trước cửa, chỗ cắm hương và hai bên khám thờ, mỗi nơi đốt ba tờ tiền giấy.

6. Lấy một bát nước sạch đặt lên khám thờ, đốt ba tờ tiền giấy vào bát, cầm hương đang cháy huơ ba vòng theo chiều kim đồng hồ quanh bát.

Chuẩn bị xong, 8 người biểu diễn rửa tay xong, ngồi trên bốn chiếc ghế dài đặt trước khám thờ, mặt trông vào cửa chính. Sau khi uống nước tàn tro tiền giấy do người chủ trì đưa cho thì mỗi người cầm một thẻ hương đang cháy, cúi rạp mình phục trên hai đùi kẹp chặt, cúi đầu nhắm mắt, nghe theo lời dặn của người chủ trì "không được nói, không được nuốt nước bọt, không được nghĩ vơ vẩn lung tung, chỉ nghĩ phải đi luyện tập âm quyền". Người chủ trì dặn dò xong thì đứng phía bên trái khám thờ, tay trái dơ lên hạ xuống mấy thẻ hương đang cháy, miệng lẩm nhẩm đọc chú [1]. Để cho người biểu diễn sớm đi vào vai diễn, những người vây quanh xem đều tự giác im lặng, trong nhà hoàn toàn không một tiếng động.

Sau khoảng 20 phút im lặng, hai trong số những người biểu diễn thở gấp hơn, mạnh hơn, toàn thân co rút, đầu lắc lư điên đảo, tay chân co giật, cây hương cầm trong tay run lên bần bật.

(1) Người chủ trì nhất định không chịu nói nội dung thần chú là gì.

Càng về sau, toàn thân hai người càng co giật mạnh hơn, đầu, tay, chân càng lắc lư rung động dữ dội hơn, gấp gáp hơn. Khi cây hương trong tay run bắn lên, rơi xuống, đôi chân cả hai người dẫm mạnh xuống đất theo nhịp, hai tay càng vỗ mạnh hơn đùi theo cùng nhịp. Tiếng dẫm chân đập tay theo nhịp gấp gáp ấy rất giống tiếng vó ngựa dồn dập nhịp nhàng gõ trên mặt đất. Người chủ trì giải thích, hai người đang biểu diễn cưỡi ngựa. Họ đang "ruổi ngựa" đó đến "thế giới thần" để đến học âm quyền với Dương lục lang (thần).

Lúc đó, người đi vào trạng thái mê cuồng trước nhất (dưới đây gọi là A) thình thoảng lại than vãn "đơn độc quá". Người chủ trì thấy vậy liền bảo cho anh ta biết "đang có người đến với anh ta", yêu cầu anh ta "bình tĩnh chờ đợi". Và rồi người đi vào trạng thái mê cuồng sau (gọi là B) càng phải ra roi quất ngựa đuổi theo. Và B càng dẫm chân nhanh hơn, động tay gấp hơn, ra vẻ đang gấp rút cố đuổi theo. Đến sáng, người chủ trì kéo 6 người chưa đi vào trạng thái mê cuồng đó rời khỏi ghế.

Khi B đã đuổi kịp A (qua hình dáng của họ mà biết được), cả hai không ai bảo ai cùng "dừng ngựa" và vận động các bộ phận cơ thể khác : vai, lưng, ngón tay, cổ tay, mắt cá chân .v.v.. như khởi động chuẩn bị biểu diễn võ thuật. Và rồi họ nghiến răng phùng má, lượn đi lượn lại quay trái quay phải, lúc tiến lúc lùi đấm đá lung tung, có lúc co chân quì gối, có lúc xoa mạnh

tay trên mặt đất. Cùng với vận động chân tay là nhịp thở sâu, mạnh, khớp xương kêu lên răng rắc. Tình hình có vẻ như là không đánh mạnh ra tay thì khó mà kết thúc được.

Sau khi hoạt động chuẩn bị của hai người ngừng lại thì người chủ trì đem dựng một cái gậy gỗ đường kính khoảng 5 cm, dài 1,5 cm trước mặt A, bảo anh ta biểu diễn một bài côn. A đứng dậy, dơ tay sờ xoạng phía trước (cả hai người vẫn nhắm nghiền hai mắt và ngồi trên ghế), sau khi vớ được cái gậy, anh ta múa may như điên như cuồng trên khoảng trống trong nhà. Bài côn anh ta biểu diễn, lúc đầu chỉ có những động tác cơ bản bổ, gảy, đâm, đánh, gạt, đỡ..v.v.. nhưng về sau dần dần đi đấm những động tác rất khó như rạp chân quét côn, nhảy quay mình gạt ngang, múa hoa hai tay, hai tay trái phải luân lưu múa bổ xuống, ngửa người gạt côn..v.v.. Anh ta múa liền nửa tiếng, đến lúc mồ hôi đầm đìa, thở hổn hển. Không thể nào gắng gượng được nữa mới dừng côn dựng trước mặt, lên tiếng gọi B là "sư huynh", mời anh ta "múa một bài". Nghe tiếng, B đứng dậy sờ xoạng, nắm được côn thì cũng như A, múa một bài côn gần giống như bài A vừa múa. múa như say như cuồng. Múa xong, trong đám người xem có người lên tiếng đề nghị A và B mỗi người diễn một bài quyền. Bài quyền họ diễn, lúc đầu cũng chỉ có những động tác cơ bản nhưng sau có những động tác rất khó.

Sau khi hai người luân phiên biểu diễn xong, theo đề nghị của người xem, người chủ trì lại cho hai người

đấu quyền, đấu côn. Có lẽ vì đã quen tay, hai người đấu thành thạo hơn, tự nhiên hơn. Khi đấu quyền, A loan cung xạ tiễn thì B điêu tử nhập lâm, A thanh long xuất thuỷ thì B phượng hoàng triển xí... Khi đấu côn, người này ra vũ hoa vun vút thì người kia rút vân côn vù vù... Mặc dù tất cả những động tác múa , đấu vừa cùng đều được diễn ra trong tình trạng mê cuồng, xem ra có vẻ không có qui phạm lắm, nhưng cũng đủ làm hoa mắt người xem.

Đấu quyền đấu côn xong, hai người được kéo đến ngồi trên ghế. Người chủ trì lên tiến ra lệnh "về nhà". Tiếng nói vừa dứt, hai người làm động tác ruổi ngựa trở về. Khoảng 5 phút sau, những động tác đó nhẹ dần, chậm dần. Lúc đó, người chủ trì bảo cho chúng tôi biết, trước khi kết thúc động tác ruổi ngựa, A và B có thể sẽ có động tác xuống ngựa rồi khởi ghế. Lúc này, nếu không có người bảo vệ, họ có thể sẽ ngã. Nói rồi, lập tức sai hai người khoẻ mạnh to lớn bảo vệ phía sau lưng A và B. Chỉ một loáng sau, hai người bỗng dơ tay vươn vai, co chân nhảy xuống. Khi hai người vừa nhảy xuống, hai người bảo vệ vội ôm lấy lưng A và B, nhưng A và B vẫn loạng choạng suýt ngã. Thấy vậy, những người đứng xem cười ồ lên. A và B như người vừa tỉnh mộng, ngơ ngác nhìn bốn phía, ngó ra một lúc lâu, rồi trên mặt lộ vẻ bằng lòng và mỉm cười có vẻ ngượng nghịu. Đến đây, toàn bộ quá trình đấu âm quyền đã được chúng tôi chứng kiến. Tất cả kéo vài ba tiếng rưỡi.

Hoạt động đấu âm quyền ở thôn Mộ Nặc, chúng tôi đã khảo sát tại chỗ hai lần. Trong hai lần đó chúng tôi chú ý mấy vấn đề dưới đây :

1. Việc biểu diễn võ thuật diễn ra được một lúc thì cả ba người [1] biểu diễn đều đã mệt, mồ hôi thấm ướt lưng áo. Cho thấy, họ tiêu hao thể lực rất lớn.

2. Trong ba người biểu diễn có hai người nhắm mắt từ đầu chí cuối. Người kia mở hẳn mắt nhưng đồng tử không hề chuyển động, ánh sáng mạnh không làm anh ta nháy mắt.

3. Ba người biểu diễn có thể trao đổi với nhau, lại còn nghe được mệnh lệnh của người chủ trì, nhưng không hề có phản ứng gì với lời bàn luận của người xem.

4. Mặc dầu địa điểm biểu diễn hẹp(khoảng 8m2) xung quanh đông nghịt người xem, phạm vi hoạt động của người biểu diễn lớn, hai người trong đó lại nhắm nghiền mắt từ đầu đến cuối, thế mà suốt cả quá trình biểu diễn, đấu võ thuật không hề va chạm đến bất kỳ một người xem nào, những người biểu diễn cũng không hề có va chạm gì. Có khi quả đấm, mũi côn như đã va thẳng vào đầu người nhưng đến cách đầu một vài phân thì lập tức dừng lại không hề va chạm dù là nhẹ.

Để chứng minh được rằng hoạt động đấu âm quyền không phải là giả vờ để lừa bịp người, chúng tôi đã nhiều

(1) Trong lần khảo sát thứ hai có ba người đi vào được trạng thái mê cuồng.

lần mời người chủ trì và ba người biểu diễn toạ đàm, trao đổi. Tất cả họ đều khẳng định hoạt động đấu âm quyền là thật, không phải giả vờ để lừa người. Qua quan sát tại chỗ, chúng tôi thấy điều họ nói là phù hợp với thực tế khách quan. Lý do chủ yếu là :

Trước hết, về mặt trí lực, qua điều tra được biết cả ba người biểu diễn trước kia chưa hề tham gia hoạt động đấu âm quyền. Một trong ba người đã học sơ trung cao (cấp 2 phổ thông - ND), đã học một ít quyền, còn hai người kia chỉ mới học tiểu học, chưa hề học một tí võ thuật nào. Nhưng họ đều biểu diễn được những bài võ khó, có trình độ tương đương với người đã được huấn luyện chuyên môn đến mức độ nhất định. Rõ ràng là không thể giả vờ được, hiện tượng siêu trí lực của họ thật khó mà hiểu được.

Thứ hai, xét về mặt nghị lực. Thường thì người ta vỗ vai đến đỏ lên đã là đau lắm, thế nên ba người biểu diễn vỗ đùi mình đến thâm tím vẫn không biết đau. Điều này rõ ràng cũng không thể làm giả được.

Ngoài ra, khoảng đất biểu diễn hẹp thế, động tác của họ mạnh thế, họ lại nhắm nghiền hai mắt, thế mà không hề xảy ra va chạm tổn thương cho bất cứ ai, kể cả người biểu diễn và người xem. Điều này cũng chứng tỏ hoạt động đấu âm quyền không thể là giả.

Không chỉ ở Trung Quốc, ở nước ngoài cũng có những hoạt động kiểu vũ tiên đồng, đấu âm quyền, thần

quyền nghĩa hoà. Ví dụ ở Rumani cổ đại, có một loại bà mo gọi là Stơ-lây-côi, nghe nói là có thể lìa hồn khỏi xác để cưỡi ngựa, cưỡi chổi hoặc thùng gỗ để đi dạo đây đó. Các bà mo này thường tập hợp ở một đám ruộng nào đó ngoài làng hoặc ở là ở "một chỗ tận cùng của thế giới, nơi mà cả một cây cỏ cũng không mọc được". Đến đó họ lấy lại hình người, đấu võ với nhau với gậy gỗ, búa rìu hoặc liềm. Họ đấu suốt đêm đến khi gào khóc lên thì ngừng tay. Trở về đến nhà, họ kiệt sức mặt trắng bạch, thế mà bản thân họ cũng không hề biết đã xảy ra chuyện gì, cứ thế nằm vật ra giường mà ngủ thiếp đi. "Những cuộc du ngoạn, đấu võ trong mơ như thế còn có thể thấy ở nhiều vùng khác ở châu Âu" (1).

Trong thời gian khảo sát thực địa hoạt động đấu âm quyền ở thôn Mộ Nặc, chúng tôi còn được nghe kể về "cách chữa bệnh bằng nước bùa" có liên quan với vũ tiên đồng. Thuật chữa bệnh bằng nước bùa này tức là pháp thuật thần bí đã được ghi chép trong sử sách : năm 1829 (Đạo Quang năm thứ 9) trong dân lưu lạc vùng biên giới Tứ Xuyên, Quí Châu người ta đã truyền cho nhau cách chữa bệnh : "Dùng một bát nước trong, đốt đàn hương, niệm đọc chú, dùng tay vẽ lên thành bát ba đạo bùa, nước hai đạo bùa đầu uống vào có thể chữa bệnh, chữa u nhọt, nước ba đạo bùa uống vào sẽ có thần nhập xác, sẽ biết múa quyền côn" (2).

(1) "Chủ nghĩa thần bí, vu thuật và sùng thượng văn hoá" của Miếc-xiAi-li-át NXB Quang Minh nhật báo, 10-1990, trang 109

Năm 1828 (năm thứ 8 Đạo Quang) hai nông dân huyện Nam Xuyên tỉnh Tứ Xuyên đã được một lưu dân huyện Khai Hoá tỉnh Vân Nam truyền dạy [3]. Huyện Khai Hoá tức là một châu cũng thuộc huyện Quảng Nạm Vân Nam ngày nay là tiền thân của huyện Văn An (châu tự trị dân tộc Choang, dân tộc Miêu Văn Sơn).

Theo lời Trương Sinh người thôn Mộ Nặc, bố anh ta là Trương Văn Hoán mãi đến trước giải phóng vẫn làm thuật này. Nước bùa ông ta vẽ không những có thể chữa được bệnh còn có thể được thần nhập xác, những người như vậy, đã chưa hề học võ cũng tự khắc biết múa quyền múa côn, mà trình độ võ thuật còn cao siêu hơn nhiều những người biểu diễn nói trên. Người biểu diễn vừa kể có thể lộn một cái từ trước khám thờ đến bục cửa (khoảng cách 3 mét) lại lộn một cái từ bục cửa đến giữa nhà, khi lộn bàn chân có thể dẫm lên trần nhà. Những cuộc biểu diễn như vậy Trương Sinh đã tận mắt chứng kiến ít nhất hơn chục lần, những người già trên 65 tuổi cũng đã từng nhiều lần chứng kiến. Người ta nói, ai đã từng nhiều lần tham gia cũng cuộc biểu diễn như thế, thì ngay trong lúc thường vẫn có thể nhớ lại và lặp lại những động tác như thế, lại có thể vận dụng linh hoạt trong đời thường. Làng này có người tên là Trương Nghĩa Tường là một tay võ nhiều nghệ cao cường, năm sáu người không địch nổi ông ta. Võ nghệ đó là do ông đã nhiều lần tham gia những cuộc biểu diễn như thế mà học được. Đó tức là ông ta đã được "âm truyền". Ông

(2) "Lục phó đàng" ngày 26/5 Đạo Quang . Nguyễn Nguyên Tích

(3) "Nam Xuyên huyện chí - Tiền sự chí"

bố Trương Sinh khi còn sống đã không truyền lại phép chữa bệnh bằng nước bùa, vì vậy, sau khi ông chết, phép thuật kia bị thất truyền trong thôn Mộ Nặc không còn ai có thể chữa bệnh bằng nước bùa nữa.

## III. ĐẤU ĐỊA CỔ NGƯU KHIÊU THANH OA THẦN

Địa cổ ngưu là một loại côn trùng, còn gọi là "địa miết" (ba ba đất) hay "địa miết trùng". Thân dẹt, hình trứng dài 2-3 cm, màu đen nâu, bóng, đầu nhỏ, có xúc giác hình lông tơ. Ban ngày trốn trong lớp lá dưới gốc cây, ở chân tường hoặc dưới một tảng đá, đêm ra tìm ăn. Đấu địa cổ ngưu tức là phép để cho thần loại côn trùng đó nhập xác vào người, người bị thần địa cổ ngưu nhập xác thì bò bốn chân, dùng đầu húc nhau, có những động tác như giống côn trùng địa cổ ngưu.

Tục này, tác giả đã từng quan sát hiện trường nhiều lần, trình tự thường là :

Người chủ trì chọn ra 6-7 bé trai trên 10 tuổi, bảo bò bốn chân xuống đất, bàn tay lật ngửa hướng lên trên, úp mặt vào trong lòng bàn tay, không được nuốt nước bọt, không nghĩ lung tung.

Người chủ trì ngồi xổm sau người biểu diễn, dùng vạt áo phẩy nhẹ vào đầu vào gáy người biểu diễn, miệng đọc chú. Với mỗi người biểu diễn đều làm như vậy mấy lần. Thế là tất cả hay một số người biểu diễn sẽ thở mạnh hơn gấp hơn, toàn thân nhún nhẩy theo nhịp thở, đưa

mắt quan sát chung quanh, như thế có nghĩa là thần địa cổ ngưu đã nhập xác. Người nào không có những biểu hiện như vậy sẽ được người chủ trì đưa ra khỏi đội hình biểu diễn.

Người biểu diễn thở hít và nhấp nhổm như vậy khoảng 15 phút thì sẽ thở gấp hơn, mạnh hơn, thân thể nhấp nhổm mạnh hơn, nhiều hơn. Bây giờ người chủ trì mới dùng ngón tay điểm nhẹ vào đầu người biểu diễn, thế là người biểu diễn duỗi thẳng cánh tay, như con trâu điên nổi giận, húc mạnh đầu về phía trước. Nếu gặp đối thủ yếu hơn, người khoẻ cứ thế mà tiến mãi. Trái lại người yếu cũng không chịu lui nhường mà hết sức chống lại. Nếu chưa gặp một đối thủ khác, thì dù gặp vật cứng như tường vách, bục cửa, tảng đá... người biểu diễn cũng chẳng chịu lui, dù đã húc đến bươu đầu chảy máu. Mãi đến lúc người xem chán rồi, người chủ trì sẽ từ phía sau ôm lưng mà nhấc dậy, quật ngã mấy lần mới tỉnh lại được. Hỏi việc vừa xảy ra không ai nhớ gì hết.

Tục này tồn tại ở nhiều nơi. Thí dụ ở Quảng Châu trước đây gọi là "Mê li cừ", cách chơi là cho một người nằm sấp xuống đất gọi là li cừ vương, cho mấy người khác cầm hương đứng bên cạnh đọc chú :

Cáp nả y

Cáp nả nhi

Tối nay đại vương có lời mời
Đã mua làn lửa cùng cành lửa

Sau khi thần li cừ đã nhập xác, thì người đồng li cừ vương sẽ như con li cừ nhảy nhót đuổi theo. Có khi đụng vào tường sứt đầu chảy máu vẫn không biết đau. Muốn cho tỉnh lại, phun cho một ngụm nước lạnh là được.

Ngày rằm tháng 7 âm lịch, ở vùng dân tộc Động có những hoạt động kiểu đấu địa cổ ngưu. Người Động gọi là "phóng địa ngưu". Cách chơi là chọn hai đứa bé trên 10 tuổi, dùng vải buộc đầu cho nằm sấp trên mặt đất. Pháp sư đọc lời tế địa ngưu, bên cạnh có người cầm quạt để quạt. Hai đứa bé dần dần đi vào trạng thái nhập định, sẽ nhảy chồm chồm như trâu chọi nhau, dùng đầu húc nhau, mê mải đến mức khó mà gỡ ra. Một lúc sau, kéo hai đứa bé ra, gỡ vải buộc đầu thì sẽ tỉnh dần.

"Cầu thần ếch" cũng gần giống như đấu địa cổ ngưu. Mùa hè thu, đêm trăng sáng, lũ trẻ ngồi trên mặt đất chọn một bé trai khoảng lên 10 cho nhắm mắt ngồi yên ở giữa, bọn trẻ chung quanh đốt hương đọc chú, một lát sau đứa bé ngồi giữa sẽ vào trạng thái mê cuồng. Bây giờ bảo cho nó biết thần ếch đã nhập xác, thế là nó bò bốn chân như ếch, bắt chước ếch nhảy, lộn. Diễn xong đốt bùa, đọc chú, mời thần lui, đứa bé sẽ tỉnh lại, nhưng không nhớ việc gì đã xảy ra với nó.

## IV TẨU ÂM

Tẩu âm lại gọi "phóng âm", "quá âm", "há âm", "dư âm", "quan lạc âm", thỉnh linh cô", "linh giáng", "đối tam cô nương", "thỉnh tam thiên cô", "phục tiên cô", "khán hoa", "tẩu âm sai", "tẩu âm quan", "vấn tiên", "quản linh ca", "quan vong', "thảo vọng", "chiêm vong", "khảo triệu"... Đây là hình thức cầu thần nhập xác phổ biến nhất trong ngoài nước xưa và nay.

Ở nước ta, hầu hết các dân tộc, kể cả dân tộc Hán, từ lâu đã có tục tẩu âm. Muộn nhất, đời Hán đã có ghi chép về tẩu âm. Thí dụ "Hán thư" và "Thái sử công ký" đều nói đến Thiếu ông người Tề, Vũ đế và văn võ quan tướng. Bà vợ yêu của Vũ đế là Lý phu nhân chết, Thiếu ông có thể làm cho Vũ đế gặp lại như khi đang sống, lại làm cho Vũ đế gặp thần bếp.

Ở nước ngoài, cổ Hy Lạp, cổ La Mã, cổ Ai Cập, cổ Ấn Độ đều có tục tẩu âm. Ở cổ La Mã, mỗi lần đến ngày lễ, các tăng lữ đều tiến hành nghi thức tẩu âm, bói trừ tai hoạ cho tín đồ. Trong một số chùa chiền, các tăng lữ còn tổ chức tẩu âm tập thể cho tín đồ, cho họ nhìn chăm chú vào rốn mình, một lát sau các tín đồ đều nhắm mắt và đi vào trạng thái mê ảo, thấy được thần linh, thậm chí nghe được lời dạy bảo của thần linh. Ở thế kỷ thứ 2, trong một số đền đài Hy Lạp, các tăng lữ cũng dùng tẩu âm để bói cho tín đồ.

Mặc dầu tục tẩu âm đã được ghi chép trong nhiều thư tịch cổ của các nước cổ châu Âu như cổ La Mã,

cổ Hy Lạp v.v.. nhưng từ giữa thế kỷ 19 về sau, tục đó mới lưu hành phổ biến ở châu Âu. Năm 1849, các nữ tu sỹ Phu-khơ-xư ở Hai-tơ-sin Nữu Ước đã đưa ra thuật chiêu hồn, từ đó môn thần học ra đời. Các nữ tu sĩ Phu-khơ-xư về sau di cư đến Rô-sét-stơ đã biểu diễn những hiện tượng này. Phong trào thần học này lan rộng rất nhanh. Năm 1852, nó truyền bá vào nước Anh, 1853 lan đến lục địa châu Âu và biến thành thuật vỗ bàn (Một trong những thuật chiêu hồn. Những người tham gia ngồi vây quanh một cái bàn, thầy cúng lẩm nhẩm đọc chú, gọi người chết trả lời câu hỏi. Nếu hồn người chết về thì cái bàn sẽ tự nhiên nghiêng lệch về một bên). Đây là một trong những phương thức tẩu âm chủ yếu của châu Âu.

Nguyên nhân để tổ chức nghi lễ tẩu âm nói chung là: gia đình người chết cho rằng người chết có việc gì đó chưa kịp làm hết, nói hết, cần gọi hồn về để hỏi, hoặc là chồng goá, vợ goá muốn gặp lại bạn đời đã mất để đỡ thương nhớ hoặc để hỏi lành dữ, tật bệnh.

Phương thức tẩu âm ở nước ta chủ yếu có hai loại dưới đây :

Một là bản thân vu sư hoặc cho một em bé hay người muốn gặp lại người chết ngồi im nhắm mắt, vu sư đốt hương niệm chú. Một lát sau, người đó mơ màng như trong giấc mơ, tức là xuống âm phủ tìm gặp người chết, kể lại những núi dao biển lửa, quỷ sứ, địa ngục. Cầu Nại hà... cuối cùng gặp được người chết, hỏi những điều cần biết, người chết qua cửa miệng người

đó mà trả lời. Nói xong, vu sư tỉnh lại trước, đốc bùa, đọc chú cho hai người kia tỉnh lại, cả ba sẽ trở lại trạng thái bình thường, mọi việc vừa xảy ra hoàn toàn không có ấn tượng gì.

Hai à, vu sư (đa phần là nữ) đốt hương cúng bái xong rồi ngồi yên nhắm mắt lại, miệng lẩm nhẩm đọc chú. Một hồi lâu, nhân danh người chết mà nói chuyện với người sống. Lời của vu sư, nghe nói hầu hết đều đúng, thậm chí cả những việc kín trong gia đình, người ngoài không ai biết mà vu sư vẫn kể lại rành rọt tỉ mỷ, làm cho người nghe hoàn toàn toại nguyện. Xong rồi, tự nhiên tỉnh lại.

Về việc nữ vu tẩu âm và nữ vu đối đáp với người sống, Chu Vận Dung đã kể lại sống động trong "Cận ngũ thập niên kiến văn lục".

Ở Phúc Kiến có một loại bà mo có thể mời quỷ thần về. Người đất Dinh rất tin. Nhà có người chết, thế là mời bà mo gọi hồn. Bà mo đốt hương, nhìn vào khoảng không, lẩm nhẩm niệm chú. Trên bàn đặt một bát nước, vẽ bùa vào trong đó, cho vào đó một quả trứng, rồi tựa án mà ngủ. Bà già con gái vươn cổ đứng xem, tất cả nín hơi lặng tiếng. Lát sau bà mo nhắm mắt, bắt đầu đứng dậy, nói to : ta là người nào đó (người đã chết__ ND), mọi cử chỉ hành động của bà mo giống hệt người kia lúc sinh thời. Các bà già con gái thấy là thân thuộc của mình, khóc lóc lại gần, hỏi han về cuộc sống ở âm

phủ: Gần đây thế nào? Mồ mả có yên ổn không? Người sống hoạ phúc ra sao? Nếu nghe nói yên, tốt thì hồ hởi vui vẻ. Nghe nói dữ không yên thì đau buồn lo sợ. Đại để nói là nghề nghiệp như hồi còn sống. Còn sống ở đời làm gì thì chết rồi ở âm phủ cũng làm nghề đó. Cũng có lúc nói trúng những việc thầm kín, những việc mới chỉ có trong ý nghĩ, chưa nói với ai. Có người nghi ngờ muốn thử, đã hỏi người chết có bao nhiêu con cái, bao nhiêu anh chị em, ai còn, ai mất ra làm sao, toàn hỏi những điều bà mo chưa từng biết, thế mà bà mo nói đúng được, phân biệt được mất còn. Có khi người nhà đứng lẫn trong đám người đến xem chỉ mà bảo rằng : Kia không phải là gì gì đó của tôi sao? Bà mo mắt nhắm nghiền mà nói không sai. Bà mo tỉnh lại rồi. Không còn nhớ gì những điều vừa mới nói. Nếu muốn biết hôm nay đã gọi hồn mấy người, thì có thể nhìn vào quả trứng mà biết được. Đại để là gọi hồn một người, thì trên vỏ quả trứng mờ mờ hiện lên một đầu người, nếu đã gọi nhiều người thì trên quả trứng có hình bấy nhiêu người, cứ theo bóng mà thu tiền, không ai lừa được...

Nội dung tẩu âm có thể diễn đạt bằng nói hay hát. Giữa dân tộc Hán và dân tộc thiểu số có phần khác nhau. Nói chung là, người Hán chỉ nói mà không hát, hoặc chủ yếu là nói. Còn các dân tộc thiểu số thì trái lại. Thí dụ một số vu sư dân tộc Thuỷ, khi tẩu âm thì thần đã nhập xác rồi, liền hát "âm ca", người cần hỏi ngồi im nghe hát, qua đó mà tìm lấy câu trả lời. Vu sư của một số

vùng dân tộc Nhiên, khi tấu âm hát "quá âm từ". từ này thường chia làm 3 phần. Phần thứ nhất là sau khi vu sư đã gọi hồn người quá cố, thì hát "quá âm từ" để xuống âm phủ. Nội dung lời ca là kể lại những gian nan hiểm trở trên đường đi. Phần thứ hai là vu sư sau khi đã đến âm phủ, đi tìm linh hồn người chết. Lời ca thường rất đẹp :

"Linh hồn tội nghiệp ơi,
Vì sao mà đến nơi này?
Có nghe chăng gió âm heo hút?
Có thấu chăng quỷ ác loăng quăng?
Mây sầu thảm đạm đầy trời giăng giăng !
Hồn tội nghiệp ơi, về đi thôi !
Hãy quay về quê hương làng xóm cũ,
Nơi đó,
Suờn non rậm rạp xanh rờn,
Sông trong dập dềnh sóng vỗ,
Trăng trong sáng, mặt trời chói chang,
Ôi quê ta mới thật là nơi ta sống....[1]

Trong "nói" tấu âm phải nói đến hiện tượng "phúc ngữ" (lời nói phát ra từ trong bụng). "Phúc ngữ" tức là "quan vong trong bụng". Trước giải phóng ở vùng An Huy Giang bắc, và Tô Châu gọi là "linh cô" tức là người quan vong, nói ra từ bụng. "Linh Cô" được mời làm phép, sau

(1) "Qui Châu dân tộc nghiên cứu" số 2. 1982 trang 133

khi đã ngất, trong bụng phát ra tiếng lóc óc, gọi đó là nói. Nội dung của nó, người sống phải suy mà đoán, đoán đúng thì bụng không kêu nữa. Hiện tượng này ở nước ngoài cũng có từ sớm. "Phúc ngữ" thật ra là một kỹ năng mà các thầy bói, các nhà tiên tri, người chiêu hồn rèn luyện lâu ngày mà hình thành, nhưng người châu Âu trước đây coi là một loại sức mạnh siêu tự nhiên và tin rằng người có thể "phúc ngữ" là có thần nhập xác.

## V- TỨ ĐẠI MÔN [1]

Tứ đại môn là những hoạt động sùng bái bốn loài động vật : hồ li, sói lông vàng, nhím và rắn, một loại cầu thần nhập xác của người Mãn, người Hán ở các vùng Hoa Bắc, Hoa Đông và Tây Bắc trước giải phóng.

Người ta sùng bái bốn loài động vật kia vì chúng có một số thói quen gần với người và do ảnh hưởng tâm lý của những câu chuyện mê tín đồn đại về chúng. Trước kia ở những vùng dân cư thưa thớt, bốn loài vật này thường sống gần người. Vì sống lâu ngày gần người, chúng rất cảnh giác, nhạy cảm và tinh khôn. Nhất là loại hồ li, khi gặp nguy hiểm chúng rất khéo vờ làm đối phương bị mê hoặc. Tình hình đó để lại cho người ta một ấn tượng thần bí. Rắn lột xác và cái xác rắn cũng để lại cho người ta tâm lý sợ hãi. .. Tất cả những cái đó cộng với ảnh hưởng của những lời đồn đại mê tín

(1) Xem thêm "Bàn về tôn giáo nguyên thuỷ" và "Sơn Đông dân tộc" của Sơn Mạn. Lý Vạn Bằng.

đã làm người ta coi chúng là những loài vật linh thiêng và sùng bái chúng.

Trong bốn loài động vật ấy, người ta sùng bái nhất là hồ li và sói lông vàng. Trong dân gian, người ta kiêng gọi thẳng hồ li mà gọi là "hồ tinh" hoặc là "ông hồ". Một số vùng ở An Đông, người ta còn tuỳ theo tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp mà gọi là "hồ đại cô", "hồ tam gia", "hồ lão sư" v. v.. Vì nghe nói hồ có thể đem lại hoạ phúc cho người, cho nên nó cần gì, người ta tìm cách thoả mãn, cho rằng như vậy thì nó sẽ trả ơn, nếu không sẽ bị báo thù. Người rối loạn thần kinh nói năng hành động không bình thường, người ta nói rằng đã bị hồ tiên ám. Thế là đốt hương vàng, cúng tiến hồ tiên, lại phải kiểm điểm xem đã làm gì khiến hồ tiên phật ý để tìm cách bổ cứu. Vì vậy nói chung người ta không dám làm gì có hại cho hồ li, trái lại cầu xin nó giáng phúc trừ hoạ cho người. Một số bà mo thầy cúng lập khám thờ hồ tiên, khoe được hồ tiên nhập xác để bói cho người khác.

Sói lông vàng được gọi là "hoàng tiên", "lão hoàng gia" được người ta sùng bái như hồ li. Phong tục mê tín hồ li, sói lông vàng rất phổ biến trước kia, ngày nay ở một số địa phương vẫn còn tục ấy.

Nhím và rắn xưa kia được coi là vật thần, có người gọi là "thánh trùng" (vật thánh). Người ta đồn đại rằng

chúng đến nhà nào thì nhà đó có thêm của cải, làm hại chúng sẽ bị hại. Nông dân Giao Đông cho rằng kho có mà có nhím thì có nhiều đốt không hết, lúa thóc ăn không hết, trên sà nhà có rắn thì chủ nhà giàu có. Có vùng người ta gọi rắn là "tiểu long" cho rằng nhà có rắn là may mắn. Đông ấm hè mát, rắn lìa bỏ nhà nào thì nhà đó suy bại, tai hoạ ụp xuống đầu. Người vùng ven Hoàng Hà tỉnh Sơn Đông gọi một loại rắn nhỏ màu vàng là "kim long đại vương" sắp đến mùa mưa lụt phải tổ chức tế rắn, cầu xin kim long đại vương cho thoát hoạ lụt lội.

Do ảnh hưởng của quan niệm vạn vật hữu linh, linh hồn bất diệt, các tín đồ tứ đại tin rằng bốn loài vật này đã biết tu luyện để từ phàm tục trở thành thần tiên. Trong tứ đại môn loài hồ li là tu luyện thành công nhất, có thể biến thành người hoặc nhập hồn vào người, mượn miệng người mà nói tiếng người. Đạt đến trình độ đó, nó sẽ "thành chính quả", trở thành tiên có thể đầu thai làm người.

Vu sư tứ đại môn gọi là "đàn tiên" tục gọi "hương đầu. Người trở thành hương đầu, nói chung có hai loại. Một là tự cho rằng kiếp trước của mình đã là đồng loại với một tiên gia nào đó, hoặc do một tiên gia nào đó đầu thai chuyển kiếp mà thành, do đó muốn làm "hương sai" cho tứ đại môn, vì tứ đại môn "làm việc thiện, giúp

người" là việc đương nhiên. Hai là đã từng mang bệnh lâu năm, bị coi là có tội với tiên gia mà bị phạt phải làm hương sai, phục vụ cho tiên gia. Nếu không thì bệnh sẽ nặng thêm, không khỏi được.

"Hương đầu cầu thần" là nội dung chủ yếu của hoạt động mê tín tứ đại môn.

Nói chung có bốn hình thức như sau :

Một là sau khi thỉnh thần, thần nhập vào hương đầu, hương đầu đó vào trạng thái mê cuồng. Mọi lời nói của hương đầu lúc này đều được coi là lời thần.

Hai là thỉnh được thần đến, nhưng thần không nhập vào hương đầu. Hương đầu vẫn tỉnh táo như thường, nhưng được linh tứ của tiên gia gợi ý biết quan sát hương đầu, căn cứ vào đó mà đoán lành dữ hoạ phúc.

Ba là, thần không nhập vào hương đầu, hương đầu cũng không quan sát hương cháy, mà thần ngự vào khám thần, hương đầu nói chuyện với thần mà truyền đạt ý thần cho người. Bây giờ tuy cũng đốt hương gõ khánh nhưng vì thần linh không nhập vào hương đầu , hương đầu cũng không vào trạng thái mê ảo.

Bốn là, cũng giống như khiêu thần, đánh trống nhảy múa. "Vũ An huyện chí" ghi : Tiên hồ, tục gọi "thần hồ". Có nữ vu thay mặt thần mà truyền lời thần, nữ vu gọi

là "sư bà", mỗi làng đều có .... cứ đến tháng 2 tháng ba, các sư bà tụ họp, đánh trống cầu thần, trai gái nô nức đi xem, gọi là "hội sư bà".

## VI- XƯỚNG THẦN TIÊN

Xướng thần tiên là tên gọi chung của tục cầu thần nhập xác. Tục giáng thần này chủ yếu là ở nước ta, nhưng ở các địa phương khác đi, dân tộc khác nhau, hình thức cũng ít nhiều khác nhau, tên gọi cũng khác nhau. Ví dụ người Hán ở một số địa phương gọi là "mê hồn" ở một số địa phương khác gọi là "Xướng thất cô nương "hoặc "xướng thất tị muội" dân tộc Miêu gọi là "tố Miêu gia đạo" "tố thái hoa thần" "thỉnh thất tiêm tị muội" ; người Động gọi là "thượng đào môn", "bái thất thư". Ngoài ra, người Dao, người Bố Y, người Choang, người Bạch gọi là "chơi động đào nguyên" "đương kính", "thỉnh nguyệt cô", "thỉnh thất cô thần". Dưới đây giới thiệu hoạt động "xướng thần tiên" có phần khác nhau ở các vùng, các dân tộc khác nhau, không kể "mê hồn", "bái thất thư", "xướng thất tỉ muội".

*1. Xướng thất cô nương*

Ở đây chủ yếu giới thiệu xướng thất cô nương của dân tộc Hán vùng thị trấn Châu Lâm, huyện Quảng Nam,

tỉnh Vân Nam. Tác giả đã nhiều lần quan sát tại chỗ tục này.

Các bước chuẩn bị, tình hình từ trước khi người biểu diễn đi vào trạng thái mê cuồng cho đến lúc kết thúc biểu diễn, người biểu diễn tỉnh lại, về cơ bản giống như đấu âm quyền. Khi người biểu diễn đấu âm quyền khởi động tay chân chuẩn bị biểu diễn xướng thất cô nương thì người biểu diễn dùng nhạc điệu dân ca dân tộc Hán để hát về phong cảnh khác nhau của các vườn hoa trên các tầng trời (vườn hoa của mỗi tầng trời có một loại hoa riêng, khác với các tầng khác. Ví dụ vườn thứ nhất là vườn hoa đào, vườn thứ hai là vườn hoa quế...) và về niềm vui về cảm tưởng của thanh niên nam nữ cùng chơi vườn hoa với bảy nàng tiên nữ. Trong ý nghĩ của họ, trời có 12 tầng, mỗi tầng có một vườn hoa lớn. Vì thế các cô gái chàng trai lần lượt hát về các vườn hoa từ tầng thứ nhất đến tầng thứ 12. Mỗi lần vào một vườn hoa mới, họ đều hát một bài, lời ca của những hoạt động này về đại thể lần nào cũng như lần nào, dưới đây ghi lại hai đoạn liền nhau làm ví dụ :

Hát: Bảy nàng đưa ta dạo vườn (thứ) sáu,
Vườn sáu hoa nở đoá đoá tươi,
Đoá đoá tươi sao yêu thế,
Hoa trà ngát hương thật mê người
(hát đối đáp nhau mấy phút)

Hát: Bảy nàng đưa ta dạo vườn bảy,
Vườn bảy nở rộ mẫu đơn hoa,
Ngắt đoá hoa tươi cài cho chị
Hái thêm đoá nữa mang về nhà.

Dạo hết mười hai tầng trời, người chủ trì ra lệnh "về nhà". Trước khi về nhà, người biểu diễn hát từ phía 7 nàng tiên. Ví dụ :

Hát: Bảy nàng tiễn ta về hạ giới,
Chân bước quay về tay níu hoa,
Đêm nay hái hoa đem tặng bạn,
Đêm mai hái hoa đem về nhà.
Chị chị em em sắp chia tay,
Đợi đến đêm mai lại tới đây,
Đêm mai nhất định phải đến sớm,
Ai ơi chớ muộn như đêm nay.

*2. Thưởng đào viên*

Hàng năm cứ rằm tháng giêng và rằm tháng 7 âm lịch, thanh niên nam nữ dân tộc Động thường tụ họp tổ chức "thưởng đào viên". Trước hết đốt hương lễ bái, kính mời tiên cô giáng trần. Sau đó từ 2 đến 4 thiếu nữ sắm vai tiên cô. Họ dùng khăn đầu trùm mặt, hai tay ôm gối ngồi trên ghế băng thấp, người ta dùng quạt phe phẩy quạt nhẹ cho các cô, luôn miệng hát "Xin mời bẩy cô mau mau xuống, chớ có đi sát sau Âm sơn, phía

sau Âm sơn nhiều sương mới, thấm ướt hài hoa bảy cô nương". Các thiếu nữ đóng vai tiên cô dần dần nhập định, đôi chân nhún nhẹ hát đối đáp với người trần. Đến lúc này, các cô hoàn toàn mất hết tri giác, biến thành một loại người khác. Người lúc thường ít cười ít nói, bây giờ hỏi gì nói nấy ; có người bình thường không biết hát, lúc này hát đối đáp như nước chảy, hỏi đến những việc lịch sử của tổ tiên, các cô cũng trả lời rõ ràng rành rọt. Như có thần linh nhập vào họ, họ thông hiểu mọi sự. Theo truyền thuyết đào viên là tiên giới, có vô số cửa, trong mỗi cửa như vậy đều có phong cảnh tuyệt trần. Người "thường đào viên" như được đặt chân lên tiên giới, những người đứng xem và hát theo dùng lời ca hỏi họ về cảnh vật tiên giới, họ sẽ tả lại cảnh trí của mỗi cửa. Người "thường đào viên" nói chung chỉ vào bốn cửa, có người vội vàng đốt hương đốt bùa tiễn thần, thôi thúc họ tỉnh lại, nếu không, cứ để họ đi tiếp thì sẽ không bao giờ tỉnh lại được. Người ta nói rằng có người vì "thường đào viên" mà mắc bệnh tâm thần, có người hôn mê mãi mãi mà không thể tỉnh lại được[1].

*3. Thỉnh nguyệt cô*

Tục thỉnh nguyệt cô chủ yếu lưu truyền ở các vùng nông thôn dân tộc Choang huyện Tĩnh Tây khu tự trị

(1) "Trung Quốc các dân tộc tôn giáo dữ thần thoại đại từ điển" trang 105-106.

dân tộc Choang Quảng Tây như Cừ Dương, Đại Đạo, Ba Mông, Cựu Châu... Tiếng Choang gọi thỉnh nguyệt cô là 'thỉnh nàng hai", tiếng Choang "nàng" có nghĩa là cô gái, "hai" là mặt trăng, dịch nghĩa là "thỉnh nguyệt cô". Người ta mời "nguyệt cô" xuống trần, làm bạn với nguyệt cô và hát cùng nguyệt cô, gửi gắm hy vọng của mình cho mặt trăng trong sáng, thể hiện sự hướng tới hạnh phúc trọn vẹn.

Thỉnh nguyệt cô thường được tổ chức vào đêm rằm tháng 8. Có nơi hoạt động này diễn ra từ đêm 13 đến đêm 16, 17. Trước khi bắt đầu, các cô gái trang điểm thật đẹp, dùng sợi bông đánh mặt thật sạch, lại tắm gội bằng nước lá ngải, xong rồi ăn mặc quần áo ngày hội. Nhà tổ chức lễ thỉnh nguyệt cô được quét trước, tưới nước lá bưởi thơm cho sạch sẽ. Khi trăng lên, người ta bày các loại quả cam, quít, bưởi mía, chuối tiêu, bánh trung thu, đốt nến và đem một quả bưởi cắm đầy hương đang cháy đặt lên đầu một ngọn sào cao hai trượng, chôn trước hiên nhà, gọi là "triều thiên hương", đánh dấu chỗ nguyệt cô giáng trần. Tiếp đó, cô gái đóng nguyệt cô ngồi xếp bằng trên mặt đất, dùng ngón tay giữa bịt chặt mắt mình, đầu liên tiếp quay phải quay trái đó là quá trình đi lên cung trăng. Một đám cô gái chàng trai ngồi quanh nguyệt cô, ngoài ra còn rất nhiều người ngồi vây quanh để xem. Lễ thỉnh nguyệt cô bắt đầu. Các cô gái chàng trai tham gia lễ, liên tục hát dân

ca dân tộc Choang từ đầu đến cuối. Nội dung lời bài ca bao gồm : thỉnh đồng, lên đường, xuống trần, đối đáp và cáo biệt. Dưới đây là một đoạn lời ca theo trình tự nói trên :

Trước hết người lĩnh xướng hát "thỉnh miệt đồng"

Ngày rằm tháng 8, trung thu đêm sáng trăng trong

Miệt đồng ơi, lung ma lây

Nhà bày bánh trăng, chờ nàng trăng cùng hưởng.

Miệt đồng ơi, lung trân lây !

Người lĩnh xướng hát xướng, mọi người lại hát một lần nữa, "lung ma lây", "lung trân lây" có nghĩa là "bạn đồng ơi, hãy xuống đây" Các cô gái Choang rất thích coi mình là bạn cùng tuổi với nguyệt cô. Để biểu thị nguyện vọng đó, họ thích tổ chức thỉnh nguyệt cô xuống phàm trần chung vui. Tiếp theo, khi người đóng nguyệt cô quay đầu liên tiếp, thì các cô gái hát những bài lên đường, qua rừng leo núi, lên mây, lên cung trăng, thể hiện bước đường gian khổ đi mời nguyệt cô. Ví dụ :

Tắm nước lá bưởi, mặc quần áo mới

Đốt cháy hương triều thiên, mình đi ra nhà trên,

Qua rừng trúc lên núi cao, bước lên vách đá cheo leo

Vọt chín tầng mây cao, chị em mừng vào cung nguyệt.

Sau khi vào cung trăng, các cô đón nguyệt cô xuống trần. Nguyệt cô theo các cô gái xuống trần, thấy cảnh trần tươi đẹp sung sướng ca lên :

Bên đường hoa rực rỡ, hương lúa gió thơm tho
Chị em nhà Choang ôi chăm chỉ
Bò lợn đầy chuồng thóc đầy kho

Nghe hát vậy, mọi người biết nguyệt cô đã đến, mọi người mừng rỡ chào đón.

Gái hát : Miệt đồng đã đến rồi,
Chị em lòng nở hoa
Nam hát : Nguyệt cô đã đến rồi
Mời trà, thoả lòng ta

Thế rồi, các cô gái chàng trai mải mê hát đối đáp. Lời hát khi thì hỏi việc cung trăng, khi thì ngợi ca cảnh đẹp; cũng có lúc hỏi đến những nhân vật lịch sử nhưng những lời yêu đương tình tự vốn chiếm phần lớn nhất.

Nhờ nguyệt cô làm mối, các chàng các nàng thổ lộ tâm tình. Ví dụ :

Nam : Anh năm nay tuổi đã hai mươi tám,
Chẳng bao lâu mặt trời xế thôn đoài
Nỡ trông anh cô độc mãi hoài?
Nữ : Hoa đỏ em trồng bên luống đẹp,
Nào thấy đâu bướm đến bên hoa
Vắng bướm ong, ôi tủi lòng hoa?
Nguyệt cô :
Đâu phải kẹo mà đem bày bán,
Chàng cùng nàng cảm tình lai láng

Hoa hé cười gọi bướm làm thân
Mong sao cho duyên bén Tấn Tần

Ba bên đối đáp mãi đến khuya. Tương truyền nguyệt cô xuống trần nhất định phải trở về trước khi gà gáy sáng. Thế là chị em nhà Choang phải hát lời tiễn biệt "Miệt đồng hãy gượm chó về vội, chị em rớt lệ ướt áo hoa". Nguyệt cô cũng hát lời hẹn ước : "Đêm mai xin lại đến, chúng ta cùng vui ca" Trò vui "thỉnh nguyệt cô" đến đây kết thúc [1].

*4. Đương kính*

Đây là hoạt động cầu thần nhằm mục đích vui chơi là chính của thanh niên dân tộc Bố Y. Hoạt động này thường được tổ chức vào các đêm của ngày lẻ từ mồng 1 đến 15 tháng 7 âm lịch. Cách chơi là đặt một cái ki **lớn ở sân hay** trước cửa, trước cái ki đốt ba nén hương, mấy tờ tiền giấy, sau đó thầy mo đứng vào trong ki đọc thần chú, rồi đem khăn trùm đầu dơ lên mấy cái, xoay trên **cái** ki một vòng. Người "đương kính" ngồi trong ki, **dùng vải phủ kín bàn chân,** dùng khăn trùm kín đầu. Phần giữa khăn gập chéo, bỏ thõng hai mối vào trong hai tay. Chỗ góc nhọn của khăn bỏ mấy cây cỏ tranh đã được thầy mo niệm chú. Người "đương kính" phải có một thanh niên giữ ở phía sau lưng. Người "đương kính" im lặng một lúc rồi đi vào trạng thái mê cuồng. Người ta cho rằng lúc đó hồn người "đương kính" đã lìa khỏi

(1) Theo "thỉnh nguyệt cô" của Đinh Thế Bái, Trừ Trung Cát. "Quảng Tây thiểu số dân tộc phong tình lục" NXB Nhân dân Quảng Tây, 198[illegible].

xác mà lên tiên giới. Lúc đó nếu ai muốn mời người mình yêu đến để ca hát tỏ tình hoặc gọi người đã chết về trao đổi điều gì thì đốt ngựa giấy đã chuẩn bị sẵn, khi đốt mới nói thầm ước nguyện của mình. Mấy chục phút sau, người "đương kính" run toàn thân, khóc nấc lên từ thấp đến cao, từ chậm đến nhanh và trầm giọng ngân nga một điệu hát. Điều này chứng tỏ hồn anh ta đã vào được tiên giới và đã mời được thần nhập xác. Bắt đầu từ lúc này, người "đương kính" hai tay cầm hai cái khăn phe phẩy chậm hoặc nhanh trong những vai khác nhau, nói hoặc hát kể lại những điều tai nghe mắt thấy trên đường từ tiên giới trở về. Người ta kể từ tiên giới đến phàm trần, phải qua 15 cửa ải mà trừ ngày rằm tháng 7 ra, tất cả các ngày khác đều khoá. Qua mỗi cửa ải đều phải xin quỷ sứ giữ ải mở cửa cho đi qua, nếu không chịu mở cửa, phải đánh nhau, người "đương kính" phải dùng hết sức giãy dụa. Khi trở về đến phàm trần, người "đương kính" sẽ là tình nhân hoặc thân nhân của người đã đốt ngựa giấy mời về, cùng người đó trao đổi hay hát đối đáp. Cuối cùng, người ta đốt ngựa giấy đã chuẩn bị trước để tiễn thần trở về tiên giới và cuộc chơi kết thúc. Trò chơi này rất có kịch tính, được thanh niên Bố Y ưa thích.

*5. Du Đào nguyên động*

Là một trò chơi có liên quan đến tục cầu thần nhập xác của người dân tộc Dao trước kia, thường được tổ chức vào ngày

tết âm lịch. Vào dịp tết mọi người tụ tập vui chơi dưới sự hướng dẫn của thầy bói biết cầu đồng hoặc một người nào khác biết thuật du đào nguyên động. Những người thích ngồi chơi xếp hàng trên ghế băng, tay người này để lên đùi người kia, nhắm mắt nghe thầy hướng dẫn đọc chú. Một lát sau hai chân những người tham gia tự nhiên cứ run lên và họ ở vào trạng thái một phần bị thôi miên. Nếu người chơi là thanh niên nam nữ thì họ sẽ hát tình ca, nội dung lời ca đại thể là ở động đào nguyên có rất nhiều hoa đào, có rất nhiều nam thanh nữ tú cùng vui đùa với họ, họ được thấy đất đai tài nguyên phì nhiêu, họ được gặp lại những người thân yêu đã quá cố.

*6. Tố Miêu gia đạo (tố cốc thần)*

Đây là một lệ tục sùng bái thần ngũ cốc được giữ gìn và lưu hành phổ biến trong người dân tộc Miêu ở huyện Đan Trại tỉnh Quý Châu. Hàng năm, từ đầu đến giữa tháng 7 âm lịch, hễ tối đến thanh niên nam nữ tụ tập trên những bãi đất trống gần thôn trại, ngồi trên những chiếc ghế con, để người ta dùng khăn thắt lưng bịt mắt lại. Mấy người biết "thôi xướng từ" xuống ruộng ngắt mấy cái lá lúa xanh tươi (tức tượng trưng cho thần lúa) đặt vào sọt mang bên lưng (trong sọt để mấy cái chuông nhạc ngựa). Khi trở về họ đặt những cái lá lúa lên đầu người tham gia trò chơi. Những người chơi dùng ngón tay vứt trả lại, ai biết hát "thôi xướng từ" vừa rung

chuông nhạc ngựa vừa hát lời thúc giục những người "tố Miêu gia đạo" lên đường đi "âm phủ".

Cách điệu "tố Miêu gia đạo" khác hẳn với "xướng thất cô nương" là vui tươi, thì "tố Miêu gia đạo" rất thảm thiết. Người "tố Miêu gia đạo" dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn đi xuống "âm phủ". Trên đường gặp vong linh người chết trẻ thì hát bài hát buồn, gặp vong linh bố mẹ thì khóc lóc thảm thiết. Cuối cùng đi đến "chỗ đẹp nhất" mới quay về. Về đến nhà, người hướng dẫn phun vào họ một ngụm nước lạnh thì họ tỉnh lại, hỏi những việc vừa qua, họ không hề biết gì cả. Người chơi "Miêu gia đạo" bình thường không biết hát, thế mà khi làm "Miêu gia đạo" họ hát rất giỏi. Người ta nói "cốc thần" đã dạy họ hát, hoặc là cốc thần mượn miệng họ mà hát.

*7. Thỉnh thất cô nương*

Là một hoạt động cầu thần nhập xác của phụ nữ và trẻ con dân tộc Bạch huyện Tang Thực tỉnh Hồ Nam, thường được tổ chức vào dịp tết. Hoạt động này chủ yếu mang tính chất một hoạt động vui chơi.

Truyền thuyết cho rằng Ngọc đế trên trời có 7 cô con gái, cô nào cũng đẹp nghiêng nước nghiêng thành, đặc biệt nàng 7, không những tài sắc tuyệt vời mà lại rất nhân từ khoan hậu, thích cùng vui với dân, thoả mãn mọi yêu cầu của dân. Vì vậy hàng năm vào tháng giêng âm lịch, phụ nữ dân tộc Bạch đều mời nàng bảy xuống trần cùng vui chơi.

Quá trình cụ thể của một cuộc "thỉnh thất cô nương" là " ở giữa nhà đặt một cái bàn, viết bài vị của bảy cô tiên, dâng hương, hoa, nến, quả, chọn một đôi nhi đồng một nam một nữ vừa tròn 12 tuổi đang còn đủ cả bố mẹ, cho ngồi trước bàn, dâng khăn hoặc vải bịt kín cả đầu , mặt phụ nữ và các trẻ em khác ngồi phía trước bàn, đồng thanh hát "lời mời bảy tiên cô", phải hát liền ít nhất bảy lần, thế là hai em bé gái trai đã chọn sẽ đi vào trạng thái mê cuồng, theo nhịp trống vừa múa vừa hát [1].

*8. Tố thái hoa thần*

Tục này chủ yếu được giữ lại trong dân tộc Miêu, huyện Hoàng Bình, miền Đông tỉnh Quí Châu. Vì hoạt động này phải tiến hành trong mùa cải dầu ra hoa, cho nên mới có tên gọi "thái hoa thần" ("thái hoa thần" có nghĩa là "thần cải dầu" - ND). Hoa chưa nở hoặc đã tàn, không thể tổ chức được.

Theo giới thiệu của Thẩm Phi trong "Miêu lĩnh phong thái" số 6, thời gian cụ thể để làm "thái hoa thần" là từ sau tết (âm lịch) đến tháng 3 (dương lịch). Sau khi ăn cơm tối xong, các cô gái cầm mấy nén hương và mấy tờ tiền giấy đến nhà nào rộng rãi để làm "thái hoa thần". Thầy cúng được mời đến, giữa nhà đặt một thùng gạo hoặc cám, căm lên đó bảy cái hương, bày ra 7 cái chén có rượu, hai cái bát to nước trong, đốt

(1) "Trung Quốc các dân tộc tôn giáo dữ thần thoại đại từ điển" trang 24.

đèn dầu cải cho sáng. Bên kia bậc cửa đặt một cái ghế băng cao chân làm "ngựa" chuẩn bị xong xuôi, những người tham gia ngồi trên ghế băng (ngựa), dùng một khăn vuông hoặc miếng vải đen bịt kín mặt. Thầy cúng phun lên người hoặc lên khăn bịt mặt họ một ít nước đã hoà tàn hương, tàn mà thầy cúng đã nghiêm trang niệm chú, hai tay đánh vòng tròn trước ngực. Khoảng mươi phút sau, hai chân của "thần hoa cải" (cũng tức "thái hoa thần") tự nhiên cứ run bắn lên. Hai mươi phút sau thì bống nhảy lên, hơi thở gấp gáp hổn hển. Đó tức là "thần hoa cải" lên đường. Thần đi đi lại lại trong phòng và hỏi người dẫn đường mượn chìa khoá để mở cổng tiên giới.

So với các loại nói trên, về cách điệu cũng như về một số biểu hiện cụ thể, làm "thái hoa thần" có những đặc điểm riêng. Về cách điệu thì các hình thức nói trên hoặc vui, hoặc buồn, rất rõ ràng, còn làm "thái hoa thần" thì vừa có vui lại vừa có buồn. Về hình thức, các loại trước chỉ có nói, hát, không có động tác (phần lớn là ngồi hát, nhiều nhất chỉ có ngồi trên ghế mà dẫm chân, múa tay chỉ có "thỉnh thất tiên cô" là múa theo nhịp trống), còn cầu thần hoa cải thì vừa có hát, nói, lại có cả động tác. Trong tình trạng mê cuồng, người làm thái hoa thần khi thì khóc lóc, kể lể như say như si, lúc thì hát tình ca dạo chơi đây đó, có lúc lại thổi kèn bầu múa nhảy. Cuối cùng thần thái hoa theo chỉ dẫn của vu sư mà trở lại nhân gian.

# Chương 2

## ĐÁM NẤM ĐỘC LOÈ LOẸT: NHỮNG CHỦNG LOẠI CHỦ YẾU CỦA THỦ TỤC CẦU HỒN (HẠ)

### VII. PHÙ KY

Phù ky còn gọi là Phù loan lại còn gọi là "thần bốc", "quan liền kiệu", "giáng bút" .... Các chữ "loan" đáng nhẽ đều phải viết chữ "loan" là chim loan. Gọi là phù loan, phi loan là vì thần cưỡi loan đến để giáng bútt cho chữ.

Về nguồn gốc của phù ky có người cho rằng rất cổ, "Hồng phạm" thất kê (chữ thất kê trong thiên Hồng phạm Kinh thư ..... ND) Có lẽ là chỉ việc này. Đại để vì cho rằng chữ "Ky" tức chữ "kê", có nghĩa là kê cứu để khỏi nghi ngờ" [1], có người lại cho rằng "xưa kia chưa thấy nói đến phù ky, mãi đến đời Đường mới thấy[2]. Quan niệm cho rằng rất cổ (đã nói đến trong

(1) "Trung Quốc thôi miên thuật" của Lô Khả Phong. Xem Đông phương tạp chí" số 3. quyển 14.

(2) "Nghiên cứu về thuật phù ky mê tín" của Hứa Địa Sơn. trang 15.

"Hồng phạm" chưa có căn cứ vững chắc, còn quan niệm sau cũng chỉ là phỏng đoán. Trên thực tế, từ trước đời Đường đã nói đến phù ky. Trên thực tế, từ trước đời Đường đã nói đến phù ky. Phái Thượng Thanh trong Đạo giáo thời Ngụy Tấn đã dùng phương thức cầu thần phù ky để viết 31 quyển "Thượng Thanh đại đồng nhân kinh" lưu truyền bằng cách thầy trò bí truyền cho nhau trong đạo Thần tiên. Trong tác phẩm "Dị uyển" của Lưu Kính Thúc đã có ghi chép rõ ràng về phù ky(1).

Thần trước hết được cầu để xin chữ trong phù ky là Tử cô. Tử cô còn được gọi là"Khanh tam cô", "Khôi thất cô" hoặc "Nguyệt cô". Theo "Tam giáo sơn thần đại toàn". Tử cô vốn họ Hà, tên là My tự Lệ Khanh người Lai Dương, Sơn Đông,từ nhỏ thông minh tuệ mẫn , được học hành , về sau bị nạp làm thiếp, bị vợ cả ghen giết chết trong truồng xí vào ngày rằm tháng giêng, về sau trở thành thần "chuồng xí" hàng năm cứ đến tháng giêng thì "hiển linh". Các cô các bà tin thờ Tử cô cứ đến tối ngày rằm tháng giêng (tết Nguyên Tiêu) thì làm lễ đón ở chuồng xí. Hình thức đầu tiên là cắm đũa lên cái ky hót rác, chụp lên một cái khăn làm hình Tử cô, cho người giữ lấy, vừa rước vừa khấn : "Chồng con đi vắng cô Tào cũng về, Tử cô có thể ra chơi". Khi người bê cái ky hót rác cảm thấy nặng tức là thần đã đến, bày rượu và hoa quả cúng, thế là nhảy tâng tâng, người ta theo số lần

(1) Đoạn giới thiệu về hình thức ban đầu của phù ky là theo sách đó.

nhảy mà đoán lành hay dữ hoặc thuận nghịnh cả năm. Về sau hình thức phù kỵ thay đổi dần theo hai hướng dưới đây :

Một là biến thành trò chơi dân gian cầu thần rá (thỉnh trú lam thần) cầu thần bàn (thỉnh trái thần), cầu thần ghế (thỉnh ỷ thần) cầu thần đũa (thỉnh khoái thần) vv... Lấy đồ dùng trong nhà, trong bếp làm đạo cụ (cầu thần rá có khi cũng để xem bói) [2].

*1- Cầu thần rá (thỉnh trú lam thần)*

Cầu thần rá là một trò chơi của các thiếu nữ nước ta thời xưa. Mùa xuân ngày dài nữ công rỗi rãi các cô gái tụ họp vui chơi, thường đốt hương ở cửa, dùng quần áo trùm lên cái rổ hoặc cái rá, buộc cái gáo dừa vào chỗ tay cầm,như cái đầu người. Một (hoặc hai) cô bưng trên tay đưa đi đưa lại, khe khẽ hát khúc hát gọi thần, các cô khác hoạ theo. Một lát sau, cô gái ngừng tay nhưng cái rá vẫn đung đưa không ngớt. Thế là các cô xúm lại hỏi, cái rá dùng số lần đung đưa để trả lời. Nếu có một người xa lạ đến, hỏi tuổi người đó cái rá sẽ đung đưa một số lần bằng số tuổi của người đó. Hỏi người đi xa năm tháng nào thì hết, cái rá cũng dừng số lần đung đưa để trả lời. Trường hợp thiêng nhất là đặt rá trên cái ghế, cái rá vẫn lắc lay không ngừng, phải chờ đến khi các cô gái hát bài hát tiễn thần về thì cái rá

(2) Nói "diễn biến theo hai hướng", như sách lại nói một hướng có "một là" mà không tìm thấy "hai là"..... ND.

mới dừng lại. Thí dụ, trước đây ở Quảng Châu có tục" Thỉnh lam cô" (Cầu cô rá): dùng gáo dừa đặt lên cái rá đem quần áo con gái vây quanh cái rá. Đó tức là "cô rá". Khi chơi hai cô gái ngồi xếp bằng trên mặt đất, dùng cả hai tay đỡ lấy cái rá, phía trước đặt một ghế băng thẳng, các cô gái đồng thanh hát bài hát mời cô rá:

Mời thần rá
Mời nàng rá
Nàng là con gái nhà núi phật
Nàng là con gái nhà thị thành
Mẹ chồng nghiêm khắc bảo nuốt vàng tự sát
Chồng cũng tàn ác bảo từ giã cõi dương

Nếu thần rá đến, cái rá được dùng làm thần rá sẽ liên tiếp cúi đầu vái chào cái ghế thấp. Các cô gái liền xúm lại hỏi thần rá tuổi tác và một số điều khác, thần rá sẽ dùng số lần cúi đầu để trả lời.

*2 Cầu thần bàn (thỉnh trái thần)*

Cầu thần bàn cũng gọi là "bát tiên chuyển trái" là một trò chơi gia đình hồi trước. Nhà có đám cưới hỏi bạn bè khách khứa nhộn nhịp. Giữa lúc cao hứng, hiếu sự bèn lấy bát sành, rót đầy nước vào đó đốt bùa trong bát, đặt giữa nhà lại đem một cái bàn bát tiên dựng ngược ,để cho mặt bàn được đỡ trên miệng bát thật ngay ngắn, bằng phẳng. Thế rồi bốn người mỗi người dùng một ngón tay chạm vào chân bàn, miệng lẩm nhẩm niệm

chú: "Trời trong xanh, đất linh thiêng, tín đồ đệ tử xem thần bàn...." Một lát bàn động, người cũng đi theo bàn quay nhanh dần, kéo theo bốn người phải cật lực chạy theo, chân không được dừng, tay không được rời bàn. Những người ngồi xem được một phen cười nghiêng cười ngả. Những người chạy theo, có khi chạy theo không kịp,mồ hôi nhễ nhại. Ai mệt quá có thể cho người khác thay, cứ thế chạy mãi. Cuối cùng phải đốt hương đốt bùa giải thoát, bốn người mới dần dần dừng lại mà thở hổn hển, mỏi khuỵu cả chân. Những người dự chơi đều nói rằng khi chạy nhanh, tự mình không thể cưỡng lại được. Mãi đến khi dừng hẳn, nước trong bát vẫn không hề tràn ra ngoài. Hiện nay vùng Liêu Thành Sơn Đông vẫn còn hình thức chơi tương tự như thế. Năm 1968 Trương Kế Tường, thầy thuốc chữa bệnh bằng công năng đặc dị khi đang học ở trường nông nghiệp đã từng tận mắt chứng kiến trò chơi thần kỳ này trong trẻ em nông thôn địa phương. Trên mặt đất đặt một cái bát đựng đầy nước, trên bát đặt một bàn vuông nhỏ, bốn người đứng bên phía trên mỗi góc bàn, bốn người dùng ngón tay chỉ theo chiều kim đồng hồ, thế là cái bàn xoay đi mỗi lúc một nhanh, thật đúng là một chuyện kỳ lạ.

*3. Cầu thần ghế*

Tục này chỉ thấy ở vùng nông thôn Quảng Tây, Vân Nam. Vusư nhìn vào hai cái ghế tựa lẩm nhẩm đọc chú, đốt hương và bùa. Một lát sau, hai cái ghế tự nhiên nhảy

chồm chồm, lao vào nhau như hai người đánh nhau, làm những ngươi chứng kiến không nhịn được cười. Nếu vu sư không ra lệnh ngừng lại, hai cái ghế cứ thế mà đánh nhau mãi. Nhưng khi vu sư sờ tay vào cái ghế một cái thì hai dừng ngay lại. Cảnh này tác giả đã chứng kiến tận mắt tại Vân Nam.

*4 Cầu thần đũa*

Cùng là một trò vui gia đình trước đây. Có hai cách : Một là khi rỗi rãi, các cô các bà lấy môt đôi đũa tre đặt lên bàn, mọi người nhìn chằm chặp vào đôi đũa và hát những khúc hát mê hồn quan. Một hồi sau, đôi đũa sẽ cựa quậy, dựng đứng dậy hay nhảy lên tung lên cao, đánh nhau không ngớt. Mãi đến khi các cô các bà hát bài ca giải thoát, dôi đũa mới dừng lại. Tục này trước đây rất phổ biến ở nông thôn . Hai là, đêm tháng tám, trăng sáng, trẻ con cầm một chiếc đũa trong lọ đựng đầy gạo, một chiếc khác đặt ngang trên đầu chiếc đũa dựng đứng, sau đó tay cầm hương miệng đọc:" Đầu đũa, đuôi đũa lắc đầu đũa vênh vểnh gắp thức ăn, đuôi đũa lắc lắc gắp cơm bánh". Một lát sau, chiếc đũa gác phía trên di động. Lần hơn nữa, chiếc đũa sẽ chuyển quanh hết vòng này đến vòng khác.Nếu không xảy ra chuyện, ít khi thấy đũa rơi.

*5 Cầu thần ky*

Tục này các vùng đều có, nhưng hình thức hơi khác nhau giữa các vùng. Ở đây chỉ nói về hình thức cầu thần

ky ở các làng Chiêu Viễn, Hoàng huyện, tỉnh Sơn Đông. Dùng một bát nước, một cái cân đòn, một cái gióng và một cái ky (dùng để sảy). Các cô gái dùng ngón tay đỡ cái ky miệng khấn : "Mồng một tháng giêng (hoặc ngày rằm tháng giêng) trăm cơ linh, tôi mời thần ky đoán số mình .Trong như nước, sáng tựa như gương. Cân nhỏ không nhạy hỏi cân lớn, hỏi xem hôn nhân thành hay không thành".Ai muốn hỏi người đó khấn. Nếu nước trong bát tự nhiên lay động thì có thể hiểu là gặp người chồng vừa ý [1].

Ngoài ra có thể dùng ky đựng, sàng gạo, rọ lợn, chổi, cành cây,lá cói và cỏ buộc thành hình người, dùng gố, quả bầu, môi xúc cơm, môi vớt thịt vv... làm đầu, vẽ mặt mày, đeo hoa, mặc quần áo phụ nữ vào đều có thể cầu thần. Khi thần đến, xem hình nộm gật hay lắc đầu để đoán định hôn nhân mùa màng tốt hay xấu. Ví dụ :

Người Ngại Luân Xuân nếu đi vững bị lạc đường, sẽ buộc một vợt chao lên một cành cây có cháng, rồi mặc quần áo cho, sau đó rung cây làm cái vợt chao dao động, cự ly lớn nhất (Lấy trung tâm thân cây làm khởi điểm) theo hướng nào thì hướng ấy sẽ là hướng ra khỏi bến mê.

Ở vùng Nhân Hoài, tỉnh Quí Châu người ta buộc cái chổi thành hình người, cho mặc quần áo, đốt hương

(1) Theo "Sơn Đông dân tục " của Sơn Mạn, Lý Vạn Bằng. Sơn Đông hiền nghị thư xã xuất bản, 3 - 1988, trang 19.

huơ chung quanh khấn ba bốn lần , cho hai cô gái nhỏ cầm lắc mà đi. Nếu thấy hơi nặng hơn, hai người vẫn cầm ngay thẳng, không được đổi tay, đổi tay thì mất linh nghiệm. Tiếp đo dâng rượu để hỏi công việc, nếu gật đầu là ứng nghiệm. Như hỏi thời tiết, gật đầu là nắng, không gật đầu là mưa. Có người hỏi đùa nhiều lần, hình nộm đứng yên bất động. Trẻ con trong xóm thường chơi trò chơi này trong tháng giêng[1].

Ở huyện Thanh Bình tỉnh Vân Nam, cứ đến tháng giêng âm lịch, đàn bà con gái có tục "thỉnh thất cô nương "(khác với trò " thỉnh thất cô nương " đã nói trên) :dùng mồt cành cây anh đào hay cây liễu có cháng , đầu có cháng coi là chân thất cô nương, đầu không có cháng buộc một quả bầu, dán giấy trắng lên, vẽ hình mắt mũi miệng, tô son trát phấn, làm cái đầu của cô thất nương .Phía dưới đầu buộc một mảnh tre cong, làm tay thất cô nương. Hai đầu tay buộc với nhau bằng một sợi dây thừng dài một thước, trên dây thừng xỏ mấy đồng tiền đồng. Đầu có cháng dùng vải buộc thành hình chân, dận hài hoa. Sau đó mặc cho áo đỏ, quần xanh. Trang điểm xong, giấu ở buồng xí và tìm bảy tờ giấy phong cửa của bảy nhà. Đến khi sắp cầu thần không cho đàn ông con trai nhòm ngó, bí mật đốt giấy phong cửa, lại đốt bảy đôi vàng giấy, tiền vàng bảy đồng. Và sau đó thỉnh thất

(1) " Tăng tu Nhân Hoài sảnh chí " (bản khắc gỗ năm 28 Quang Tự);

cô nương từ buồng xí lên nhà trên, do hai người khênh. Số phụ nữ có mặt đồng thanh nói:

Hỡi thất cô nương
Có đến xin đến nhanh,
Mọi người đều là bạn nàng
Muốn chơi cho vui xin mời đến
Cửa sau gà gáy
Cửa trước chó sủa
Làm cô nương hãi đều không phải.
Nhốt gà lại
Cột chó lịa
Tránh đường cho cô nương đi.
Cô nương lại
Mọi người vui
Cô nương lại
Mọi người cười
Tóc cô nương. Tóc thế nào?
Vừa bóng vừa mượt như tơ biếc
Mặt cô nương. Mặt thế nào.
Mặt như hoa đào tươi rói rói
Mắt cô nương

Như mắt phượng

Mày cô nương

Ây mày ngài

Mũi cô nương

Mũi túi mật

Miệng cô nương

Miệng anh đào

Răng cô nương ra làm sao ?

Ba mươi sáu chiếc như gạo ngự

Lưng cô nương ra làm sao?

Như liễu uốn trong gió thổi

Chân cô nương như thế nào?

Bàn chân hai tấc, hài hoa ba tấc.

Đọc nhiều lần, thần thất cô đến thì nhảy lên liên tiếp. Mấy đồng tiền đeo trên tay sẽ leng keng rung mãi. Bảo sàng gạo sẽ làm như sàng gạo. Bảo vái chào sẽ làm ra vẻ vái chào. Khi thất cô nương nhảy nhanh nhất, những bàn tay đang giữ buông hẳn ra, thất cô nương vẫn nhảy, nhưng dễ đổ, phải có người giữ. Đây là chuyện lạ[1].

Lại ở vùng thị trấn Châu Lâm huyện Quảng Nam, có tục cầu thần rọ lợn. Cách làm là xỏ ngang dọc hai cái gậy gỗ vào cái rọ chứa lợn con thành giá chữ thập,

(1) "Trung Hoa phong tục chí " thiên hạ quyển 8.

cái gậy dọc là cổ, gậy ngang là tay, rọ lợn là thân. Trên cổ lồng vào một quả bầu làm đầu, mặc quần áo cho cái rọ lợn.Sau khi trang điểm xong cho một người giữ cho cái rọ lợn đứng được. Vu sư bên cạnh đọc chú . Một lát sau "Thần rọ lợn" sẽ nhảy lên nhảy xuống. Giữ càng chặt thì sẽ nhảy càng nhanh càng cao: trái lại thì càng chậm càng thấp. Hỏi lành dữ thì gật đầu hoặc lắc đầu. Gật là thuận, lắc là nghịch.

Một hướng diễn biến mới của phù ky là cắm đũa trên cái ky. Đặt trên bàn cát. Về sau cái ky đổi thành cái giá gỗ chữ thập, phía thẳng đứng có một cái cọc gỗ nhỏ như cái chày đạp. Người ta dùng ngón tay trỏ đỡ hai đầu thanh gỗ ngang của giá chữ đinh, đầu có cọc gỗ nhỏ để trên bàn cát. Đốt hương vẽ bùa, cần thờ thần bản địa, chỉ đích danh mời một vị tiên nào đó giáng đàn. Chờ yên một lát, cái cần ki lay động. Khi vẽ hình, khi đề thơ, tự viết họ tên, có khi chính là vị tiên vừa được mời, có khi là một vị tiên khác thay mặt, phần lớn là những danh sĩ cổ. Những người có mặt thế là đứng cả dậy, người hỏi lành dữ, kẻ hỏi điều băn khoăn nghi ngờ, có người xin chữa bệnh, xin đơn thuốc tiên, có khi trúng, có khi không trúng, có khi đáp, có khi không đáp. Việc này rất thịnh hành trong đời Thanh và thời cận đại, hầu như mọi đô thị, mọi phủ huyện đều có ky đàn. Các văn nhân học sĩ đương thời rất thích xướng hoạ thơ phú với tiên, có khi hay, có khi không hay, không nhất nhất hay hoặc dở. Một số cử sĩ (học trò thi--ND) làm câu đối.

đoán câu đố, bàn luận văn chương, thậm chí luận bàn quốc sự, thỉnh thị đề thi.v.v... với tiên. Mọi người hết hứng thì đốt bùa tiễn tiên, cũng có khi không chờ tiễn mà đi, lúc đó cái kì đứng yên bất động, người phù kì cũng trở lại trạng thái bình thường, không có gì khác, chỉ cảm thấy hơi mệt. Hỏi vừa rồi tiên cho những lời gì, thì hoàn toàn không biết gì hết. Nhiều văn nhân học sĩ coi đây là trò chơi phong nhã, còn quần chúng trăm họ thì đây là cách xem bói, xin đơn thuốc, cũng có kẻ lợi dụng mưu lợi. Trong tiểu thuyết và bút ký Minh Thanh có nhiều chỗ nói về sự linh nghiệm của phù kì, dân thường thì tin tưởng như thần. "Nhiều nhân sĩ trí thức có đạo hạnh, ít ai không bị mê hoặc vì việc này"[1].

Lại còn lợi dụng phù kì để phát triển tôn giáo, dùng phù kì để thuyết giáo. Các tôn giáo bí mật trong dân gian rất thịnh hành việc này. Ví dụ như "Liễu phàm huấn tứ thư" của đạo Qui nhất, mấy chục lời dạy "Tam giáo chính tông" đều nhờ phù kì mà có. Nhiều đàn huấn của Nhất Quán đạo cũng từ phù kì mà ra.

Trong phù kì còn có dùng bầu, rọ thay cho giá chữ đinh. Dùng quả bầu thì gọi là "cầu thần bầu", dùng cái rọ thì gọi là "phù la" (giữ cái rọ__ND).

Cầu thần bầu : "Phụ nữ khuê phong thường đón thần bầu vào dịp năm mới. Lấy một cái gáo trong bếp, trên buộc một chiếc đũa, hai người lấy tay đỡ lấy. Dọc

(1)"Trịnh Dông am bút ký"

chú xong, chiếc đũa trên cái gáo tự động viết chữ, người trong nhà hỏi lành dữ..."[2]

Phù là : Dùng cái cặp cặp một đầu có rọ, một hoặc hai người nhẹ nhàng đỡ lấy hai đầu kia của rọ, dưới rọ rải tro hoặc cát mịn. Lúc nầy, nếu hỏi chữ hoặc hỏi việc, cái rọ tự di động, dưới rọ sẽ hình thành lời đáp bằng chữ Hán. Tục này vẫn còn. Năm 1978, thầy thuốc chữa bệnh bằng công năng đặc dị Trương Dung Tường đã tận mắt chứng kiến ở Liêu Thành, Sơn Đông.

Trong nhiều dân tộc nguyên thuỷ trên thế giới cũng có tục phù kì, thậm chí ở các nước phát triển Âu Mỹ cũng có, các từ Goscino- mancy tiếng Anh vốn là do từ Hy Lạp, kivod (ky, sàng) mà ra. Từ mancy vốn có nghĩa là thuật bói. Cách phù ky của các nước Âu Mỹ cũng tương tự phù ky nước ta. Các hình thức phù ky Âu Mỹ hiện nay chủ yếu là:

Ván quay: Dùng một nảnh ván gỗ, hình như cái lá hải đường, dưới hai đầu lắp chân ngắn, lắp bánh xe. Phía góc đỉnh khoan một cái lỗ nhỏ, cắm một cái bút chì vào đó, đặt trên một tờ giấy trắng. Người dùng tay ấn mảnh ván, tập trung mọi chú ý vào đó. Một lát, mảnh ván tự động quay, có thể vẽ hình, viết chữ, cũng có thể làm văn thơ để nói lành dữ, giải quyết nghi ngờ, thật ra chỉ khác phù kì nước ta cái tên gọi mà thôi. Cách này thịnh hành ở Âu Mỹ.

(2) "Phong tục mê tín Hồ Nam" trong "Trung Hoa phong tục chí" quyển 6. thiên hạ.

Bàn xoay thiêng: Trên tấm ván có chữ cái hoặc chữ số lắp vào một cái kim chỉ hướng. Người sử dụng dùng đầu ngón tay đặt lên mảnh ván có đính kim chỉ hướng, nhờ sự vận động vô ý thức của cơ bắp mà di động cái kim, tạo ra thông tin.

Con lắc: Trên biểu đồ lắp một con lắc, phải xác định trước động tác gì của con lắc là biểu thị "phải" hoặc "không phải". Người ta cho rằng cách lắc của con lắc có thể chỉ thị khi vận may hay rủi khi ta hỏi nó.

Bàn tự động va chạm (cũng tức thuật bàn nghiêng): Thường một đám người ít nhất là hai người ngồi quanh một cái bàn, đặt tay lên mặt bàn và yêu cầu bàn trả lời một câu hỏi. Nếu cái bàn nghiêng đi đến mức một chân bàn có thể gõ nhẹ lên mặt sàn thì người ta sẽ theo những ám mã định trước mà được câu trả lời. Ám mã có thể là lấy số lần gõ mà tiêu biểu cho "đúng" hoặc "sai", cũng có thể cứ đọc bảng chữ cái, đọc đến chữ nào mà bàn ngừng gõ thì cứ theo đó mà ghép thành từ đáp án.

Hồ cầu ly: Cách này chủ yếu thấy ở Nhật Bản. Dùng ba cành tre đan chéo nhau đỡ một cái chậu, ba người ngồi chung quanh, dùng tay đè nhẹ vào cái chậu, một người khấn, cái chậu tự nhiên cử động. Người ta căn cứ vào hướng cử động của cái chậu mà đoán định lành hay dữ.

Ở Châu Âu cũng có hình thức phu ky gần giống như Hồ cầu ly của Nhật Bản. Dùng ba cái gậy, cột điểm gữa với nhau, sau đó dương ra thành một cái giá ba chân đặt trên mặt đất, trên giá đó đặt một cái đĩa, người ngồi chung quanh, mỗi người đặt một tay lên đĩa, toàn thân thẳng đuột, bất động. Mấy phút sau, cái giá ba chân phía dưới sẽ tự động nhảy lên, viết thành chữ hoặc vẽ thành hình, hoặc giả có thể theo dấu vết để lại của nó trên mặt đất mà đoán lành, dữ.

## VIII VIÊN QUANG

Viên quang cũng gọi là "quái ảnh" là một phong tục quan sát mặt của một vật phản quang như mặt gương, mặt lưỡi dao, lưỡi kiếm, mặt nước, qua cảnh tượng phản ánh trên đó mà đoán lành dữ, hoạ phúc. Tục này đã được ghi chép trong tiểu thuyết, bút ký cổ đại nước ta. Trong "Di Kiên chí" của Hồng Mại đời Tống đã có nội dung "Địch xưng quái ảnh". Sách "Lãn học am bút ký" của Lục Du cũng ghi chép về viên quang. Tục viên quang có trong các dân tộc Hán, Dao, Nga, Ngạc Luân Xuân, Tây Tạng.v.v... Người Hán ở một số địa phương, khi mất trộm, mất cắp thường mượn viên quang để tìm. Cách làm là dùng một chậu nước hoặc một cái gương, hoặc cắt giấy thành hình tròn dán lên tường.v.v... Người làm phép đốt bùa, niệm chú, cho trẻ con hoặc chính bản thân mình nhìn kỹ vật đặt ra(?) [1], thì cảnh vật bỗng hiện

(1) Chỗ này khó hiểu. Phải chăng là nhìn vào cái gương, chậu nước hay mảnh giấy? ND

ra trong gương, trên mặt nước hoặc tờ giấy trắng sẽ được thu vào mắt người làm phép hoặc đứa trẻ. Người này kể những gì đã thấy với người : nhà cửa thế nào, đường sá ra sao, có những ai ra vào... Nếu vật mất là bị trộm, thì kẻ trộm đã lấy đi như thế nào. Nếu chủ đánh rơi vật mất ở chỗ nào không biết thì sẽ kể lại những gì đã thấy. Xong rồi người làm phép đốt bùa, niệm chú, cảnh vật sẽ mất. Người mất nếu nói truy tìm, thì nghe nói "thường thường linh nghiệm". Thí dụ "Hợp Xuyên huyện chí" viết : "Trong dân gian, nếu vô cớ mất của cải gì, không biết tìm ở đâu thì mời thuật sĩ về nhà, cầm một cái đĩa sứ, dùng dầu thơm bôi xoa, bên cạnh đốt hương thắp đèn, dùng ngón tay giữa sờ kỹ trong đĩa, một lát sau, thuật sĩ nhìn kỹ cái đĩa nói rõ dáng người đã nhìn thấy, là trai, gái, già, trẻ thế nào, vật mất được đưa đi hướng nào.."

Trong thôn xóm người Dao khi bị mất cắp hoặc có người làm bậy, thì mời thầy làm phép viên quang (người Dao gọi là "bát nước soi" (chiếu thuỷ uyển ) để xét. Cách làm là : đặt cái bát đựng nước trong trên bàn, trên miệng bát nước gài một lưỡi dao hay lưỡi kiếm. Thày nhằm vào bát nước niệm chú làm phép. Nghe nói, bát nước đã làm phép có thể chiếu hình người làm bậy, vì vậy gọi là "bát nước soi". Lúc này, người trót làm bậy phải thú nhận, nếu không, thày làm phép rút lưỡi dao hoặc lưỡi kiếm đặt trên bát, thế là chỉ trong mấy ngày, người có tội sẽ bị tai hoạ chụp lên đầu.

Người Nga, người Ngạc Luân Xuân và người Tạng làm phép viên quang với mục đích khác. Người Nga cho rằng trẻ em do bị kinh hãi, bị người lạ sờ mó, quở quang hay khen ngợi (khi nói bé đẹp, bé béo..v.v..) do đó mà phát sốt, nói mê, hay giật mình, khóc đêm mà chữa lâu chưa khỏi thì phải nhờ bà mo thầy cúng trừ tà đuổi ma. Khi làm phép, bà mo nhìn ảnh chúa, tay cầm một bát nước sạch, trong bát bỏ vào một hòn than, niệm lời cầu khấn. Nghe nói, sau khi bà mo đọc lời khấn thì có thể tìm thấy nguyên nhân bệnh tật trong bát nước. Sau đó vẽ chữ thập lên trán đứa bé hoặc vẩy nước lên mình, lên chân bé thì sẽ hiệu nghiệm ngay. Người Ngạc Luân Xuân cũng dùng viên quang để bói. Cách làm là đặt cái gương đồng vào giếng nước, chum nước hặc chậu nước, nhưng nhất thiết phải làm dưới ánh nắng mới được. Trước hết nhìn hình phản quang và phương vị mà nó chỉ. Nếu phản quang tròn thì phương hướng nó chỉ là cát lợi. Rồi lại đụng vào nước, nếu vân nước phản xạ trong chậu thuận thì tốt, và có thể theo hướng vân nước mà đi săn hoặc xuất hành là tốt nhất.

Theo Tạ Kế Thắng trong "Dân gian văn học luận đàn" số 3 năm 1989, các thầy bói dân tộc Tạng khi bói bằng thuật viên quang thì ý niệm phải tập trung cao độ, nhìn chằm chằm vào gương hoặc mặt hồ, đọc chú, cầu xin thần linh. Sau khi đi vào trạng thái mê cuồng thì sẽ nhìn thấy được trong gương hoặc trên mặt hồ những hình ảnh núi tuyết, cây cối, hoa lá. Sau đó căn cứ vào

ảnh tượng đã thấy mà đoán lành dữ. Trong sử thi "Cách tát nhĩ" luôn luôn nhắc nhắc đến phép bói viên quang. Một số nghệ nhân diễn xướng "Cách tát nhĩ" cũng tự xưng đã dùng thuật viên quang, dựa vào ảnh tượng hiện ra trong gương mà hát sử thi đó. Khi diễn xướng, họ đặt trước mặt một cái gương đồng, nói rằng câu chuyện họ diễn xướng xuất hiện trong gương. Do đó bói viên quang cũng gọi là bói viên quang Cách tát nhĩ vương. Cách làm cụ thể là : Treo một chân dung Cách tát nhĩ đại vương trên tường, dưới chân dung đặt một cái bàn, trên đó bày đồ cúng, phia trước đồ cúng đặt ba cái bát thờ đựng rượu thanh khoa, sữa bò và trà váng sữa, trước ba bát thờ trên đốt một ngon đèn dầu váng sữa. Bên phải bàn bói đặt đồ đựng đựng đầy thanh khoa và lúa mạch, cắm mũi tên thần bói vào trong đó. Bên trái bàn bói cũng đặt đồ đựng đựng đầy thanh khoa và lúa mạch, trên ngọn đống lúa mạch và thanh khoa đặt một cái gương bạc hoặc gương đồng sáng, cũng có thể dùng lưỡi dao, lưỡi kiếm thay gương, gương được gói bằng lụa ngũ sắc đỏ, trắng, vàng, xanh, lam.

Thầy bói bói bằng phép bói viên quang cách tát nhĩ phải là thầy bói nam tu luyện du già đạt đến trình độ rất cao. Sau khi đốt hương cúng thần , thầy bói bắt đầu đọc văn khấn Cách tát nhĩ vương, cầu xin Cách tát nhĩ vương thoả mãn yêu cầu của người bói, ban cho một quẻ bói tốt lành. Người giúp việc thầy bói phải đem theo một bé trai 7 -- 8 tuổi dòng dõi quý tộc vào phòng bói,

đặt ngồi trên cái thảm dài mầu trắng phía trước cái gương. Thầy bói cất những tấm lụa ngũ sắc bọc gương, cho bé trai nhìn chăm chú vào gương. Nếu quẻ bói là cát tường, em bé sẽ nói nó nhìn thấy những cảnh tượng biến huyễn thần kỳ và sẽ kể lại với thầy bói những gì nó đã thấy. Thầy bói căn cứ vào ảnh tượng em bé kể mà có kết quả bói viên quang.

Thể hiện cao nhất của phép bói viên quang trong quan niệm của người Tạng là dùng nó để bói tình Đạt lai linh đồng chuyển kiếp. Ví dụ khi Đạt lai lạt ma thứ 13 viên tịch, nhiếp chính vương và các quan lại tăng lữ cao cấp tập hợp về một cái hồ thánh gần La Xa tiến hành bói viên quang, cầu xin nữ thần Ban-đan-la-ma bảo hộ viên quang hiển thị cho biết chỗ của linh đồng Đạt lai. Người ta nói cái hồ đó là thánh hồ do nữ thần Ban-đa-la-mu trông coi, từ nhiều thế kỷ trước đã được coi là chỗ linh nghiệm nhất để tìm linh đồng Đạt lai. Người ta sẽ theo cảnh tượng hoặc chứng triệu xuất hiện trên mặt hồ để phán đoán .Lần đó sau khi nhiếp chính vương và các quan cầu khấn không lâu thì trên mặt hồ xuất hiện rõ ràng một ngôi chùa nóc vàng, phía đông ngôi chùa có một con đường nhỏ dẫn đến một thôn trang nhỏ có những ngôi nhà mái xanh lam. Trên mặt hồ lại xuất hiện những chữ cái Tây Tạng "Ah" "Kha" và "Ma", sau khi thân hộ pháp Nãi cùng hiển linh xác định, linh đồng đời sau phải đi tìm ở hướng đông, chữ cai Ah tức là Ahmdo. Thế là nhiếp chính vương sai người

đi tìm linh đồng, thì thấy chùa Hoàng Trung, Chấp Tháp Nhĩ đúng là chùa nóc vàng, gần chùa đó có một ngôi chùa nhỏ do Karmapa Nô hi to gi thứ 4 xây dựng, cái chữ "Kha" và "Ma" xuất hiện trên mặt hồ thì ra là chữ Karmapa. Thế là tìm được linh đồng, tức là Đại lai thứ 14.

Một số dân tộc nguyên thuỷ ở một số vùng trên thế giới ngay cả ở Âu Mỹ cũng có tục viên quang .Ví dụ người Nê- gơ- li- tha ở bán đảo Mã Lai, các Xa man nhờ sự giúp đỡ của các tinh linh trên trời hoặc dùng tinh thể thạch anh để chữa bệnh, hoặc dùng một khối pha lê tự nhiên có thể nhìn thấy rất nhiều thú. Một số vu sư ở Âu Mỹ thường nhìn chăm chú vào một viên bi pha lê, vào "nước phép ma " (ma pháp thuỷ ) hoặc "gương ma " để bói. Việc bói bằng "nước phép ma " rất phổ biến ở Ve-ni-đơ thế kỷ 14, khi bói, dùng một chậu nước thầy bói nhìn vào hình người trong nước để đoán lành dữ, vạch đường chỉ lối hành động cho người bói. Nghe nói một nhà linh cảm nữ nước Mỹ đã nhìn vào viên bi pha lê để đoán trước được đại chiến thế giới lần thứ hai, nói trước được việc con người lên mặt trăng, sự đối lập Trung Xô và thất bại của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.

## IX- LÊN TRỜI (THĂNG KHÔNG)

Lên trời cũng là một tục cầu thần nhập xác mê tín trong lịch sử Trung Quốc và thế giới .Nhiều tư liệu trong ngoài nước đã ghi chép hiện tượng này .

Ở nước ta, bộ sách "Sơn hải kinh", bộ vu thư được coi là sớm nhất đã nói đến những vu sư thần thông quảng đại, có thể lên trời xuống âm phủ, nối thông thế giới người với quỷ thần . Nhà khoa học nổi tiếng đời Tống là Thẩm Quát đã ghi lại trong bộ sách "Mộng khê bút đàm" rằng chính ông tận mắt chứng kiến việc lên trời. Sách viết :"Theo tục cổ, tháng giêng vào ngày rằm đón thần xí, gọi là tử cô. Cũng không hẳn là vào tháng giêng, ngày thường cũng chiêu được hồn. Hồi còn nhỏ tôi đã thấy lũ trẻ rỗi rãi thì chiêu hồn Tử cô để vui chơi. Trong những thân thích đã từng có người chiêu được hồn rồi, hồn không chịu đi. Hai lần thấy vậy về sau không dám chiêu nữa. Dưới đời Cảnh Hựu (1034-1037) nhà quan Thái Thường Bá sa là Vương Luân nghênh đón Tử cô; Tử cô đã nhập vào con gái của ông. Tự xưng là cung nữ trong hậu cung của Thượng đế, rất đẹp giỏi thơ văn, nay còn lưu truyền tập "Nữ tiên tập". Nàng có thể viết mấy thể chữ, nét chữ rất khoẻ khoắn ... Vương Luân chơi thân với gia nghiêm, tôi cũng giao du với các con ông, đã tận mắt xem bút tích của nàng. Gia đình ông cũng thường thấy bóng dáng nàng, Từ lưng trở lên thấy rõ là một người con gái đẹp, phần dưới thân thì bị mây che kín ... (Tử cô - ND) đã từng nói với con gái Vương Luân: "Có thể cưỡi mây đi chơi với tôi không?" Cô gái đồng ý, thế là trong sân dùn lên toàn những mây trắng, cô gái ngồi lên, mây không chở được. Thần nói "Dưới gót giầy nàng có đất bẩn, cần phải trừ bỏ đi". Cô gái

bỏ giày, đi bít tất không mà trèo lên cảm thấy như xéo lên bông, cứ từ từ đến nóc nhà lại xuống. Thần nói: "Nàng có thể đi được, chờ đến ngày khác". Sau cô gái lấy chồng, thần không đến nữa. Nhà ông ta không hề gặp hoạ phúc gì. Người ta ghi kể về chuyện này rất kỹ, ở đây tôi chỉ ghi vắn tắt sơ lược ...

Bút ký và tiểu thuyết Minh Thanh ghi về chuyện này không thiếu. Du Việt đời Thanh đã ghi trong trong bộ sách "Trà hương thất tứ sao" của ông: "Ở Lư Sơn có đạo sĩ họ Thôi tích trữ mấy hộc hương. Một hôm ông bảo đệ tử đem tất cả để dưới chân núi Ngũ lão, đốt dần. (Thôi đạo nhân ) ngồi trầm mặc cạnh khói mù mịt không thể nhận ra mặt người, bỗng nhảy vọt một cái đã ở trên chóp núi".

Ngoài ra sử liệu cận đại cũng có ghi chép về tục lên trời . Theo tài liệu của phong trào Nghĩa Hoà Đoàn trong thành viên của tổ chức "Hồng Đăng Chiến" .Một tổ chức phụ nữ của phong trào Nghĩa Hoà Đoàn, đã từng lưu truyền, chuyện nói sau khi cầu thần nhập xác rồi lên không. Những người "Hồng Đăng Chiếu dùng con gái khoẻ đẹp lớn không quá 17, 18, nhỏ khoảng 12, 13, mặc quần áo đỏ đi giầy đỏ, như là hồng phạm trong hội thành hoàng, một tay cầm quạt đỏ, một tay cầm khăn đỏ. Truyền rằng: cách luyện của họ là đốt hương niệm chú, vẩy quạt thế là có thể lên cao đến mấy trượng" [1] Hoặc

(1) "Nghĩa hòa đoàn" (2). trang 9

là: "Khi mới luyện dùng một chậu đồng, chứa đầy nước trong. Phụ nữ vào lúc đêm khuya thanh vắng, đóng cửa đọc chú, có thể đi ven theo chậu, tay trái cầm khăn đỏ, tay phải cầm quạt đỏ. Phe phẩy quạt thì nổi gió lên,thế là từ từ bay lên. Năm ngày thì có thể lên cao mấy trăm trượng trên không.(2) Mãi đến thời Dân quốc vẫn còn những tài liệu ghi chép về lên không . "Truân lô sở văn lục "nói : "Từ dân quốc đến nay ...được truyền tụng rầm rộ nhất là chuyện nói người họ Vương nọ có thể bay tuyệt tích. Mới hôm nào đó vừa trò chuyện với khách, đi ra ít lâu trở lại thì đã đến Tây Sơn gặp người khác. Về sau hỏi người nọ, so sánh thời gian, sự việc thì quả đúng như vậy...(3)

Ở nước ngoài, trong các tài liệu tôn giáo và dân tộc chí cũng có ít nhiều chỗ ghi chép về tục thăng không, cho thấy người mê tín về tục đó như thế nào. Ví dụ cuốn sách "Phi đằng" (bay vọt lên) của Ô li via Lêrôa đã viết về 230 giáo đồ thiên chúa giáo có bản lĩnh phi hành. I ta na chi Cô - y - ô - ra là một trong số đó, ông ta khi suy nghĩ thường rời mặt đất khoảng 30 cm. Atôri phus - Li - tơ - nô - ri cũng là một trong số đó, năm 1977 ở nhà thờ Thánh Giôn thuộc Phu - cơ - yê, trước mặt rất đông tín đồ, ông ta đã bay vọt lên không. Còn nữ tu sỹ Ma - ri - a thuộc đoàn nữ tu sỹ Can - mê - ri trong vườn hoa của tu viện Bô - ri - tan, bà ta đã

(2) Sách trên, trang 141

(3) "Thôn báo nguyệt san" số 5 quyển 3

bay lên ngọn cây, nắm cành cây mà đu. Tất cả những người có thể bay lên khỏi mặt đất đều ở trong trạng thái tâm thần không bình thường. Hiện tượng này không phải chỉ có trong tín đồ thiên chúa giáo. Trong đồ đạo Is lam, có nhà sư khổ hạnh Hai tan ở I - ran thế kỷ 12 đã nổi tiếng vì có thể bay lên ngọn cây và nóc nhà. (1)

Những biểu diễn thăng không như vậy đã xảy ra trong dân tộc Ai - ski - ma, ở Đông bắc A và Mê - ra - ni - xi a. Ở Gơ- rin - lan, một trong những đạo cụ thăng không là một cái gậy có chàng. Các vu sư đạo Xa - man và các Ma - cơ đạo Bái Hỏa có thể làm cho người ta rời mặt đất mà bay lên cao. Có khi các Xa - man được chọn trong những người biết bay. Ví dụ ở đạo Xu - ma - tơ - ra, các thần phủ người đại diện cho thần có thể bỗng chốc biến mất, vì thần đã mang họ đi. Ba bốn hôm sau, họ lại có mặt ở thôn xóm. Nếu không phải là thần đã mang họ đi, thì người ta có thể phát hiện thấy họ trên cành cây cao, đang nói chuyện với thần trên đó ! Vì những người đó rất giống những người điên, cho nên để họ tỉnh lại, người ta phải mang tế phẩm cho họ. Dân đảo Mê - ra - ni - xia rất sợ loại "thầy mo biết bay" (phi vu) giống như những bà mo châu Âu. Theo dân địa phương nói, bản lĩnh trở thành thày mo biết bay là do mẹ truyền cho, từ nhỏ bà cụ đã luyện cho con biết bay. Trong người Tun - khun - na ở Úc đại

(1) "Những điều kỳ lạ trong giới tự nhiên" của Giôn - Mi - xem. Rôbơt. Ri - sac (Anh). NXB Phương đông. 10 - 1990. trang 297

lợi, các Pi - la - an - kho (một loại thày mo)được tinh linh Ma - ra - an - ta - mi truyền dạy có phép đi lại như tinh linh. Họ có thể bí mật bay lên trời đến chỗ các tinh linh. Chuyện đồn đại về các bà mo cưỡi chổi bay đã là một chủ đề thường được đề cập trong văn học dân gian Châu Âu.

Thế thì, có thật có chuyện biết bay thật sự không? Thực chất của việc này là gì? Về vấn đề này, chúng ta sẽ tìm hiểu trong chương 6 sách này.

## X. ĐI NHANH (KHOÁI HÀNH)

Theo một số sử liệu và bút ký, tiểu thuyết, tục thăng không (bay lên trời) cũng là một loại trong tục đi nhanh, vì bay thì có thể tăng nhanh tốc độ đi. Còn đi nhanh nói ở đây là đi nhanh trên mặt đất.

Những tài liệu ghi chép về chuyện đi nhanh chỉ thấy ở một số ít nước trong đó có Ấn Độ. Còn ở nước ta, trong các sử liệu, địa phương chí, bút ký, tiểu thuyết, trong dã sử và ngay cả trong truyền kỳ thần quái, trong truyền thuyết dân gian đều rất ít thấy đề cập đến. "Quảng Chây chí Nhâm Dần chí" viết "La Vạn tượng... mỗi ngày đi ba bốn trăm dặm, ngựa theo không kịp." "Đặng Xuyên huyện chí" viết "Lý Kỷ... muốn đến chân thành, cách xa hơn mười dặm, chỉ nháy mắt là đến." Người đời Thanh Phương Duê Di nói trong "Mộng viên tùng thoại" : "Một quan đại thần ở Y Lê đã gặp dị nhân, đem ba nghìn

vàng để được truyền dạy hai kỳ thuật, một là phong hỏa luân, tìm những mũi ngói nghìn tuổi của các chùa quán cổ, khắc thành hai bánh xe nhỏ, lắp vào trong đế giày, bắt quyết đọc chú thì có thể đi nhanh như bay, một ngày 800 dặm." Ở huyện Quỳ Nguyên tỉnh Quảng Đông tương truyền rằng xưa kia có một người là thày mo Mã Tuấn Châu, ngày ngày đến tỉnh xem hát, từ nhà đến tỉnh cách nhau mấy trăm dặm, trong một ngày làm sao đến được để còn ung dung xem hát. Thế mà ông ta đã đi thật, ngày ngày đều đi. Ông ta có thể kể lại lời kịch, kể lại tình hình buổi diễn không sai một li một tí nào, thật là kỳ là hết súc. Một người bạn ông ta không tin, đêm đến đến nhà ông ta rình xem ông ta làm thế nào. Thì thấy, vào khoảng canh hai, ông ta cưỡi lên một con ngựa tre, vung tay quất roi, con ngựa tre bay vụt đi như rồng bay, trong nháy mắt đã không thấy đâu nữa. Quá nửa đêm, ông ta lại cưỡi ngựa bay về, xuống ngựa, lên giường ngáy khò khò... Rất rõ ràng, những ghi chép về đi nhanh đó đã khoa trương đến cực độ, thần kỳ đến mức không thể nào tin được. Thế mà cho mãi đến nay tục đó vẫn tồn tại, chỉ có điều là người ta không nói đến nỗi quá thần kỳ như đã thấy ghi trong sử liệu. Theo một số nhà nghiên cứu, trong dây Hymalaya có giáo phái "Du Già chạy nhanh", họ có thể tạo ra cho mình một trạng thái tâm lý đặc biệt đại loại như chứng mộng du đêm trăng có thể đi nhanh hơn bình thường rất nhiều, trong một

đêm trăng mờ, có thể đi chân không trên đường núi gồ ghề hơn 100 km, nhưng luôn luôn có nguy cơ ngã chết bất cứ lúc nào. Điều khó hiểu là chạy nhanh trong cự ly quá lớn như vậy trong trạng thái bán thôi miên, nói chính xác hơn, họ đi nhanh như vậy trong trạng thái trầm tư.

## XI. THÂY CHẾT ĐI (HÀNH THI)

Đây là tục "mượn thây hoàn hồn" "thây chết biết đi" nghe đến rợn người lưu hành ở cao nguyên Vân Nam Quý Châu, cao nguyên Thanh Hải, Tây Tạng, ở vùng núi Nam Lĩnh và vùng Hồ Bắc Hồ Nam thời trước giải phóng. Theo đồn đại, hồi đó có người biết phép về tục này, một số thư tịch có ghi, tường tận nhất có lẽ phải kể "Cổ kim quái dị tập thành" :

...Ở vùng Qui Châu, Hồ Nam có thuật hành thi, tức là thây chết có thể do người làm phép mà có thể đi hay dừng theo lệnh người sống, có thể qua thời gian mấy tháng, có vẻ như không có lý tí nào cả. Nói là do tác dụng của một thứ cảm ứng gì hay là tác dụng của một loại điện quang nào, cũng khó hiểu. Các thương nhân Qui Châu làm nghề chở gỗ, mỗi mùa xuân khi có nước chở bè được, họ ghép gỗ thành bè, xuôi về vùng Thường Đức, Hồ Nam. Họ bán hết gỗ rồi, lại theo đường bộ trở về Qui Châu. Có người ốm chết dọc đường, đường

xa, không dễ gì đưa xác về quê, những người đồng hành có người có thuật hành thi. Phải hai người mới làm phép được. Một người đi trước dẫn đường, một người tay cầm bát nước đi theo sau (Trong bát nước phải có phù chú). Nước không sánh đổ thì thây chết không ngã. Thây chết không khác gì người sống, chỉ có điều là không biết nói. Thây đi đứng cũng hơi khác người sống, người sống đi thì đi, người sống dừng thì dừng, hoàn toàn theo người sống. Trời tối, vào ngủ quán trọ, chủ trọ thấy thì phải chuẩn bị phòng riêng cho thây chết. Những việc dẫn thây này xảy ra luôn, cho nên các chủ quán trọ vùng này thường chuẩn bị sẵn phòng cho thây chết. Hại người sống ngủ trên giường thì thây chết đứng bên cửa, ngạn ngữ Hồ Nam nói : "Ba người ngủ trọ, hai người ăn cơm" là chỉ việc này. Một ngày trước khi về đến nhà, thây chết sẽ báo mộng cho người nhà. Người nhà chuẩn bị áo quan khâm liệm. Thây về đến nhà thì đứng sừng sững cạnh áo quan, người đưa thây đổ bát nước xuống đất, thây sẽ đổ xuống ngay. Phải gấp rút khâm liệm, nếu không thây sẽ thối rữa (tuỳ theo thời gian đã chết dài ngắn, thây chết biến dạng tương ứng). Mùa thu năm Kỷ Dậu niên hiệu Tuyên Thống, Lục An Dương Khoan Phu ở trọ ở Hồ Nam đã từng tận mắt chứng kiến ở ngoại thành Trường Sa. Trạch sinh ở Dương Hoàng, Quí châu đã từng đóng quân ở ranh giới Tứ Xuyên. Một hôm, bên ngoài

doanh trại nhốn nháo cao lên. Hỏi thì nghe nói có người giải thây chết đi qua, thây chết có thể tự đi được. Bèn ra xem thì thấy một người cầm cái phướn vải đi trước, một thây chết, cứng thẳng, đi theo sau, lầm lũi bước. Quát bắt dừng lại, hỏi thì nói, người này chết đường, không thể chuẩn bị áo quan, đành phải làm phép cho thây đi, về nhà sẽ khâm liệm. Hỏi dùng phép gì thì nói, tôi làm nghề này không thể tiết lộ bí mật. Hỏi còn phải đi bao xa, thì nói rằng cần đi 4,5 ngày nữa. Hỏi đêm ngủ thế nào thì nói sẽ cho thây đứng bên cửa. Trạch sinh cho người khám nghiệm thì quả đúng là thây chết. Lúc đó, tất cả doanh trại bỏ trống nhà mà ra xem, nhiều người tận mắt nhìn thấy. Lại hỏi dân địa phương thì họ nói, chuyện này thường xảy ra, không có gì là lạ.

Chả lẽ người đã chết rồi mà có thể đi được sao? Người đưa thây chết làm sao có thể làm cho thây chết đi được? Để hiểu rõ, xin đọc chương 6 "Lần sâu vào hang tối : Chân tướng của việc cầu thần nhập xác" (hạ).

# Chương III

## MA LỰC CỦA CÔ ĐỒNG ÁO ĐEN.HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG VÀ CÔNG DỤNG CHỦ YẾU CỦA PHONG TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

### HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG CHỦ YẾU TRONG TẬP TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Phong tục tập quán" giáng thần phụ thể" tức là : cầu thần nhập xác, sở dĩ kéo dài không ngớt, sở dĩ được mọi người mê tín tin tưởng rằng có quỷ thần tồn tại, một trong những nguyên nhân chủ yếu của nó có liên quan với hiện tượng siêu thường khiến cho rất nhiều người không hiểu được tồn tại của phong tục cầu hồn nhập xác.

### SIÊU TRÍ LỰC

Hiện tượng siêu trí lực trong phong tục cầu thần nhập xác chủ yếu biểu hiện ở tính đặc thù của tri thức

mà cô đồng nhận được trong trạng thái mê cuồng. Bình thường tri thức mà con người ta có được là nhờ học tập một khâu bắt buộc không thể thiếu. Đó là một quy luật không thể đảo ngược được. Thế mà trong trạng thái mê cuồng, tri thức mà người lên đồng có được lại có thể làm đảo ngược quy luật này, không cần phải trải qua quá trình học tập (hoặc giả chí ít cũng có thể nói là không nhìn thấy quá trình này). Hiện tượng siêu trí lực này, trong phong tục cầu hồn nhập xác chủ yếu được biểu hiện ở 3 mặt sau :

*1 - Không học mà tự biết đánh côn quyền*

Ví dụ, những "Mê đồng tử" sau khi được thánh nhập được sai đánh côn múa quyền " không thuật nào không biết" (1); người biểu diễn thần quyền Nghĩa hoà "chưa từng được học nghề" vậy mà sau khi thánh nhập lập tức có thể "cầm dao mà múa" (2), "một đêm mà thành" (3), lại ví như những người "Đấu âm quyền" chưa từng được học qua võ thuật đã kể ở phần tiên sau khi được thánh nhập cũng có thể biểu diễn được những động tác võ thuật ở trình độ khó v.v... đều thuộc vào loại hiện tượng này. Trong thời kỳ Dân quốc ở Bắc Bình có một loại tôn giáo bí mật dân gian tự xưng là "Thái Cực thần giáo", các giáo chủ tập luyện chủ yếu để diễn tập "thần quyền",

(1) Thần báo nguyệt sau" số 2 quyển 4 trang 75

(2) "Nghĩa hoà đoàn" (I) trang 40

(3) "Nghĩa hoà đoàn" (I) trang 444.

sau khi niệm chú cầu thần lập tức có thể không dạy mà tự biết. (1) Có người lần đầu tiên nhìn thấy hiện tượng "không học tự biết múa võ" của trò chơi quỉ quái "mê hoặc " này, trong lòng rất nghi ngờ, không mấy tin tưởng, cho rằng họ vốn đã biết kỹ thuật từ trước, họ cầu thần niệm chú v.v... chẳng qua chỉ là cố ý làm ra mà thôi. Về sau nhìn thấy con em nhà láng giềng cũng tới tham gia trò này, mà con em nhà láng giềng từ xưa chưa hề hiểu gì về võ thuật cả, sau khi nó được thánh nhập vào rồi lại có thể biểu diễn được những quyền pháp vô cùng thuần phục, đã khiến họ không thể không tin. (2)

*2 . Không học mà tự biết nói biết hát*

Hiện tượng này cùng tương đối đột xuất ở trong tục cầu thần nhập xác ví như thường "Thượng Đào viên" của dân tộc Động lúc bình thường không biết ca hát, sau khi thần hồn nhập định cũng có thể đối đáp trôi chảy. Người "Tác Miêu Gia Đạo" bình thường không biết hát mấy, sau khi trở thành "Miêu Gia đạo" (tức là nhập vào cõi âm) thì ca hát rất giỏi ; một số nghệ nhân dân gian của dân tộc Tạng thông qua việc cầu hồn nhập xác không học mà tự biết nói biết hát các bài sử thi "Cách tát nhĩ vương " v.v... đều thuộc vào loại này cả.

Căn cứ vào sự điều tra của một số học giả, ở Tây Tạng lão nghệ nhân Trát Ba ở Xương Đô và nữ nghệ

(1) Lý Thế Du : "Hiện đại Hoa bắc bí mật tôn giáo" (trang 8)

(2) "Dân tục" kỳ 23 trang 29

nhân Ngọc Mai, huyện Ná Khúc Tố biết nói biết hát sử thi "Cách tát nhĩ vương" đều là những người một chữ bẻ đôi không biết, nhưng có thể diễn xướng thao thao bất tuyệt năm sáu chục bộ "Cách tát nhĩ vương" là tới mấy triệu chữ ; Ông Tài Nhượng Vượng Đôi 57 tuổi, người làng Đường Cổ Lạp, thị trấn Cách Nhĩ Mộc, tỉnh Thanh Hải, một chữ không biết có thể tụng xướng 120 bộ "Cách tát nhĩ vương". Họ tự xưng là nhà kể truyện thánh truyền, không thừa nhận các câu chuyện là do học được. Họ cho rằng lúc nhỏ đã nằm mộng, sau đó bị ốm, trong mộng đã từng nhận được chỉ ý của thần, của đại vương Cách tát nhĩ hoặc các chiến tướng khác của ngài, trong khi ốm hoặc sau khi ốm khỏi lại qua chùa Lạt Ma đọc kinh cầu nguyện rồi từ đó biết ca hát Cách tát nhĩ , do vậy mà biết nói biết hát. Như ông Trát Ba tự kể rằng năm lên 9 tuổi khi lên núi chăn cừu đã nằm mộng thấy đại tướng Đan Mã của Cách tát nhĩ dùng sức tách đôi bụng mình lấy ra toàn bộ ngũ tạng, nhét sách của Cách tát nhĩ vào. Sau khi tỉnh mộng trở về đến nhà thì bị ốm một trận kịch liệt, trong thời gian ấy thần trí không tỉnh táo, nói hát kể lể các câu chuyện của Cách tát nhĩ một cách lộn xộn lung tung. Người nhà đã đưa Trát Ba tới chùa Biên Ba mời phật sống Cam Đơn đọc kinh cầu nguyện, đến năm 13 tuổi mới dần dần tỉnh táo, sau đó liền bắt đầu kiếm sống bằng nói hát. Ngọc Mai cũng tự kể lúc 16 tuổi một lần nàng lên núi

chăn cừu, sau khi ngủ say thì nằm mơ thấy một con yêu quái ở trong hồ nước đen cùng với tiên nữ ở trong hồ nước trắng tranh cướp nàng. Tiên nữ nói với yêu quái rằng: này (chỉ Ngọc Mai) là người của Cách tát nhĩ chúng ta. Ta phải dạy nàng thuộc bài công tích anh hùng của Cách tát nhĩ không sót một câu để rồi truyền thụ cho nhân dân toàn Tây Tạng. Sau khi Ngọc Mai tỉnh dậy nàng bị ốm nàng mất một tháng, mê man bất tỉnh, trong miệng liên tục nói lảm nhảm về những câu chuyện của Cách tát nhĩ. Sau khi ốm khỏi liền biết nói biết hát. Lão nghệ nhân Dũng Châu hơn 60 tuổi, người huyện Ná Khúc Ban Qua, tự kể năm 13 tuổi, từng mời phật sống Mã Nhân Ba Thiết ở chùa Đạt Long tới gọi hồn nhập xác rồi bỗng biết nói biết hát, từ đó cứ liên tục nằm mộng, ban đêm mộng thấy cái gì ban ngày nói ra cái ấy, về sau những nội dung nói và hát càng ngày càng phong phú lên nhiều. Lão nghệ nhân Tang Châu hơn 60 tuổi người Mặc Trúc Công Ca cũng nói rằng sau khi tỉnh mộng, sau khi được chỉ thị của chùa Lạt Ma rồi mới biết nói biết hát. Lại căn cứ vào "Quát dị chí" đăng tải : "Phong tục của Sơn Đông vào tháng giêng chọn ra 5 người con gái khác họ, trên 10 tuổi, cùng ngủ một chõng, dùng chăn đắp cho chúng, dùng mẹt quạt cho chúng. Lâu dần chúng nằm mộng, hoặc như thích thêu thùa chữ nghĩa, hoặc thích theo nghiên bút, hoặc như trông coi việc nhạc tấu, trong nháy mắt đã ngủ dậy.... Kể từ đây

trở đi việc nữ công âm luật thư trát không học tự biết." Những điều phản ánh "nữ công âm luật thư trát không học tự biết" cũng chính là hiện tượng siêu trí lực trong phong tục gọi hồn nhập xác

Ngoài những thứ này ra, việc "không học mà tự biết nói" trong hiện tượng "Long Châu kê quỷ" cũng đáng để nêu ra.

Ở vùng Bằng Tường, Long Châu, tỉnh Quảng Tây không ít người đều nhìn thấy tình hình như sau: "Một người đường hoàng đứng đắn, chẳng biết làm thế nào, bỗng chốc sinh ra điên loạn, tay phát run, chân đi lẩy bẩy giống hệt như con gà dùng móng quắp lấy đồ vật. Đôi mắt không ngừng trợn lên trắng dã, nói toàn những câu quỷ quái loạn bậy, có khi còn học theo lối gà gáy. Đó chính là cái gọi là "Ma gà". Đối với việc sản sinh ra "Ma gà", người dân của vùng này cho rằng người sống đã trúng phải giải độc của gà. Bởi vì "Ma gà" cho dù là sốt cao cũng có thể chạy ra ngoài, chạy thẳng một mạch đến nhà người được coi là thả ma gà ra, gọi một người đàn bà nào đó của nhà này nghe nói đó chính là người thả Ma gà ra làm "Mẹ". Nếu người đàn bà này dùng tay sờ lên đầu của con "Ma gà", thì "Ma gà" sẽ khôi phục lại trạng thái bình thường. Hoặc có người cho rằng đó là linh hồn của người chết chui vào trong thân người sống để lấy ra và thay thế linh hồn, thần thái vốn

có của người sống, khiến cho người sống biến thành người chẳng ra người quỷ không ra quỷ. Một con người hễ trở thành "Ma gà" thường thường có thể nói ra những lời mà lúc thường không thể nói được hoặc bắt chước của chỉ thần thái của người khác. Có người đã chính mắt nhìn thấy con "ma gà" như thế này : Một bà già đã 109 tuổi, bình thường chỉ có thể nói được tiếng Choang và tiếng bạch thoại Quảng Đông. Sau khi trở thành "Ma gà" đột nhiên lại nói được tiếng phổ thông tiêu chuẩn, hơn thế toàn thân tràn đầy sức sống thanh xuân, một mặt kêu gào loạn xạ, một mặt chạy nhẩy điên cuồng. Người nhà cho rằng cụ bị bệnh thần kinh vội vàng cử một kiện tướng về môn chạy dài đuổi theo cụ, thế nhưng không sao đuổi kịp được. Cuối cùng tự thân bà cụ trượt ngã, nghỉ ngơi giây lát bò dậy, lại khôi phục trạng thái bình thường, mọi thứ trở lại như cũ. Còn có một nhân viên khai thác thu mua từ phương bắc xuống phương nam, một hôm trúng phải ma gà, đột nhiên nói một mạch tiếng Choang và tiếng Việt, hơn thế cử chỉ thần thái cực kỳ giống một nông dân đã bị chết mấy năm về trước.(1)

Ở nước ngoài cũng thấy có hiện tượng siêu thường "Không học tự biết nói biết hát" ví như tục gọi hồn nhập xác ở Trung Quốc. Ví dụ giáo phái Sa Man, của người

(1) Hoàng Hồn : "Thần y kỳ công mật phương lục" , nhà xuất bản dân tộc Quảng Tây xuất bản lần thứ nhất tháng 8 năm 1990 trang 27-28

A - Y - nổ Nhật Bản, khi cử hành nghi thức lên đồng, có khi đã biết nói ra những lời theo lí thì không thể nói được. Một người khác trong giáo phái Sa Man khi lên đồng đã có thể sử dụng ngôn ngữ Côrias, mọi người xung quanh khi thấy vô cùng ngạc nhiên không lí giải được. Nói tóm lại, căn cứ vào sự khảo sát của một số nhà nhân chủng học thì vu sư của các dân tộc trên thế giới, sau khi đi vào trạng thái mê sảng , đại bộ phận đều có thể nói ra và hát ra những thứ mà lúc bình thường căn bản họ không hề biết.

*3 . Không học mà tự mình có thể viết ra được*

Theo sách "Diệu Hương thất tùng thoại" nói; có người đã dùng nữ tì không biết chữ lên đồng [1] đồng tiên có thể làm được thơ. Đây chính là một sự việc điển hình "không học mà tự viết được chữ". Các hiện tượng tương tự" không học mà tự viết được chữ" này, trong nền văn hiến cổ đại Trung Quốc không nhìn thấy nhiều, thế nhưng ở nước ngoài thì hầu như nước nào cũng nghe thấy có ví dụ : Ở bang Misuri, thành phố Xanhlui, nước Mỹ đầu thế kỷ 20 có một bà tên gọi là Farôn, bà học sơ sơ được chút thi thư, đối với lịch sử hiểu biết không nhiều, đối với lịch sử diễn biến ngôn ngữ, một môn học vấn cao siêu và phức tạp, càng không hiểu biết tí gì. Vậy

(1) Một loại hình mê tín tự viết chữ theo chỉ thị của thần

mà thông qua việc gọi hồn nhập xác bà đã có thể viết ra được một cuốn tiểu thuyết và được đánh giá rất cao. Nội dung được viết trong quyển tiểu thuyết này là chuyện nước Anh thời trung thế kỷ, bà Farôn dùng văn tự đương thời viết thành, văn tự này từ nhỏ là chưa hề được học qua [2] cuối thế kỷ 19 một học giả người Mỹ được mệnh danh là người cha của ngành tâm lí học, ông Uyliam - Jiêmxơ đã từng tiến hành nghiên cứu đối với Paipô phu nhân, một cô đồng nổi tiếng đương thời. Ông cử bà làm thành viên chủ yếu của hội nghiên cứu tâm linh, để tiến hành biểu diễn vu thuật. Khi bà ở vào trạng thái mê sảng , chịu sự khống chế của một "kẻ giao lưu" nào đó, bà có thể dùng một loại ngôn ngữ mà trong trạng thái tỉnh táo bà chưa hề được học qua để nói chuyện lại còn có thể tự động viết chữ, sáng tác nhạc, vẽ tranh, mà trong khi tỉnh bà không có kỹ năng này, bởi vì từ xưa bà chưa hề được bồi dưỡng và huấn luyện về mặt này.

## SIÊU THỂ LỰC

Hiện tượng siêu thể lực biểu hiện là người "lên đồng", người "vũ tiên đồng" v.v... có thể liên tục nhảy múa quay cuồng trong mấy tiếng đồng hồ liền, cường

(2) Lâm Vũ. Cổ Nguyệt biên soạn : "Thế giới thần bí" Công ty xuất bản văn hoá quốc tế Bản in lần thứ nhất tháng 5 năm 1991, trang 51.

độ mệt mỏi của họ đã vượt xa giới hạn chịu đựng của con người bình thường; người "đấu âm quyền", người biểu diễn Nghĩa hoà thần quyền sau khi thánh nhập "sức mạnh gấp mấy lần lúc bình thường[1], dũng mãnh hơn người"[2] "Cầm được cây gỗ lớn để múa, không biết gì đến sức nặng của gỗ"; người "thỉnh trác thần" "chân chạy như điên, bụi mù mịt theo chân; người "đi nhanh" ở trạng thái mê ảo "đi nhanh hơn người thường rất nhiều " v.v.. Sách "Lĩnh biểu kỷ man" viết : "Người Chương miền bắc làm lễ cầu phúc đều mời thần "Bạch mã Lệnh công". Lệnh công nếu phát lệnh, người làm phép thuật bỗng như điên dại, tuy người yếu đuối không mặc nổi áo vẫn có thể nhảy vọt hơn một trượng, trèo lên được đỉnh mái nhà". Những tư liệu điều tra lịch sử xã hội các dân tộc thiểu số Trung Quốc đã chứng tỏ, một số vũ sư của dân tộc Lạc Ba, khi lên đồng giúp chữa bệnh, trước tiên đặt một chiếc thúng đan bằng tre rộng từ 1,4 đến 1,5 m (cao ước 20cm) ở vị trí nào đó ở bên cạnh hố lửa vũ sư thân khoác tấm thảm mầu hồng, tay cầm đại đao, mũi dao chúi xuống dưới (có người tay cầm sào tre hoặc gậy gỗ) bước vào trong chiếc thúng. Dựa vào một bên hố lửa, bắt đầu quay ở trong thúng, đồng thời toàn thân tự quay đảo, chân không rời đất cứ bước từng bước chuyển theo.

(1) "Nghĩa hoà đoàn" (I) trang 353

(2) "Nghĩa hoà đoàn" (I) trang 404

Lúc này vu sư giống như người dẫn đường, làm ra thần thái của người đang trong mộng miệng đọc thần chú. Có khi quay cuồng 2 giờ đồng hồ rồi mới nghỉ ngơi hút thuốc, có khi có thể quay cuồng từ lúc trời tối cho tới lúc gà gáy sáng. Cái mà họ thể hiện ra cũng là một hiện tượng siêu thể lực. Ở một vùng đất ở miền tây Thổ Nhĩ Kỳ, một số người được thần nhập sai khiến có thể nhảy xuống vực sâu mà không bị thương, có thể nhổ bật cả rễ cây to vác lên lưng bước qua đường hẻm núi cực kỳ hẹp. Những điều này đều thuộc một loại với những kỳ tích mà các tăng nhân khổ luyện biểu diễn khi được thần nhập sai khiến.

## SIÊU NGHỊ LỰC

Cái gọi là siêu nghị lực ở đây chủ yếu là nói tới năng lực của những người đã được thần nhập trong trạng thái mê sảng có thể chống lại sự đau đơn vượt quá sức chịu đựng của người thường. Ví dụ dùng kim xuyên qua má, dùng kiếm xuyên qua bụng và nhảy vào nước sôi lửa cháy mà không thấy đau v.v... Có học giả không thừa nhận đây là một hiện tượng siêu nghị lực, mà cho rằng đây là một loại năng lực trải qua huấn luyện mà có được, hoặc là vu sư sử dụng một phương pháp khoa học nào đó để phục vụ cho hoạt động vu thuật của mình. Ví như thông qua sự huấn luyện nhất định có thể lấy kim xuyên

qua má, lấy kiếm xuyên qua bụng mà có thể chịu đựng được sự đau đớn; có thể để chân trần đi qua đi lại trên đống kính thuỷ tinh vỡ, bước lên trên thang dao sắc nhọn, dùng răng cắn đứt dây thép nung đỏ; hoặc là trong nghi thức đốt lửa rắc ít nước thuốc có thể làm tắt lạnh trước khi bước lên giết gà lấy máu gà bôi vào dao, dùng máu gà đã đông phủ kín những lưỡi dao sắc nhọn v.v... Không thể phủ nhận, thông qua huấn luyện có thể có được một số khả năng chống lại được sự đau đớn. Thế nhưng, những điều này không thể đủ để chứng minh khả năng chống lại sự đau đớn của người được thần nhập đều là kết quả của sự huấn luyện. Hàng loạt sự thực chứng minh, những người được thánh nhập ở trong trạng thái mê cuồng được khả năng chống lại sự đau đớn thực ra không cần đến phải trải qua huấn luyện, mà là nhờ ở trạng thái mê cuồng mà có được. Ở Trung Quốc, một số Sa Man [1] nào đó lên đồng dùng kim xuyên thủng 2 bên má trái và phải mà không cảm thấy đau là như vậy đó; Người "lên đồng" lấy dao tự cắt lưỡi mình", "lấy bó hương lửa đang cháy nhét vào mồm nhai, mồm mũi đều ngùn ngụt bốc khói" cũng không hề đau đơn" [2] là như vậy đó. Người "chọi đất vật trâu" lao đầu chảy

(1) Sa Man là thầy cúng nam làm phép để lên đồng. Sa Man còn gọi là Man, trong đạo Sa Man lưu hành ở Á châu và một số nơi ở Cực bắc Châu Âu (người dịch chú thích)

(2) Trung Hoa phong tục chí" (thiên hạ)

toé máu mà không biết đau đớn là như vậy đó, pháp sư của dân tộc Động khi đánh đuổi tà ma, "làm như cần phải uống nước, người nhà đem tới bát nước to, người đó uống và nhai nát cả bát nước vào trong bụng ăn hết; Lại như Thiên mã thần tướng cần thức ăn của ngựa, nhà người bệnh dùng đấu vuông đựng đầy thóc đưa đến, ông ta liền nằm phủ phục giống như ngựa ăn thóc, ăn hết cả thóc cả đấu; Lại như thần tướng đội chậu sành lên đầu, liền chạy vào trong nhà bếp của người bệnh đem cái kiềng 3 chân trên bếp lửa lật ngược lại đội lên đầu rồi chạy đi" (1) là như vậy đó; Ngoài ra việc "xếp đao xếp thương" của Nghĩa hoà đoàn, Đại Đao hội cùng đều là như vậy cả.

Trong sử liệu của phong trào Nghĩa hòa đoàn có không ít những ghi chép như thế này : Người biểu diễn Nghĩa hoà thần quyền qua việc đốt hương, nuốt bùa, niệm chú, thỉnh thần, sau khi thánh nhập, toàn thân liên chao đảo đấm đao đập thương (2). Lại căn cứ vào sử liệu của Đại Đao hội và Hồng Thương hội hai hội này cũng có tục "thánh nhập đấm đao, đập thương". Phép đấm đao đập thương của Đại đao hội và Hồng thương hội chia ra làm 2 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là huấn luyện thời gian tịch hoá tiến hành ở trong hương đường

(1) Đại từ điển tôn giáo và thần thoại các dân tộc Trung Quốc trang 106

(2) "Sơn Đông Nghĩa hoà đoàn điều tra tư liệu tuyển biên " trang 290

do giáo sư dắt dẫn, các hội viên sau khi tắm gội súc miệng rồi vào hương đường đốt hương lễ bái, giáo sư niệm tụng phù chú trước, sau đó bắt các hội viên quỳ gục đầu ở trước ban thờ thần. Ngày thứ nhất phải quỳ trong thời gian đốt cháy nén hương dài 3 ngón tay. Ngày thứ hai phải quỳ thời gian đốt cháy nửa cây hương. Lấy đó mà suy thời gian càng sâu thì quì càng lâu. Loại nghi thức này đại để phải chấp hành liên tục liền 49 ngày, qua sự truyền thụ những câu chú linh nghiệm, hơn thế, sau khi cho uống một đạo bùa giấy giống như một đạo ma pháp [1], mới có thể bước vào giai đoạn thứ hai, giai đoạn luyện tập võ thuật.

Sự huấn luyện của giai đoạn thứ 2, phổ biến nhất trước tiên là đấm gạch, sau đó đấm vào dao, cuối cùng là tránh được súng đạn. Giai đoạn này cần phải kiên trì liên tục từ 6 đến 7 tuần lễ, thông thường là tiến hành ở ngoài nhà, trên đồng ruộng. Trình tự nói chung là : ở giữa bãi tập bày 1 chiếc bàn, những thành viên mới nhập hội xếp hàng ở trước bàn. Giáo sư rửa tay thắp hương quỳ xuống cầu nguyện thần linh phù hộ, sau đó đốt một đạo bùa, bỏ tàn tro vào trong nước chia đều cho các thành viên nước uống. Các thành viên mới sau khi uống bùa, niệm chú, lễ bái thần linh rồi, quỳ xuống

(1) Phép uống bùa có 2 cách : một loại là uống khô túc là đem một tờ giấy vàng vẽ bùa lên vò nát, uốn bụng nuốt một hơi. Một loại là uống nước đem bùa ngâm vào trong cốc độ nửa bát nước, dùng tay xé nát vụn thành bột, uống dễ dàng không tốn sức.

đất, giáo sư đặt ở trên đỉnh đầu mỗi người một viên gạch, sau đó dùng búa đập mạnh vào viên gạch, để cho gạch vỡ nát ra mà không bị thương. Nếu gạch chưa vỡ nát, mà người đội gạch cảm thấy đau đớn , người đó có thể bị giáo sư khiển trách , nói rằng tư tưởng và hành vi của anh ta không đúng đắn. Chỉ có những người đạt được thành công trong việc huấn luyện đập gạch, không tỏ ra đau đớn trước mặt quần chúng, mới được phép nhập vào huấn luyện đập đao đập thương.

Việc huấn luyện đập đao so với đập gạch càng nguy hiểm hơn. Những thành viên tham gia huấn luyện đập đao cần phải cởi trần. Trước tiên thầy dạy thắp hương khấn nguyện, các tín đồ quỳ trước ban thờ cầu bái thần linh. Sau khi ăn bùa thầy dạy lập tức cầm đao đặt lên bàn quát lớn" Thượng pháp". Các hội viên đập đao lập tức niệm "kim hộ thân, vô lượng phật, ngũ lôi cương"hoặc các câu chú thượng pháp như "Vô lượng chân phật bảo mạng hộ thân, hanh cáp nhị tướng [1] bảo mạng hộ thân"... Sau đó thày dạy hít một hơi dài "pháp khí" rồi thổi từ từ trên mũi dao nhọn, tức thì dựng dao thẳng lên, quay tròn trên không trung, trong miệng lập tức phát ra tiếng hô nặng nề "Hanh Cáp". Tiếp đó đâm dao vào bụng, nghi thức như trên hội viên hít khí căng bụng, thày dạy chém mạnh ba nhát dao vào da bụng mỗi người. Nếu họ muốn khảo nghiệm đập đao đập thương, thế thì, những chỗ dao chém của họ phải không được để lại

(1) Hanh Cáp nhị tướng hai vị tướng gác cổng trong truyện phong thần (người dịch chú)

dấu tích gì, hoặc nhiều nhất chỉ để lại được một dấu ấn màu trắng.

Huấn luyện chống súng đạn là giai đoạn nguy hiểm nhất. Người tập luyện đều phải có hàng chữ nổi trên cánh tay trần, sau khi ăn bùa niệm chú, thày giáo liền đứng ở một chỗ cách xa người tập luyện cự ly khoảng 15 bước, cầm súng bắn vào người luyện tập. Người tập luyện liền hô to "Có thần bảo hộ", súng không thể bắn bị thương ta được"... dũng mãnh lao lên phía trước, không hề bị tổn thương. Trong vòng khảo nghiệm này những người chết đều bị coi là con người có lòng dạ xấu xa khác chí hướng [1].

Cho dù "Chặt dao lao súng" của Nghĩa hoà đoàn, Đại đao hội, Hồng thương hội không hề thần kỳ tới mức "đao súng không thủng" như họ mê tín, thế nhưng loại hiện tượng chặt dao lao súng này quả thực là có tồn tại. Thời kỳ vận động Nghĩa hoà đoàn một số quan viên triều nhà Thanh đã tận mắt nhìn thấy loại "để trần thử dao" với cảnh tượng "Có tiếng la hét, da không bị thương" [2]. Năm 20 của thế kỷ 20 một cán bộ được Quốc dân đảng cử về công tác ở vùng nông thôn khu Hoài Bắc cũng chính mắt nhìn thấy hiện tượng này và đã có ghi chép tường tận.[3]

Những ví dụ ở nước ngoài tương tự chống được đau đớn cũng không phải là hiếm: Nghi thức dẫm đạp lên

(1) Sái Thiếu Khanh : "Trung Quốc bí mật xã hội" nhà xuất bản nhân dân chiết Giang. năm 1989 trang 161 - 163. "Dật kinh" kỳ thú 25. trang 75 - 77.

(2) Nghĩa hoà đoàn" (1) trang 460

(3) "Đông phương tạp chí số 16

lửa của tôn giáo đều thịnh hành ở các nước trên thế giới, đã có lịch sử mấy ngàn năm rồi. Chính ngày nay vẫn còn đang lưu hành ở khắp nơi như Ấn Độ, Malaixia , Nhật Bản, Haoai, Phi Líp Pin, Tân Tây Lan, bán đảo Ban Căng v.v.. điều thường thấy nhất là người giẫm đạp trên lửa phải dứt khoát bước qua một đống lửa, hoặc là men theo một con đường nhỏ đá vụn cháy rực mà tiến lên, hoặc là phải bước qua 1 lạch ngầm dưới đó than đá đang cháy bỏng. Nghe nói hầu hết các người đi trên lửa đều không có dấu vết bị bỏng. Có được năng lực chống lửa của con người, điều quan trọng nhất là phải ở vào trạng thái thần hồn điên đảo của mê ngủ hoặc mang tính tôn giáo. Nếu ai đột nhiên thoát ly khỏi trạng thái này thì sẽ lập tức mất hết năng lực chống lửa. Các giáo đồ Áo ở I Răng sau khi thần nhập có thể dùng lưỡi dao sắc nhọn đâm vào bụng suốt từ trái sang phải mà không biết đau đớn. Sau khi thần hết nhập lập tức cứng đờ ngã lăn xuống, thở thoi thóp rên rỉ, thế nhưng chỉ sau 7 ngày lại bình phục như cũ. Các tín đồ của phái Tiết thánh khiết tự do ngũ tuần ở nước Mỹ trong hội lễ bái sau khi bước vào trạng thái mê cuồng không ước hẹn mà cùng đi tới một số hộp dẹt có nhốt rắn độc, bắt rắn độc ra chơi đùa, cho dù sau khi bị rắn cắn cũng không cảm thấy đau đớn. Trong rất nhiều tình huống, các tín đồ cuồng tín nhất có thể mở chiếc bình đựng hạt mã tiền hàm chứa nhiều thành phần chất độc mạnh, đổ một ít vào trong cốc, thêm vào một ít nước, sau đó uống một hơi cạn sạch. Sau khi uống xong không những

không xuất hiện co gân, kinh giật hoặc các chứng tật nào khác, mà còn có thể nhẩy đi nhẩy lại, vỗ tay ca hát, bởi vì cảm giác đau đớn của nó đã bị ức chế bởi trạng thái thần hồn điên đảo mang tính chất tôn giáo.

## SIÊU THỊ LỰC

Siêu thị lực nói ở đây chủ yếu chỉ năng lực nhìn thấu qua thân thể con người và nhắm mắt cũng có thể nhìn thấy được các đồ vật. Căn cứ vào tư liệu điều tra lịch sử xã hội của dân tộc Động, xưa kia trong dân tộc Đồng mỗi lần có người bị ốm liền đi mời pháp sư tới "Giáng đồng tử" trừ tà đuổi ma cho họ. Trong đám quần chúng, pháp sư chọn lấy một người làm "đồng tử", dùng tấm vải đỏ che đầu phủ mặt đưa ra đứng ở ban thờ thần rồi làm thuật pháp. Người ngồi đồng sau khi được pháp sư làm phép, tựa như thần nhập vào, thần hồn dần nhập định, toàn thân run rẩy, rồi đứng dậy nhẩy điên cuồng. Hành động của người đó đều do pháp sư sai bảo, giống như đuổi tà, đuổi theo đường đi của tà ma, tuy trên đầu bịt choàng kín khăn vậy mà trèo núi, qua cầu, qua sông... cũng đều có thể vượt qua bình thường. Người theo sau một mặt đánh thanh la, gõ trống đuổi gấp đi thẳng tới nơi tà ma ở, "chiến đấu kịch liệt với tà ma, cướp lại hồn phách của người bệnh, rồi mới thu cờ yên trống, thu binh trở về [1]. Điều tương tự với tình hình lấy khăn trùm mặt mà vẫn có thể đi lại bình thường như "giáng đồng tử" còn có những người diễn tập Nghĩa hoà thần quyền và đấu âm quyền. Sau khi họ bị thần nhập rồi, mặc dù

(1) Tôn giáo đại từ điển các dân tộc Trung Quốc trang 106 và thần thoại

nơi biểu diễn chật hẹp lại đứng chật người xem, cùng với biên độ động tác lớn lại phải nhắm chặt mắt, nhưng trong quá trình biểu diễn chưa hề làm bị thương một quần chúng nào hoặc người biểu diễn đâm lộn vào nhau bao giờ.

## SIÊU TRÍ NHỚ

Một số nghệ nhân dân gian của dân tộc Tạng vừa kể trên đây thông qua những ví dụ sau khi thần nhập rồi không học mà tự biết nói biết hát "Cách tát nhĩ vương" trên thực tế cũng có thể coi là một biểu hiện của hiện tượng siêu kí ức lực (sức ghi nhớ ghê ghớm), bởi vì các nghệ nhân đã thể hiện ra một loại trí nhớ kinh người. Từ mấy ngàn năm về trước, đạo Bà la môn Ấn Độ đã sử dụng phương thức lên đồng để huấn luyện tín đồ thanh niên. Các tín đồ đã trải qua huấn luyện có thể ghi nhớ được toàn bộ kinh Vệ Đà [1], cũng chứng tỏ có trí nhớ đến ghê người. Kinh Vệ Đà tuy chỉ có 4 bộ, nhưng kinh văn vô cùng phức tạp, chỉ riêng bộ thứ 3 đã có 153 826 từ đơn.

## LỤC NHỚ SỰ VIỆC ĐÃ QUA, VẠCH RÕ NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN RIÊNG TƯ CỦA CON NGƯỜI, DỰ TRẮC ĐƯỢC TƯƠNG LAI.

Từ cổ chí kim, ở trong và ngoài nước đã có không ít người tin tưởng vào sự "linh nghiệm", lục nhớ sự việc

(1) Kinh Vệ Đà là tác phẩm văn học và là bộ kinh tôn giáo của Ấn Độ gồm có 4 bộ được làm ra vào khoảng 2000 hoặc 1000 năm trước công nguyên (người dịch chú)

đã qua, vạch rõ những ẩn dấu riêng tư, dự trắc được tương lai của con người trong phong tục gọi hồn nhập xác như lên đồng, đoán chữ trên cát (phù ky), bói hình (viên quang).v.v. Theo "Côn Minh huyện chí" ghi chép năm Vạn Lịch triều Minh nói : Có đạo sỹ nói thường vào cõi âm rồi báo về những việc dấu diếm của nhân gian, các việc làm của con người, cõi âm đều biết rõ hết. "Giang Hoài dị nhân lục" của Ngô Thục đời Tống, nói : "Ẩn sỹ ở Mân Trung là Trương Tiêu có phép thuật có thể thông với minh phủ nằm lịm năm ba ngày như chết mà thân thể không lạnh. Lúc tỉnh nói nhiều chuyện ở âm gian, hoặc nói về chuyện mai sau mọi thứ đều nghiệm cả". Dân tộc Bố Y tới nay vẫn còn tồn tại một loại "thuật thần du" cổ xưa. Tức là vào đêm rằm tháng bảy âm lịch, một chàng trai trong trại ra giếng múc một bát nước về, khi đi qua miếu thần của trại nhặt bỏ một ít tro hương và tro tiền giấy của miếu vào bát, rồi đốt hương hoá giấy cầu thần trại phù hộ "thần du" thành công. Trước hết bát nước đó được bưng tới vu sư (thày cúng) sau khi vu sư tiếp nhận bát nước liền vào bếp lấy con dao thái rau tới trước ban thờ thần niệm chú. Trên bãi thi hành thuật "thần du" đã tập trung già trẻ toàn trại hơn nữa lại có từ một đến bốn cô gái nhỏ đảm nhiệm làm kẻ thần du. Các cô gái ngồi trên ghế cỏ, dùng khăn vải đen trùm mặt, vu sư đem bát "nước thần" đó đưa cho (các) cô gái mỗi người uống một ngụm, số nước còn lại thì vừa niệm chú vừa phun lên thân (các) cô gái, người khác bịt chặt tai (các) cô gái. Trong giây lát, (các) cô gái bèn rung động hai chân, đếm các đốt ngón tay. Điều đó có

nghĩa là (các) cô gái đã bước vào thần giới. (Các) cô gái sau khi đã bước vào thần giới rồi có hai loại biểu hiện : Một là chuyên cầu thần hỏi quẻ, cầu tự cho mọi người trong trại, hoặc là gọi vong linh của những người đã chết hàng trăm năm, vài chục năm trở về, bản thân mình thay mặt thần chủ đối thoại với người thân của người quá cố. Hai là (các) cô gái đối hát với tình nhân của quỷ thần hoặc hồn sống của tình nhân để thổ lộ hết tâm can. (Các) cô gái thường thông thạo tình hình của người chết như thuộc những ngón tay vậy, hơn nữa trong đối thoại với tình nhân có thể bộc lộ ra những điều bí ẩn khó nói (đây là điều đại cấm kỵ của các thiếu nữ dân tộc Bố Y [1]. Một số vu sư của dân tộc Hán, trong trạng thái mê huyền có thể dùng "tên tục" của người chết mà chỉ các thành viên trong gia đình mới biết để gọi người âm trở về, thậm chí còn có thể dùng "bí danh" của người chết mà ngay người nhà cũng đã quên từ lâu rồi để xưng hô với người chết.

Ở nước ngoài, càng có rất nhiều người tin tưởng vào độ "chính xác" của việc lục nhớ sự việc đã qua, vạch rõ những ẩn dấu riêng tư, chiêm bốc dự trắc tương lai trong phong tục thánh nhập của "hội giáng thần", "thuật nghiêng bàn", "tiểu chuyển bàn", "linh vận bàn", "ngưng thị thủy tinh cầu".v.v. Con người đặc biệt rất tin tưởng vào những liên lạc được với người đã chết do những lời tuyên bố của các "tâm linh sử". Bởi vì những lời tự động viết ra trong trạng thái thần trí hoảng hốt có thể miêu

(1) "Đại từ điển và thần thoại các dân tộc Trung Quốc. trang 35

tả chính xác các nhân vật và sự kiện hữu quan mà lúc bình thường, họ không thể nào biết được (1).

Điều khiến cho người ta khó hiểu là vu sư ở nước này cũng có khả năng gọi hồn người chết giúp cho người ở nước khác được. Sách "Quỷ thoại" nói : "Nước ta từ xưa đã có thuật gọi hồn người chết, thông thường luật này đều do các cô đồng đảm nhận. Thế nhưng những người giả dối chiếm số đông số người thật trăm người chỉ có1, 2. Thời kỳ gần đây việc nghiên cứu linh hồn học ở châu Âu cũng có việc gọi vong hồn. Nghe nói có nvị đại thần xưa làm Khâm sứ ở Châu Âu đã từng gọi được vong hồn của người chết do vu sư gọi thay, từng hỏi đáp với khâm sứ, âm thanh hệt giống như người còn sống, hơn nữa lại còn có thể thuật lại được những việc lặt vặt trong gia đình, không có điều nào sai lầm cả, thật là kỳ dị ! Người Tây Âu từ trước không học ngôn ngữ Đông Á mà lại có thể sử dụng thổ âm phương Đông gọi được quỷ phương Đông về, điều ấy người giả dối không có thể làm được. Hơn thế, xa xôi cách trở trùng dương, cự ly mấy vạn dặm, trong thời gian ngắn ngủi, vong hồn lập tức đến ngay, sao lại không gọi thuật ấy là thần diệu được. Tiên linh quá cố của người ta qua đời đã mấy chục mùa nóng lạnh, bình thường không nghe được tiếng cầu khẩn của con cháu;

(1) "Khoa học nhân thể Trung Quốc" kỳ thứ 1 năm 1991 trang 88

con cháu xuân thu tế tự, tuy chí hiếu, chí thành cầu nguyện cũng chưa hề nghe thấy hồn nói gì có làm sao pháp sư mới gọi, lập tức đã về ngay, còn chịu nghe theo lời sai khiến nữa chẳng phải là sơ với người thân mà thân với người sơ, theo lý ấy cuối cùng là bởi vì sao? Nếu nói âm dương cách trở không thể tuỳ tiện gần gũi con cháu thế thì tại sao đối với vu sư lại không cách trở, gọi một tiếng đã tới liền, vẫy một cái đã đi liền chẳng phải là vu sư có tài thao thuật, thần diệu uy quyền, đến thẳng được cõi u minh đó sao? Những linh hồn được gọi, tuy không muốn đến cũng không dám không đến, tuy cách trở trùng dương, ngàn dặm vạn dặm, hồn cũng không dám ngại xa, cũng chẳng dám vi phạm thời gian. Than ôi. Trong trạng thái u minh, những sự tích của quỷ thần, nếu không tự nói, ai có thể biết được sự chứa đựng sâu xa. Ngày xưa vua Đường tưởng nhớ Quý phi nhờ đạo sĩ Lâm Cùng đã lấy lòng thành kính gọi được hồn về. Đó chẳng phải là thuỷ tổ của pháp thuật ư ?

Ở đây muốn kể là ở châu Âu có thuật chiêu vong (gọi người đã chết), các đại sứ của nước Trung Hoa cũ đã từng mời các vu sư ở đó chiêu gọi quỷ thần tiên tổ giúp họ. Vu sư này không những gọi được vong hồn của người đã mất mà còn thuật lại được gia cảnh, nhất thiết không có điều nào sai sót. "Đối với những hiện tượng thần kỳ này, tác giả không có cách gì giải thích

được, cũng là tình thực." [1] . Có điều, vu thuật của ngoại quốc có thể gọi quỷ hồn của người Trung Quốc, vu sư của Trung Quốc cũng như vậy, có thể gọi được quỷ hồn của nước ngoài. Tác giả có một người bạn học từng kể rằng, năm trước ông dẫn hai người bạn nước ngoài tới vùng tây bắc Vân Nam để khảo sát dân tục, một vị vu sư ở nơi đó đã gọi được hồn các vong linh trong nhà của hai người "bạn nước ngoài" để hỏi đáp. Các sự việc nói ra không điều nào sai sót, khiến cho hai người bạn nước ngoài phải kinh ngạc đến há miệng trợn mắt!

## Ý NIỆM CHÍ ĐỘNG

"Ý niệm chí động" còn gọi là "Tâm linh thi động", chỉ những hiện tượng trong những tình huống không có tác dụng của thị giác hoặc không dùng thể lực mà có thể đem được vật thể từ nơi này di động đến một nơi khác. Hiện tượng "ý niệm chí động" trong phong tục cầu hồn nhập thánh cũng rất đột xuất. Ví dụ, các vật thể tự chuyển động trong khi "phù ky", mời thần ghế, mời thần bàn, mời thần đũa, mời thần thúng .v.v. tự chuyển động, đại bộ phận đều do tác dụng của "ý niệm chí động". Các vật thể tự di động trong phong tục thánh nhập hoặc

[1] Từ Hoa Long : Trung Quốc quỷ Văn hoá Nhà xuất bản văn nghệ Thượng Hải xuất bản lần 1 tháng 9 /1991 trang 170

thánh không nhập dưới đây cũng tựa hồ như cũng có liên quan với "ý niệm chi động" : Phụ nữ dân tộc Lê trước đây lấy chồng lâu không có con, lập tức mời nương mẫu (người hành nghề tôn giáo) tới cầu tự. Sau khi nương mẫu và người giúp việc tới nhà đương sự, người giúp việc dắt người phụ nữ này từ cửa trước kéo ra cửa sau (người phụ nữ giả vờ như có vẻ không bằng lòng để kéo) lần lượt đi lại cứ thế dắt kéo cho tới khi người phụ nữ này mệt mỏi kiệt sức mới thôi. Trong quá trình kéo, nương mẫu đứng ở bên cạnh đọc thần chú. Sau khi dừng kéo nương mẫu dùng mũi tên một chiếc, gạo một bát, rồi đem đầu mũi tên cắm vào trong bát, sau khi niệm thần chú liền nhìn thấy những hạt gạo từ trong bát men theo thân mũi tên bò lên. Căn cứ vào đó để phán định tình hình sinh con sau này. Nếu thấy hai hạt gạo bò lên, tương lai có thể được hai con, 5 hạt gạo bò lên thì có thể sinh được 5 con. Trong phụ nữ dân tộc Khương trước đây truyền thuyết kể một loại người bị "độc băng"(1) gắn vào mình, có thể bắt chiếc trục gỗ cán mì nhảy múa. "Tân Đường Thư - Phương kỹ truyện" nói : "Giữa thời Thiên Bảo, có người tên là Tôn Tăng Sinh nổi tiếng là giỏi, có thể bắt được đá động đậy, bắt được người bằng cỏ tự đi. Dương Quý phi mừng lắm, nhiều lần gọi vào trong cung". Sách Ngô Trung Cố ngữ" nói :

(1) "Độc băng" còn gọi là "Độc dược miêu" là những tinh linh không nhìn thấy, thích cờ bạc, ngày ngủ đêm xuất, dùng phụ nữ làm vật thế thân.

"Một tên vương thần du thủ du thực ở Hàng Châu, đã từng mắc tội đáng chết. Có tà thuật, có thể làm được người gỗ tắm rửa ngụp lặn ..." Theo Hắc Long Giang chí cảo - Địa lý quyển" chép : "Đạt Hổ Nhĩ, người Mông Cổ mất đồ vật, Lạt Ma dùng thừng trói mình vào ghế, quì xuống mà khóc, chiếc ghế quay lộn như bay lên. Dừng lại ở một nhà nào, thì bảo rằng nhà ấy ăn cắp, tìm không thấy, lại đọc chú, ghế lại tự di chuyển rồi dừng lại ở mấy nhà khác nữa, cùng vẫn không tìm được người bị mất đồ vật phải đổ hòm xiểng ra tìm, mất của lại nhiều hơn. Ý niệm chuyển động trong phong tục gọi hồn nhập xác của nước ngoài cũng không lấy gì là lạ. Các vật thể di động tự động viết chữ vẽ hoạ, lắc lư chuyển động vv...trong thuật chuyển ván nhỏ, linh vận bàn vv...cũng chính là kết quả của ý niệm chí động. Một số người da đỏ ở Mỹ, nếu như có người bị ốm thì thì người nhà phải đi mời vu y tới chữa bệnh. Ở trong ngôi nhà tối om mọi người quỳ xuống thành 1 vòng miệng lẩm rẩm ca hát. Vu y có hai chiếc gậy làm bằng xương bò và da rắn. Ở đuôi mỗi chiếc gậy buộc một nắm đuôi ngựa. Người nhà có bệnh chưa gặp hai chiếc gậy này, nhưng bỗng nhiên chúng bắt đầu tìm đến xoay quanh ngôi nhà người có bệnh. Việc này họ cho là có ma quỷ sai gậy tới đánh . Gậy chuyển động ở trong nhà một vòng, đánh vào đầu mỗi người ... Cuối thế kỷ 19 một vu sư vật lý nổi tiếng

của I ta li a người phụ nữ mù chữ Pô ra ti nô cũng có khả năng "ý niệm chi động" Tại một ngôi nhà tối tăm bà ngồi ở bên cạnh một chiếc bàn thử bắt chiếc bay trên không trung và làm cho đồ vật ở trong nhà di dộng ở một cự li nhất định. Bà nhìn lên với trạng thái thần chí hoảng hốt.

Nhưng hiện tượng siêu thường trong phong tục tập quán gọi hồn nhập xác, ngoài những sự việc kể trên còn có truyền cảm thính tư duy, siêu thính lực v. v.. Đối với những hiện tượng siêu thường này chúng ta sẽ phân tích thêm ở chương thứ 6 kết hợp với những nội dung có liên quan.

## CÔNG DỤNG CHỦ YẾU CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

"Giáng thần phụ thể" ở nhiều mặt, nó được dùng ở các phép như thông thần kỳ phúc (cúng bái tổ tiên), gọi hồn đuổi ma, tìm bệnh chữa bệnh cũng được dùng ở việc gieo quẻ hỏi sự truy tìm vật mất cùng với thi phóng ma pháp và phản ma pháp v.v...

## THÔNG THẦN

Thông thần là công cụ cơ bản nhất trong "giáng thần phụ thể", cũng là nhân tố tiên quyết để cho việc thánh nhập được thực hiện. Ở chương thứ nhất chúng ta đã nói tới vu sư là do nhu cầu "thông thần" ứng vận mà sinh ra, bởi vì giữa người và thần không thể trực tiếp

giao lưu được đòi hỏi phải có một sứ giả có thể thông được với thần linh để thống nối liên hệ giữa người với thần, tức thì liền xuất hiện vu sư. còn vu sư sở dĩ có thể thông giao được với thần, dựa theo cách nói của những người hữu thần luận là do vì vu sư được sự giúp đỡ của thần, do đó mới có thể đem lời cầu nguyện của con người truyền lên trên cho thần, lại đem chỉ ý của thần truyền đạt cho người. Đây là tiền đề của công năng khác được thực hiện của giáng thần phụ thể, xa rời tiền đề này, các công năng khác của tục này sẽ không có cách nào thực hiện được.

## DỰ TRI VẤN SỰ[1]

Đây là một trong những công dụng chủ yếu của tục giáng thần phụ thể. Những người có tư tưởng mê tín cho rằng vu sư có thể hỏi được các sự việc để biết trước. Điều "dự tri vấn sự" nói chung có 3 phương thức: Một loại là dựa vào năng lực dự tri đặc biệt để đoán trước hoạ phúc lành dữ (cát hung) trong tương lai; một loại là thông qua chiêm tinh, bốc phệ, giải mộng v.v để chỉ rõ tương lai cho con người; Một loại là thần thông qua cô đồng được thánh nhập tuyên phán rõ tương lai. Ở nước ta bất luận là lên đồng, đánh đồng thiếp hay là lên đồng tiên viết chữ, bói hình v.v... đều bao hàm loại

(1) Đối với vấn đề "dự tri vấn sự", ở một phần trước chương này đã đề cập , nhưng ở đó chủ yếu là từ góc độ những hiện tượng siêu thường mà bàn còn ở đây thì nặng về phân tích công dụng và các mặt liên hệ của n

công dụng này. Về mặt này, ngoài rất nhiều ví dụ đã nêu ra ở chương 1, chương 2 trên kia ra, lại ví như "vấn tiên" của dân tộc Miêu, "xem hương" của dân tộc Đồng, "thỉnh thần" của dân tộc xa, "âm bốc" và "vấn hoa" của dân tộc Choang v.v... cũng có công dụng "dự tri vấn sự"(1) rất đột xuất.

"Vấn tiên" tức là hoạt động hỏi công việc để vong linh tổ tiên chỉ bảo do tiên nương (cô đồng) chủ trì. Loại hoạt động này 1 năm có 4 mùa, ban ngày ban đêm đều có thể tiến hành bất cứ lúc nào. Khi "vấn tiên" cần phải có ít nhiều hương, giấy, tiền, gạo , rượu, thịt, hoặc trứng rán, đậu phụ đặt ở trên bàn vuông. Tiên nương ngồi cạnh bàn vuông, lưng hướng về phía sau nhà miệng hát bài tiên nương ca, hai chân rung động. Điều này đã biểu thị nhập vào âm giới để đi tìm các bậc tiên tổ cố cong. Lúc này con cháu trong nhà đốt tiền giấy, hướng về vong linh của tổ tiên ở âm giới xin hỏi các việc cát hung hoạ phúc cùng với các việc quái dị. Còn tiên nương thì làm môi giới giữa âm giới và dương giới, thay mặt tiên tổ quá cố đối đáp các việc hoạ phúc cát hung cho các con cháu ở dương gian biết; đồng thời thay mặt cho vong linh cha ông tiên tổ ở cõi âm phán xét những dự trắc hoặc giải thích những hoạ phúc cát hung và các hiện tượng quái dị có liên quan tới con cháu các ngài : trả

(1). Dự tri (dự đoán biết trước) vấn sự (hỏi sự)

lời các vấn đề mà con cháu hỏi như cầu cát hoà hung, tìm phúc tránh nạn v.v... Khi tiên nương tìm vong hồn cần phải nhảy múa tiên và hát tiên ca [1].

Đồn rằng, một số người trong khu vực dân tộc Động có khả năng "Xem hương". Gia đình người "Xem hương" có bàn thờ, khi xem hương trước hết đốt hương hoá giấy, dùng khăn che kín đầu ngồi trên ghế, thỉnh thần giáng lâm. Sau khi thần giáng lâm, người cầu xem hương muốn hỏi điều gì thì nêu ra điều đó, thần liền đi tra hỏi, rồi đem các vấn đề đó ra giải thuyết. Nếu khổ chủ bị người dùng phát thuật trùng trị hoặc trúng tà, thần liền có thể chỉ ra. Chỉ cần làm theo thầy dạy thì sẽ kiến hiệu.

"Thỉnh thần" của dân tộc Xa là do một "thần đồng" một tay cầm hương thơm, còn một tay cầm cốc rượu mời thần nhập. Sau khi thần nhập, "thần đồng" nhảy lên bàn, mở miệng kể mình là loại thần gì, hỏi vì việc gì mà gọi thần đến đây. Người cầu thần đem việc kể ra, thần sẽ ứng nghiệm.

"Âm bốc" là trong những phương thúc bói của dân tộc Choang. Ngày xưa, trong dân tộc Choang gặp khi người nhà có chuyện bất an, mẹ chồng hoặc nàng dâu liền hẹn mấy người phụ nữ đến nhà cô đồng hỏi quẻ. Cô đồng đặt hương án để người bốc ngồi ở cạnh án giơ hai tay đặt lên hương án, bàn tay úp xuống dưới, đầu

(1). Đại từ điển tôn giáo và thần thoại Các tộc dân Trung Quốc trang 469-471

gục, mắt nhắm, phủ phục trên cánh tay. Cô đồng tay đưa một nén hương, niệm chú, đốt tiền giấy, vừa đốt tiền giấy vừa múa hương trước mặt. Trong giây lát, người hỏi quẻ không tự chủ được nữa đều lắc lư, hoặc ca hát, rồi nói muốn chuyện trò với thần nhân ở âm gian. Người xung quanh nhìn thấy cảnh tượng này cho rằng thần ở âm gian của người hỏi bốc đích thực đã được mời đến dần dần đem các việc cần hỏi nêu ra, ví dụ như phần mộ của thần nhân qua đời như thế nào, cuộc sống của âm gian ra sao, cùng với nguyên nhân bệnh tật của người nhà v.v... người hỏi bốc có hỏi, vong linh tất sẽ trả lời. Trả lời xong cô đồng lại niệm chú, hơn thế còn dùng ngón tay chấm vào "nước phép" điểm ở sau gáy người mẹ chồng (hoặc nàng dâu) hỏi bốc, trong chốc lát mẹ chồng (hoặc nàng dâu) tỉnh táo trở lại [1].

Dân tộc Choang ở một số nơi cho rằng, bất luận nam nữ già trẻ đều là một bông hoa trong vườn hoa của thần "Hoa bà" quản việc sinh nở ở trên trời. Do đó, muốn biết việc tương lai của nhà mình hoặc công việc của thân nhân đã quá cố thì cần phải tìm cô đồng "vấn hoa". Cách thức là : Cô đồng ở nhà mình dùng bàn bát tiên làm bàn thờ, người vấn hoa trước

(1) "Các dân tộc Trung Quốc" trang 780 Đại từ điển Tôn giáo và thần thoại

tiên đặt tiền, gạo (hoặc bột mì) dâng lên cô đồng, rồi tự thân đốt 3 nét hương cắm vào trong lư hương thờ thần. Sau khi cô đồng hỏi rõ năm tháng sinh đẻ của người vấn hoa rồi phủ phục trước bàn thờ, trong miệng lầm rầm đọc, tay chân rung động không ngừng, một hồi lâu mới "hoàn dương" tỉnh lại, đem tình hình lên trời vấn hoa để kể lại cho người hỏi hoa biết. Nếu muốn hỏi những việc thân nhân người quá cố, chỉ cần đem ngày tháng năm sinh của người mất nói cho vu bà (cô đồng) biết là được [1]

Tục cầu thần nhập xác như các thuật giáng thần hội, tiểu chuyển bản, linh vận bàn, khuynh trác thuật v.v... của nước ngoài cũng có công dụng "dự tri vấn sự" rất mạnh mẽ. Sớm từ thời kỳ cổ Hy Lạp, một trong những tác dụng chủ yếu của thần vu chính là thông qua việc nhập thánh mà dự tri vấn sự. Các dân tộc nguyên thuỷ người Ca - Ren của Phigi [2] còn có những "nhà tiên tri" chuyên môn, những "nhà tiên tri" chuyên môn này có thể tự đi vào một loại trạng thái để phát ra những lợi dự trắc, phương pháp là bản thân co quắp toàn thân và tứ chi lại, quay vòng trên mặt đất, trong miệng nhổ ra nước bọt trắng. Trạng thái hưng phấn này phát ra đầy đủ, người

(1) "Đại từ điển tôn giáo và thần thoại" trang 764

(2) Phi gi là một nước thuộc châu đại dương phía bắc Niu Di Lân (người dịch chú)

đó liền dần dần bình tĩnh lại sau đó mới nói ra lời dự báo [1]. Ở khu vực người Udmutrui ở lưu vực sông Vônga đã có những "nhà chiêm mộng". Mọi người tới hỏi quẻ bói ở họ, tin tưởng họ có thể thông giao được với thần linh và họ còn có thể giúp đỡ người ta cầu biết được tương lai. Khi bói họ làm ra những động tác trong trạng thái như điên như cuồng.

## TRỊ BỆNH

Chữa bệnh chiếm vị trí rất quan trọng trong công dụng của phong tục cầu thần nhập xác. Từ cổ đại chí kim ở trong và ngoài nước đều có không ít người tin tưởng vào những người được thánh nhập có "khả năng linh thiêng" của siêu nhân, có thể trị được bệnh. Công dụng chữa bệnh do thánh nhập, trên thực tế nên phân ra công dụng tìm nguyên nhân bệnh, tìm phương thức (hoặc tìm cách chữa), bốc thuốc và trực tiếp trị bệnh.

Tình hình thông qua việc gọi hồn nhập xác để tìm nguyên nhân gây bệnh trong việc trình bày ở trên đã nói tới ở nhiều chỗ, không nhắc lại nữa, ở đây chỉ nêu ra chuyện cô đồng "Giác Mẫu" của dân tộc Môn Ba hỏi thánh về nguyên nhân bệnh tật, bổ sung thêm những thí dụ về cách tìm bệnh và phương pháp trị bệnh của dân tộc Bố Y qua "đã mê nạp", của dân tộc

(1) "Văn hoá nhân loại học" của Lâm Huệ Tường trang 333

Miêu thống qua "gió quạt đưa cô gái bay đi" tra hỏi nguyên nhân bệnh tật và những ví dụ về phương pháp chữa chạy đã được bổ sung.

Tương truyền "Giác Mẫu" là con gái của thiên thần, tổng cộng nàng có 9 chị em, họ đều ở trên đỉnh ngọn núi thần Nam Già Ba Ngoã, quanh năm tuyết phủ, Giác Mẫu là hoá thân ở nhân gian của thần. Nàng tuyên bố linh hồn của nàng có thể lìa xa được thể xác, để tới chỗ chị em và mẹ của nàng hỏi về nguyên nhân gây bệnh và cách chữa chạy cho người ốm. Do đó, người ốm thường tới mời nàng làm phép hỏi thần. Khi Giác Mẫu thỉnh thần, khoác trên đôi vai một tấm vải hồng dài 6 thước rộng 2 thước rồi buộc ở trước ngực. Trên tấm phản trước mặt nàng trải 1 chiếc chiếu, trên chiếu đặt 1 khúc gỗ nằm ngang, trên khúc gỗ nằm ngang đó buộc 10 chiếc gậy gỗ và 9 cành cây. Trên mỗi gậy gỗ đều treo các vật như bùa hộ thân, chuỗi ngọc, đao dài, nỏ và ống đựng mũi tên v.v... ở phần dưới 9 gậy gỗ đặt đều 9 hộp trúc bên trong đựng chuối, mía, đào, chanh, gừng ... ở trước hộp chia đều 9 cái nồi nhỏ, ngoài ra có 1 cái hộp đựng đầy ngô, trên cắm hoa tươi. Trước khi thỉnh thần, Giác Mẫu hỏi năm sinh tuổi gì của người bệnh, sau đó ngồi ngay ngắn trên ghế, tay cầm 1 bát rượu, dùng tàu lá chuối vẩy rượu xuống đất, số rượu còn lại đều uống hết. Tiếp đó Giác Mẫu dùng 2 tay xoa mặt, toàn thân phát run lên, dùng âm điệu ê a kéo dài hát ròng : "A mạch... Lạp tố... Lạp tố". Sau đó hầu như bước vào trạng thái hôn

mê, biểu thị linh hồn đã bay lên. Nàng dùng câu hát kể lể thần có điều gì căn dặn, hoặc bản thần Giác Mẫu muốn làm gì sau khi nàng nói ra có 1 người giúp việc lập tức làm theo ngay. Sau khi Giác Mẫu mời được thần rồi, sau khi đã hỏi han được nguyên nhân bệnh tật (người nào đã bắt mất linh hồn của người bệnh đi) và cách thức chữa chạy rồi, tìm được linh hồn rồi, nàng mới bay về [1].

Trong dân tộc Bố Y hễ có người ốm, thường mời người "đả mê nạp" tức là mời 1 bà trung niên giả làm thần để hỏi các nguyên nhân gây bệnh. Tương truyền người phụ nữ "đả mê nạp" này là do một thần tiên ở trên trời xuống trần nhập vào bà, Khi thần nhập vào bà liên tục hắt hơi, toàn thân run rẩy. Lúc này người trong nhà sẽ bày ra 1 chiếc bàn bát tiên ở giữa nhà, cạnh bàn đặt 1 chiếc ghế, dìu bà ngồi xuống, cầm 1 chiếc quạt đưa vào tay bà, dùng 1 tấm lụa xanh trùm lên đầu lên mặt bà ta, rồi đặt 1 đấu thóc gạo lên trên bàn bát tiên, trên đấu cắm 3 nén hương và 1 con dao thái rau. Túc thì bà bắt đầu thay thần tiên ở trên trời nói chuyện. Mọi người gọi bà là "Đại thần". Đại thần ngồi ở trên ghế 2 chân không ngừng đạp đạp trên đất, trong tay đung đưa chiếc quạt, miệng lẩm bẩm niệm chú. Lúc này, mọi người nhao nhao mời Đại thần phán tinh việc lành dữ cho mình, đông đảo nhất là gia đình người bệnh cầu đại thần

(1) Đại từ điển tôn giáo và các dân tộc Trung Quốc" trang 420

tính toán xem người bệnh đã phạm phải quỷ thần "Sát khí" gì. Sau khi đại thần nói ra loại sát khi của quỷ thần nào mà người đó phạm phải, thì "thần" mới trở về trời, người đàn bà "đả mê nạp" cũng "trở về dương gian", tỉnh lại [2].

"Gió quạt đưa cô gái bay đi" là 1 trong những phương thức chủ yếu bốc quẻ hỏi bệnh của dân tộc Miêu ở vùng đông nam đất Kiềm. Sau khi Cô đồng dùng vải đen trùm đầu ngồi ngay ngắn ở trên 1 chiếc ghế, ở bên cạnh có 1 người dùng chiếc quạt nan quạt cho mát. Người ngồi quạt được gọi là "Lăng", là bạn của cô đồng cùng đi tới âm gian, đồng thời làm người dẫn đường. Quạt một lúc không lâu, cô đồng bắt đầu rung nhẹ đôi chân, trong miệng không ngừng hát câu "Đi đi ! Đi tới chân trời xanh tận cùng bao la .v.v..." Sau đó 2 chân càng rung nhanh hơn, tiếng kêu lập bập, trong miệng không ngừng gào thét cầu hướng đạo : "Đi đi ! Lăng à, đi nhanh lên Lăng à !" Lăng cũng cất cao giọng : "Muốn đi ư ! Mau theo ta đi !" đồng thời tay quạt càng nhanh hơn. Tức thì cô đồng vừa hát vừa múa biểu thị linh hồn của cô đã bay lên trời nhằm hỏi tổ tiên linh thiêng ở trên trời của người bệnh vì duyên cớ gì mà con cháu sinh bệnh. Có phải là vì đã đắc tội với tổ tiên hay không? Hoặc

(2) "Bố y tộc phong tục chí" của Tấn Hà. nhà Xuất bản học viện dân tộc Trung ương xuất bản lần 1. tháng 10 năm 1987. trang 104 - 105

có điều gì sai phạm với ma quỷ? Linh hồn của tổ tiên đều nhất nhất trả lời bằng hết [1].

"Phù kê" là phương thức chủ yếu để cầu phương thức và cách chữa chạy của cô đồng thánh nhập. Căn cứ vào "Bắc Đông Viên bút lục tam biên" nói : "Ở trên Nam An Đường , vào năm đói, Dương Phong quân đã phát 3 ngàn thạch gạo ngô tế bần, con cháu ông sinh bệnh chân đau không đi lại được. Một hôm Phong quân cầu thần, thần viết ra một phương thuốc : Dùng mấy củ khoai sọ thái ra luộc chín buộc vào 2 chân. Chỉ trong ba ngày, chân sẽ đi lại được như thường". Có 1 người đạo thân muốn cầu Tế công cấm hút thuốc phiện, Tế công đã viết 12 chữ trên sa bàn: "Xa rời chuối tiêu sẽ bình bình yên yên cắt cơn nghiện". Người này lại mời Tế công "Từ bi" giải thích cách dùng phương này. Tế công nói dùng lê, chuối tiêu, hồng, táo mỗi thứ một vài quả cùng nấu cho nát ra, khi lên cơn nghiện thì ăn, sẽ lập tức cắt cơn nghiện. Dùng phép "phù kê" chữa bệnh thì người lên đồng bắt người ốm quỳ ở trước đàn lên đồng dùng, chữ thần quay vòng ở trước mặt người bệnh, gọi đó là "điểm chữ", hoặc lại dùng son đỏ viết phù chú lên trên tờ giấy vàng, lại dùng một ít tro ở trong lư hương nhúm đưa cho người bệnh, sau đó dùng chữ đồng tiên nói rõ cách uống. (Đại để là đem tro bùa hoá trộn với tro hương cùng uống). Lại còn 1 phương pháp khác nữa chính là "cho đơn", tức là do 1 cô đồng trước đàn nhập thánh ru lệnh lấy 1 ít tàn hương đêm đến, sau khi dùng

(1)"Đại từ điển tôn giáo và truyền thuyết" trang 474.

bút tiên quay mấy vòng liền ra lệnh cho người thả tro xuống phía dưới bài vị của lão mẫu, nói rõ cần phải thả vào trong thời gian bao lâu. Trong thời gian này, phàm người nào bước tới đàn đều phải gật đầu 100 cái hoặc số lần nào đó đã được chỉ định. Sau khi đủ thời gian rồi mới đem ra uống.

Phương thức thông qua cô đồng nhập thánh để trực tiếp chữa bệnh chủ yếu có 4 loại sau đây :

*1. Giáng thần gọi hồn trừ đuổi ma bệnh.*

Tình trạng cô đồng nhập thánh gọi hồn về trừ bệnh rất phổ biến ở nước ta, mà điển hình nhất là dân tộc Miêu và dân tộc Di. Do họ sống lâu dài trong hoàn cảnh sùng bái vu quỷ, không những họ có quan niệm ma thiêng rất mạnh, còn rất coi trọng linh hồn của con người. Họ cho rằng quan hệ giữa sinh bệnh và "hồn" rất mật thiết. Bất luận là nam hay nữ, là già hay trẻ, hễ cứ sinh bệnh thì đều là hồn rời khỏi chỗ. Hồn đã rời đi thì cần phải gọi hồn về. Chỉ cần gọi được về nhập vào thân thể như cũ thì bệnh sẽ dần khỏi, con người sẽ bình phục lại sức khoẻ. Lấy phong tục gọi hồn chữa bệnh trong xã hội của dân tộc Miêu ở Quý Châu còn để lại, làm ví dụ. Dân tộc Miêu ở trong khu vực này, hễ cứ có người mất hồn mà sinh bệnh liền phải đi mời quỷ sư đến để gọi hồn chữa bệnh. Trước khi gọi hồn trị bệnh, trước hết Quỷ sư rải 1 lượt tro lên mặt đất, dùng cỏ lúa ước lượng độ dài ngắn của dấu chân người lạ hồn, đem thước tất đo

xong giao cho người giúp việc đứng bên cạnh. Khi quỷ sứ gọi hồn, ngồi ở trên ghế thấp, dùng khăn vải phủ kín mặt, 2 chân không ngừng rung động, trong miệng ngân nga du dương bài hát chiêu hồn uyển chuyển, thúc giục "người hướng đạo âm gian" của quỷ sư hướng theo phía đông tiến lên đuổi theo dấu tích của hồn. Sở dĩ phải truy đuổi theo hướng đông là bởi vì theo quan niệm của dân tộc Miêu ở khu vực Quý Châu, sau khi hồn bị lạc, phương hướng mà nó tìm về là phương đông mà cha ông tổ tiên của nó đã từng cư trú. Do vậy hồn bị lạc bao giờ cũng men theo phương hương này mà đi "Âm gian hướng đạo" phát hiện được dấu chân của hồn bị lạc lập tức báo cho Quỷ sư biết, Quỷ sư lập tức lấy cỏ lúa đo trái, đo phải, lượng trước lượng sau, sau đó đưa cho người giúp việc ấn chứng. Nếu dài ngắn tương đối phù hợp liền nhận định là phương hướng truy đuổi đã trúng. Quỷ sư lại ra lệnh cho "Âm gian hướng đạo" nhanh chóng đuổi theo cho tới khi tìm được và nắm bắt được hồn lạc. Sau khi bắt được hồn lạc rồi, Quỷ sư nói với người giúp việc bên cạnh : "Hồn ở đây rồi nè ! Hồn ở đây rồi nè !". Người giúp việc lập tức đem đến 1 con vịt đã được chuẩn bị từ trước. Lúc này chỉ nhìn thấy tay trái Quỷ sư nắm chặt lấy con vịt, ngón tay cái và ngón tay chỏ của tay phải thọc mạnh vào trong bụng vịt trong nháy mắt quả tim vịt bị móc ra ngoài. Người giúp việc lập tức dùng vạt áo của người bệnh gói tim vịt lại. Điều này có nghĩa là hồn lạc đã được gọi về. Sau đó, Quỷ sư vò mạnh lên

đầu gối, nhẹ nhàng nhảy lên, lật chiếc khăn trùm đầu ra, nháy nháy mắt, hồi phục lại bộ mặt cũ... (1).

Lên đồng bắt quỷ trừ ma chữa bệnh là phương thức chủ yếu để chữa bệnh của dân tộc thờ đạo Tát Mãn. Ngoài ra, phương thức này cũng rất đột xuất ở trong dân tộc thờ Vu đạo của dân tộc Di và dân tộc Choang. Ví dụ, nếu có người thường xuyên đau ốm, dân tộc Di liên cho rằng đây là do ác quỷ nhập vào mà sinh ta, liền phải mời vu sư lên đồng bắt quỷ. Thế nhưng cách làm của dân tộc Di ở các nơi lại không thấy giống nhau. Lên đồng bắt ma của các vu sư dân tộc Di ở Nguỵ Sơn, Vân Nam cần dùng 1 con dê, 1 con gà, 1 cái vại đất có nắp và 1 miếng vải đỏ có thể đậy trùm lên miệng vại được. Ban ngày, Vu sư dẫn họ hàng người bệnh mổ dê tế sơn thần hoặc thần thổ địa. Đến buổi tối, Vu sư bày bàn thờ ở trong nhà hoặc trong sân đoạn bày hương án và thăng đấu lên trong thăng đấu đựng lương thực, rồi cắm bên trên 2 con dao dài hơn 1 thước vót bằng 2 cành đào và 1 cái sừng dê (trên dao khắc 1 đường ngang, dùng tro gỗ bôi đen) trước bàn án đốt 1 đống lửa. Vu sư cởi bỏ áo trên, mặc quần ngắn, đi chân đất, tuyển chọn mấy thanh niên trai tráng đứng ở bên cạnh bàn án. Sau đó Vu sư tự gõ vào cái trống bịt da dê, miệng đọc thần chú, mời chúng thần nhập về. Thế là Vu sư lập tức biến mất trạng thái bình thường, nói năng loại xị lảm

(1) Mã Bình An : "Trung Quốc Vu thuật" Tam Liên thư điếm Thượng Hải phân điếm xuất bản lần 1 tháng 7 năm 1990 trang 125 - 126

nhảm, toàn thân run rẩy, vừa ca vừa múa. Khi nhảy tới cao trào, tay Vu sư cầm con dao lệnh, lấy tro than ở trong đống lửa bôi trên mặt mình, ngồi trên bàn án. Lúc này, mấy trang trai đứng ở bên cạnh lập tức giết 1 con gà trống nhỏ, đem chặt chân gà, cánh gà nướng cho Vu sư uống rượu. Sau khi rượu đủ, Vu sư ra lệnh cho các chang trai đốt đuốc lên, tay cầm cành liễu, cành đào quật mạnh khắp tứ phía ở trong nhà người bệnh hò hét inh ỏi để đuổi ma. Cuối cùng, trong miệng Vu sư nhổ ra bọt giải trắng, nằm lăn xuống đất, 2 tay nắm chặt dao lệnh, biểu thị ác quỷ làm loạn đã bị bắt. Các chàng thanh niên đem chiếc vại đất đã được chuẩn bị sẵn đưa đến, 2 tay Vu sư cầm dao lệnh đâm mạnh lên trên vại, biểu thị đã bắt được ác quỷ nhốt vào trong vại, đậy tấm vải đỏ lên rồi buộc chặt lại, khiêng tới trước hương án, lấy 1 con dao cạo tóc rạch 1 vết nhỏ ở trên đầu lưỡi của mình lấy máu nhỏ giọt lên tấm vải đỏ, sau đó đậy vại lại, lấy 2 con dao vót bằng 2 cành đào cắm ở trong thăng đấu, rồi cùng khiêng vại ra đường rẽ ngoài đồng, đào 1 hố đất, đậy đất, rồi cắm dao cành đào lên để cho người qua đường bước qua, biểu thị rằng không cho ma ác lại về đây hại người nữa. Dân tộc Di ở Đại Tiểu Lương Sơn Xuyên Điền [1], nhập thánh bắt quỷ trừ ma cần dùng lợn, dê, gà mỗi thứ 1 con, rượu 1 vò còn dùng các vật như 1 cái vại đất, 1 cành cây nửa đêm mời Vu

(1) Điền là biệt hiệu Vân Nam. Xuyên Điền là Tứ Xuyên Vân Nam (người dịch chú)

sư tới nhà làm phép. Nghe nói, Vu sư có thể bắt ma quỷ đặt vào trong vại. (2)

*2. Đốt bùa niệm chú nhập thánh trị bệnh*

Phép đốt bùa niệm chú nhập thánh trị bệnh có người cũng gọi là phép chữa bệnh Chúc Do. Nói về phép chữa bệnh Chúc Do, đã có học giả khảo chứng trong 1 cuốn sách gọi là "Tố Vấn". Chúc Do của đời sau thuỷ tổ khởi đầu của đời Tống - là một thuật thần bí kỳ dị khó lường, trên thực tế chẳng qua chỉ là phép dùng phù chú chữa bệnh mà khỏi. Nhưng thuật này không khinh truyền cho ai, cũng không tuỳ tiện dễ dàng chữa bệnh cho người. Nhưng nghe nói hễ đã chữa thì bệnh nặng mấy cũng khỏi ngay. Người bệnh tuy mê man bất tỉnh, người trị bệnh lẩm nhẩm ở bên cạnh, đốt bùa liên tục, rồi lấy rượu phun vào, độ 1 lát, pháp sư gọi đứng liền đứng, bảo đi liền đi, hoặc bảo chạy rồi quay lại liên ngã vật xuống ngủ liền, lay cũng không tỉnh. Tới lúc tỉnh, bệnh đã hết, trong quá trình chữa bệnh người bệnh hoàn toàn không biết. Đây là 1 loại phương pháp chữa bệnh không dựa vào thuốc và thủ thuật (gồm cả việc không uống bùa) mà chỉ dựa vào việc đốt bùa niệm chú gọi hồn thánh nhập. Phương pháp chữa bệnh tương tự ở nước ngoài có 3 lại hình thức như sau : Hoặc là Vu y dẫn người bệnh xuất thần mà người bệnh vẫn tỉnh táo ; Hoặc là Vu y dẫn người bệnh vào trạng thái xuất thần mà tự mình vẫn tỉnh táo; Hoặc là Vu sư cùng với người bệnh

(2) "Đại từ điển tôn giáo" các dân tộc Trung Quốc" trang 650

đồng thời bước vào trạng thái xuất thần. Trong đạo Sa Man, Vu y bước vào trạng thái xuất thần, lúc này ông ta bị 1 loại sức mạnh siêu tự nhiên "thao túng" còn người bệnh lúc này thì thông qua Sa Man thỉnh giáo ở sức mạnh siêu nhiên để nhận được lời dạy bảo đặng giải quyết khốn khó bệnh tật. Có khi Vu y chỉ dắt dẫn người bệnh bước vào trạng thái xuất thần để cho bản thân người bệnh tự hỏi sức mạnh siêu tự nhiên về nguyên nhân của bệnh tật, liên tưởng tới biện pháp giải quyết. Vu y và người bệnh cũng có thể đều bị sức mạnh siêu nhiên thao túng, cũng giống như kiểu sùng bái Tsar [1] vậy. Khi Vu y và người bệnh đều ở vào trạng thái xuất thần, giữa họ đã bắt đầu tiến hành đối thoại, xác định khi Tsar "tinh linh thao túng" tặng ân huệ cho người bệnh thì cần phải cúng những thứ gì để giảm nhẹ sự đau khổ của người bệnh.

*3. Gọi hồn nhập xác và những động tác thủ thuật mang tính chất tượng trưng.*

Phương thức chữa bệnh này ở nước ta chủ yếu thấy ở trên nghi thức lên đồng chữa bệnh của một số dân tộc thiểu số. Căn cứ vào sách "Hắc Long Giang chí cảo", ở trong các dân tộc thiểu số như dân tộc Mãn, Ngạc Ôn Khắc, Ngạc Luân Xuân v.v... ở Hắc Long Giang (dân tộc Hán cũng có) "Vu phong" thịnh hành, trong nhà có người ốm, không biết đến việc chữa thuốc, chỉ biết mời thầy cúng vào nhà tụng kinh, ăn mặc như một phường

(1) Một vật được sùng bái của đạo Ba Tư

sĩ, có tiếng trống kèm theo, nhảy múa, hỏi nguyên nhân bệnh vì đâu; rồi giường chiếu được đo, ấn xoa vào người bệnh vài lượt rồi dần dần khỏi. Hoặc nhờ Lạt Ma chữa cho cũng tương tự như vậy cả". Nghi thức tôn giáo tiến hành chữa bệnh hoặc tế tự trong dân tộc Mông Cổ gọi là "Hành bác". Hành bác chữa bệnh nói chung được tiến hành trong nhà người bệnh. Lấy việc Hành bác chữa bệnh cận đại làm ví dụ, nghi thức này đại thể có 3 trình tự cơ bản cầu nguyện thỉnh thần, nhập thần và tiễn thần. Khi Hành bác, thầy cúng hoặc cô đồng phải mặc pháp y, tay cầm trống 1 mặt vào nhà. Khi bắt đầu cầu nguyện thỉnh thần, bệnh nhân ngồi ở trên giường, Cô đồng hành lễ ca hát hướng về thần linh ở 4 phương tám hướng. Tiếp đó bước vào giai đoạn thánh nhập. Sau khi qua 1 hồi lâu, cô đồng ca hát nhảy múa, tình cảm xúc động, bước chân múa ngày càng hăng hái. Lúc này có người bắt đầu dâng rượu tiếp đó cô đồng phải nghênh thỉnh thần linh, bước chân nhảy múa càng cuồng nhiệt hơn, và bắt đầu rung người, miệng phun bọt trắng, hai mắt trắng dã. Khi đã đạt tới cao trào, động tác cuồng loạn, cuối cùng lao vọt ra ngoài cửa, ngã vật ra chứng tỏ thần linh đã nhập vào. Lúc này có người vực cô đồng ngồi xuống trước tượng thần, hỏi cô (hoặc thầy) nguyên nhân gây bệnh cùng các vấn đề khác của người bệnh, xin được bói quẻ và dạy bảo. Cô đồng (hoặc thầy đồng) nhất nhất đều trả lời rõ. Có cô đồng lúc này dùng miệng cắn chặt 1 thỏi sắt đã nung đỏ, sau đó thổi khí nóng vào chỗ đau của người bệnh, hoặc để chân trần dẫm lên thỏi sắt nung

đỏ, sau đó dẫm vào chỗ đau của người bệnh. Cũng có thầy đồng dùng phương pháp thay tiến ma chết, tức là dùng cỏ hoặc giấy sau khi làm thành tượng phống rồi thì đem đốt đi, để thay người bệnh trừ bỏ mọi bệnh hoạ. Còn có phép "gọi hồn" v.v... Khi tiến thần, thày đồng tiếp tục nhẩy múa và ca hát cầu nguyện rồi tiến biệt các thần đã được mời đến. Sau khi tiến chư thần đi rồi, thầy đồng dần dần tỉnh lại rồi chúc tụng cầu phúc cho người bệnh và mọi người có mặt. Sau cùng chủ nhà mời thầy đồng cùng mọi người ăn cơm, nghi thức "Hành bác" được tuyên bố kết thúc [1]. Dân tộc Duy Ngô Nhĩ ở Mông Cổ cũng có phương pháp chữa bênh tương tự như kể trên. Họ cho rằng các loại bệnh tật đều bị các tinh quái ma quỷ nhập vào mà sinh ra, chỉ có mời vu sư lên đồng đuổi ma mới có thể chữa khỏi. Một trong những phương pháp lên đồng đuổi ma chữa bệnh của thầy cúng, chính là để cho người bệnh nằm xuống sau đó vừa đọc thần chú vừa day vào chỗ đau của người bệnh, tiếp đó đi chân trần dẫm lên "cái bay chém đất" đã nung đỏ (một công cụ giống như cái cuốc cửa dân tộc Ngô Duy Nhĩ) rồi mới đưa chân đạp vào chỗ đau của người bệnh. Cứ làm y như vậy nhiều lần cho tới khi "cái bay chém đất" nguội lạnh mới thôi.

Ở nước ngoài cũng có kiểu chữa bệnh gọi hồn nhập xác và những thủ thuật mang tính chất tượng trưng. Trong lời dẫn của cuốn sách này đã nêu ra ví dụ "thầy

(1) "Đại từ điển tôn giáo về thần thoại các dân tộc Trung Quốc" trang 449

thuốc"người BuXiManCôn, Châu Phi chữa bệnh cho người tộc mình chính là một thí dụ. Trong quá trình chữa bệnh "Thầy thuốc" đã nhẩy múa xung quanh bệnh nhân ; ông nhẩy tới trước mặt người ốm, sau đó đưa chân đụng vào thân thể người bệnh, 1 tay đặt ở trước ngực người đó, một tay đặt ở sau lưng để dẫn ra dịch thể của tội ác. Người Vifôtô dân tộc nguyên thuỷ ở rừng tây bắc Amazôn, Nam Mỹ đối với 1 số bệnh tật khó chữa cũng cầu dựa "vào phương pháp cực đoan" : Ban đêm, ở trong nhà tối om, vu sư muợn sự kích thích của cô ca (tên khoa học là Cocain, chất ma tuý gây kích thích), khiến cho bản thân bước vào trạng thái hưng phân điên cuồng. Ông ta đánh trống múa may rồi gõ đập trên ván sàn, lúc ngừng lúc tiếp, phát ra những tiếng gào khóc đanh sắc cho tới khi ông ta gọi được tinh linh mà ông ta cần đối thoại. Thông qua kỹ thuật huýt sáo, lúc này những người xung quanh nghe thấy cả 4 phương 8 hướng đều có tiếng kêu của động vật và chim chóc. Đây là "biểu hiện của thần linh đã tới". Cuối cùng, khi chuẩn đoán nguyên nhân bệnh dưới sự giúp đỡ của thần linh ông đã quá mệt mỏi nằm vật ra đất. Sau chừng nửa giờ, khi tỉnh dậy, ông liền bắt đầu chữa bệnh, ông chắp 2 tay lại, miệng lẩm nhẩm đọc thần chú, xoa và cắn chỗ đau, hút lấy rồi nhổ ra 1 thể lỏng màu đen. Cuối cùng, biến ra thành 1 mũi kim nhọn hoặc 1 chiếc gậy những thứ này đều là "hoá thân của thần linh quỷ ác". Ngoài ra,

các tín đồ của đạo Cơ Đốc tin rằng nếu được tay thánh sờ vào có thể chữa khỏi bệnh. Trong truyền thuyết dân gian nước ta cùng với 1 số người có tư tưởng mê tín ở nước ta tin tưởng sau khi được bàn tay của vu sư sờ vào có thể chữa được bệnh, có thể quy vào phương pháp chữa bệnh này. Như dân tộc Diệc ở làng ALạp, thị trấn Côn Minh, tỉnh Vân Nam, nếu trẻ con có thói quen khóc đêm liền đưa đứa trẻ đó tới nhận làm con nuôi 1 nhà người thân, bắt đứa trẻ phải lễ bái 1 thầy cúng già. Đến giờ, người mẹ của đứa trẻ liền đem đứa trẻ, xách 2 bình rượu, 1 bọc điểm tâm, 1 bó thuốc khô, tới nhà vu sư, cầu xin cô đồng dùng tay xoa miết lên trên đầu đứa bé và đặt cho cháu một cái tên. Mọi người tin tưởng rằng qua sự tiếp xúc của "bàn tay thánh" đứa trẻ sẽ cảm ứng được một loại pháp lực siêu nhiên thì ít mắc bệnh mà dễ nuôi [1]. Sở dĩ có thể sản sinh ra quan niệm và phong tục kể trên là vởi vì ở trong con mắt các tín đồ Cơ đốc giáo và các tín đồ phi tôn giáo mê tín quỉ thần, thì bản thân Jêsu, Giáo chủ, Hoàng Đế và vu sư chính là hoá thân của thần .

*4. Cầu thần nhập xác kèm thêm thuốc và những động tác thủ thật mang tính chất tượng trưng.*

Phép trị bệnh này là một loại phương thức chữa bệnh mà các vu y quen dùng để tăng cường hiệu lực chữa

(1) Trương phúc : Sự suy bái Tát Ma và Nữ thần của dân tộc Di làng A Lạp . Vân Nam", xem "Báo Đại học sư phạm Vân Nam" số 1 năm 1992

bệnh bằng vu thuật của rất nhiều dân tộc trong và ngoài nước. Ví dụ, một số "thần y" của dân tộc Cao Sơn, khi chữa bệnh cho người cần trước hết nhìn sắc mặt của người bệnh, bắt mạch, sau đó mới "thỉnh thần". Họ miệng đọc chú ngữ, hai tay đông nắm 1 nắm, tây vớt 1 nắm giống như làm ảo thuật, từ trong túi áo lấy ra các loại "Tiên đan tiên bột" cho người bệnh uống. "Hương đầu" của "Tú đại môn" khám bệnh cho người cũng là trước hết hỏi han nguyên nhân bệnh tình sau đó cho dùng thuốc để phối hợp chữa bênh. Vu sư của dân tộc Dao chữa bệnh cho người đã dùng niệm chú nhẩy múa để đuổi ma tà , cũng dùng thảo dược thay tể đông y, hoặc phương pháp tắm cát v.v.... Vu sư của dân tộc Miêu đồng thời với việc chữa bệnh đuổi ma, kiêm dùng thảo dược chữa bệnh, đối với người có vết thương bên ngoài cách chữa chạy đặc biệt. Ngoài ra, vu sư của các dân tộc kể trên và 1 số dân tộc khác, có người còn sử dụng các phương pháp như trích thịt lấy máu, phóng huyết chỉnh xương, dùng tay xoa bóp, lấy ngón tay bóp vào "bệnh căn" trên thân của người bệnh, phối hợp với việc gọi hồn nhập xác và sử dụng thuốc để tiến hành chữa bệnh. Ở nước ngoài từ lâu ở khu vực Nhật Nhĩ Man cổ đại, nghi thức dùng thuộc cộng với việc thánh nhập để tiến hành chữa bệnh rất thịnh hành. Các vu y khi chữa bệnh cho người đã niệm chú và cho uống thuốc dược thảo. Ở chỗ

người Slapho pháp thuật trừ bệnh rất khó phân biệt. Thuật vu y dân gian gần đây của Ốt stây lia càng phát đại, các vu y quen thuộc với việc dùng các loại cây thuốc, thậm chí còn dùng thang tế, xoa bóp, chườm nóng, trích máu v.v... để chữa các loại vết thương và xương gẫy. Một số dân tộc ở các đảo Thái Bình dương như người Mêranixia và Pôri ni xia cũng đều thịnh hành thuật vu y. Thuật vu y nói ở đây đã bao hàm phương thức dùng thuốc và gọi hồn nhập thánh để tiến hành chữa bệnh.

## VUI CHƠI GIẢI TRÍ

Công dụng của trò giải trí trong phong tục "giáng thần phụ thể" bao gồm 2 loại giải trí thần và giải trí người. Phong tục thánh nhập (lên đồng ban đầu là 1 nghi thức hoạt động vu thuật đơn thuần hoặc tôn giáo đơn thuần, nó chỉ có công dụng giải trí thần mà tuyệt nhiên không có nhân tố giải trí người. Đến sau này, theo sự phát triển của xã hội, phong tục thánh nhập do hoạt động của vu thuật thuần tuý, tôn giáo thuần tuý, có một bộ phận chuyển hoá thành hoạt động vui chơi giải trí dân gian, từ 1 phần giải trí thần đơn thuần chuyển thành giải trí người. Giống như phong tục tập quán thánh nhập như lên đồng đánh đồng thiếp v.v... Sớm nhất là hoạt động giải trí thần mang tính chất vu thuật đơn thuần mang tính chất tôn giáo đơn thuần về sau mới dần dần biến thành hoạt động vừa có phần giải trí thần lại vừa có phần giải trí người. Như hiện nay ở một số địa phương mỗi

khi gặp ngày nhàn hạ qua tết, giả sử không thăm bệnh chữa bệnh, không bốc quẻ xem lành dữ, cũng còn có thể tiến hành các nghi thức lên đồng. Con người xem dáng điệu múa vui nhộn của các người lên đồng làm vui, thảng hoặc còn hỏi thần 1 số việc làm vui. Tục chọi trâu đất, nhẩy đồng cóc, mời thần bàn v.v... từ lúc ra đời cho đến nay chính là 1 loạt hoạt động mang tính vui chơi giải trí đơn thuần. Khởi đầu của sự phát minh ra tục "phù kê" chẳng qua chỉ là một loại trò chơi của chị em phụ nữ , về sau lại là sự tương tạp của vui chơi giải trí với bói bốc xem lãnh dữ. Một số nơi ở Nhật Bản cũng tồn tại phong tục tập quán lên đồng gọi hồn với ý nghĩa chủ yếu là vui chơi giải trí, và tổ chức hoạt động thần bí mang tính chất giải trí đơn thuần [1]. Thế nhưng hoạt động văn hoá tinh thần dân gian này chủ yếu còn theo tín ngưỡng nguyên thuỷ, tiến hành theo quỹ tích hoạt động tự vui chơi.

## PHONG TỤC GỌI HỒN NHẬP XÁC VỚI ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN SỰ

Hiện tượng dùng phương thức gọi hồn nhập xác thi hành ma pháp và phản ma pháp ở trong dân gian thì đâu đâu cũng đều thấy cả, nó được vận dụng rộng rải vào nhiều mặt ở trong đời sống. Ở đây tạm thời không cần thiết phải kể nhiều. Không những thế , phong tục

(1) "Câu đố hấp dẫn của tôn giáo hiện đại (Tiểu Điền Tấn (Nhật) nhà xuất bản công nhân : lần thứ 1 tháng 5 năm 1989 trang 47.

thánh nhập vào cô đồng còn được vận dụng một cách rộng rãi vào trong cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, về điểm này rất nổi bật ở nước ta.

Theo "Tấn thư - Triệu Vương Luân truyện" ghi "Luân và Tư đều mê hoặc bởi vu quỉ, nghe theo thuyết yêu tà, Tú sai nha môn Triệu Phụng giả làm lời thánh Tuyên đế, ra lệnh cho Luân sớm vào Tây cung. Lại nói rằng Tuyên đế ở núi Mong, nói là mưu phản sẽ thành. "Hán thư- Quảng Lăng Lệ Vương Tư truyện". Viết thời Chiêu đế, Tư thấy thánh thượng còn trẻ mà không có con, liền có ý đồ xấu. Thấy đất Sở có vu sư , Tư đã đón cô đồng Lý Nữ Tu, lên đồng niệm chú. Nữ Tu khóc lóc nói : "Lý Vũ Đế nhập vào ta" Tả hữu đều phủ phục Nữ Tú nói "Ta tất sẽ lập Tư làm thiên tử". Tư đã thưởng cho Nữ Tu nhiều tiền và sai cầu nguyện ở Vu Sơn". Lý Nữ Tu vì thực hiện dã tâm có ý đồ thoán nghịch của Tư nên đã giả vờ làm thần làm quỷ, rồi tự xưng là hồn Vũ Đế nhập vào để hù doạ tả hữu do đó đã được trọng thưởng của Tư. Hai sử liệu kể đã phản ánh sự thực vu sư và phương sĩ đã tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị trong nội bộ triều đình từ đời Hán trở đi. Lại căn cứ vào ghi chép trong "Toàn Hậu Hán Văn - Hoàn Tử Tân luận" : "Ngày xưa Sở Linh vương kiêu sa dâm dật khinh thường người dưới, khinh hiền chuộng quỷ, tin ở đạo của vu thuật, trai giới khiết tiên để thờ thượng đế, lễ minh thần, bản thân cầm lông vũ làm lễ cầu phúc nhảy múa ở trước đàn. Người Ngô tới đánh quân tới cấp báo. Mà Linh

vương vẫn ca múa như thường, chỉ ngoảnh cổ lại nói : "Quả nhân đang tế trời, lễ minh thần, đang cầu sẽ được phù hộ, không dám đi cứu !" Khi quân Ngô kéo đến đã bắt sống thái tử và hậu cơ của Linh vương". Thời kỳ phong trào Nghĩa Hoà đoàn, phong trào thánh nhập cô đồng của Nghĩa Hoà đoàn càng là cơ sở quan trọng trong việc tiến hành những quyết sách quân sự của bọn thống trị vương triều nhà Thanh hủ bại bất lực theo "Canh tí quốc biến ký" do Lý Hy Thánh tuyển chọn, nói đại thần Tải Y, Cương Nghị v.v.. triều Thanh vô cùng tin tưởng: thuật của Nghĩa Dân , thuật ấy rất thần diệu, có thể báo thù được huyết hận". Ngay đến cả Từ Hi thái hậu cũng bị nó mê hoặc, đã "đưa cho 10 vạn lượng vàng, Tải Y lập túc ; lập đàn, sớm chiều lễ bái, Thái hậu cũng xây đền ở trong nội cung", và cuối cùng đã quyết định đánh sứ quán người nước ngoài ở Dân Cảng ngoại thành phía đông.

Giai cấp thống trị đã như vậy, việc khởi sự của nông dân khởi nghĩa và các tổ chức tôn giáo bí mật dân gian cũng như vậy. Phong tục gọi hồn nhập xác đã trở thành công cụ quen dùng của các thủ lĩnh nông dân khởi nghĩa và các tổ chức tôn giáo bí mật dân gian. Cuối thời Đông Hán, khi quân Xích My Sơn Đông khởi nghĩa, các thày cúng ở trong quân đội cũng rất giống các mục sư tòng quân ở trong quân đội châu Âu. Khi quân Xích My tây chinh Trường An, không ít quan binh lòng nhớ cố hương, nhân tâm ly tán , thủ lĩnh mời thày cúng lên đồng ở trong

quân đã mời được anh linh của Thành Dương Cảnh Vương, kêu gọi quân Xích My vì thiên tử đánh hạ kinh sư, lập tức có công hiệu ngay. Theo "Duy huyện chí cảo" ghi : năm 16 Đạo Quang (trước chiến tranh nha phiêns 4 năm), ở vùng Lai Châu tỉnh Sơn Đông, mùa xuân có nạn đói lớn, mùa hạ có ôn dịch, mùa đông lại tuyết lớn rất nhiều người chết đói, chết bệnh, chết rét. Túc thì ngày mồng 8 tháng giêng năm Đạo Quang 17 (1837) liền phát sinh cuộc bạo động do Bạch Liên giáo đồ Mã Cương đứng đầu. Họ đã tập hợp được mấy chục ngàn người vào huyện thành Duy huyện, mưu sát huyện quan không đạt. Khi họ khởi sự, tin tưởng sâu sắc nhất định sẽ có thiên binh thiên tướng tới viện trợ, hơn thế mấy người lãnh đạo chủ yếu trong bọn họ tin tưởng bản thân họ đều là Bạch hổ tinh, Mão tinh, Chức nữ tinh xuống trần tất sẽ thành công. Thế nhưng kết quả họ đã lập tức thất bại, bị giết chết gần ngàn người. Lại theo "Cổ kim quái dị tập thành " nói : "Thượng đế của đạo Cơ đốc thời Gia Khánh, châu Cửu Thao người đất Việt ra. Hồng Tú Toàn Phùng Vân Sơn ông làm thầy. Cửu Thao chết, suy tôn Tú Toàn làm giáo chủ. Năm bính thân Đạo Quang, Tú Toàn, Vân Sơn truyền đạo tới Quảng Tây, cư trú ở núi Bàng Hoá nơi tiếp giáp Vũ Tuyên. Khi Tú Toàn ốm nằm nguy kịch, đột nhiên đỗ, nói ta ốm chết nằm ở dưới đất đã 7 ngày. Nay bắt đầu tỉnh, có thể biết được các việc mai sau, việc đời sẽ rối ren đại loạn, duy chỉ có thờ đạo của thượng đế hoặc làm linh giáo chủ, thì có thể được miễn,

hơn thế, sau khi chết có thể lên được cõi cực lạc ở trên thiên đàng. Lễ bái thượng đế. Nộp vàng bạc , cúng hương nến, có thể chuộc được mọi tội ác đã qua". Năm 1748 (năm 13 Càn Long) một cánh quân ở Lão Trai, Phúc Kiến đã khởi sự chống lại quan. Một trong những người tổ chức khởi nghĩa lần này là cô đồng ở nông thôn, cô vốn "có thể lên đồng, lại có thể múa kiếm gọi ma". Các tín đồ khởi sự mượn thuật lên đồng của cô để tuyên truyền tôn chỉ "Di Lặc hạ thế", "Thế thiên hành sự" , "Khuyên phú tế bần " Vào năm Gia Khánh ở vùng Hoà Châu An Huy. Giáo đầu Phương Vinh Thăng, đạo Viên Đốn giả thác lời thần tuyên truyền tai hoạ tuyên bố tinh tú các triều đã chuyển kiếp cứu thế "nhập vào thân thể các anh hùng hảo hán" mượn thân thể người để khởi sự .

Hình thức mượn phong tục thánh nhập làm công cụ khởi nghĩa, thì ngay các cuộc khởi nghĩa của các dân tộc thiểu số cũng không ngoại lệ . Ví dụ Thao Yên, người anh hùng khởi nghĩa của dân tộc Cơ Nặc sở dĩ trở thành lãnh tụ của cuộc đại khởi nghĩa dân tộc năm 1941 là bởi vì ông đã biết lợi dụng đầy đủ phong tục cô đồng nhập thánh. Một ngày trong năm 1940, bá phụ Môn Bá của Thao Yêu đột nhiên run rẩy, nửa đêm đập đập đánh đánh kêu gào ầm ĩ, nói rằng quỷ thần muốn để cho ông lãnh đạo dân tộc Cơ Nặc . Thế nhưng suốt mấy ngày mà người hưởng ứng rất ít, ông liền tự nói không thể làm người lãnh đạo được, tức thì sau khi đã giết chết 1 con chó đem máu chó bôi lên trên cửa, để biểu thị cự tuyệt lời phán của quỷ thần, để cho ông làm người

lãnh đạo. Kết quả, trong vòng một năm 2 người con trai của Môn Bá lần lượt chết đi, Thao Yêu hiểu biết rất rõ quá trình của các sự kiện phát sinh ra ở trong nhà người bác, tức thì đã lấy lí do ý chí của quỷ thần khó chống lại được, đã chủ động đảm nhiệm nhiệm vụ nặng nề của người bác. Quả nhiên, ở trong nhà mình ông đã phát run toàn thân. Chính trong lúc này Thao Yêu còn gặp phải mấy sự việc kỳ lạ : Ông đánh được một con nhạn trắng, khi lột da đã phát hiện trong cổ một sợi vàng dài ước hai ngón tay chỏ, một con bò vàng nhỏ của ông sau khi bị người ta chém chết thì phát hiện ở trong dạ dày của nó có rất nhiều lông thú và đầu tóc người ... mấy sự kiện cộng lại càng khiến cho sự run rẩy của Thao Yêu tràn đầy tính chất thần bí. Còn Thao Yêu lúc này lại mở miệng ca hát, ban ngày hát, ban đêm cũng hát, ông hát rằng ông là đại biểu của thần tổ toàn dân tộc Cơ Nặc. Do đó nhân dân dân tộc Cơ Nặc đang lúc bế tắc đường đi, cũng ca hát theo Thao Yêu đang toàn thân run rẩy. Từ đây đã bắt đầu phát sinh cuộc đại khởi nghĩa của dân tộc Cơ Nặc.(1)

## THỰC DỤNG

Thực dụng của phong tục gọi hồn nhập xác chỉ là nói khi so với việc vui chơi giải trí mà thôi. Trên thực tế việc thông thần, bốc quẻ vấn sự, chữa bệnh, thánh nhập cô đồng với đấu tranh chính trị và quân sự đã nêu

(1) Bối cảnh sản sinh ra vụ Sư của nhân tộc Cơ Nặc " (Đỗ Ngọc Đinh) xem "xã hội khoa học Vân Nam kỳ thứ 6 năm 1988

ở trên, cũng thuộc về công dụng thực dụng cả. Ngoài cái đó ra, công dụng thực dụng của phong tục thánh nhập còn biểu hiện ở chỗ phong tục thánh nhập đã được vận dụng 1 cách rộng rãi ở rất nhiều mặt trong đời sống xã hội , ví dụ như khoa cử, giảng đạo, truyền đạo, thi hành ma pháp với kẻ thù hoặc phản ma pháp, thậm chí đến cả việc cầu mưa, cầu nắng, rửa tội, cầu tự v.v... ví dụ ở một số thôn làng thuộc huyện Ký Tỉnh Hà Bắc trước đây nếu gặp đại hạn lâu liền hỏi tới "Mã Tử" khi nào có thể mưa. Lúc bình thời, "Mã Tử" chẳng có gì khác lạ với người thường, tới lúc cầu mưa, thánh nhập vào, liền trở thành một con người khác hẳn. Khi gục đầu khấn vái ở trong miếu, ông tựa hồ như thánh nhập vào. Theo ghi chép trong "Trung Hoa phong tục chí "gần đây ở nước ta thịnh hành việc "phù kê" có liên quan tới việc "Đệ tử của Loan tiên tuyên truyền người nhập đàn có thể tẩy trừ được tội lỗi trước kia, mai sau có thể lên trời thành Phật" Loại hiệu triệu như vậy cuối cùng có thể khiến cho người ngu lờ dờ bước đi như cờ. Phụ nữ dân tộc Hách Triết nếu quá 30 tuổi mà chưa sinh con, tức thì cho rằng bản thân mình không có linh hồn thứ ba, cần phải thỉnh Sa Man lên đồng tìm hồn. Khi lên đồng, chúng thần trên đường trở về, sau khi người cầu tự nấp ở đằng sau lưng Sa Man, buộc giải bay ở trên quần hoặc mũ của thần thành 1 nút , lúc ấy không để cho Sa Man

biết. Sa Man về nhà, bước tới trước ngu thần, hỏi nút nào đó do ai buộc. Người buộc nút liền quỳ xuống dùng rượu rảy vào thân thần, cúi đầu cầu nguyện, nếu có con tất sẽ cúng bò, ngựa lợn, cừu v.v... để hoàn nguyện. Sa Man đánh trống cầu nguyện trước thần rồi bắt người cầu tự qua 3, 4 ngày thì đến nhà Sa Man lên đồng để lấy linh hồn của thai. Phong tục thánh nhập cô đồng có khi còn trở thành vũ khí để cho chị em phụ nữ tiến hành một loại phản kháng nào đó hoặc thực hiện một loại dục cầu nào đó. Ví dụ một vị cu sư dân tộc Di ở làng A Lạp, thị trấn Côn Minh, tỉnh Vân Nam, có khi bà làm cơm ở trong nhà, mệt mỏi quá chừng, liền dang rộng 2 tay, hắt xì hơi rồi bắt đầu nói huyên thiên, có những hành động khác với lúc bình thường, đây chính là triệu chứng thần sắp sửa nhập vào cô. Lập tức, người chồng của cô liền phủ phục ở dưới chân cô mà vái cô. Cô từ người vợ biến thành "bà chúa", không làm việc vặt trong nhà nữa. Tình trạng tương tự, trong một số phụ nữ ở một số nước như Etiôpia ... cũng tồn tại [1]. Ở miền đông Châu Phi một số linh hồn thường nhập vào thân thể phụ nữ dân tộc Kma. Số phụ nữ này dùng những ngôn ngữ mơ hồ không rõ, nói 1 số câu "lung tung lang tang". Bản thân của ngôn ngữ tay hàm hồ chẳng rõ, thế nhưng yêu cầu của họ rất rõ ràng. Điều mà các chị yêu cầu là những

(1) Xem "Kim chi" (thượng) trang 149

lễ vật đến từ nam giới (nói chung là người chồng) và sự quan tâm của họ. Ví dụ như để cho chồng mua mũ nón, quần áo v.v... Điều này thật quả đúng như lời nói của nhà nhân loại học nước Anh là I.M. Luis, hiện tượng nhập thánh thường thường là một loại thủ đoạn "Phụ nữ và các giai tầng bị áp bức khác, trạng thái đánh mất mục tiêu và tình dục không được thoả mãn ; khi không có cách khống chế hữu hiệu khác., thì sẽ lợi dụng nó, để thi hành một loại áp bức thần bí nào đó, đối với những người có quyền thế".

# Chương IV

## THỦ PHÁP VÀ ĐẠO CỤ CỦA MA THUẬT SƯ: THỦ ĐOẠN CHỦ YẾU CỦA THÁNH NHẬP CÔ ĐỒNG

Khảo sát các loại phong tục tập quán gọi hồn nhập xác ở các nơi trên thế giới, nói chung có 3 loại hình thức: 1 là "Tình linh phụ thể", tức là thần xác của cô đồng hoặc người làm pháp thuật bị tinh linh chiếm giữ. Hai là "linh hồn xuất khiếu" tức là linh hồn của vu sư hoặc người làm phép lìa xa thể xác đi tới thế giới tinh linh. Ba là "tinh linh phụ thể " và "linh hồn xuất khiếu" cùng kết hợp, tức là sau khi tinh linh nhập vào thân xác của vu sư hoặc người làm phép, liền dẫn đưa linh hồn của vu sư hoặc người làm phép thuật đi tới thế giới linh thể siêu tự nhiên. Thế nhưng, đứng ở thủ đoạn cụ thể của việc thánh nhập cô đồng mà nói, thì có muôn màu muôn vẻ, biến đổi khôn lường, do sự khác nhau bởi các chủng loại ngồi đồng mà sinh ra sự khác nhau.

## CUỒNG VŨ

Cuồng vũ là một trong những thủ đoạn chủ yếu của việc thánh nhập cô đồng có sớm nhất và phổ biến nhất. Sở dĩ nó vận dụng được lâu dài và phổ biến như vậy, là bởi vì nó đã có liên quan chặt chẽ không thể tách rời với nhảy múa nghi thức đã tiến hành trong xã hội nguyên thuỷ, và việc nhảy múa nguyên thuỷ cũng khiến cho con người dễ sinh ra bệnh Hysteria [1] (cũng tức là con người cho rằng ma quỷ nhập vào trong con người)

Chúng ta đều biết, nghi thức là một bộ phận lớn trong đời sống xã hội nguyên thuỷ, số nghi thức này có cái đã liên quan tới tất cả các hành vi sinh hoạt cơ bản và lớn lao như sinh đẻ hôn nhân, chết chóc ; Có nghi thức đã liên quan tới những tai nạn cực kỳ to lớn của con người do thiên nhiên gây ra như hạn hán, lụt lội , động đất, chiến tranh vv.v... mà bất kỳ nghi thức nào hoặc ít hoặc nhiều cũng đều có liên quan tới vũ đạo nguyên thuỷ, mỗi loại nghi thức hầu như đều có sự thích ứng tương đối với vũ đạo nguyên thuỷ, ví dụ nghi thức kết hôn có múa hôn lễ, nghi thức mai táng có múa chôn cất, nghi thức cầu mưa có múa cầu vũ, nghi thức xuất chinh có xuất chinh vũ...

Việc nghiên cứu đối với các điệu múa nguyên thuỷ (đặc biệt là các điệu múa tôn giáo nguyên thuỷ) chứng

(1) Bệnh điên. thần kinh

tỏ: Các điệu múa tôn giáo nguyên thuỷ , hình thức vũ đạo cổ xưa này là một trong những phương thức dày vò thể xác. Khi một vị Sa Man nhảy múa đến độ tinh thần quá mệt mỏi, chứng mê ngất mang tính chất đồng cứng[1] bao giờ cũng không thể tránh được việc xuất phát ra [2]. Từ đây mà nhìn, thông qua việc nhẩy múa cuồng loạn dẫn tới phát sinh ra bệnh Hysteria là một kết quả tất nhiên . Vốn dĩ bệnh Hysteria là một loại bệnh mang tính chất tinh thần, nhưng đối với người nguyên thuỷ trình độ văn hoá khoa học thấp mà nói, kết quả tất nhiên này không những được coi là triệu chứng có quỷ thần nhập vào người, còn bị người ta coi là đã tìm ra được một con đường thông suốt tiến hành thẩm thấu qua lại trao đổi giữa vu sư với thần theo lối nhìn của người nguyên thuỷ, sự thẩm thấu giao lưu qua lại giữa vu với thần không phải là có thể tiến hành một cách có hiệu quả ở bất kỳ lúc nào địa điểm nào, nó đòi hỏi phải trải qua một đường thông nhất định. Chỉ có men theo 1 đường thông đặc biệt nhất định mà bước xuống thì loại thẩm thấu và qua lại này mới có thể thực hiện được, mà cuồng vũ chính là một thông đạo quan trọng thẩm thấu và qua lại giữa vu với thần. Ví dụ đối với hiện tượng đau ốm, người nguyên thuỷ cho rằng sinh bệnh đau ốm là do ma ám của ác quỷ ác thần dẫn đến , mà con người

(1) Một trong những hình thức biểu hiện của bệnh Hysteria

(2) "Thần Thoại Côn Luân và văn hoá Tát Mãn" của Lữ Vi, xem "Dân gian Văn học Luận đàn" số 3 năm 1989

lại không thể trực tiếp giao thiệp với ác quỉ ác thần này được, chỉ có thông qua vu sư đi cầu trợ sức mạnh của thần linh mới có thể xua đuổi được ma bệnh. Để đạt được mục đích này, con người thường phải tiến hành những nghi thức nhất định, do vu sư ở bên cạnh bệnh nhân vừa niệm chú, vừa nhảy múa, chỉ có nhảy đến khi nào mồ hôi vã ra như tắm, hoàn toàn bước vào trạng thái mê sảng thần hồn điên đảo, thực hiện được sự liên hệ với tổ linh, dựa vào sức mạnh siêu tự nhiên của vong linh tiên tổ đuổi cút được ma bệnh mới dừng lại. Chính bởi công dụng của việc nhảy múa nguyên thuỷ, cầu thông được mối liên hệ giữa con người với thần là một trong những nguồn gốc chủ yếu khiến cho vu thuật trở thành pháp bảo có sức mạnh, vì thế vũ đạo đã trở thành thủ đoạn quan trọng thẩm thấu và giao lưu giữa vu và thần của người nguyên thuỷ. Hiện tượng cổ xưa này cũng vẫn còn biểu hiện rất rõ rệt ở bản thân vu sư của một số dân tộc nguyên thuỷ hoặc dân tộc lạc hậu. Ví dụ, các vu sư của vùng Trung Á, Xi bê ria phần đông là thông qua tiếng trống chiêng thúc dục và những tiết tấu của điệu múa mà dẫn tới thánh nhập vào thân. Theo tiếng trống chiêng càng ngày càng thúc giục gấp, bước chân nhảy múa của các vu sư ngày càng nhanh, cho tới khi họ bước vào trạng thái mê sảng thân thể của họ theo tiếng ca và tiếng chiêng trống quay cuồng, lại một lần nữa nhảy múa, dẫm đạp, quay cuồng, làm ra các tư thế động tác điên loạn kịch liệt. Cuối cùng họ ngã vật ra đất, toàn bộ tâm thần tiến

sâu vào một thế giới không thể nhìn thấy được. Các vu sư Ấn Độ, Mã Lai thường thường cải trang thành con hổ, thông qua nhẩy múa đạt tới trạng thái mê sảng .

Nếu nói vũ đạo là thủ đoạn quan trọng của việc thánh nhập vào cô đồng ban đầu chỉ là thứ của riêng của các vu sư ở các nơi trên thế giới, thế thì về sau, vũ đạo theo nghi thức tôn giáo này còn trở thành một hiện tượng rất được lưu hành trong hoạt động thường nhật của các bộ lạc nguyên thuỷ hoặc các dân tộc lạc hậu ở khắp nơi trên thế giới. Không những là vu sư, cho dù là những người thường cũng có thể thông qua vũ đạo mà giao lưu thầm thấu với thần. Ví như những người trong một số bộ lạc da đỏ ở bình nguyên châu Mỹ chính là "lấy vũ đạo làm thủ đoạn để liên hệ với thế giới tinh linh" [1] trong vòng quay nhanh của vũ đạo và thực hiện sự giao lưu thần bí với thần linh. Người By xy Man ở Phi châu vì để thực hiện việc dẫn thánh nhập hồn họ đã nhẩy tới mức hộc máu mũi, ngã lăn xuống đất mới thôi. Người KôNa ở Panama trước khi cô gái xuất giá, nghi thức quan trọng tổ chức cho các cô dâu, trước hết là bắt đầu vũ đạo, chị em phụ nữ xếp thành hàng bước lên trước, lại dùng những động tác nhảy múa nhanh tới mức cổ quái rồi từ từ thoái lui . Các nam giới lập tức bước theo sau, còn các vu sư trước sau vẫn dẫn đầu. Người ta đã đốt lên 1 đống lửa, ngọn lửa bốc lên cao

(1) "Công giáo thế giới" (L.M Hop f (Mỹ) nhà xuất bản tri thức số 1 tháng 4 năm 1991 trang 34.

rừng rực, đủ tới độ cao 40 thước Anh, ánh lửa đỏ rực như tia chớp điện đã làm tăng thêm cảm giác cổ quái thần bí của một cảnh tượng... tiếng hò hét inh tai không dứt, tiếng sáo chăn trâu réo rắt, lại cộng thêm tiếng ca hát ngâm thơ vang lên khiến cho sự điên cuồng của con người đã tăng lên không ngớt cho tới khi hoàn toàn quên hết tất thảy, không khống chế nổi mình nữa mới thôi. Hoặc trong công việc chuẩn bị cho sự kiện săn bắn hoặc chiến đấu trọng đại, mỗi một dân tộc nguyên thuỷ đương đại đều có thể phát cuồng trong vũ đạo. Loại vũ đạo quần thể này khiến họ tựa như đã đạt được những tính chất đặc sắc độc đáo, phi phàm, để phân biệt những cảm thụ của linh tính này với sinh hoạt thế tục bình thường, mọi người tin tưởng rằng trong đó có 1 loại thần lực siêu tự nhiên đã truyền cho cả quần thể. Do đó, "Vũ đạo đối với họ mà nói chính là một công việc vô cùng nghiêm túc, cũng có người nói đó là trò vui giải trí, hơn là nói nó là 1 loại nghi thức tôn giáo và chú ngữ đặc thù"[1]

Phong tục tập quán cầu hồn nhập thánh không những đã phát sinh mối liên hệ mật thiết với tôn giáo nguyên thuỷ mà còn có mối liên hệ mật thiết với tôn giáo cận hiện đại nữa. Thông qua Vũ đạo cầu hồn thánh nhập không những là nội dung không thể thiếu được trong nghi thức tôn giáo nguyên thuỷ, mà còn là nội dung không thể thiếu được trong nghi thức của rất nhiều tôn giáo cận hiện đại. "Tôn giáo có thể khiến cho con người

(1) "Tư tưởng nguyên thuỷ" (LaVi Buliurd [Pháp]) trang 243.

điên cuồng", phương thức biểu đạt của rất nhiều tôn giáo cận hiện đại chính là tiến hành những nghi thức hoạt động giống như diễn kịch, thông qua nhảy múa trong thời gian dài để tìm lấy sự vui mừng điên dại, từ đó đạt tới trạng thái đột phát mê sảng hoảng hốt về tinh thần, Chân lý của Vũ đạo, đối với các tín đồ Cơ đốc thời kỳ đầu mà nói, đã có 1 ý nghĩa thần thánh và thần bí, sử dụng truyền đạo bằng hình thức hưng phấn (một loại phương thức truyền đạo, lấy tình cảm tôn giáo cuồng nhiệt châm ngòi), liền trở thành đặc sắc chủ yếu của việc truyền đạo cơ đốc thời kỳ đầu. Các tín đồ cho rằng, thần và người trong trạng thái tinh thần mê huyễn rất dễ dung hợp vào nhau, do đó, họ sùng bái hát linh ca, nhảy linh vũ với hình thức sùng bái cuồng nhiệt, dùng tiếng ca kích động nhảy múa để đạt tới trạng thái tiêu tan mất cả lí trí. Phàm những tín đồ tham gia các nghi thức tôn giáo thường thông qua vũ đạo làm cho thần hồn của mình điên đảo, thần kinh hưng phấn tột độ, từ đó làm ra bộ chân thực, biểu diễn ra các loại động tác cổ quái, nói ra rất nhiều câu ngay đến mình cũng không thể hiểu được tiến thêm nữa họ cảm thấy "thánh linh" đã nhập vào thân thể họ, thánh linh đã xuất hện. Loại phương thức này từ thời kỳ tăng lữ còn chưa tách ra khỏi thế tục, khi cử hành nghi thức cơ đốc đã từng có tác dụng chủ đạo. Sau khi nghiên cứu kỹ càng ỷ mỷ quyển kinh "Tân ước" sớm nhất, Ăng ghen đã viết :"Hình thức thời kỳ đầu của đạo Cơ đốc là hình dạng gì. đọc thử cái gọi là "Tôn khải thị lục", thì có thể có 1 khái niệm. Thời kỳ giáo nghĩa vừa mới manh nha cuồng nhiệt hỗn loạn thô thiển, cái gọi là

đạo đức của đạo Cơ đốc chỉ có một điều là cấm dục; Trái lại huyễn tưởng và dự đoán thì rất nhiều[1]". Sự cuồng nhiệt hỗn loạn thô thiển mà Ăng ghen nói ở đây đã bao hàm sự cuồng vũ trong truyền đạo mang tính chất hưng phấn. Nghi thức lễ Mi sa của đạo thiên chúa trước đây đa số là thông qua vũ đạo đạt tới mê cuồng để thực hiện sự giao lưu tinh thần với thánh linh, mê cuồng được đạo thiên chúa coi là dấu hiệu của thánh đồ. Phái Xo phi của đạo Islam cũng thường thường lấy cuồng vũ làm thủ đoạn của gọi hồn thánh nhập. Một người được mục kích đã báo cáo rằng vào năm 20 và năm 30 của thế kỷ này đã nhìn thấy nghi thức thánh nhập của phái Xô phi trong dân tộc Ha xai khơ ở gần Ta Can ông nói : "Khi người múa cuồng vũ đã vào cao trào như say như mê, một người phụ nữ đứng dựa tường được Pak xi sai đem một thỏi than hồng vào trong nhà, trải ở chính giữa . Người phụ nữ quay tròn loạn xạ lao tới phía thỏi than rất nhanh, dùng chân trần dẫm trên thỏi than đó. Pakxi đứng ở bên cạnh thỏi than, không để cho các phụ nữ chơi quá lâu, ông đã đẩy họ ra để nhường đường cho người ở phía sau. Sau đó các phụ nữ lần lượt liếm vào lưỡi liềm đã được nung đỏ. Trong đó một người phụ nữ mắt nhìn thỏi than, thân mật nói chuyện với thần linh giống hình con rắn [2]. Trên thảo nguyên xa xôi ở bắc Xibê ri, đạo Sa Man còn giữ được vũ đạo tôn giáo thần bí của họ. Các nhà sư cầm bát đi khất thực ở Âu châu,

(1) "Mác Ăng ghen toàn tập" Tập thứ 19 trang 330

(2) Chuyển dẫn tự "Tư liệu tôn giáo thế giới" số 1 năm 1991 trang 44. lấy sự ca hát và cầu nguyện làm phần cố định của nghi thức tôn giáo.

Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại vẫn còn nhảy những điệu múa thần bí tương tự ở trong tu viện của họ, và lấy phần ca hát và cầu nguyện làm phần cố định của nghi thức tôn giáo

Loại dùng vũ đạo làm thủ đoạn gọi hồn thánh nhập này bắt đầu từ thời viễn cổ cũng đã là sự đặc sắc rõ rệt của hoạt động vu thuật dân gian Trung Quốc. Trong "Ca vũ trữ tình tụng thần của dân thời sơ khai", Lỗ Tấn tiên sinh đã nói : "Tổ tiên thời nguyên thuỷ xa xưa, sống quần cư, họ chỉ lấy âm thanh tư thái để tự diễn đạt tình ý mà thôi... về sau có vu sư, làm nhiệm vụ thông với thần, thịnh hành ca vũ cầu thần linh ban phước, ca tụng thần ở trong nhân quần, tác dụng của họ ngày càng rộng lớn". Căn cứ vào "Thuyết văn giải tự" đời Hán, "Vu" là người chăm sóc tinh linh không nhìn thấy hình tích và có thể dùng vũ đạo để gọi tinh linh ; là người qua vũ đạo đi vào trạng thái mê cuồng, song lại có thể truyền đạt ý nguyện của tinh linh cho mọi người biết.. Rất nhiều tư liệu dân tộc học nước ta đã nói rõ một cách đầy đủ, tự xưa đến nay, nghi thức lên đồng của các dân tộc nước ta không có cái nào không tiến hành trong hình thức tay vung chân múa. "Việc thờ thần của vu tất phải lấy ca múa", dẫn đến "ca múa là phong tục của vu thuật"[1]. Việc thỉnh thần bằng ca múa này mãi cho tới thời cận hiện đại vẫn là như vậy. Các vu sư khi tiến hành nghi thức lên đồng, thường thường không thể thiếu được việc cầm trống hoặc cầm đao kiếm múa 1 cách điên cuồng,

(1) "Thượng thư - y huấn"

từ đó sa vào trạng thái mê huyễn. Sự đặc sắc của loại "cô đồng nhảy nhót phán lời thần thánh" này còn ảnh hưởng đến một số nghi thức tôn giáo và vũ đạo dân gian của nước ta. Ví dụ một số pháp sư đạo giáo của địa phương khi làm tế lễ vừa nhảy múa vừa đọc kinh, có khi còn làm các động tác làm cho thần vui. Mọi người cho rằng việc ca vũ của các pháp sư đạo giáo có thể thông thần, tiêu diệt được tai nạn. Do dân tộc Hách Triết mỗi khi có bệnh nặng liền mời Sa Man lên đồng và cầu mùa màng bội thu, chức thọ cũng lên đồng, vì thế có thuyết nói nguồn gốc vũ đạo Hách Triết bắt nguồn từ múa lên đồng của Tát Mãn thời cổ xưa.

## CHE MẶT

Thủ đoạn cầu hồn thánh nhập này chủ yếu thấy ở trong một số dân tộc thiểu số ở miền nam nước ta. Các vu sư dân tộc Miêu ở một số địa phương, quá trình chủ yếu của việc đánh đồng thiếp (tẩm âm) của họ là dùng khăn đầu che mặt, đọc thần chú đếm bốc gạo, chẳng bao lâu toàn thân run lẩy bẩy, 2 mắt trợn ngược tức là đã bước vào "cõi âm gian". Phương pháp bước vào cõi âm của các vu sư dân tộc Miêu ở Châu Khê, Quý châu là : đốt hương lên, dùng một chiếc khăn vuông bằng vải chụp kín đầu, nhón lấy mấy hạt gạo đặt vào trong miệng nhai nuốt... Các vu sư dân tộc Miêu huyện Đài Giang, Quý Châu đánh đồng thiếp chỉ đòi hỏi người cầu thuật này bỏ ra một bát cơm, một bát nước lạnh, vu sư

dùng một đoạn khăn trùm đầu trùm kín mặt là có thể tiến hành được. Các vu sư dân tộc Thuỷ khi vào cõi âm. Đốt hương giấy, dùng khăn vải che kín đầu, dùng nến vàng đốt ở trong bát, hút thuốc lá, không bao lâu đã bất tỉnh nhân sự, tiến vào cõi âm gian. Các vu sư của dân tộc Mao Nam khi tiến hành nghi thức "giáng đồng" hoặc lên "phù kê" có người cùng bịt kín đầu người ngồi đồng một vuông vải trắng, không bao lâu người ngồi đồng đã ngủ lăn ra đất. Các vu sư của dân tộc MôLao [1] được coi là những người do quỉ thần nhập vào mà nói năng loạn xạ. Lại bởi vì khi "vấn quỷ" phải dùng khăn che mặt cho nên lại gọi là "Bố bà" (vải bà). Các vu sư ở một số địa phương Quảng Tây dùng chăn đắp kín phụ nữ dùng thổ âm đọc chú, phụ nữ hôn mê lập tức cho là hồn sống của người khác đã nhập vào thân xác. Số phụ nữ này có thể ca có thể hát, tên gọi là "áp cấm". Điều này với việc chọn ra 5 cô gái khác họ vào tháng giêng trong tục cũ ở Sơn Đông đã kể ở trên lấy khăn che kín, lấy quạt để quạt lát sau thì mê man... phương thức giống nhau...

## QUẠT GIÓ

Đây là thủ đoạn gọi hồn thánh nhập kết hợp với việc phủ mặt, phần nhiều được nhìn thấy ở trong dân tộc thiểu số miền nam nước ta. Ví dụ như "việc chăn

(1) Mô Lao tộc thiểu số ở Quảng Tây, ngôn ngữ hán Tạng, chi Hán Thái, nhóm đồng Thái (Người dịch chú

trâu đất" của dân tộc Đồng đã nói ở trên, chính là dùng vải dày phủ kín đầu của người "chăn trâu đất", sau đó dùng quạt quạt, thần hồn của người "chăn trâu đất" dần dần nhập định. "Đả mê nạp" của dân tộc Bố Y cần dùng một miếng lụa xanh phủ kín đầu người "đả mê nạp", cầm 1 chiếc quạt đưa vào trong tay người đó. Người "đả mê nạp" ngồi ở trên ghế, 2 chân không ngừng đạp ở trên đất, trong tay đưa đều chiếc quạt, miệng đọc thần chú bắt đầu thay mặt cho thần trên ở trên trời mà trò chuyện. "Quạt gió đưa các cô gái bay đi" của dân tộc Miêu ở vùng đông nam đất Kiềm chính là sau khi cô đồng dùng vải đen phủ kín đầu, ngồi ngay ngắn trên ghế, bên cạnh có một người dung quạt nan quạt cho, quạt không lâu cô đồng bắt đầu 2 chân rung động nhè nhẹ... Việc hành pháp của cô đồng huyện Mã Quan tỉnh Vân Nam, tay cầm quạt trắng, nhắm mắt ngồi trên ghế, lát sau thân thể dao động ngả nghiêng, lúc đó gọi là thánh nhập.

## KHÍ HUN

Các chủng loại "khí" trong khí hun chủ yếu là dùng khói của rễ cây, thân cây, lá cây, quả cây v.v... các loại thực vật đốt lên: khói của nến, rượu cồn v.v... đốt lên và khí nước sôi bốc lên v.v... Dùng khí hun làm thủ đoạn để gọi hồn nhập xác thì từ cổ tới kim, từ trong nước va ngoài nước ở đâu cũng đều có cả. Một số vu sư trong dân tộc Tây Tạng thông qua khói hun của cành cây bách khiến mình ở vào trạng thái hôn mê rồi thông giao được

với quỷ thần. Một số vu sư của dân tộc Thuỷ và dân tộc Miêu đã lấy vải che mặt lại đốt nến vàng, miệng hít khói mù sau đó niệm chú, hát vu ca, bỗng chốc hắt hơi hoặc nước mắt trào ra khỏi khoé mắt, đột nhiên tuyên bố thần linh hoặc quỷ hồn nào đó đã tới. Vu sư dân tộc Miêu ở một số địa phương thông qua rượu cồn hoặc khói thuốc lá thơm đã khiến cho bản thân mình đi vào trạng thái hôn mê mà đạt tới mục đích giao tiếp với quỷ hồn và thần linh. Người bệnh hứa nguyện hầu thần của dân tộc Mãn được gọi là "Đài thần". Trước khi họ trở thành Tát Mãn mới do Tát Mãn cũ cử hành nghi thức cho họ, đã hun khói cho họ, quạt hương thơm cho họ, lúc này Tát Mãn cũng còn phải tụng kinh người "Đài Thần" nếu xuất hiện trạng thái hôn mê, cuồng dại, như vậy là có đầy đủ triệu chứng trở thành Sa Man. Các vu sư mới làng A Lạp, thị trấn Côn Minh, tỉnh Vân Nam cần phải trải qua kiểm nghiệm "Hạ thần", xem cô đồng đã có thể nói chuyện "Hiển Thánh" được chưa, người nào có thể mới được xác nhận. Tức thì vào đến tết Trung nguyên [1], mọi người ở bên trong 1 công phòng chung đốt lên 1 đống lá cây bách, trùm 1 tấm khăn xanh lên trên đầu vu sư mới, trong lỗ mũi nhét mấy hạt tiêu, để cho cô đồng hít sâu được luồng khói đặc hun người kia, trong thời gian hút xong 1 điếu thuốc, toàn thân cô đồng run rẩy, tay chân ngứa ngáy, dần dần sa vào trạng thái hôn mê. Thủ đoạn đánh đồng thiếp của vu sư dân tộc

(1) Tết của đạo giáo vào ngày 15 tháng 7 âm lịch (người dịch chú)

Miêu ở cùng Gia Nghi huyện Dung Giang Quý Châu lại càng ly kỳ : Vu sư dùng 1 tấm vải đen buộc trên đầu, tay cầm 1 mảnh giấy mỏng bên trên bôi nến vàng, đem 1 đầu giấy đốt lên, đặt vào trong miệng dùng răng nhai tắt, lại đốt lên, lại nhai tắt... Cứ như vậy làm đi làm lại 6,7 lần, đã nhìn thấy vu sư chân tay khe khẽ run rẩy, thế rồi ngày càng rung mạnh đạt tới mức độ điên cuồng.

Thủ đoạn dùng nước nóng đun sôi để cầu hồn thánh nhập từ lâu đã thấy ở Cổ Hy Lạp. Tương truyền điện thờ thần A pô - lôn của Dai - phây, Cổ Hy Lạp. dựng lên 1 chiếc giường, khoan thủng 1 lỗ nhỏ, đổ nước sôi ở dưới cho hơi nước không ngừng từ dưới bốc lên trên. Tại lỗ nhỏ ở trên giường đặt 1 đài tam giác, tăng lữ ngồi ở bên trên, khi họ bị hơi nóng bốc lên làm cho mông lung say ngát, nói là thần bắt đầu nhập vào. Vào thế kỷ 2 sau Công nguyên, tăng lữ ở trong 1 số miếu thần Hy Lạp đã đào 1 cái động bên trong có khói lưu hoàng bốc lên. Các tăng lữ đã qua 1 số ngày cấm thực, thân thể yếu đuối bước vào trong động, hít phải hơi lưu hoàng, không lâu liền xuất hiện trạng thái thần khí hoảng hốt mê sảng liền bói quẻ dự đoán cho người.

## CHĂM CHÚ NHÌN BÁT NƯỚC, GƯƠNG CỔ, THUỶ TINH THỂ.

Chăm chú nhìn vào bát nước, gương cổ làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác đã sớm nhìn thấy trong thuật bói "Viên quang" cận đại nước ta. Về điểm này ở phần

trên đã kể tới nhiều. Các cô đồng dân tộc Hán ở 1 số địa phương nước ta, cũng sử dụng thủ đoạn nhìn chăm chú vào bát nước để tiến hành đánh đồng thiếp. Con mắt của họ chăm chú nhìn vào bát nước sau đó đột nhiên con người cứng lạnh nằm lăn trên giường, cao giọng hát vu ca. Một số vu sư của dân tộc Choang đã dùng phương pháp nhìn chăm chú vào gương để tiến hành đánh đồng thiếp. Cách làm cụ thể là vu sư để cho một người mệnh hợp đi vào cõi âm ngồi ở trên 1 ghế cao, phía trước mặt bày ra 1 chiếc bàn đặt 1 tấm gương vuông cỡ trung bình, ở bên trái gương vuông đặt 1 bát gạo, trên gạo cắm 3 nén nhang. Sau đó cô đồng công khai ra lệnh cho người đi vào cõi âm tập trung sức chú ý nhìn vào gương vuông, và đứng ở đằng sau người đi âm đốt bùa niệm chú nhóm 1 nắm gạo ở trong bát rắt vãi lên trên đầu trên gáy người ngồi đồng. Một lát sau người đi vào cõi âm liền thể hiện trạng thái cưỡi ngựa chân dẫm chân đạp, rồi nói ra những cảnh vật ở cõi âm gian mà mình đã nhìn thấy ở trong gương. Các tín đồ Mật tông dân tộc Tạng khi tiến hành bói "Viên quang" có người giỏi dùng thuỷ tinh, có người thích dùng pha lê, còn mượn sự giúp đỡ của 1 người tiến hành nhìn thấu qua bát nước hoặc một chiếc mâm tròn màu đen cũng không ít [1]. Ở nước ngoài, sớm từ thế kỷ 2 sau công nguyên, các nhân viên thần chức trong

(1) "Hải Nam phong" kỳ 4 năm 1989 trang 31

các miếu thần Hy Lạp đã sử dụng phương pháp nhìn chăm chú vào gương cổ để thánh nhập vào thân, để bói hỏi cho tín đồ. Hiện tượng chăm chú nhìn vào thuỷ tinh cầu tiến hành việc gọi hồn thánh nhập tới nay vẫn còn rất được phổ biến ở Âu Mỹ. Trong 1 số thổ dân ở các vùng Châu Phi, châu Đại Dương, châu Á v.v... cũng có thể nhìn thấy khá nhiều. Ví dụ người Xéc man ở Đông nam Á, Mã lai Á và một số vu sư của thổ dận châu Úc khi chữa bệnh cho người cũng thông qua việc chăm chú nhìn vào thuỷ tinh thể khiến bản thân mình bước vào huyễn cảnh.

## DƯỢC VẬT

"Công cụ của tôn giáo thường dùng chính là thuốc hưng phấn, thuốc huyễn ảo và thuốc ma tuý". Người nguyên thuỷ và những người nghiện ma tuý hiện tại đều phát hiện, các loại dược vật dẫn tới việc cải biến trạng thái tinh thần là con đường tắt thông tới "thiên đàng". Ma tuý khiến họ đắm chìm trong ảo giác do đó, ảo dược đã trở thành thủ đoạn quan trọng để gọi hồn nhập xác của rất nhiều dân tộc nguyên thuỷ.

Trong các loại thuốc dẫn tới ảo giác được sử dụng thông thường nhất, được người ta tôn sùng nhất đó là cồn. Vu sư già được gọi là "Ô" của dân tộc Độc Long nước ta nghề của họ là tiến hành dự báo và tế thần sau

khi uống rượu say họ vừa hát vừa múa, tự xưng là ma núi nhập vào. Uống rượu cũng là một thủ đoạn gọi hồn nhập xác mà các vu sư của dân tộc Tạng, dân tộc Miêu thường hay sử dụng. Một số vu sư dân tộc Tạng dùng rượu làm thuốc dẫn tới ảo giác. Một số vu sư dân tộc Miêu thông qua cồn hoặc khói thuốc đốt khiến cho mình bước vào trạng thái hôn mê. Thổ dân châu Mỹ cũng có rất nhiều người dùng cồn làm thủ đoạn cầu tìm ảo giác. Người da đỏ Mêhicô vì để tìm ảo giác đã uống rượu bia tự mình nấu bằng cây tiên nhân chưởng. Trong các người da đỏ vùng Bắc Mỹ, ngoài người Pôvêburô ở Tây nam ra, đều thấy có giáo nghĩa theo hình thức tửu thần và phong tục mộng ảo, sản sinh ra sức mạnh siêu tự nhiên. Ở Cổ Ấn Độ trong cúng tế, dùng đồ uống có nồng độ mạnh là hiện tượng rất cổ xưa, thông thường, chỉ có thầy cúng chủ trì cúng tế mới có tư cách uống đồ uống đó. Mục đích là đem sức sống thần bí dâng hiến cho thần. Ở Mê ra ni xia, con người sau khi uống rượu Kava chế bằng rễ hồ tiêu Kava, lập tức bước vào trạng thái hân hoan sung sướng vô cùng, phàm những gì con người có thể thiết tưởng ra được, các vật ở trong cốc đều có thể biểu đạt được. Sở dĩ con người ai nấy đều thích dùng rượu cồn làm thủ đoạn gọi hồn thánh nhập là bởi vì rượu cồn có thể dẫn 1 loại cảm giác tự tin khuếch trương và gợi mở ; là bởi vì "rượu có thể kích phát được những quan năng thần bí của nhân tính", nó có thể làm tê liệt

ý thức, kích phát ảo giác, hưng phấn tính tình, dẫn tới kích phát những ý thức tiềm ẩn khiến cho tâm lý phát sinh ra tác dụng biến thái, thậm chí không ít nhà thư hoạ và thi nhân cổ kim trong ngoài nước đều thích tiến hành sáng tác sau khi đã uống 1 trận say sưa. Đây là 1 con đường nóng bỏng dẫn tới ảo giác.

Ngoài rượu cồn ra, uống các loại thuốc hưng phấn, thuốc gây ảo giác ma tuý khác nấu bằng rễ, thân lá, quả, hoa thực vật để tiến hành việc thánh nhập hoặc dẫn tới linh hồn xuất khiếu cũng là 1 loại hiện tượng cực kỳ phổ biến. Ở nước ta, một số vu sư của dân tộc Tạng, có người đã dựa vào việc ăn cành non và quả cây dỗ tùng đã được hun nóng, hoặc dựa vào việc uống 1 loạt thuốc hỗn hợp ma tuý, chế bằng cành lá đại ma Ấn Độ hoặc hồ tiêu hồng để gọi hồn nhập xác. Trong đại ma (cây gai) bao hàm thành phần có tác dụng như ma tuý, những thành phần này chủ yếu tồn tại ở bộ phận đỉnh của hoa nở, đặc biệt là lượng độc cây cái lớn nhất "Thần nông bản thảo kinh" đã chỉ ra : "Ma bôn có sức mạnh như hổ... ăn nhiều khiến cho con người nhìn thấy ma quỷ, chạy như điên cuồng, dùng lâu sẽ thông được với thần minh". Ma bôn tức là hạt đại ma. Một số vu sư của dân tộc Choang thì lại thích uống nước hoa cà độc dược. Cà độc dược là một loại thuốc gây ảo giác rất mãnh liệt, sau khi uống vào không lâu, con người có thể sản sinh ra các chứng tạng như ảo giác, ảo thị, tâm thần rối loạn,

không tự chủ được mình. Lý Thời Trân nói: "Tương truyền loại hoa này ngâm vào rượu uống, khiến hoặc cho người ta cười, khiến cho người ta múa, rất linh nghiệm". Hoa cà độc dược là thành phần chủ yếu của "thuốc mê" và "Thảo mã tán". Trong 1 số dân tộc thiểu số ở miền nam nước ta còn có thuốc gây ảo giác chế bằng quả cây mã tuần, trong quả của nó cũng hàm chứa độc tố gây ảo giác với lượng lớn. Ngoài ra lương đăng tử (củ nâu), vân thực, xương bồ v.v. . cũng là thuốc vật gây ảo giác của nước ta. Điều này đã sớm được chứng minh trong "Nông thần bản thảo kinh" và "Cửu Ca thiếu tư mệnh". "Nông thần bản thảo kinh" nói : "Lương đăng tử... khiến cho người đi khoẻ mạnh nhìn thấy ma, ăn nhiều có thể khiến con người cuồng tẩu". "Vận thực... Hoa chủ nhìn thấy có quỷ linh, ăn nhiều có thể khiến cho con người cuồng tẩu". Lương đăng và Cà độc dược cùng thuộc họ cà, thành phần hoá học gần giống nhau. Vân thực thuộc thực vật họ đậu. Trong "Cửu Ca Thiếu tư mệnh", thiếu tư mệnh tự xưng là "Tôn". Tôn túc là xương bồ. ăn những vật này vào đều có thể khiến cho người ta nhìn thấy hình người hình thành" "quỷ thần" (1)

Sử dụng thuốc gây ảo giác thực vật làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác hoặc hiện tượng dẫn tới linh hồn xuất khiếu ở nước ngoài cũng đã có từ lâu. Đặc biệt nổi bật

(1) Thạch trầm, Tân kỳ Cương : "ý nghĩa Vu thuật Tát Mãn của thần thoại mặt trăng" xem "Luận đàm văn học dân gian) số 3 năm 1988 trang 26 - 27

(2) Sa Man là Man vu sư thời nguyên thuỷ (người dịch)

nhất là ở châu Mỹ. Căn cứ vào tư liệu ghi chép về dân tộc của cư dân gốc ở Nam Mỹ, trong quá trình "Sa Man"[2] thi hành vu thuật đã theo đuổi trạng thái hưng phấn mà sản sinh ra ảo giác, là bởi vì Sa Man ở lúc đó đã sử dụng tế ma tuý và tế hưng phấn. Loại ma tuý và thuốc gây hưng phấn này có chế từ một số cỏ và cây có nhựa độc. Ví dụ : Các vu sư người da đỏ ở lưu vực sông Amazoon, Côlôbia và bình nguyên Ôrinô đã đem loại thuốc gây ảo giác sinh vật có kiềm tính lấy ra từ trong thực vật được gọi là "Á hách" ứng dụng vào trong các nghi thức cử hành lễ trở thành người lớn lễ táng, nghi thức cúng tế và chữa bệnh cho người. Sau khi uống "Á hách" rồi, lập tức bước vào trạng thái say mê và trạng thái hưng phấn mang tính chất kích thích hơn thế, và xuất hiện các loại ảo giác màu sắc đẹp tuyệt vời, cảm thấy như nhìn thấy hổ lang, mãng sà còn mình thì như cưỡi gió bay lượn ở trên không, vân du khắp 4 phương, thậm chí còn gặp gỡ với thần linh và tiên tổ nữa. Người In Ca của Pê Ru sau khi dùng ma tuý bằng thảo dược điên cuồng, dẫn tới hôn mê lăn xuống đất, trong miệng làm nhảm phát ra những lời sấm của thần linh. Người Braxin thích dùng mũi hít khói mủ cây thực vật thuộc họ đậu để dẫn tới ảo giác, cầu xin thần linh dạy bảo. Đàn ông Anumama ở một vùng biên giới Braxin và Goatêmala, thích dùng dược vật lấy từ một loại dây leo trên cây rừng. Sau khi uống họ sẽ nảy sinh ra một loại Sa Man siêu tự nhiên mà phụ nữ không bao giờ có, khiến

cho con người không cảm thấy đau đớn, hơn thế còn gào thét quái ác, bò trên đất, trong miệng làm nhảm như đang chuyện trò với ma quỉ vô hình. Ở Tân Đại lục, loại thực vật mà người ta quen thuộc còn có độc thảo họ cà, hoa cà độc dược v.v.. mà nhìn thấy ảo cảnh. Ngoài ra người Pích Cơ Mi ở Phi châu khi cần cầu hồn thánh nhập cũng đã ăn cỏ và rễ cây có tác dùng sinh ảo giác. Người Na Ma Hô tơ tơn ở Phi châu cũng hút cỏ mang tính ma tuý, đặc biệt là trong khi cử hành nghi thức, nó có thể làm cho con người bước vào mộng cảnh, tâm thần hốt hoảng. Các vu thần của Pôrinixia trước khi làm phép cũng cần uống một loại thuốc chế từ thân rễ thực vật có chất ma tuý, gây nên ảo giác.

Ngoài những thực vật có tính gây ảo giác, có tác dụng ma tuý kể trên, những thực vật gây ảo giác có chất ma tuý còn có thuốc lá, nấm độc dẫn tới ảo giác chủ yếu thấy ở nước ta và một số dân tộc nguyên thuỷ ở châu Mỹ và châu Á.

Tìm hiểu về tác dụng gây ảo giác của Trung Quốc cổ đại đối với nấm độc đã đạt tới trình độ tương đối tinh thông sâu sắc. Sách "Bão Phác tử" nói : "Thanh vân chi.... ăn vào khiến cho con người ngàn tuổi chẳng già, có thể cưỡi mây bay lên trời, nhìn thấy ma quỷ. Từ hơn 3 ngàn năm về trước, người da đỏ ở châu Mỹ đã nhận thức được hiện tượng siêu nhiên sau khi ăn nấm độc. Có điều họ cho rằng đây là quỷ thần mượn cái đó để

hiển linh. Người Ma sát khơ ở bang Da kha ca, miền đông Mêhicô khi chẩn đoán và chữa bệnh cũng ăn các loại nấm, rồi tạo các ảo giác. Ngoài ra, người Tôn gu và người Akhút ở Xibê ri đã cho ảo giác sinh ra sau khi ăn nấm độc liên là ý chí của thần. Do đó ăn nấm độc đã trở thành nghi thức tất yếu trong sự giao tiếp giữa người trong toàn tộc với thần, mỗi khi chị em phụ nữ dùng vi khuẩn độc chế thành lạp xường, tập thể đàn ông sau khi sử dụng liền nhảy múa như điên như dại, như cuồng như si. Một số vu sư của Ấn Độ có được phương pháp thần dụ chính là nhờ ăn nấm độc.

Một trong những yếu tố chung của tôn giáo của người da đỏ châu Mỹ chính là hút thuốc bằng tẩu thuốc linh thiêng trong nghi thức tôn giáo. Hút thuốc hầu như là một phần của mỗi lần tiến hành nghi thức. Khi mọi người tụ tập lại ở một chỗ để thương lượng thảo luận về hoà bình, chiến tranh hoặc săn bắn ; khi các vu sư tiến hành nghi thức chữa bệnh, đều cần phải hút thuốc. Ví dụ các vu sư thổ dân Uy tu ở tây bắc sông A ma Zôn dựa vào tác dụng ma tuý của hút thuốc nước, khiến cho bản thân mình bước vào trạng thái nửa điên cuồng. Họ tay cầm đồ gõ, đạp trên sàn gỗ, thỉnh thoảng lại phát ra tiếng kêu thét và tiếng gào điên cuồng, cho tới khi họ mời được quỷ hồn quen thuộc tới mới thôi. Trong nghi thức nhận chức của các vu sư trong cư dân thổ

dân ở châu Nam Mỹ và khu vực biển Caribê có thể nhìn thấy tình hình thế này : Các vu sư trẻ sau khi tuyệt thực một thời gian dài, đem dung dịch cỏ thuốc đổ vào mồm vào mũi, để bước vào huyễn cảnh, nghe nói họ có thể vì vậy mà lên được trời, giao tiếp với thần linh. Các vu sư người Va Rao ở khu vực Ô Rinôkhơ Goatêmala thuộc châu Mỹ làm ra những điếu thuốc lá cuộn dài từ 50 đến 70 centimét hút liên tục đi vào trạng thái thần chí hôn mê, để xin được giao tiếp với các thần sống ở giữa các dãy núi.

Uống nước tiên nhân chưởng (castus) để tiến hành thánh nhập hoặc dẫn tới linh hồn xuất khiếu cũng là một yếu tố chung khác của tất cả tôn giáo của người da đỏ châu Mỹ. Về điểm này ở Mê hi cô lại càng nổi bật hơn. Những người thuộc dân tộc Hwidzo Mêhicô cực kỳ sùng bái thực vật loại xương rồng "Xiguy". Loại xương rồng này có tác dụng hưng phấn, có thể giúp đỡ người uống, người dùng này, từng bước đi vào ảo cảnh đối thoại với thần tiên. Mỗi khi gặp những hoạt động tôn giáo, trong đa số tình huống người ta đều dùng nó để uống. Những người Axikhơt ở Mêhicô vì để có được trạng thái hôn mê hoặc xuất hiện ảo tưởng trong tôn giáo họ phải sử dụng 1 loại tiên nhân chưởng tên gọi là "Piyôt". Trong một số bộ lạc người da đỏ Mêhicô, người ta, cũng thường thường thông qua nghi thức uống "Piyôt" hoặc "Tiên nhân

(1) "Dân tộc dịch tùng" số 4 năm 1979 trang 56

chưởng Maxkhơr để có được cảm giác đặc biệt như phiêu dêu tiên cảnh mà theo họ nói là chí cao tôn giáo". Người da đỏ ở một số nơi tong nước Mỹ cùng có nghi thức tôn giáo nhai cành xương rồng cảnh "Piyôt". Người ta trước hết cắt đứt phần ngọn nhai nát phần thân, sẽ đạt được một loại cảm giác phiêu diêu tự nhiên. (1)

Đáng đề cập tới là, ngoài các dược vật chí ảo kể trên trong người da đỏ châu Nam Mỹ và nước ta, còn có tập tục lấy cóc làm thuốc gây ảo giác. Lý Thời Trân "Bản thảo cương mục", quyển 42 "Thiềm dư"(1) từng dẫn ở "Cẩu lâu thần thư" ghi chép về phép của thiềm bảo, nói: Cóc to 1 con... dùng than lửa nướng từ sáng đến trưa, bỏ lửa, thả cóc vào một chén nước, thấy nổi lên một vật to bằng hạt bồ kết, có ánh vàng. Con người nào nuốt vào có thể vượt qua được sông hồ." Cái gọi là vượt qua được sông hồ" chính là sau khi ăn cóc vào liền có ảo giác như vậy. Phân tích dược lí hoá học hiện đại đã chứng minh trong nhựa cóc có thành phần kiềm thuộc họ Indole (2) như amine hữu sắc có 5 gốc 0H Amin hữu sắc của cóc và một số thành phần tương đồng gây ảo giác của nấm độc. Amin hữu sắc có 5 gốc 0H là chất dẫn hoá học quan trọng trong hệ thống trung khu thần kinh, dẫn tới chứng bệnh điên loạn, mê sảng tinh thần di thường, amin hữu sắc cóc là hợp chất diễn sinh amin

(1) Thiềm dư : con cóc

(2) Chất hoá học hữu cơ C8H7N không sắc hoặc kết tinh vàng nhạt. làm hương liệu, thuốc nhuộn và thuốc uống (người dịch chú)

hữu sắc có gốc 0H có thể sản sinh ra ảo giác sắc màu và tác dụng như chất ma tuý . Các vu y và đạo gia Trung Quốc suốt đời nghiên cứu thuốc từ xưa vẫn liệt "Thiềm dư" là một trong những dược vật tối quan trọng trong trung dược và đã nhiều lần ứng dụng lâm sàng, hiển nhiên là đã có sự tìm hiểu tinh thông sâu sắc về tác dụng gây ảo giác và ma tuý của thiềm dư. Khảo cổ phát hiện, người da đỏ ở châu Nam Mỹ cùng đã lột ra một khối lượng lớn da cóc , đốt thành tro uống để dẫn tới gây ảo giác trong khi tiến hành nghi thức tôn giáo.

## THẦN ĐÀN VU ÂM

Cái gọi là "Thần đàn Vu âm" là chỉ các loại thanh âm tạo ra khi gọi hồn nhập xác bao gồm tiếng hát, tiếng đọc chú, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng lệnh v.v... Các cô đồng cho rằng những âm thanh này có tác dụng thần kỳ là thông thần, dẫn thánh nhập vào thân thể và đuổi tà trừ ác. Sở dĩ các vu sư có thể nói chuyện được với quỷ thần, thậm chí có thể đuổi được ma quỷ chính là do những âm thanh này đã có tác dụng quan trọng. Điều này đã phản ánh sự sùng bái tín ngưỡng của mọi người đối với thần lực thanh âm [1].

Hiện tượng sùng bái tín ngưỡng đối với thần lực của thanh âm này thực ra không phải là hiện nay mới

(1) Đặng Quảng Hoa: "Na đàn vu âm" và "Thuyết vu hích" khởi nguồn âm nhạc. Xem "Học Báo Đại học sư Phạm Quý Châu" số 2 năm 1990

mẻ . Từ thời kỳ đầu của xã hội loài người nó đã tồn tại ở trong các loại hoạt động vu thuật đương thời. Căn cứ vào sử liệu, thời kỳ viễn cổ, nhân loại đã coi âm thanh là rất thần diệu, cho rằng phàm các vật thể có thể phát ra được âm thanh đều đem theo quỷ thần , đều có thể thông thần được. Con người thậm chí còn cho rằng ngay cả thế giới cũng do âm thanh sáng tạo ra. Người Ai Cập cổ tin tưởng chắc chắn rằng thần thánh không phải dùng tư tưởng và hành động mà là dùng âm thanh để sáng tạo ra thế giới. Những âm thanh phát ra từ trong miệng của thần đã sản sinh ra 4 thiên sứ khác, họ có quyền lực giống nhau, và sáng tạo ra nhân loại, chỉnh đốn lại thế giới. Đo đó, đối với âm thanh, con người rất sùng bái trong xã hội nguyên thuỷ từ khi con người bắt đầu có hoạt động vu thuật, âm thanh đã có liên hệ mật thiết với thần linh, với phong tục tập quán gọi hồn nhập xác. Sài Lặc trong "Bốn vạn năm âm nhạc" đã nói : "Theo người nguyên thuỷ âm nhạc là bản lĩnh duy nhất mà thần thánh ban cho con người, khiến họ có thể thông qua âm nhạc để quy định những phương thức lễ nghi, và nối liền giữa mình với thần thánh rồi lại thông qua âm nhạc để khống chế các loại thần linh". Sự tín ngưỡng sùng bái đối với thần lực của âm thanh này cùng với hiện tượng cổ xưa dùng âm thanh làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác cho đến nay vẫn còn nhìn thấy ở khắp các nơi trên thế giới. Ví dụ, việc lên đồng ở các nơi trong nước ta, đại

đa số dùng âm thanh trống, chiêng, thanh la làm thủ đoạn quan trọng để cho thánh nhập vào cô đồng. Các cô đồng trong âm thanh rộn rã của tiếng trống, chiêng, thanh la cùng các tiết tấu đã bắt đầu nhẩy các điệu múa, trong miệng đọc chú thế là thánh nhập vào. Phương thức lên đồng "ở 1 số nơi tại Hồ Bắc là : dùng 1 người gõ thanh la, 1 người lầm rầm đọc chú, đọc chú xong người lên đồng nhảy như điên cuồng tự xưng là thần đã nhập vào mình. Việc "xem hương" thời xưa ở Thượng Hải đại thể cũng tương tự như vậy. Đầu hương của 4 cửa lớn, dùng để báo hiệu thần tiên giáng trần. Ở Đài Loan có 1 loại hoạt động nhảy đồng, phương pháp là đồng tiên vừa đánh trống vừa cầu nguyện, bên cạnh có người gõ thanh la. Không lâu toàn thân đồng tiên run rẩy, tượng trưng thánh đã nhập vào. Ở một số địa phương khác còn dùng sự rung dây đàn liên tục không ngừng để đạt tới mục đích này. Việc gọi hồn nhập xác của các dân tộc nguyên thuỷ ở rất nhiều nơi thuộc 5 đại châu cũng là thông qua việc đánh trống da, tay múa chân đạp, từ đó bước vào trạng thái mê cuồng như say. Rất nhiều người có nghề chữa bệnh ở Châu Phi cũng thường thường tay đánh trống hoặc các loại pháp cụ khác, điên cuồng nhảy múa dẫn tới hốt hoảng về tinh thần. Các Sa Man người Lapu ở khu vực phía Bắc châu Âu cũng mượn trống thánh tiến hành việc việc gọi hồn nhập xác. Loại trống thánh này dùng nguyên tấm gỗ xẻ làm thành, ở giữa rỗng, nhìn thì giống như một cái bát gỗ. Đầu mặt bằng hoặc phía trên của nó bịt da

trâu ; trên mặt lồi khắc 2 lỗ nhỏ, ở giữa 2 lỗ có thể làm tay nắm. Bên trên mặt trống dùng màu đỏ vẽ 1 hình tiêu biểu cho thần chúa cứu thế, các sứ đồ truyền giáo cùng với các động vật mà họ biết. Khi tiến hành tế lễ, Sa Man nắm vào nắm tay trên thân trống rồi đem 1 cái vòng đặt lên vị trí có vẽ hình mặt trời. Sau đó họ dùng dùi trống gõ trên mặt trống, rồi hát một bài "TSo khơ" theo tiếng địa phương, mọi người khác có mặt đều đồng thanh hát theo. Tiếng hát và tiếng trống ngày một mạnh mẽ. Cuối cùng, Sa Man giơ cao trống qua đầu giống hệt như ở trạng thái mê sảng rồi nằm lăn xuống đất, như linh hồn của họ đã rời khỏi thân xác của họ đưa mình tới một đất nước sẽ đem lại cho mình trí tuệ cần thiết. Đồng thời, tất cả mọi người có mặt tiếp tục hợp ca, cần chú ý đừng có điều gì quấy rầy họ. Lúc này, ngay một con ruồi cũng không được phép tiếp cận họ. Nếu không họ sẽ có thể vì chưa đạt tới một thời gian thích đáng đã thức tỉnh mà chết. Tới khi thần chí của họ được khôi phục, họ liền có thể kể ra được những tin tức cần biết [1]. Trong truyền thuyết của người da đỏ, phần đông đều cho rằng tiếng trống có ma lực đặc biệt. Ví dụ người Rapôran tin tưởng các vu sư trong bộ lạc dùng trống để sản sinh ra ma lực, nếu có trợ lực của tiếng trống, họ có thể tuỳ tâm sở dục, có thể khiến cho linh hồn chạy tới nơi khác xa xôi hoặc du ngoạn ở

(1) "Người nguyên thuỷ trong diệt vong" (Timôxi Sêpholin Mỹ) nhà xuất bản Đông phương số 1 tháng 3 năm 1989 trang 272.

trên trời hoặc đi ngầm ở dưới đất được.

Trong lịch sử nhận thức của nhân loại, âm nhạc cũng được coi là 1 loại ân huệ của thần thánh ban phát cho con người, nó cũng có thể được dùng để trực tiếp giao tiếp với thế giới thần linh, đồng thời nó cũng có thần lực khám phá và huỷ diệt các ma bệnh. Chính bởi vì như vậy, hoạt động lên đồng từ xưa tới nay đều được tiến hành trong hình thức kết hợp giữa ca, vũ, nhạc. Tác dụng của âm nhạc trong phong tục tập quán gọi hồn nhập xác cũng đã phản ánh sự tín ngưỡng và sùng bái của nhân dân đối với ma lực của âm thanh.

## NIỆM CHÚ ĐỐT BÙA

Trong các thủ đoạn gọi hồn nhập xác niệm thần chú chiếm địa vị trung tâm, vô cùng quan trọng, bởi vì niệm chú đã cấu thanh bộ phận quan trọng nhất trong các loại nghi thức. Không có 1 nghi thức nào không niệm chú, thế nhưng, trái lại đã có niệm chú mà không cần đến nghi thức.

Niệm chú sở dĩ có tác dụng quan trọng đến như vậy, có liên quan tới sự sùng bái tín ngưỡng của người nguyên thủy đối với ngôn ngữ. Trong xã hội nguyên thuỷ sức sản xuất cực kỳ thập kém, ngôn ngữ là công cụ để đoàn kết các thành viên trong dân tộc, có sức mạnh thúc đẩy xã hội phát triển. Bản thân của ngôn ngữ chính là một trong những thủ đoạn sản xuất, nó thậm chí có thể

chiếm địa vị thứ nhất trong tất cả các thủ đoạn sản xuất lúc đó. Một bầy người nguyên thuỷ đi chân đất, tay không, hoặc trong tay cầm 1 cành cây chưa qua gia công, năng lực sát thương rất thấp kém, họ hợp sức lại truy đuổi dã thú thì chỉ có sử dụng ám hiệu bằng tay hoặc ngôn ngữ mới có thể thống nhất được hành động, hợp tác mật thiết mới săn bắt được dã thú. Thứ nữa, người nguyên thuỷ không thể lý giải được những nguyên nhân hạn hán lụt lội cùng với săn bắt được ít hay nhiều mà cho rằng có linh hồn, có quỷ thần làm chúa tể ở bên trong và cho rằng thiện thần đem lại mưa thuận gió hoà, đem lại được mùa cho con người ; ác thần đem lại thiên tai nhân hoạ cho con người, túc thì liền biểu lộ tình cảm cầu xin thiện thần, chú rủa ác thần. Sau khi họ cầu nguyện và chú rủa rồi, cũng có khả năng vừa hay gặp năm được mùa, thu được kết quả tốt đẹp. Người nguyên thủy nhìn thấy ngôn ngữ có thể chi phối được hành động của con người khiến cho những dã thú khó bị săn bắt đã bị con người săn bắt được. Cầu nguyện hoặc chú rủa có thể đem lại lợi ích, liền căn cứ vào đó tạo ra những liên tưởng sai lầm cho rằng những kết quả tốt đẹp này đều do tác dụng của ngôn ngữ, đều do cầu nguyện hoặc chú rủa mà có được, từ đó họ cho rằng ngôn ngữ đã có ma lực, nó có thể đem lại hạnh phúc hoặc tai nạn cho nhân loại, nó có thể chi phối được tự nhiên. Loại sùng bái tín ngưỡng

đối với ma lực ngôn ngữ này, trong quá trình phát triển về sau, liền tập trung thể hiện ở trên mặt ở lời chú. Lời chú đã trở thành 1 loại ngôn ngữ có sức mạnh ghê gớm không thể chế ngự được, để vào những mục đích đặc biệt, nó có thể khiến cho những đồ vật bình thường có khả năng vu thuật. Thế nhưng tác dụng quan trọng nhất của lời chú còn là sức mạnh dùng lời lẽ và từ ngữ thần bí để ra lệnh sai khiến một loại siêu nhiên nào đó, do vậy lời chú cũng đã trở thành thủ đoạn quan trọng thông giao với thần linh đuổi tà ma của các vu sư. Cho nên từ cổ chí kim, các loại phong tục gọi hồn nhập xác không có thứ nào không được tiến hành trong âm thanh của lời chú và vu ca (dùng thanh điệu đặc thù ngâm hát lời chú) loại hiện tượng phổ biến này đang được thể hiện 1 cách đột xuất ở sức mạnh thần kỳ, xua đuổi ma quỷ.

Lấy lá bùa làm thủ đoạn gọi hồn nhập xác, trên thực tế cũng là 1 loại phản ánh sự sùng bái ngôn ngữ. Rất có thể bùa thoạt đầu chỉ là văn tự hoá của lời chú về sau vì để khu biệt với những lời nói chung chung, vì để tăng tính thần bí và uy lực mạnh mẽ của lá bùa, mới dùng văn tự biến hình, hoặc vẽ thêm những đường nét trên mặt bùa khiến lá bùa trở thành 1 loại đồ hình giống như văn tự mà không phải là văn tự, giống như ngữ cú và không phải là ngữ cú [1]. Lá

"(1)Nữ Vu và Vũ thuật" (Vương quý Nguyên) Nhà xuất bản nhân dân Hà Bắc bản in lần thứ nhất tháng 6 năm 1991 trang 187

bùa đã là sự sùng bái đối với ngôn ngữ, thế thì bùa cũng vậy, đã có đầy đủ ma lực khống chế tự nhiên, chi phối thiên nhiên, thông giao với thần linh xua đuổi quỷ thần. Rất nhiều phong tục tập quán gọi hồn nhập xác kể trên đều không tách khỏi việc đốt bùa ăn bùa, ý nghĩa của nó chính là ở đấy.

## ĐẠO CỤ

Trong phong tục tập quán gọi hồn nhập xác, các đạo cụ thường được sử dụng như trống thần, thanh la thần, gậy thần, đao thần, kiếm thần, mặt nạ, trang phục (áo, quần, mũ, giầy, khăn) bàn ghế v.v... Số đạo cụ này mỗi thứ có tác dụng riêng. . Đao thần, kiếm thần chủ yếu là khi gọi hồn nhập xác dùng để tác chiến với ma quỷ và ác thần. Áo thần của Sa Man Agutơ treo những thằng người nhỏ bằng đồng hoặc bằng sắt, dùng để tránh tà. Các vu sư Ngọc Luân Xuân, Ngạc Ôn Khắc, Hách Triết, Tích Bá, dân tộc Mãn đại bộ phận đều thích dùng vải màu sắc sọc dài làm quần cho thần, là bởi vì sắc hoa đều có tác dụng tránh tà. Trên áo bào thần Sa Man dân tộc Mãn, Ngạc, Luân Xuân, Ngạc ôn Khác đều có rất nhiều vật tượng trưng như gương đồng, lệnh đồng và chó v.v... Số vật tượng trưng này đều có hàm ý nhất định : Chó là trợ thủ, có thể bảo hộ Sa Man. Gương đồng là kính chiếu yêu. Sa Man lợi dụng ánh sáng chiết xạ mặt trời trên gương đồng để dâm chết ma ác. Lệnh

đồng là "tinh linh". Những vật tượng trưng này có âm thanh phát ra có thể trấn áp yêu ma, tăng cường khí thế lên đồng.

Thời cổ đại ở nước ta trong dân chúng tồn tại phổ biến 1 loại tín ngưỡng như sau : Vu sư làm người môi giới giao tiếp giữa thế giới thần quỷ với dân gian, trong việc thông thiên hiểm hóc nó không thể tách rời sự giúp đỡ của những con thú thần. Trong "Sơn Hải kinh" khi vu sư bước vào thế giới thần linh cưỡi trên những con thú thần như Rắn, Rồng mà đi. Ngoài Thần và Rồng ra, các động vật khác như ngựa, trâu, cho v.v.. đều có những tác dụng như vậy. Trương Quang Trực trong bài "Hoa văn" Động vật trên đồ đồng Thương Chu" đông triên "Trung Quốc thanh đồng Thời đại" đã chỉ ra: "Hoa văn động vật trên đồ đồng đời Thương Chu chính là hình tượng các động vật triên đồ đồng của dân tộc Di đã giúp đỡ vu sư thông giao với thiên địa". Đương nhiên các thú thần mà các vu sư cưỡi trên mình nó để lên trời xuống đấy quyết không phải là động vật thật mà chỉ là một số vật tượng trưng. Số con vật tượng trưng này chính là hình vẽ cầm thú trên trang phục của các Sa man và là những vật thực như xương, cánh loài cầm thú và trống thần, bàn thần v.v... ). Về điểm này, từ trong rất nhiều phong tục tập quán thánh nhập cô đồng hiện nay đang còn tồn tại chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ. Ví dụ :

Trên phục trang của Sa Man dân tộc Măn còn khảm nạm hình vẽ của các loại cầm thú hoặc những xương,

cánh của chúng. Những thứ này chính là vật tượng trưng của thú thần, cầm thần mà Sa Man của dân tộc Mãn mượn để thông thiên nhập địa. Dựa vào sự giúp đỡ của thú thần, cầm thần này Sa Man mới được bay trên trời chui xuống đất. Ví dụ Sa Man nếu muốn lượn trên trời, quần áo trang sức bằng lông chim cánh chim khoác trên thân đã tượng trưng cho chim và cánh của chim. Sa Man lúc này đã hoá hình thành chim.

Trong chương thứ 2, chúng ta đã bàn tới người "đấu âm quyền", người "hát 7 cô gái", người "làm thần hái hoa" đều là cưỡi ngựa từ nhân gian bước vào tiên giới. Những con "ngựa" mà họ cưỡi, trên thực tế chính là ghế dài. Cách làm lấy ghế dài tượng trưng cho "ngựa" chúng ta còn có thể nêu ra rất nhiều ví dụ. Như dân tộc Miêu huyện Phổ Định, tỉnh Quý Châu, hàng năm từ mồng 1 đến ngày rằm tết Xuân ngày nào cũng đều cử hành hoạt động "Thỉnh biều nhi thần". Khi "Thỉnh biều nhi thần", người "Thỉnh biều nhi thần" ngồi trên chiếc ghế dài có 4 chân tương đối vững chắc. Chiếc ghế dài y như một con tuấn mã, mà người ở địa phương lại gọi "Biều nhi thần" là "Mã thị thần", người "Thỉnh biều nhi thần" cưỡi ở trên "ngựa", với sự dẫn dắt của "Mã thị thần" đi du ngoạn ở các thành thị mà tổ tiên của mình cư trú. Hoạt động "thả bẩy cô gái" của dân tộc Đồng, huyện Lê Bình,

(1) "Mã Mã tử" với tín ngưỡng dân gian" của Hoàng Cường xem "Văn hoá dân gian Trung Quốc" (Tập I) nhà xuất bản Học Lâm in lần thứ nhất tháng 6 năm 1991 trang 210

cũng là để cho người ngồi ở trên ghế dài, lấy ghế dài làm ngựa, đưa con người tới những nơi mà vong linh tiên tổ của họ cư trú [1].

Trống thần là công cụ để giao tiếp với thần linh được sử dụng rộng rãi của các vu sư một số dân tộc và Tát Man của dân tộc tin thờ đạo Tát Man. Từ người Clăng Ran đến người Ai chi Mô ở XiBêri, từ người AnTai đến người Yênisai đều như vậy cả. Trống thần được họ coi là thần mã. Người Yaguto và người Mông Cổ cũng coi trống thần là ngựa thần của Tát Man. Họ cho rằng Sa Man cưỡi trên ngựa thần (trống thần) tức là đã bay lên thiên đàng, cũng có thể chui xuống địa ngục. Dân tộc Đạt Vát Nhĩ [1] cho rằng trống thần thông hướng về những hướng khác nhau có những đặc tính khác nhau. Khi lên trời cầu thần trống là chim, khi xuống đất cầu thần trống là ngựa, khi xuống nước cầu thần trống là thuyền. Trống tay (còn gọi là trống nắm) của Sa Man dân tộc Măn, Măn ngữ là "Ni Măn cầu". Người dân trước của dân tộc Măn cho rằng, Tát Man có thể ngồi "Ni Măn Cầm" mà bay được lên trời. Người dân của dân tộc Tạng xưa kia cũng cho rằng vu sư của họ có thể cưỡi trống bay lên trời được.

Gậy thần thực ra không phải là Sa Man của tất cả các dân tộc đều phải có đủ. Gậy thần mà Sa Man Buriato người Mông Cổ cầm, một đầu có hình đầu ngựa, còn

(2) Phân bố ở Hắc Long Giang, Nội Mông Cổ và Tân Cương (người dịch chú).

đầu kia lại là hình móng ngựa, thậm chí có chiếc gậy thần ở giữa còn khắc chạm hình yên ngựa, còn treo cả chuông, dây vải và các loại da thú, lông thú, ý nghĩa là để tượng trưng sự thần tốc của Sa Man tiến lên truy đuổi Tinh Linh. Một số dân tộc của nước ta và Bắc Á cũng có nơi coi gậy thần là ngựa thần. Khi Sa Man truy tìm linh hồn mất tích, liền cưỡi lên gậy thần giống hệt như cưỡi lên con ngựa hoặc con hươu, hoặc là truy bắt 1 con rắn đã chịu xuống đất, một con ếch đã nhảy xuống nước, một con thằn lằn chui vào núi v.v... Cũng như vậy, gậy thần là 1 trong những đạo cụ gọi hồn nhập xác của người Huệ Kiều nhĩ ở Mêhicô, vu sư của họ thông qua 1 chiếc được gọi là gậy thánh "Mộc nãi da lực" có thể đối thoại với thần tiên ở trên trời và lên trời.

## TỰ GIÀY VÒ MÌNH

Tự giày vò mình cũng được rất nhiều các dân tộc nguyên thuỷ và 1 số vu sư của các dân tộc hiện đại ở các nơi trên thế giới coi là thủ đoạn để cầu hồn nhập xác. Tự giày vò mình bao gồm tuyệt thực, làm cho suy tàn thân thể, vào trong núi sâu hang tối tu hành và cuồng vũ v.v... Do đói rét, tự chuốc lấy khổ hành và cô độc cũng dễ khiến cho con người đi vào trạng thái mê cuồng cho nên 1 số cách làm này đa số đã được các vu sư sử dụng. Ví dụ người Ra pô Ran coi việc độc cư và đoạn thực là 1 điều kiện quan trọng để thông giao với thần và nhìn thấy ảo ảnh. Trong họ nếu có người hi vọng trở

thành vu sư tất phải xa rời dân thường một mình ẩn cư ở một nơi xa xôi tĩnh mịch, dụng tâm huyền tưởng và lặng yên cầu nguyện. Do vì đoạn tuyệt trò truyện, đoạn tuyệt ăn uống, suy nghĩ quá độ và tưởng tượng sai lệch, tức thì những hình người hỗn tạp, những hình vật quái đản đều đã xuất hiện ở trước mắt. Thêm vào đó những linh tinh mà họ vốn tin ngưỡng liền lập tức cho đó là linh tinh thật, tức thì tứ chi thân thể liền co rúm lại, biến thành trạng thái khác hẳn lúc thường, rồi sau đó vì luôn luôn diễn tập mà trở thành thói quen. Một số vu sư ở các nơi trong tỉnh Hà Bắc khi khám xét chữa chạy cho người bằng cách đánh đồng thiếp nằm yên ở trong mật phòng, không ăn không uống để biểu thị hồn phách đã rời xa, đi về cõi âm gian tìm đòi linh hồn của người bệnh. Chờ sau độ nửa ngày hoặc cả ngày mới bắt đầu tỉnh, sau đó báo cho gia đình người bệnh rằng hồn của người bệnh, không phải là gửi ở nơi nào đó không thể trở về được mà là ở âm gian chịu tội chưa mãn hạn. Sau đó hoá bùa niệm chú nghĩ cách gọi hồn, cho rằng như vậy bệnh tật sẽ có thể khỏi được. Tại 1 số nơi ở Ấn Độ và NêPan những người theo chủ nghĩa khổ hạnh cũng thường thông qua nhục thể cấm dục, thông qua ở ẩn cô độc để đạt được sức mạnh thần bí không thể tưởng tượng được. Chính vì cấm dục để cầu đạo người ta mới vào trong núi sâu hang thẳm liều lĩnh tu hành. Phái Xô Phi của đạo Islam thông qua việc trừng phạt bản thân mà đạt được thủ đoạn gọi hồn nhập xác thì có nhiều

dạng, trong đó có dạng chịu đói rét, đói khát, mặc quần áo thô cùng với dùng roi đánh vào bản thân, nhẫn nhục phơi nắng và chịu cảnh giá rét v.v...

Cách làm tự tàn phá thân thể để thực hiện được việc gọi hồn nhập xác hoặc nhìn thấy ảo ảnh ở châu Mỹ, đặc biệt là ở bắc Mỹ thể hiện rất đột xuất. Đa số nam giới người da đỏ Cơ Rao nước Mỹ đều có thể tìm được thế giới ảo giác của Tát Man. Họ đã giày vò và cắt xé thân thể, cắt đứt thịt trên thể xác cho tới khi nhìn thấy xương lòi ra, để dẫn tới cảnh giới ảo giác của Tác man. Ở thảo nguyên miền tây bắc Mỹ, người ta dùng sự gày vò đáng sợ để truy tìm lấy ảo tượng. Họ đã đem da ở trên vai cắt thái thành miếng dài, chặt đứt ngón tay, dùng dây da xuyên qua da vai treo mình lên trên cột cao, thậm chí trong một số thời gian không ăn không uống. Ở các khu vực thảo nguyên khác, đàn ông lớn tuổi chỉ có trải qua ảo tưởng mới ra khỏi cửa nhà bước vào xã hội. Có khi, họ trói chặt 2 tay, đứng nghiêm, không hề nhúc nhích hoặc ở 1 chỗ rất nhỏ cắm cọc làm mốc, đứng ở đó cho tới lúc được chúc phúc mới có thể di động. Ở những bộ lạc khác, có khi người ta cố ý treo mình ở những nơi vách cao núi thẳm và những nơi đầy nguy hiểm. Bất kể như thế nào, những sự kiện này đều phải làm một cách đơn độc. Nếu như họ toan tính quá khổ hình để tìm ảo tượng thì người khác cần phải cùng đi với anh ta, trói anh ta lại, rồi treo anh ta lên cho tới khi được trải nghiệm siêu

tự nhiên. Sau đó người giúp việc bỏ đi, để lại một mình anh ta tiếp nhận sự thử thách nghiêm ngặt của nhân cách.

## TRỢ THỦ

Trợ thủ trong việc gọi hồn nhập xác đã có tác dụng rất quan trọng, cho nên vu sư khi tiến hành thánh nhập đa phần đều phối hợp đầy đủ với trợ thủ. Trong những người trợ thủ này, có người là vu sư, có người không phải. Sau khi vu sư được thánh nhập, liền ở vào trạng thái không còn tri giác, cực kỳ dễ dàng bổ ngã miệng nói làm nhảm, lời nói không dễ gì hiểu được, lúc này đòi hỏi người trợ thủ giúp đỡ và giải thích. Sa Man của dân tộc Mãn khi thỉnh thánh nhập thể cần phải có trợ thủ dựa vào diện mạo tiếng nói của Sa Man để phán đoán xem thánh được mời về là loại thánh nào. Khi Sa Tát Man nhảy múa truyền đưa những khí giới mà họ cần, trả lời đối đáp khi cần thiết. Sau khi thần biểu diễn còn phải mời thần trở về một cách rất kính cẩn. Nói tóm lại, bất kỳ chi tiết nào trong việc mời thần và tiễn thần, người giúp đỡ cần phải yên lặng phối hợp nhịp nhàng với Sa Man, không được để có thiếu sót, cho nên trong dân gian có câu nói "Ba phần Sa, bảy phần người giúp việc". Từ câu nói này có thể nhìn được thấy tính chất quan trọng của người giúp việc. Vu sư "Nữu bố" dân tộc Lạc Ba khi đuổi quỷ cần phải có 1 người trợ thủ để đối thoại với mình. Các vu sư dân tộc Miêu của 1 số nơi

ở Quý Châu khi làm hành phép còn cần có 1 vị thông sư giúp đỡ, thông sư có thể giúp đỡ vu sư nói chuyện với quỷ thần. Vu sư của dân tộc Di, nếu là nữ, khi thánh nhập thường lấy người chồng đến làm trợ thủ. Ở nước ngoài, 1 số vu sư khi thánh nhập cũng thường không thể tách rời trợ thủ. Ví dụ vu sư người Aynu Nhật Bản khi thánh nhập, người đầu tiên không thể thiếu được chính là người trợ thủ của Sa Man để giải thích chỉ thị của thánh cho mọi người hiểu. Sở dĩ người này cần thiết có mặt ở hiện trường là bởi vì chí ít về mặt lý luận mà nói Tát Man khi mê sảng đã không còn nhớ được đã nói những gì. Người trợ thủ này thông thường là 1 người đã tương đối già. Ông ta thông hiểu được lời thánh nói, cũng đã thành thạo ngôn ngữ của lớp người già, bởi vì khi Sa Man cử hành nghi thức đã đề cập tới rất nhiều ngôn ngữ như vậy. Các tế tư người Bô Ri ni xia sau khi thần linh nhập thể, gào thét ầm ĩ, dùng những ngôn ngữ nói nghe không rõ để biểu lộ ra ý chí của thần. Một vị tế tư có kinh nghiệm khác có mặt tại nghi thức này liền đem những điều thánh nhập vào, tế tư giải thích cho mọi người cùng nghe.

# Chương V

## LẦN SÂU VÀO HANG TỐI. CHÂN TƯỚNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (THƯỢNG)

Từ lâu vẫn tồn tại những cách nhìn nhận khác nhau vấn đề cầu thần nhập xác: Một số người coi đó hoàn toàn là mê tín, hết sức hoang đường; một số người thì cho rằng những hiện tượng khác thường trong quá trình cầu thần nhập xác là do quỉ thần tạo ra. Sau khi vận dụng lý luận thuật thôi miên và khoa học nhân thể để nghiên cứu tục cầu thần nhập xác, chúng tôi cho rằng, tục cầu thần nhập xác không phải chỉ thuần tuý là mê tín hoang đường, trong đó chứa đựng những nguyên lý khoa học sâu xa; những hiện tượng khác thường xuất hiện trong việc quá trình cầu thần nhập xác cũng không phải do quỉ thần tạo ra, mà là do thuật thôi miên đã khơi dậy những công năng dị thường vốn tiềm ẩn trong cơ thể con người.

## QUÁ TRÌNH CẦU THẦN NHẬP XÁC CŨNG LÀ QUÁ TRÌNH THÔI MIÊN.

Có thể qua mấy mặt dưới đây mà thấy được quá trình cầu thần nhập xác cũng tức là quá trình thôi miên.

1 - Nguyên lý thôi miên cho thấy, trạng thái thôi miên là do người thôi miên dùng phương pháp ám thị mà tạo ra. Khi đi vào trạng thái thôi miên, người bị thôi miên không có phản ứng gì trước kích thích của ngoại giới, tiếng động chung quanh ồn ào đến mấy cũng không thể làm người đó tỉnh ra được. Thế nhưng người bị thôi miên lại giữ được "quan hệ cảm ứng" với người thôi miên, lời nói thầm thì thậm chí một hiệu tay của người thôi miên cũng tạo ra được những hiệu quả mãnh liệt ở người bị thôi miên, có thể sai khiến anh ta làm những động tác, hành động nêu đó[1].

Người dẫn thần quyền Nghĩa hoà sau khi hồn nhập xác "như mê như cuồng, múa quyền dẫm chân, gọi không thưa"[2] mà chỉ nghe theo lệnh của đại sư huynh (đàn sư) bảo tiến thì tiến, bảo lùi thì lùi. Người biểu diễn "đấu âm quyền" không hề phản ứng gì trước những lời bàn luận của những người chung quanh, nhưng lại chấp hành rất chính xác những chỉ lệnh của người chủ trì, người chủ trì bảo đấm quyền thì đấm quyền, bảo múa côn thì

(1) Sách "Thôi miên và giấc mơ" của Vạn Văn Bằng, Nguyễn Phương Phú trang 145, NXB Khoa học in lần thứ 1, tháng 3 năm 1995

(2) Sách "nghĩa hoà toàn" (1), trang 240.

múa côn. Họ thể hiện rất rõ quan hệ cảm ứng" giữa người thôi miên với người bị thôi miên. Sau khi đi vào trạng thái mê cuồng, những người "Đấu địa cổ ngưu", "xuống thất cô nương", "phù kị" v.v... cũng có những hiện tượng như thế.

2. Khi ở trong trạng thái thôi miên, người bị thôi miên suy giảm sức phán đoán, do đó mà rất dễ không nhận những ám thị có tính ảo giác tích cực hoặc tiêu cực của người thầy thôi miên về động tác, thị giác hoặc âm thanh [1]. Họ hoàn toàn tuân theo không chút do dự mọi mệnh lệnh của thầy thôi miên, làm được những việc mà lúc thường không thể làm được, thậm chí không hề phản kháng những việc phản đạo đức. Với họ không có gì là hợp lý hay không hợp lý. Ví dụ, thầy thôi miên đưa cho người bị thôi miên một cái ghế băng, bảo anh ta rằng mẹ anh ta đến, bảo anh ta ôm hôn mẹ, thế là người bị thôi miên hoàn toàn tin theo, cứ thế ôm cái ghế băng mà hôn. Đưa cho anh ta một chén nước lã bảo là ngọt, thế là người bị thôi miên uống và luôn mồn khen ngọt, bảo anh ta ghét một anh A nào đó, thế là anh ta không hề biết đến mặt tốt của anh A; bảo anh ta quay sang trái anh ta không bao giờ quay sang phải. Nói với anh ta rằng anh ta đang ở trên Bắc Băng dương, thì không những anh ta rét run lên mà thân mình anh ta nổi cả da gà. Nói rằng anh ta bị điện giật, thế là anh

(1) Sách "Tâm lịch học của I.G. jmis (Anh) trang 310. NXB nhân dân Liêu Ninh. tháng 3 năm 1988

ta co dúm thân hình lại. Người bị thôi miên là trẻ con, bảo nó biến thành bà già thế là nó có dáng bộ hệt như bà già, vốn là một người không hề biết một chữ, bảo nó làm nhà văn, thế là nó múa bút viết văn tràng giang đại hải, vốn là người chậm chạp lấy bấy ít nói, bảo nó làm một nhà hùng biện, thế là nó đang dàn diễn thuyết, thao thao bất tuyệt, hấp dẫn người nghe [1] Một nhà thôi miên Liên Xô trước đây đã từng ám thị cho người bị thôi miên rằng anh ta hiện là Raphaen, bảo anh ta lấy tư cách Raphaen để vẽ. Thế là anh ta vẽ tranh đúng như phong cách Raphaen còn như chuyện gái biến thành trai người biến thành chó, thành bò v.v... là chuyện rất bình thường, không có gì là lạ. Những hiện tượng như vậy, trong thuật thôi miên gọi là "biến đổi nhân cách". Những người biểu diễn thần quyền Nghĩa Hoà, đấu âm quyền, múa tiên đồng, đấu địa cổ ngưu, mời thần ếch v.v.. trước khi cầu thần nhập xác, sau khi hồn nhập xác tự khắc sẽ coi mình là thần chú không còn là người nữa. Vì thần linh đã nhập hồn vào của anh ta, cho nên trong trạng thái mê cuồng, được ám thị là Tôn Ngộ Không thì sẽ có thể leo trèo, nhào lộn, được ám thị là võ tướng thì sẽ vung đao múa thương, được ám thị là Trư Bát Giới thì sẽ có thể dùng miệng ngoạm cỏ, nhai cỏ, được ám thị là thần Trâu địa cổ thì sẽ có thể bò trên đất, dùng đầu húc nhau; được ám thị là thần ếch thì sẽ bám tứ chi vào đất, biết lộn biết nhảy v.v..

(1) "Đông phương tạp chí" số 2 quyển 14.

3. Người bị thôi miên khi đi vào trạng thái thôi miên có thể có hiện tượng không có cảm giác đau đớn.

Mọi người đều biết rằng, cảm giác đau hầu như là không thể nào thích ứng được. Khi sự kích thích đem lại tác động vào cơ thể người, người ta tất yếu sẽ có phản xạ co rúm lại có tính phòng ngự. Thế nhưng khi đã đi vào trạng thái thôi miên, chỉ cần nhận được ám thị của thầy thôi miên thế là một bộ phận nào đó của có thể anh ta mất dần cảm giác đau đớn. Dùng kim châm anh ta. Anh ta không hề sợ sệt gì, vẫn "điềm nhiên như không", không hề có cảm giác đau đớn, càng không lộ vẻ tránh né gì [1]. Anh ta có thể chịu phẫu thuật mà không cần những biện pháp gây tê, gây mê. Những thí dụ về việc nhờ thôi miên mà có sức chịu đau như thế rất nhiều. Ví dụ, năm 1731, "Những tín đồ cuồng nhiệt của giáo phái Gian - xân" đã tạo ra một độ cứng rắn khác thường nhờ thôi miên tại nhà thờ Pharits ở Xanh Mê - tát : Đặt những tảng đá lớn lên ngực rồi dùng búa tạ đập vụn những tảng đá đó. Hiện tượng siêu nghị lực đã nói trong chương hai sách này đều như vậy cả. Theo đó, những người dẫn thần quyền Nghĩa Hoà sau khi cầu thần nhập xác, trong trạng thái mê cuồng, có thể "khắp người bất cứ bộ phận nào cũng dao chém không đứt, thương đâm không thủng... chỉ qua một đêm là có thể không sợ gậy đập dao chém". "Người lên đồng" có thể

(1) Sách " tìm hiểu phép lạ thôi miên" của Thai Khải Dương, Dương chi Phương. NXB Tri thức , in lần thứ 1, trang 1.

dùng dao cắt lưỡi mình "mà không đau", "người giáng đồng" dùng dao chém mình, dùng kim đâm thủng lưỡi mình mà không chảy máu", "Người đấu địa cổ ngưu" dập đầu nổi bọc máu mà không có cảm giác đau v.v... tất cả đều là qua thôi miên mà có sức chịu đau. Khi khảo sát nghi thức "đấu âm quyền" ở thôn Mộ Nặc chúng tôi đã từng chứng kiến những hiện tượng chịu được sự đau đớn như vậy : để kiểm tra xem người biểu diễn đã thực sự đi vào trạng thái mê cuồng hay chưa, người chủ trì có lúc đã dùng hương đang cháy dí vào mu bàn chân người biểu diễn, người đã thực sự đi vào trạng thái mê cuồng không hề có cảm giác đau đớn [1].

4. Khi thôi miên, người quá yếu, khó tập trung sức chú ý hoặc thần kinh quá nhạy, vì sức cảm thụ thấp, rất khó thôi miên hoặc không thể thôi miên được [2] Trong cầu thần nhập xác cũng có tình hình đó. Sách "Quyền sự tạp kí" ghi lại : "khi luyện quyền pháp, thầy dạy quyền vẽ một vòng tròn trên đất, người muốn thụ giáo bước vào vòng tròn đó lạy ba lạy, nhắm mắt đứng yên; thầy dạy ghé vào tai niệm thần chú... ít lâu sau, ai ngã ngất trên đất thì dạy, ai không ngất là không thể dạy được, đuổi đi". Người không ngất ngã, là người sức cảm thụ thấp, không thể thôi miên được, nên thầy dạy cho rằng

(1) "Tuyển biên tư liệu điều tra Nghĩa Hoà đoàn - Sơn Đông" của bộ môn lịch sử cận đại Trung Quốc, khoa sử, trường Đại học Sơn Đông. Tề Lỗ Thư xã xuất bản năm 1980. trang 200-203.

(2) Sách " Thuật thôi miên". trang 142.

không dạy được, mà đuổi đi. Lại như người chưa giáng tiên nhập xác "trong "múa tiên đồng", người chưa đi vào trạng thái mê cuồng trong "đấu âm quyền", người mà thân hình không "nhún lên nhún xuống" trong " đấu địa cổ ngưu", người mà "hai chân không run lên" trong" xướng thất cô nương" "thỉnh thần hoa nhài" đều là sức cảm thụ thấp, không thể thôi miên được.

5. Người cao tuổi và trẻ con trước tuổi đi học đều có sức cảm thụ thôi miên thấp. Nhóm tuổi từ 7 đến 20 tuổi là có súc cảm thụ cao nhất"[1] vì vậy những người diễn luyện thần quyền Nghĩa Hoà "đều ở tuổi 12, 13 [2]" hoặc 'đều là trẻ con 13, 14 tuổi " [3], những người "múa tiên đồng", người "đấu địa cổ ngưu", người "cần thần ếch", người "viên quang" đều là trẻ con trên mười tuổi, những người "xướng thất cô nương", "thỉnh nguyệt cô", cho đến những người "thỉnh Tử cô" "thỉnh trúc lam thần", "thỉnh thần đũa", "thỉnh thần bầu" v.v... đều là những cô gái chàng trai 18 - 19 tuổi.

## CƠ SỞ SINH LÝ, CƠ SỞ TÂM LÍ, CƠ SỞ VẬT LÍ VÀ CƠ SỞ VĂN HOÁ CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC.

Quá trình cầu thần nhập xác sở dĩ có thể tạo ra những hiện tượng siêu thường là vì có cơ sở sinh lí

(1) Nghĩa Hoà đoàn nghiên cứu "của Đối Huyền Chi. NXB Văn Hải Đài Loan. tái bản năm 1967.. Trang 217. Sách "Thuật thôi miên" của Mã Dang Tường. NXB phổ cập khoa học 5 - 1989. trang 143.

(2) Sách "Canh tý Tây hành ký sự" của Dương Ân.

(3) Sách "Quyền sự tạp ký".

cơ sở tâm lí, cơ sở vật lí và cơ sở văn hoá khách quan của nó.

1. Tính phổ biến của công năng đặc dị của cơ thể con người và quan hệ của nó với thôi miên.

Qua nhiều tài liệu thực nghiệm khoa học và sự thí nghiệp bản thân, có thể thấy cơ thể con người, ngoài những công năng thông thường mọi người đều thấy ra, hầu như người người đều có những công năng đặc dị nào đó. Điều này đã trở thành nhận thức chung của nhiều chuyên gia học giả trong ngoài nước. Có những học giả còn nói rõ rằng "công năng đặc dị là cơ năng vốn có của cơ thể con người [1], là tiềm năng mà người người đều có". Nhưng với đại đa số người, những nhân tố cản trở sự xuất hiện của công năng đặc dị quá nhiều , nhiều người không thể giải thích một cách khoa học những công năng đặc dị, mà thường coi nó là thần quái, do đó làm cho công năng đó lâm vào trạng thái bị bóp nghẹt, tác dụng năng động tự giác của nó không thể phát huy được, dần dà, những công năng đặc dị của người đi vào trạng thái tiềm phục không tự giác, làm cho thông tin nói chung không thể vượt qua những trở ngại đó mà truyền vào ý thức được. Chỉ có một số ít có thiên bẩm mới có thể sản sinh công năng đặc dị. Mà một khi những nhân tố cản trở sự xuất hiện công năng đặc dị được những tác dụng mới giới nào đó loại trừ thì người ta có thể có những

(1) "Tìm hiểu về khí công" của Bàng Minh. NXB Phụ nữ nhi đồng miền Bắc, bản 1988, trang 125.

công năng đặc dị như số ít những người có thiên bẩm. Theo kết quả nghiên cứu ít nhất những môi giới dưới đây có thể bàn dài hoặc tạm thời khơi gợi dậy những công năng đặc dị vốn có nhưng tiềm ẩn của cơ thể con người:

(1). Nhờ huấn luyện. Vì công năng đặc dị là vốn có nhưng tiềm ẩn, cho nên nhiều người có thể nhờ huấn luyện mà khơi gợi dậy được bản lĩnh đó. Với trẻ thơ, điều này dễ thấy nhất. Theo thông báo, trường Đại học Bắc Kinh đã tuỳ tình hình chọn ra 40 trẻ em trên dưới 10 tuổi, qua một thời gian huấn luyện ngắn, kết quả 60% các cháu đã có năng lực nhận biết hình vẽ ở những mức độ khác nhau nhưng phải bằng thị giác. Những thực nghiệm ở nước ngoài cũng cho thấy 72% trẻ em có năng lực nhìn không phải bằng mắt. "Điều đáng chú ý nhất là khả năng đó xuất hiện ở trẻ em 7 đến 12 tuổi"(1). Không chỉ trẻ em, mà người lớn qua một thời gian huấn luyện hoặc tu luyện dài hơn cũng có thể khơi dậy những công năng đặc dị. Ví dụ như những tín đồ Phật giáo, Hồi giáo có thể nói trước được tình hình tương lai, có thể thấy rõ được ý nghĩ người khác, có thể dùng ý niệm mà sai khiến người khác, vật khác. "Những kỳ tài dị năng" càng cần qua sự tu luyện lâu dài mới khơi dậy được. Phương thức tu luyện bao gồm cả việc cầu nguyện, toạ thần, minh tưởng v.v...

(1)"Nghiên cứu và vận dụng công năng đặc dị của cơ thể người" của Xina . Ôtstran đơ. (Mỹ). NXB tri thức thế giới. 5 - 1989 trang 150.

(2) Nhờ rèn luyện khí công. Luyện tập khí công có thể "khơi dậy, tăng cường những tiềm lực nội tại của cơ thể người mà tạo ra những trí năng khác thường "[1]. Nhiều nhà khí công nhờ luyện tập mà có năng lực nhìn từ xa, nghe từ xa, thậm chí truyền cảm bằng ý niệm v.v... Đến như "tách vàng phá đá", "nóng lạnh không xâm phạm được"," dao kiếm không đâm chém được", "sức có thể nâng nghìn cân"v.v. .. đã trở thành những điều thường thấy. Không riêng các bậc thầy khí công mà ngay cả người thương, những công năng đặc dị tiềm ẩn trong cơ thể họ, cũng có thể qua rèn luyện mà khơi dậy hoặc tăng cường. Đây đã là hiện tượng mà mọi người đều biết, khỏi cần nói dài.

(3). Đột nhiên xuất hiện sau khi khỏi bệnh hoặc chữa lành vết thương. Hiện tượng sau khi qua một cơn bệnh nặng (hoặc ốm lâu) hoặc sau khi chữa lành vết thương nặng mà đột nhiên xuất hiện những công năng đặc dị là việc từng thấy nhiều ở trong ngoài nước, xưa và nay. Ví dụ: Sách" Phụng Thiên thông chí" "ghi: "Vương Dư Khả, tự là Nam Vân, người Liễu Tây, năm 30 tuổi bị bệnh nặng, sau đó bỗng phát cuồng, có thể cầm bút viết thi văn và nói những việc kỳ lạ ngoài nhân thế, sa đà nghiện rượu, có người hỏi việc đời xưa, trả lời lập tức như tiếng dội...". Sách "Bắc Dông viên bút lục tam biên" viết : " Tiến sĩ họ Lý, khi chưa thi đỗ

(1) "Tìm hiểu về khí công" trang 132

bị bệnh điên. Sau khi khỏi bệnh thì có thể sai khiến được ma quỉ, thường nói trước việc tương lai không sai một tí nào..."

Ở quê hương nhà khí công nổi tiếng nước ta là Nghiêm Tân, có một người phụ nữ tên là Nguỵ Đình Dung, sau ba ngày phát sốt cao đến hôn mê, đã xuất hiện những công năng đặc dị. Ở huyện Văn Sơn tỉnh Vân Nam có một phụ nữ tên là Lý Gia Anh, thời trẻ đi bị một cơn bệnh nặng, hơn mười năm mới khỏi, sau khi khỏi bệnh đã có năng lực lạ dùng tay mình chữa bệnh cho người khác. Theo báo cáo của Xixari Lăngpurútxô, nhà thần kinh học và thầy thuốc chữa bệnh tâm thần nổi tiếng nước Pháp, có một cô gái 14 tuổi vì mọi mặt vốn rất bình thường, không biết vì lý do gì đã mắc chứng bệnh Itstêri . Trước hết là tiêu hoá kém sau đó ăn thức ăn đặc thì nôn oẹ, gầy đi rất nhanh mà lại hay bị co giật, sau ba tháng thì mù cả hai mắt. Thế mà ít lâu sau, cô gái bỗng có năng lực "nhìn" rất kỳ lạ. Theo kết quả khám nghiệm của Lăngpurútxô và thầy thuốc gia đình, cô gái có thể dùng mũi và dái tai trái để nhìn".

Có nhiều dẫn chứng ở nước ngoài cho thấy sau khi chữa lành vết thương thì bỗng xuất hiện công năng đặc dị: Một linh mục ở miền nam Italia tên là Phi - ô sinh năm 1887. Bắt đầu từ ngày 20 tháng 9 năm 1915, ông cảm thấy tay chân và hai mạng sườn đau dữ dội, thầy

thuốc tìm không ra nguyên nhân. Một ngày năm 1918, trong khi đang cầu nguyện ở nhà thờ, ông bỗng cảm thấy toàn thân đau dữ dội ngất đi ngã lăn xuống đất, tay chân và hai mạng sườn chảy máu. Sau cơn bệnh, vết thương chưa bao giờ lành hẳn, nhưng lại có khả năng kỳ lạ là dùng tay chữa khỏi bệnh cho người khác. Vô số bệnh nhân đã được ông chữa khoẻ.

Hô - côts là một người Hà Lan. Một ngày năm 1941, trong khi đang sơn cửa sổ ở tầng bốn, đã vô ý ngã từ tầng cao xuống. Người thợ 30 tuổi đó lập tức được đưa đến bệnh viện, qua khám nghiệm biết được anh ta gãy xương vai, chấn thương sọ não nghiêm trọng, hộp sọ bị tổn thương. Qua cấp cứu chạy chữa, anh ta đã thoát chết. Và từ hoạ gặp phúc, từ đó anh có khả năng đặc biệt nhìn được từ xa, nhìn qua vật cản và biết trước được tình hình tương lai.

Một người có năng lực đặc dị nổi tiếng thế giới là Y.u.ri Cai.lơ có thể từ xa nhìn mà làm cho các dụng cụ ăn như cùi dìa, phuốc sét cong, gãy, làm cho đồng hồ chạy nhanh lên hay chậm đi tuỳ ý muốn thậm chí làm cho máy tính ngừng hoạt động, lại có thể đọc được ý nghĩ của người khác, biết trước điều lành điều dữ v.v... Trong lời kể của anh, anh cho biết nguyên nhân dẫn đến anh có năng lực kỳ lạ đó là hồi nhỏ anh bị một vật sáng như bạc từ không trung đậy vào mặt, thấy đau dữ dội trong óc, ngất đi, sau khi tỉnh lại thì anh đột nhiên có năng lực kỳ lạ kia.

4. Do thần hoặc khách vũ trụ ban cho. Đây là một quan điểm xuất hiện và lưu hành trong cơn sốt khí công. Nhiều thầy khí công và nhiều người có những năng lực kỳ lạ nói rằng những năng lực đặc dị của mình là do thần hoặc những người khách vũ trụ trao cho. Ví dụ, một giảng viên của một trường Đại học nọ ở Bắc Kinh là người có năng lực tư duy lô gích rất giỏi, có tác phong khoa học rất nghiêm túc, lại có những năng lực rất kỳ lạ. Năng lực kỳ lạ đó là kết quả của công phu luyện tập khí công, lại được "một sư phụ từ thế giới u minh" truyền dạy cho. Mùa thu năm 1987, khi mà trình độ khí công của ông đột ngột nâng cao, ông bỗng nhìn thấy sư phụ của thế giới u minh." "Người thầy thuốc có năng lực đặc dị" tỉnh Sơn Đông Trương Kế Tường nói rằng năng lực đặc dị của ông là do một sinh mệnh cao cấp là nữ, một sinh mệnh có tiếng nói nhưng vô hình, nói thạo tiếng phổ thông, có thể điều khiển ông tự động viết chữ. Nghe nói, những sinh mệnh cao cấp hơn người trên hành tinh này là kẻ đã từ xa điều khiển con người làm ra những chuyện lỳ lạ. Một người Bắc kinh họ Lưu được coi là nhà Dịch học trẻ tuổi, nhà khí công đã nói rằng công năng đặc dị của anh ta là do một vị hoà thượng chỉ mặc quần để trần phần nửa người phía trên trao cho. Đêm mồng 4 tháng 7 năm 1987, trong khi anh ta đang tĩnh toạ thì đột nhiên phát hiện được vị hoà thượng đó trong tầm mắt của mình, liền sau đó mấy ngày đều như vậy. Từ đó, anh được vị hoà thượng truyền thụ công pháp

cao cấp - công Palamông. Người thầy khí công nổi tiếng Nghiêm Tân có một đồ đệ họ Trần thì được một cụ già râu tóc bạc trắng, mặc quần áo trắng, đi giày trắng dạy cho những năng lực đặc dị. Cụ già này từ trong mây đột ngột hạ giáng mà truyền phép lạ cho. Tóm lại những bậc thầy khí công tài giỏi và những người có năng lực đặc dị đều tin rằng có một "người thứ ba" chỉ huy mình hành động. Trương Kế Tường gọi "người thứ ba" đó là "sinh mệnh cao cấp". Nghiêm Tân thì gọi là sư phụ. Trong thư tịch cổ thường có ghi chép về một nhân vật nào đó gặp được "dị nhân" và được truyền dạy những kỹ năng đặc dị nào đó. Ví dụ sách "Đông Thiên bát lục" ghi một người con gái họ Hà ở Vĩnh Châu được một "dị nhân" cho quả đào, ăn vào thì không bao giờ thấy đói nữa, không cần phải bài tiết nữa, từ đó có thể biết trước được hoạ phúc của người khác"[1] v.v..

Những câu chuyện kỳ lạ đó về khí công và năng lực đặc dị đã được nhiều thông tin ngày nay chứng nghiệm. Ngay cả cuộc số nhà văn có tên tuổi ngày nay cũng lấy những hiện tượng thần hoặc khách vũ trụ truyền thị công năng đặc dị cho người đời làm đề tài cho tác phẩm của mình.

Chuyện thần hoặc khách vũ trụ truyền dạy cho người đời những công năng đặc dị đã trở thành một hiện tượng có tính thế giới. Bậc thầy thông linh nổi tiếng thế giới là Mai - Xơn có năng lực đặc dị rất cao siêu cũng

(1) "Đông hiên bát lục" quyển 14.

nói rằng năng lực kỳ lạ của ông là có liên quan với "một chuyện lạ mà ông đã gặp lúc lên sáu". Chập tối một hôm nọ, bố ông bảo ông ra phố đi mua một bao thuốc lá. Trời đã tối, hành lang ngôi nhà gỗ nhỏ của ông trìm trong bóng tối. Đột nhiên, trên cầu thang xuất hiện một bóng người mặc áo trắng : "Con ơi, ta từ thiên đường tới, là tín sứ của con.... Đến đây bảo cho con biết tương lai của con...." Bóng người nói xong thì biến mất, và bóng người với lời nói kia như một tia chớp hoặc một tiếng sét, Mai - xân ngất xỉu ngã trên đất, không còn tri quái gì. A - li - cơ là người mà cả Braxin hầu như ai cũng biết, có thể mổ xẻ chữa bệnh cho người mà không cần gây mê, không cần vô trùng, tuỳ tiện dùng một con dao thái rau, cắt vỏ quả mà mổ, thế mà mổ đến đâu bệnh khỏi đến đó, lại không cần khâu, không chảy nhiều máu, vết mổ tự nhiên liền miệng, khỏi hẳn. A - li - cơ giải thích bản lĩnh của mình rằng có hẳn "hồn của mấy thầy thuốc nhập vào" ông ta. Một số người có công năng đặc dị, kể cả Y.u.Ri Cai.Lơ đều nói rằng năng lực đặc biệt của họ bắt nguồn từ những khách vũ trụ đến bằng đĩa bay.

Được khơi dậy trong trạng thái thôi miên. Thuật thôi miên có lịch sử rất lâu đời. Các phương pháp khống chế tâm trí người cổ xưa đó được ghi lại rất nhiều tuy nhiều văn bản cổ đại của Ai Cập, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ Thư tịch cổ nước ta cũng ghi lại những nghi thức tôn giáo bao gồm cả thuật thôi miên để tạo ra những sức mạnh siêu tự nhiên. Nhưng do hạn chế của

trình độ văn hoá khoa học đương thời và do ảnh hưởng của quan niệm thần linh mê tín, người xưa chưa thể nhận thức đúng đắn thực chất của thuật thôi miên mà quy mọi hiện tượng siêu tự nhiên cho vu thuật và thần linh. Hơn một trăm năm trước đây, cụ thể là đầu những năm 40 thế kỷ 19. Thầy thuốc người Anh Pu - lất đơ mới giải thích được hiện tượng thôi miên một cách khoa học, sau đó, những năm 80 thế kỷ 19, một số học giả nước ngoài nghiên cứu về thần linh mới đưa ra được quan điểm "thôi miên có thể xúc tiến được những siêu cảm giác". Mãi đến những năm 70 thế kỷ này, nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài qua nhiều thực nghiệm thấy rằng nhiều người chịu thí nghiệm đã có những công năng đặc dị, có thể đọc được ý nghĩ người khác, có thể tiến đoán tương lai người khác, qua đó mới khẳng định rõ ràng được rằng "thuật thôi miên là công cụ hữu hiệu để khơi dậy ESP (công năng đặc dị của cơ thể người)" nhiều thông tin sau đó (kể cả những báo cáo được đưa ra ở nước ta trong cơn sốt vì khí công và công năng đặc dị) đã chứng minh đầy đủ tính chính xác của quan điểm đó.

Điều đáng chú ý là phần lớn những năng lực kỳ lạ được khơi dậy nhờ thôi miên phần lớn chỉ là những hiện tượng tạm thời, nó chỉ tồn tại trong trạng thái thôi miên, một khi đã mất tác dụng thôi miên, thì nó lại lui vào trạng thái tiềm ẩn. Tác dụng của thôi miên ở đây chỉ có giá trị một tác dụng môi giới, nó có thể từ bỏ những nhân tố cản trở sự xuất hiện những công năng đặc dị

vốn có của cơ thể con người, làm cho những người ở trong trạng thái thôi miên có thể có những công năng đặc dị ở những tầng bậc khác nhau.

Những tầng bậc khác nhau của công năng đặc dị được khơi dậy trong trạng thái thôi miên là do những mức độ khác nhau của trạng thái thôi miên tạo ra. Mức độ của trạng thái thôi miên có thể chia làm ba bậc : độ nhẹ, độ vào và độ sâu. Cụ thể là :

Độ thôi miên nhẹ : Người bị thôi miên ở trạng thái thư dãn, cơ bắp toàn thân chùng, có cảm giác chân tay nặng nề không thể nào mở mắt ra được, rất buồn ngủ không thể nói năng , đi lại, không có hiện tượng quên.

Độ thôi miên vừa: Có phần quên, có thể có ảo giác dùng kim châm vào da thịt ít cảm thấy đau, sau khi tỉnh lại không thể tiếp tục thực hiện mệnh lệnh đã dự định trước. Không có sự vận động tuỳ ý, tự chủ.

Độ thôi miên sâu, có thể nói năng, đi lại, mở mắt nhưng hoàn toàn mất cảm giác, hoàn toàn mất trí nhớ, thể hiện tính ám thị cao độ, mất hẳn khả năng ức chế và phán đoán, tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh của người thôi miên một vật thể cụ thể tồn tại đấy mà bảo anh ta nhìn không thấy thì anh ta sẽ nhìn mà không thể thấy cái gì cả, thậm chí có thể chấp hành những mệnh lệnh dự định phức tạp hơn.

Thực nghiệm thôi miên cho thấy, độ thôi miên càng sâu, càng có thể thay đổi nhân cách nhiều hơn và kỳ

ức trong trạng thái thôi miên càng suy giảm đến mức độ mất hẳn - Người sau khi đã cầu thần nhập xác, trong trạng thái mê cuồng thể hiện một siêu trí lực, siêu thể lực, siêu nghị lực và có những năng lực tiên tri, dùng ý nghĩ để sai khiến người vật rất kỳ lạ, nhưng sau khi tỉnh lại thì hoàn toàn quên hết mọi thứ vừa xảy ra trong trạng thái mê cuồng và mọi năng lực siêu thường vừa có đều hoàn toàn mất hẳn. Tầng bậc của những công năng đặc dị hoàn toàn tuỳ thuộc ở mức độc sâu nông của trạng thái thôi miên.

2. Tính ám thị: cơ sở tâm lý và cơ sở vật lý của thuật thôi miên

Thôi miên sở dĩ có thể khơi dậy những công năng đặc dị của cơ thể người, trước hết vì những công năng đó vốn tiềm ẩn sẵn trong cơ thể người, lại vì tự thân con người tồn tại phổ biến cái tâm hướng mang tính có thể ám thị và chủ động tiếp nhận ám thị, lại vì ám thị có tính hiệu quả rất mạnh.

Ám thị là một hiện tượng tâm lý đặc thù cố hữu của loài người. Kết quả nghiên cứu cho thấy, loài người tồn tại phổ biến năng lực ám thị, có thể nó là một thứ bản năng vốn có được di truyền qua gien. Tâm lý ám thị là hiện tượng tâm lý phản ứng thuận chiều của người ta trước những kích thích xã hội được khống chế. Người ta sống trong xã hội, luôn luôn ở trong hoàn cảnh ám thị, đồng thời cũng không ngừng ảnh hưởng đến người

khác bằng ám thị, do đó mà giữa người với người có ảnh hưởng lẫn nhau và tác dụng lẫn nhau. Trong đời sống hàng ngày, mỗi lời nói việc làm đều chịu sự chi phối một cách không tự giác một cái hiện trạng, một biểu hiện bên ngoài, một lời nói, một tín hiệu hoặc một sự chi phối khác của xã hội, khiến tâm lý, hành vi của chúng ta chịu ảnh hưởng mà tiếp nhận một ý kiến, một quan niệm, hoặc nói năng theo một cách nào đó, hoặc hành động theo một kiểu nào đó. Ví dụ, lắng nghe nhạc người ta có thể bắt theo nhịp nhạc một cách không tự giác ; trong hội trường nhiều người, một người ngáp có thể làm cho nhiều người khác ngáp theo. Đang đi trên đường phố, bất ngờ gặp một đoàn biểu tình tuần hành người ta có thể đi theo, không biết nhằm mục đích gì, với ý nghĩa gì. Một kiểu quần áo, một trào lưu tư tưởng được lưu hành một thời, rất dễ hấp dẫn nhiều người khác học theo một cách vô ý thức v.v... Như nhiều thực nghiệm tâm lý học xã hội đã chứng minh, dưới tác dụng của ám thị người ta tiếp nhận lời khuyên của người khác, tán thành ý kiến người khác mà thường thường không phải do tác dụng của yếu tố nhận thức. Ngay cả tình cảm yêu hoặc ghét nảy sinh trong khi thưởng thức nghệ thuật cũng được thực hiện không phải qua con đường tri giác lý tính. (1) Pê - Khơ - chiê lép cho rằng, ám thị khác với thuyết phục, nó đi vào thế giới tâm linh người ta không phải bằng "cửa chính" mà là qua "cửa sau" như vậy tránh được

(1) "Tìm hiểu thôi miên" trang 144

con mắt phê phán của người giữ cửa . Nhiều tài liệu khoa học và thực tế đời sống đã chứng tỏ sự tồn tại phổ biến của hiện tượng chịu ảnh hưởng của ám thị. Mặt khác, tính chất chịu ảnh hưởng ám thị đó của người ta không phải là tiêu cực, bị động, người ta vốn có tâm hướng chủ động tiếp nhận ám thị. Các nhà thôi miên đều có nhận xét rằng những người ốm yếu, muốn được cứu chữa càng dễ tiếp nhận ám thị hơn dễ bị thôi miên hơn những người chỉ muốn thử nghiệm trạng thái thôi miên xem sao. Điều này chứng tỏ người ta có thể chủ động tiếp nhận ám thị [2] . Chính là vì người ta vốn có tính ám thị lại có tâm hướng chủ động tiếp nhận ám thị. Trên cơ sở đó thuật thôi miên mới có tác dụng hiệu ứng.

Đương nhiên, thuật thôi miên có tác dụng hiệu ứng còn là vì ám thị có tính hữu hiệu rất mạnh. Điều này thể hiện ở chỗ ám thị có tác dụng vật lý to lớn, có thể có ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh thực vật của người bị ám thị, ví dụ như gây nôn oẹ, toát mồ hôi, nhịp tim nhanh lên hoặc chậm đi, thậm chí có thể làm cho cơ thể người ta mất thăng bằng dẫn đến tử vong. Nhiều thực tế cuộc sống đã chứng minh điều này. Ở nước ngoài đã từng có người bị nhốt nhầm vào xe uớp lạnh, máy làm lạnh chưa mở thế mà người đó đã "chết rét". Đây rõ ràng là vì sức mạnh to lớn của ám thị đã phá hoại cơ chế bảo hộ sinh vật của người đó mà làm cho y chết đột ngột. Mùa đông năm 1943, hai học sinh gái trong trường

(2) "Tìm hiểu thôi miên" trang 150

học việc của một nhà máy ở thành phố Yê - ra - bu - ga Liên Xô cũ đã lần lượt nhận được hai "lá thư nặc danh", trong thư có những dòng chữ nguệch ngoạc nói rằng vì một nguyên nhân nọ, vào ngày giờ nọ, họ sẽ bị ma bệnh trừng phạt : toàn thân co rút, khản giọng mất khả năng nói, tai điếc, đầu và tay đau đớn... kết quả đúng vào ngày giờ đã nói, tất cả đều ứng nghiệm như thư đã viết. Chuyên gia chữa bệnh tâm lý nổi tiếng của Liên Xô trước đây là B. Lai - vi đã kể lại trong lời nói đầu cuốn sách "Người chứng kiến vu thuật " của thầy thuốc người Mỹ Ga - ri - lat câu chuyện như sau : Một tên phạm tội giết người đã bị tuyên án tử hình, người ta bảo sẽ xử tử y bằng cách cắt đứt tĩnh mạch. Cảnh sát giải y đến pháp trường và cho y nhìn thấy công cụ hành hình - một con dao mổ, rồi bịt mắt y lại, tiếng đó cho một người dùng sống dao dí vào tĩnh mạch cánh tay y (không hề làm xước da) rồi tưới vào mu bàn tay y một tia nước ấm, nước giỏ xuống cái chậu dưới đó phát ra tiếng kêu tí tách. Tất cả những cái đó tạo ra trong tâm lý phạm nhân một thứ tình cảm mới và rồi dãy chết rồi chết hẳn. Qua giải phẫu thi thể, người ta phát hiện ra rằng y chết vì tim bị tê liệt. Điều đó chứng tỏ tác dụng vật lý to lớn của ám thị.

Ám thị vì sao có tác dụng vật lý mạnh đến thế? Tài liệu nghiên cứu trong ngoài nước chứng tỏ, bất cứ một bộ phận nào của cơ thể người đều có liên hệ với tâm lý, nhân tố tâm lý có thể thẩm thấu hữu hiệu vào

bất cứ bộ phận nhỏ nhất nào của cơ thể người. Liên hệ thông suốt trong não. Thêm vào đó là năng lượng dư thừa lớn tích tụ trong não (nói chung người ta chỉ khai thác sử dụng 5 - 20%) đã tạo ra trong toàn bộ quá trình tiến hoá một cảm quan rất mạnh trong cơ thể người, cảm quan này có khi thể hiện thành một kỳ tích liên hệ tâm linh, có khi thể hiện thành bệnh tật. Dưới tác dụng của ám thị tích cực, có thể làm cho người ta tin tưởng, huy động được tiềm lực lớn lao của cơ thể người [1], còn dưới tác dụng của ám thị tiêu cực tâm lý bình thường và trạng thái sinh lý của người có thể bị nhiễu loạn phá hoại, khiến người ta tàn phế hoặc chết.

Sinh lý học đã giải thích hiện tượng này ra sao?

W.B Kan - Nông chỉ rõ, sợ hãi cũng như giận dữ sẽ cùng với thần kinh giao cảm vận động mãnh liệt. Loại vận động này thường là có tác dụng đối với cơ thể người nó có thể làm cho khí quan biến dị, làm cho thần kinh giao cảm rối loạn, có khi chỉ trong mấy tiếng đồng hồ mà làm cho dung lượng máu giảm đi tiếp đó là huyết áp giảm thấp. Kết quả nó có thể phá hoại khí quan tuần hoàn máu đến mức không thể chữa khỏi được. Kết quả nghiên cứu mấy trường hợp tinh thần bị tổn thương khi ra chiến trường [2] và những thí dụ vừa kể trên đây đều chứng minh tính chính xác của giả thuyết trên đây chính

(1) Xem thêm chương 7 : "Bí mật của việc thầy mo chữa bệnh"

(2) "Nhân loại học kết cấu " của Khơ - lao đơ - Lê vi. Stơ - raos (Pháp) NXB văn hoá nghệ thuật 12. 1989. trang 2.

là tác dụng phá hoại đối với cơ năng cơ thể người do ám thị tiêu cực gây ra.

3. Thuật thôi miên: phương pháp hữu hiệu để thôi miên khơi dậy công năng đặc dị của cơ thể con người

Thôi miên có thể khơi dậy những công năng đặc dị của cơ thể con người, ngoài cơ sở tâm lý và sinh lý đã nói trên còn do người thôi miên đã sáng tạo phát triển và áp dụng một hệ thống phương pháp thôi miên và nguyên lý ám thị có hiệu quả. Người ta tuy bản năng có tính có thể ám thị nhưng đồng thời cũng tồn tại phổ biến tính chống lại ám thị. Tính chống ám thị này có thể bắt nguồn từ bản năng ưu việt ý thức tự do, thói quen, cá tính v.v... chủ yếu thể hiện thành phòng tuyến nhận thức, phòng tuyến tình cảm và phòng tuyến luân lý của cá thể đối với kích thích của ám thị. Ám thị có hiệu quả hay không tuỳ thuộc ở chỗ có khắc phục được trở lực của ba phòng tuyến ấy hay không? [1] việc sáng tạo phát triển và vận dụng thuật thôi miên và nguyên lý ám thị có thể giúp ích cho việc khắc phục trở lực của ba phòng tuyến nói trên. Người thôi miên nếu tuân thủ chặt chẽ qui luật ám thị thì có thể dễ dàng đưa người bị thôi miên vào trạng thái thôi miên và khơi dậy được trong người bị thôi miên những công năng đặc dị vốn có nhưng tiềm ẩn trong cơ thể người đó. Trái lại, có thể thất bại.

(1) "Tìm hiểu thôi miên", trang 152.

## NGHIỆM CHỨNG VÀ GIẢI THÍCH NHỮNG HIỆN TƯỢNG SIÊU THƯỜNG TRONG VU THUẬT GIÁNG THẦN BẰNG NHỮNG THÀNH QUẢ NGHIÊN CỨU THUẬT THÔI MIÊN VÀ KHOA HỌC NHÂN THỂ

Đi sâu nghiên cứu và phát triển thuật thôi miên và khoa học nhân thể có thể giúp chúng ta tìm được những dẫn chứng chứng tỏ rằng, những công năng đặc dị vốn có những tiềm ẩn của cơ thể con người như thị giác siêu thường (bao gồm nhìn xa, nhìn qua vật cản, nhìn vật siêu nhỏ v.v...) thính giác siêu thường, vị giác siêu thường, xúc giác siêu thường, khứu giác siêu thường, trí nhớ siêu thường, trí lực siêu thường, thể lực siêu thường, nghị lực siêu thường, truyền cảm tư duy, sai khiến bằng ý niệm, dự đoán tương lai, nhìn rõ quá khứ v.v... đều có thể khơi động được trong trạng thái thôi miên. Ví dụ :

Trong trạng thái thôi miên, tay chân và cơ thể người bị thôi miên có thể cứng như gỗ, có thể bắc như bắc cầu qua hai cái giá mà không hề uốn cong, có thể chịu được một sức tải lớn hơn lúc bình thường rất nhiều, có thể cho người đứng lên bụng mà chịu đựng được một thời gian dài. Một nghiên cứu sinh gái nặng 52 kg, sau khi cứng đờ trong trạng thái thôi miên sâu, bắc thẳng ngang qua hai cái ghế băng, cho một bạn học trai nặng 65 kg đứng thẳng lên bụng mà cô ta vẫn bằng thẳng như thường. Một vận động viên, có sức nắm đo được 100

bảng, anh huy động toàn lực cũng không thể vượt qua 100 bảng, thế mà, sau khi đưa anh ta vào trạng thái thôi miên, người thôi miên bảo anh ta : "Anh rất khoẻ, khoẻ hơn bao giờ hết, khoẻ đến mức anh cũng lấy làm lạ." Sau đó đo sức nắm của bàn tay anh ta, kim chỉ thị vượt qua 120 bảng một cách rất dễ dàng.

Người bị thôi miên sau khi đi vào trạng thái thôi miên sâu, qua chỉ lệnh ám thị, nhắm mắt lại cũng nhận ra được những vật gói trong khăn tay hoặc hòm giấy, gọi ra được rất chính xác tên vật gói kín trong đó, cũng có thể "nhìn thấy" được tình hình nhà bên kia bức tường, nói đúng nhà đó sắp đặt đồ đạc ra sao, có những người nào và họ đang làm những việc gì. Một học giả nước ta đã từng thôi miên một sinh viên gái cận thị đến 500 độ. Thế mà trong trạng thái thôi miên, cô ta có thể đọc được những chữ Anh trong một quyển sách giáo khoa tiếng Anh để cách xa một mét mà không cần đeo kính. Nhà tâm linh học Liên Xô cũ Lê - ô nit -L Va xiliepcuối những năm 50 đã cho biết một bệnh nhân trúng độc rượu cồn ở bệnh viện tinh thần Pô - lô - srơ đã có thị lực khác thường. Người ta đã cho bệnh nhân đó vào trạng thái thôi miên và cho anh ta dùng tay để đọc những tiêu đề trên báo "Sự thật". Cuối cùng anh ta đã đọc được không chỉ những tiêu đề cả những chữ in nhỏ trên báo qua vật cản là một tờ giấy cơ-rô-ki.

Trong trạng thái thôi miên độ vừa, thính giác của người bị miên hết sức nhạy, có thể nghe được những âm

thanh hết sức nhỏ mà người thường không thể nghe thấy được, thậm chí cả những lời ám thị mà người thôi miên nghĩ thầm anh ta cũng cảm thụ được. Một nhà thôi miên Nhật Bản đã làm thử nghiệm như sau: Đặt một cái đồng hồ đeo tay cách xa người bị thôi miên hai mét, thế mà người đó vẫn nghe rõ tiếng tích tắc của cái đồng hồ. Thí dụ trên đây có thể giải thích tại sao trong trạng thái mê cuồng, người cầu thần nhập xác có thể "nghe thấy" được lời thầm thì niệm chí của thày mo.

Về vị giác siêu thường: Ví dụ, để năm thứ mùi vị khác nhau trong năm thứ dụng cụ khác nhau, dùng nước lã pha thật loãng những mùi vị đó, người thường không thể nào phân biệt được vị gì, thế mà người bị thôi miên có thể nếm biết được rất đúng vị chua vị ngọt.

Cộng hưởng cảm giác: Người thôi miên và người bị thôi miên mỗi người ở một phòng ngăn cách tường, người thôi miên dơ tay lên, người bị thôi miên cũng dơ tay lên, người thôi miên vui hay buồn giận thì người bị thôi miên cũng vui hay buồn giận, những người chứng kiến có thể quan sát trực tiếp vẻ mặt của họ mà nhận ra. Người thôi miên dùng kim đâm vào da thịt mình, người bị thôi miên cảm thấy đau mà kêu to lên.

Nhớ lại việc đã qua: Thuật thôi miên cho thấy, não người như một máy nhiếp ảnh, mỗi một việc trong quá khứ được ghi lại trong bức tranh tâm lý như một tấm ảnh, do đó, thuật thôi miên có thể đưa lại những ấn

tượng đã quên lâu năm trở lại trong ý thức tri giác thậm chí có thể kể lại chuẩn xác những chi tiết hết sức nhỏ, . Trong trạng thái thôi miên, người thôi miên ra chỉ lệnh : "Anh có thể nhớ lại một phần những việc đã qua, hơn nữa anh có thể nhớ lại cả những chi tiết nhỏ. Anh nhớ lại đi !" "Anh nhớ lại rồi đấy..." Quả nhiên chỉ giây lát sau người bị thôi miên nhớ lại những chi tiết đó.

Truyền cảm tư duy : Trong trạng thái thôi miên độ vừa, người thôi miên và người bị thôi miên mỗi người ở trong một căn phòng khác nhau, mọi tưởng tượng động tác của người thôi miên đều được người bị thôi miên cảm nhận được hoàn toàn chính xác. Những năm 30, Lê-ôn nít L. Va xi-biép đã hàng mấy trăm lần dùng ý nghĩ của mình ra lệnh cho người bị thôi miên :" Hãy gác chân này lên chân kia !" "Đơ tay lên ! "" Tiến lên phía trước". Những mệnh lệnh dễ được tiếp thu, ông để cho người chịu thử nghiệm đi vào trạng thái thôi miên nhẹ. Có lúc ông còn bịt mắt họ lại. Dân tộc Bố Y có một loại bà mơ gọi là "nhã nha" có năng lực truyền cảm tư duy rất mạnh. "Nhã nha" là thầy bói, thầy đuổi ma của dân tộc Bố Y, thường là những phụ nữ sau khi đã thành niên đột nhiên bị ốm nặng một trận, sau khi khỏi bịnh thì có hồn thầy mo nhập xác, nói năng quái đản, tự xưng là người phát ngôn của một thầy mo nào đó. Sau khi đã thành bà mo, người nhà bèn lập cho bà ta một cái "vu quỹ" (một cái hòm gỗ giống như bàn thờ thần), treo trên vách, cắt người giấy, ngựa giấy và đồ cúng đặt vào

trong hòm, ngựa giấy dùng đanh ghim ghim chân lại. Nếu có ai muốn nhờ bà mo đoán số mình, chỉ cần đốt giấy hương dưới "vu quỹ" nhổ những cái đanh ghim chân ngựa giấy, thế là bà mo bất cứ lúc đó còn làm ruộng ngoài đồng hay đi chơi đâu đó cũng sẽ lập tức chạy về nhà và đi vào thế giới thần linh trở thành người phát ngôn của thầy mo nào đó mà bói cho người cần bói, chỉ rõ bến mê, nói rõ lành dữ, ngày cả những người lạ mới từ phương xa đến cũng có thể nói rõ lai lịch và tình hình gia đình người đó (1).

Cứ thế, chúng ta cuối cùng đã tìm ra cái chìa khoá khám phá bí mật của quá trình cầu thần nhập xác và những hiện tượng siêu thường xuất hiện trong quá trình đó không phải là sự linh nghiệm của bói toán, khiêu thần, tầu âm phù kì v.v... mà là năng lực biết trước trong công năng đặc dị tiềm ẩn trong con người ta đã phát huy tác dụng. Nhớ lại việc cũ, nói chuyện với " vong linh" là sự nhạy cảm phi thường tiềm ý thức và năng lực dao cảm đã "nhìn thấy" được những "hình ảnh lưu lại", những "thông tin ghi lại" (1). Những khí vật di động, chuyển

(1) "Trung quốc các dân tộc tôn giáo dĩ thần thoại đại từ điển" trang 37

(2). Người hoặc vật đều để lại những tin tức nơi đã đi qua. Những tin tức này còn lại, tin tức lưu lại. Qua những tin tức này có thể nhận ra người hoặc vật đã qua. Công an phá án thường dùng những khí tài đặc biệt để khai thác tin tức lưu lạc mà xác định những đặc điểm bên ngoài nhất định của tội phạm, giúp cho việc phá án. Có những nhà khí công thuộc người có năng lực đặc dị có thể nhận ra được những tin lưu lại. Người được thôi miên cũng vậy. Giới khoa học nước ta, các nhà khí công, nhiều chuyên gia về khoa học nhân thể đã khẳng định sự tồn tại của những "hình ảnh lưu lại", những "tin tức lưu lại". Nhiều tài liệu nghiên cứu khoa học, nhiều tài liệu thực hiện và khảo sát cũng đã chứng minh sự tồn tại của hiện tượng nói trên.

động, lay động trong phù kị, mới thần tử cô, mời thần lăn tre, mời thần đũa, thần bàn, thần ghế... là kết quả của sự sai khiến bằng ý niệm. Những người "Khiêu thần", "xuống thất cô nương" v.v... Không học mà biết múa, múa gậy múa quyền, không học mà biết hát ; những người phù kị không biết chữ mà viết được chữ, đó là sự phát huy của trí lực siêu thường. Những người "vũ tiên đồng", "đấm âm quyền", những người biểu diễn "thần quyền Nghĩa Hoà", những người" đấu địa cổ ngưu" có thể "giáo đâm không thủng, dao chặt không đứt", "sức mạnh hơn lúc bình thường, đến mấy lần" đó là sự trổ tài của nghị lực siêu thường, thể lực siêu thường : người không biết chữ nào mà sau khi cầu thần nhập xác có thể diễn xuống "Tát cách nhĩ vương" đó là công tích của trí nhớ siêu thường, trí lực siêu thường ; thầy mo thầm thì niệm chú, mà những người cầu thần nhập xác ở cách xa mấy mét nghe được, đó là nhờ thính giác siêu thường giúp đỡ...Đến đây thì hẳn chúng ta không nên tin ở kỳ tích của các thầy mo, của thần hay ma nữa. Nếu thất sự có kỳ tích xuất hiện thì nhất định nó đã thể hiện đầy đủ sức mạnh vĩ đại và tiềm lực lớn lao của con người.

**Chính bạn là thần, thần chính là bạn !**

# Chương VI

## LẦN SÂU VÀO HANG TỐI . CHÂN TƯỚNG CỦA VIỆC CẦU THẦN NHẬP XÁC (HẠ)

### PHÂN TÍCH MẤY HIỆN TƯỢNG "THẦN BÍ" TRONG TỤC GIÁNG THẦN

Trong chương trên, chúng tôi đã vận dụng những thành quả nghiên cứu về thuật thôi miên và khoa học nhân thể để giải thích sơ lược về những hiện tượng siêu thường trong tục cầu thần nhập xác. Những hiện tượng siêu thường xuất hiện trong quá trình cầu thần nhập xác vốn là do thuật thôi miên khởi động những công năng đặc dị tiềm ẩn trong cơ thể người tạo ra, nhưng các thầy mo, đạo sĩ lại nói rằng những hiện tượng đó là thần bí, là biểu hiện của những cội nguồn siêu tự nhiên nào đó của con người. Những hiện tượng đó xưa kia và hiện nay vẫn được những người duy tâm, hữu thần lợi dụng để truyền bá, và củng cố tín ngưỡng tôn giáo của họ, nhất

là để gieo rắc quan niệm về sự tồn tại của thế giới siêu tự nhiên và con người là có linh hồn siêu tự nhiên. Để triệt để đập tan những luận điệu đó, lột trần những bí mật về giáng thần nhập xác, đồng thời cũng để chứng minh thêm về tục giáng thần nhập xác vốn không phải thần tuý mê tín, hoang đường, mà trong đó có những nguyên lý khoa học sâu xa, dưới đây xin phân tích thêm về mấy hiện tượng thần bí trong tập tục cầu thần nhập xác.

## THẾ GIỚI QUỶ THẦN TRONG TÂM LÝ MÊ CUỒNG.

Những tập tục cầu thần nhập xác khác nhau, cũng như các loại hình sân khấu khác nhau, loại thì dùng lời nói bình thường, loại dùng lời hát, loại dùng động tác hoặc dùng cả hai ba thứ để đưa thế giới quỷ thần trong tâm lý mê cuồng từ hậu trường lên sâu khấu trình diễn :

Núi dao, biển lửa, cầu Nại hà, ải Quỷ môn, địa ngục... là những cửa ải hiểm nghèo trên con đường mà những người khiêu thần, tẩu âm kể rằng họ phải đi qua để vào thế giới quỷ thần. Những tên quan ải mà người ta nghe thấy phải rùng mình sởn gáy.

Trái hẳn với những người khiêu thần, tẩu âm, lời ca mà những kẻ "xướng thần tiên" hát, lại thể hiện niềm vui được du lịch thế giới thần tiên :

Các cô gái chàng trai "xướng thần cô nương" ruổi ngựa vượt qua những sông dài biển rộng, vượt qua vô

số những núi cao rừng đẹp để đi vào thế giới thần tiên. Trong thế giới thần tiên này, lớp lớp vườn hoa, những đình đài lầu gác vàng son rực rỡ, thấp thoáng trong mây mù, ở đây đàn sáo tưng bừng, tràn ngập cảnh sắc thiên đường tiên cảnh. Bầy tiên nữ trong truyền thuyết dân gian đưa khách trần dạo chơi tiên cảnh. Trên đường, lúc thì các cô hát tình ca với khách, khi thì cùng khách chấp chới múa vui. Những lời ca trong vắt, những điệu múa uyển chuyển làm cho các cô các cậu khách trần đắm đuối say mê. Một tiếng gà từ trần gian vẳng đến báo hiệu đã đến giờ chia tay. Các tiên cô tiễn khách chặng này, rồi chặng khác, các cô gái chàng trai lưu luyến bịn rịn lại ca lên những lời ca tiễn biệt rồi mới lưu luyến chia tay bảy nàng tiên, rời khỏi thế giới thần tiên, dùng dằng lên đường về hạ giới.

Nhiều dân tộc nguyên thủy ở châu Mỹ cũng có tình hình như thế. Thổ dân Équatơ sau khi uống thuốc mê do các "ấm măn" phát cho, cũng đi vào tiên cảnh. Mọi thứ trên trời đều cực kỳ tốt đẹp : Củ sắn không phải sinh ra dưới đất mà lớn lên trên cành cây, dễ thu hái hơn nhiều; săn bắn cũng đơn giản, dễ dàng hơn trần thế, vì động vật muôn thú trên trời đều dịu dàng dễ bảo, thấy người không bỏ chạy...

Với những người hữu thần, duy tâm, những âm ty địa phủ, những thiên đường thiên cảnh, những thần tiên ma quái, mà người ta "thấy được" trong trạng thái mê

cuồng đều là có thật. Thật sự có một thế giới của quỷ thần. Chúng ta tất nhiên là không tin. Cái thế giới của quỷ thần trong tâm lý mê cuồng kia chỉ là giấc mơ do con người (thôi miên), tạo ra và là những ảo ảnh của giấc mơ đó; nó chỉ là cảm giác thần hợp chủ quan và cảnh giới tinh thần mà không có một thực tế khách quan nào thích ứng với nó.

Những nghiên cứu và thực nghiệm thôi miên cho thấy, trong trạng thái thôi miên độ vừa và độ sâu, khi người thôi miên ám thị có thể thấy cái gì, thì lập tức người bị thôi miên nảy sinh ảo giác về cái đó "nhìn" thấy cái ảo tượng đó. Ví dụ, chỉ cái gậy mà bảo là con rắn, hoặc chỉ vật khác mà bảo là sư tử, hổ báo... thì người bị thôi miên liền cảm thấy sợ hãi, có dáng vẻ sợ hãi. Nếu người thôi miên ám thị là phía trước một con voi khổng lồ đang đấu nhau với một con chuột nhắt, người bị thôi miên sẽ trông thấy cảnh ấy và trên nét mặt lộ vẻ vui mừng. Cái cảm giác nhìn thấy trong trạng thái thôi miên kia một khi xuất hiện trong một người giáng thần nhập xác vẫn tin là có thế giới thần thật thì người đó sẽ thể nghiệm thấy có qui thần nhập xác mình. Vì vậy, nhiều tín đồ tôn giáo, nhiều thầy mo và những kẻ mê tín qui thần trong khi tĩnh toạ, đọc kinh cầu nguyện trước tượng thần, dần dần sẽ đi vào trạng thái mê cuồng

mà "nhìn thấy" thần Phật, "nghe Phật" nói hoặc thể nghiệm thấy thần Phật nhập xác mình.

Đương nhiên, thực chất thế giới quỉ thần trong tâm lý mê cuồng đã chỉ là giấc mơ do con người (qua thôi miên) tạo ra và là những ảo giác, ảo ảnh nảy sinh quá độ từ giấc mơ, thì nó sẽ mang màu sắc rõ rệt của ảo giác, ảo ảnh, mà lại còn có cả một số đặc trưng của giấc mơ. Phơ - rớt đã nói, giấc mơ khiến cho những ước vọng bị dồn nén được thoả mãn. Một triết gia Hy Lạp nói cụ thể hơn: Khi tỉnh, mọi người đều sống trong cùng một thế giới, nhưng trong khi ngủ, ai đi con đường riêng của người đó. Người ốm mơ thấy mình khoẻ mạnh, người con trai mơ thấy cô gái mà anh ta yêu, chính khách có dã tâm mơ thấy giàu sang và quyền lực. Mơ ước của chúng ta bao giờ cũng lấy nguyện vọng làm nhân lõi. Vô luận trong trường hợp nào, chỉ cần nguyện vọng của người nằm mơ làm chủ tri giác của anh ta, thì anh ta sẽ có một giấc mơ để thoả mãn ước vọng của anh ta. Bức tranh mơ đó thường là có quan hệ với tư tưởng thầm kín của người mơ. Những ý nghĩ thầm kín đó chịu sự kiềm chế của đời sống văn hoá và xã hội mà không thể không ẩn giấu trong sự giả dối, không dám bộc lộ công khai, chỉ có thể bộc lộ ra bằng phù hiệu trong mộng ảo. Thế giới quỷ thần trong tâm lý mê cuồng của người ta cũng biểu lộ như thế.

Dưới mắt những người hữu thần trong thế giới hiện thực, âm ty địa phủ là một thế giới tội ác đáng sợ. Ở

đó, mọi người đều xấu xa và bạo ngược, không có gì có thể gọi là chính nghĩa và lương thiện. Nhưng trong tâm lý mê cuồng của người giáng thần nhập xác, âm phủ có mặt tội ác, đồng thời cũng có mặt nhân gian hoá. Một số nơi ở âm phủ, người chết vẫn có thể sống như ở trần gian. Có nơi thậm chí còn tốt đẹp hơn cả nhân gian, càng hoà bình hơn, yên ổn hơn, cho nên người chết thậm chí không muốn trở lại dương thế nữa.

Dưới mắt những người hữu thần, diêm vương của âm phủ là đáng sợ, không ai dám trêu vào, ngay với những tên quỉ sứ, người chết cũng phải quì nạp dưới chân chúng. Ai đụng đến chúng, kẻ đó sẽ khốn khổ khốn nạn. Ở thế giới hiện thực, có lúc chúng ta cũng thấy một số biểu hiện phản kháng nào đó đối với ma quỉ, như xua tà đuổi quỉ, đánh quỉ, chửi quỉ, nhưng hiện tượng đó không phổ biến, hơn nữa đều nảy sinh trong hoàn cảnh bất đắc dĩ. Nhưng trong tâm địa những người giáng thần nhập xác, diêm vương quỉ sứ không đáng sợ. Vì vậy các thầy mo "tẩu âm" dám dùng lý lẽ để lên án những ma quỉ bắt hồn người bệnh, quát đuổi ma quỉ quay về âm ty. Các thầy mo "khiêu thần" dám lần vào âm phủ múa côn múa quyền, chiến đấu quyết liệt chống lại thần ác ma ác, cướp lại linh hồn những người bệnh bị bắt đi.

Ở thế giới hiện thực, thần tiên là không thể thấy không thể gần, không thể thân, không thể yêu, vòi vọi cao không với được. Nhưng những người "xướng thất cô

nương" những người "thỉnh nguyệt cô" trong trạng thái mê cuồng thì thần tiên là thấy được, gần được, thân được, yêu được. Quan hệ quần thần phụ tử trong thế giới hiện thực là có đẳng cấp rõ ràng nghiêm ngặt nhưng dưới mắt những người "giáng tiên đồng", "đấu âm quyền" ... trong trạng thái mê cuồng, thì quần thần phụ tử đều chỉ là những người tập quyền, nhất luật bình đẳng trước "sư phụ" (thần). Cho nên được xưng gọi là "sư huynh" (1). Tóm lại, ở nhân gian có nhiều trường hợp bất bình đẳng, trong thế giới quỉ thần của tâm lý mê cuồng, những tệ hại của xã hội tông pháp phong kiến quân chủ đã được khắc phục. Người ta khao khát tự do, ở đấy có thể thoát ra ngoài sự áp bức của thế lực tự nhiên và thế lực xã hội , người ta khao khát bình đẳng, ở đấy khát vọng được thoả mãn; ở đời người ta muốn tránh được khó khăn, tai hoạ, thì trong thế giới quỉ thần có thể sai khiến ma quỉ.

Sự thật về những ảo giác, ảo ảnh cho con người (qua thôi miên) tạo ra vừa kể trên đây đã xé toạc cái áo khoác "thần bí" nói rằng những công năng đặc dị là do thần cho và các trò "thuật Thiếu quân" (thuật kiến thần), "thuật du thần " v.v... trao cho :

Trong sử liệu cổ đại nước ta có nhiều chỗ nói về thuật thiếu quân (thuật kiến thần) và trong nhiều tiểu

(1) Trong tập tục cầu thần nhập xác luyện thần quyền Nghĩa Hoà và đấu âm quyền," nhiều khi cha con cùng ra trường luyện, gọi nhau bằng "sư huynh".

thuyết chí quái cổ đại cũng có những đoạn miêu tả tình tiết thần du:

Sau khi vợ yêu là Lý phu nhân mất, Hán Vũ đế thường mơ thấy bà, rất muốn được gặp lại bà, thế là triệu Lý Thiếu Quân và bảo rằng: Trẫm nhớ Lý phu nhân, có thể gặp lại được không? Thiếu Quân đáp, có thể trông thấy từ xa, không thể cùng trong màn trướng. Vua nói: chỉ cần trông thấy là đủ. Người hãy đưa bà đến đây. Thiếu Quân nói : Phía bắc Hắc hà, có nơi gọi là Ám hải chi đô. Ở đây có loại đá gọi là tiềm anh, màu xanh, chất nhẹ như lông vũ, trời rét thì đá ấm, trời nóng thì đá lạnh. Dùng đá đó khắc thành tượng người, sống động không khác người thật, tượng đá đó đến đây tức là phu nhân đến đây. Loại người đá này có thể truyền dịch ngôn ngữ, có tiếng, không có khí, cho nên biết là rất thần dị. Vua nói:.Có thể tìm được loại đá ấy không? Thiếu Quân nói : Xin được ban một trăm lâu thuyền lớn một nghìn người biết lội nước trèo cây, đều huấn luyện cho họ tinh thông đạo thuật, mang thuốc bất tử, đến Ám hải mười năm rồi về. Những người ngày xưa đến đó, có người đi hẳn không về, có bốn năm người nhờ giả vờ chết mà thoát về được. Khi đã tìm được đá ấy thì sai người theo hình vẽ cũ mà khắc tượng phu nhân, khắc xong đặt trong màn mỏng, sẽ được thấy như phu nhân đang sống. Vua mừng lắm, hỏi Thiếu Quân: có được gần không? Thiếu Quân nói: Ví như giữa đêm khuya mơ thấy mà vẽ, không thể nhìn gần được. Loại đá này rất độc,

chỉ nên ngắm nhìn từ xa, không thể đến gần. Đừng coi nhẹ tấm thân chí tôn vạn thặng, không được mê hoặc bởi vật yêu quái ấy. Vua nghe theo lời can, được nhìn thấy phu nhân. Sau đó Thiếu Quân sai nghiền tượng đá đó làm thành thuốc viên, vua uống rồi không nhớ và mơ thấy như trước nữa. Thế rồi cho dựng kinh đài, thờ cúng theo lệ hàng năm.

---" *Cổ kim đồ thư tập thành - Thần dị điển" quyển 305 dẫn theo "Thập di ký"*

Ở lăng Bắc doanh nhà Hán có một đạo sĩ có thể giúp người ta gặp lại người đã chết. Cùng quận có một người vợ chết đã mấy năm, nghe nói vậy đã tìm đến, nói rằng: xin làm sao cho tôi được gặp lại người vợ đã mất, được thế thì chết cũng không ân hận gì. Đạo sĩ nói : Người có thể đi gặp được, nếu nghe thấy tiếng trống, phải ra ngay, không được nén lại. Thế rồi bảo người đó cách đi gặp. Một lát sau thì được gặp và trò chuyện với vợ, buồn vui ân tình như khi còn sống. Một hồi lâu thì nghe thấy tiếng trống, hận rằng không được ở lại. Khi đi ra cửa, (người vợ) bỗng túm lấy vạt áo, xé rách ở cửa mà đi. Hơn một năm sau, người đó chết, người nhà đem chôn, khi quật mộ vợ thấy vợ, phía dưới nắp áp quan có vạt áo (của người chồng).

--- *"Cổ kim đồ thư tập thành. Thần dị điển" quyển 41 dẫn theo "Sưu thần ký".*

Thái Chân nhị tiểu, tự Cố Tiểu tên Ngọc Hoàn. Sau vụ biến Mã Ngôi. Minh Hoàng ngày đêm tưởng nhớ hình

hài tiểu tuỵ. Có một đạo sĩ có thuật thiếu quân xin được gặp. Nhà vua ân sủng đến cực đô hy vọng được gặp lại Ngọc Hoàn, được thế thì dù có chết cũng không ân hận gì. Đạo sĩ đem bút mực từ trong tay áo ra, đòi lụa vàng, đọc chú, khua bút vẽ hình một phụ nữ, như thiên sư vẽ bùa, chỉ gần như hình người mà thôi . (Đạo sĩ) bảo vua phải trai giới, ôm cái hình đó mà ngưng thần định chí, nhớ lại ngày xưa suốt ba ngày ba đêm. Không gián đoạn. Đạo sĩ nói : Được rồi. Nhà vua dở ra xem thì hệt như Dương quý phi ngày trước. Vua rất mừng. Đạo sĩ cười nói : Chưa được đâu. Xin dùng màn ngũ sắc, dựng đài vây màn mà cúng, đòi 24 cô gái tuổi 15, 16, rất đoan chính, đồng thanh hát bài "Tử kiến bộ hư ca". Đạo sĩ lại đốt bùa niệm chú, hút lấy khói hà vào hình vẽ. Nhà vua lại sai các cô gái cũng hà hơi như thế. Buổi tối, mời vua tự cầm nến đi vào màn. Trước đó đạo sĩ chỉ vào đá ngũ sắc, bảo cân lấy một ít, nghiền cực nhỏ trộn với các thứ thuốc, vẽ hoa ngũ sắc vào ngoài cây nến, gọi là nến hoàn hình. Sau khi vua đã vào màn đạo sĩ bảo người hầu lui ra, đóng trái cửa lại, dùng khoá rậm khoá lại. Thế là Thái Chân hiện hình gặp vua, khóc mà nói rằng : Là chúa cả thiên hạ mà không bảo vệ được một người phụ nữ yếu đuối, còn mặt mũi nào mà gặp lại thiếp? Lời thề với trăng ở Trầm hương đình nay vứt bỏ đâu rồi? Vua cũng rơi lệ, nói vụ biến Mã Ngôi là ngoài ý muốn, họ đòi hỏi gắt quá. Thái Chân thấy như được cởi mở, ân ái với vua còn hơn cả ngày thường...

*"Cổ kim đồ thư tập thành. thần dị điển" quyển 305*

Năm Giáp thân dưới thời Sùng Trịnh có người họ Tiết hiệu là Quân Lượng từ Ngô Giang đến quận ta. Người này có thuật Lý thiểu quân, gọi hồn được, lại giỏi vẽ hình. Cách làm là, viết ngày sinh chết của người đã khuất dựng bàn thờ ở buồng kín, treo cái gương lớn ở án, đặt giường Hồ dưới án, về phía nam. Gương dán giấy trắng. Niệm chú đốt bùa bảy bảy bốn chín ngày, khi nào nhìn thấy trong gương bốc khói thì vong hồn sẽ từ dưới án từ từ hiện hồn, dung mạo hệt như khi còn sống, theo hồn mà về lại rồi thì hồn lại từ từ biến mất.

*"Dẫn am toả ngữ"*

Lý phu nhân của Hán Vũ đế đã gặp, người vợ quá cố mà người Doanh Lăng Bến Hải đời Hán đã gặp, Dương Quý phi mà Đường Minh hoàng đã gặp, vong hồn mà người họ Tiết đã giúp người khác trông thấy... đã nói trong những ví dụ trên đây đều là ảo ảnh ảo giác mà con người đã tạo ra. Chính là đạo sĩ đã dùng thuật thôi miên và lối ám thị mà làm cho Hán Vũ đế, Đường Minh Hoàng v.v... nảy sinh ảo giác. Thực chất những cái này ngay cả người xưa cũng đã thấy rõ. Bài "Tạp chí" trong "Cẩn huyện chí" đã ghi rằng, dưới thời Hồng Vũ, chùa Thiền Ninh huyện Cẩn có một đạo sĩ họ Chu biết thuật thần du. Tương truyền canh năm nửa đêm ông ta thần du ở kinh đô, sáng sớm thì bay lượn trong không trung. Mà thực ra, thân xác ông ta vẫn nằm như ngủ

say bình thường, tỉnh lại thì cũng cười nói đi lại như thường". Người viết đoạn này cho rằng đó chẳng qua là một thứ ảo thuật, một loại thuật thần du. Theo quan điểm của người ngày nay, đó chẳng qua chỉ là "thể nghiệm thoát thể" trong trạng thái thôi miên mà thôi.

Sự thôi miên không chỉ có thể gây ra ảo giác, ảo ảnh cho một người, mà cũng có thể làm cho nhiều người có ảo giác, ảo ảnh cùng một lúc. Đấy tức là hiện tượng mà người đời này gọi là dùng thôi miên gây ảo giác tập thể.

Hiện tượng dùng thôi miên tạo ra ảo giác tập thể đã có từ xưa. Theo "Tân Đường thư", có người gọi là Minh Sùng Nghiễm, thời nhỏ đã theo học pháp thuật với một viên quan nhỏ dưới quyền của bố, lúc đó đang làm huyện lệnh. Đầu thời Đường Cao tông, người đó được cất nhắc làm huyện thừa ở huyện Hoàng An. Nhờ pháp thuật cao cường, ông ta nổi tiếng gần xa. Đường Cao tông do vậy đã vời ông ta, bổ nhiệm ông ta làm chức văn học ở phủ Ký vương. Để thử pháp thuật ông ta, Đường Cao tông đã cho cung nữ tấu nhạc ở một cái hầm ngầm, sau đó đòi Minh Sùng Nghiễm đến, bảo ông ta cho ngừng tiếng nhạc. Minh Sùng Nghiễm dùng gỗ đào hoa hai đạo bùa, dùng dao cắm vào phía trên hầm ngầm, tiếng nhạc bỗng ngừng lại ngay. Các cung nữ nói rằng họ trông thấy một con rồng kỳ quái, sợ quá không thể tấu nhạc được nữa. Ở đây Minh Sùng Nghiễm đã dùng cách thôi miên tập thể, làm các cung nữ có ảo giác mà sợ hãi không dám tấu nhạc nữa.

Sách "Dạ đàm tuỳ lục" ghi lại một chuyện thôi miên tập thể của chính tác giả đã từng thấy tận mắt.

"Tôi đọc Thái bình quảng ký và các sách chí dị, thấy trong đó vô số chuyện kỳ quái. Lại thường nghe người ta kể nhiều chuyện, có vẻ rất đáng tin. Tôi tin nhưng vẫn ngờ. Ngờ rằng người xưa viết chuyện không có thật, thôi khỏi phải bàn. Còn chuyện ngày nay, nhiều người là người đứng đắn, cẩn trọng, chả nhẽ bịa chuyện bịp người. Thế mà tôi đã 40 tuổi chưa bao giờ tận mắt trông thấy những chuyện lạ như thế. Nhớ lại trước đây, tôi theo cha tôi làm quan ở Nghi Quân. Hồi đó ông nội làm quan ở Ô Lan, bố mẹ tôi đón bà nội đến ở trong dinh quan Nghi Quân. Vừa lúc đó, quan đầu huyện họ Trương đưa đến một người làm trò ảo thuật. Xem ra pháp thuật người đó thường thôi. Cha tôi, vì ông Trương, đã gói hai lạng bạc tặng người đó. Người đó không nhận, nói : hôm nay làm trò, có đến cả trăm người xúm lại xem, mà chưa thấy ai khen. Do đó thấy rõ rằng sở học còn kém cỏi, chưa đủ làm cho người ta thấy lạ, đâu dám nhận trọng thưởng. Tuy vậy, tiểu nhân hồi nhỏ được gặp một vị nhân, học được thuật giáng tiên, đêm nay xin đem hiến, may ra được bà lớn cho một bữa ăn. Cha tôi đồng ý, cho dọn cơm rượu thiết đãi. Trời gần tối người làm trò chọn ba gian nhà trống trong vườn, quét dọn rất sạch sẽ, cửa sổ chỗ nào hở cho vít kín, tường vách chỗ nào long lở cũng trát kín. Cả đến một chỗ hở chỉ bằng chôn kim cũng vít kín hoàn toàn, lại căng màn trướng để bịt

kín cửa, cửa sổ. Sau khi lên đèn, vẽ một cái cửa ở vách phía Tây, giống như vòng ngọc khuê. Trước cửa đặt một cái bàn thấp chân, Trên đó đặt cái lư hương, đốt hương tử giáng, không ngớt khói. Ngoài ra không có gì khác cả. Chọn hai em bé thông minh nhanh nhẹn, buộc trái đào lại, để chân trần, gọi là Thanh phong, Minh nguyệt. cho hai em đứng quay lưng lại trước cái bàn. Bà nội tôi cùng với mẹ tôi và các cô, các chị em gái, buông rèm ngồi ở gian phía đông. Cha tôi cùng mấy anh em tôi ngồi chỗ ngoài xem, tất tất đều phải nghe theo lệnh người làm trò. Sang canh ba, người làm trò đốt hương vào lò, đốt bùa trên ngọn nến, cho hai em bé cúi thấp xuống nhìn qua hai đùi vào cái cửa vòng ngọc dưới bàn. Hỏi : Thấy cái gì? Trả lời : Mở cửa rồi. Người làm trò ngậm nước phun vào trên vách. Rồi lại hỏi gấp thấy cái gì? Em bé nói : Đang trải tóc, đánh phấn. rồi lại nói đã mặc áo. Người làm trò nói, thế thì có thể ra được rồi. Lại ngậm nước phun ba lần, thì nhác thấy một người con gái đứng sau ban, cao khoảng 5 xích, mặc áo đỏ rực, váy trắng, mặt mũi rất tươi xinh, mỉm cười ra vẻ e lệ. Người làm trò bảo : Bà lớn đang ở đây, phải chào bà lớn. Người con gái vén áo vái hai vái. Người làm trò lại nói : Bà lớn rất tôn quý, sao không bái lạy mà chỉ vái qua loa xong chuyện. Người con gái lấy tay áo che miệng, mỉm cười bất động. Người làm trò cũng cười nói, thấy đông người, xấu hổ rồi. Rồi sai em bé tiến lên, kéo tay áo lôi ra trước bàn. Em bé cố sức kéo, người con

gái cố sức chống lại, dằng co hồi lâu. Người làm trò làm ra vẻ cuống, nói: người ta tu tiên, tính quê mùa, hãy buông ra, tôi sẽ có cách. Em bé buông tay, cô gái lại trở về chỗ cũ. Người làm trò lại phun nước lên vách, bỗng thấy một người con gái bước ra, buông hai búi tóc, trẻ hơn người trước, trông lại xinh tươi hơn, mặc áo xanh nhạt, dưới hông đeo một vòng lá cây, dài hơn một xích, để trần đôi chân mà móng tay móng chân đều dài bốn năm thốn. Đứng song song sái bàn, nhìn cô gái áo đỏ mà cười. Người làm trò nói : Chị cô ở trốn hoang vắng tối tăm lâu ngày, quen thói quê mùa, thấy bà lớn không biết nghi lễ. Cô là người biết lễ phép nhất, có thể bày cho chị cô thi lễ, đừng trái nghi lễ, làm cho ta phải tội lây. Cô gái đẩy cô trước đi vòng ra trước bàn, ấn đầu bắt quì lạy, cử chỉ dịu dàng đẹp đẽ, những người xem đều ngây ra. Lạy xong, lại trở về chỗ cũ. Người làm trò lại phun nước, sau đó biến ẩn đi. Thế là (cha tôi) cho phép thuật người đó là thần, tặng thưởng rất hậu. Hỏi kỹ hai em bé, khi nắm tay áo kéo thì biết có thật là người không. Em bé nói, không biết được có phải là người hay không, nhưng cầm lấy cánh tay, cứ như là nắm phải nắm bông, sức lực lại rất yếu, mới kéo bốn, năm cái đã mồ hôi đầm đìa, thở hổn hển. Nếu người làm trò không bảo buông tay ra thì chỉ kéo vài cái là có thể kéo đến trước mặt bà lớn rồi. Hồi đó, tôi mới 14 tuổi, thế mà đến nay vẫn nhớ như in. Tôi đã từng kể việc đó với người khác, không ai đoán định được. Có người nói đó

là thuật che mắt, không có gì là lạ. Nhưng thuật che mắt thì chỉ có thể che được mắt thôi, không thể nắm bắt được vật thật. Đó là điều không thể hiểu được.

Phân tích tình hình đã miêu tả trong sách, thì đó là dùng thuốc để thôi miên tập thể. Thuốc đó có thể là ngày xưa có sẵn , là "hương mê hồn" chế tạo bằng các thứ cây cỏ có tác dụng ma tuý, gây ra ảo giác. Trong tiểu thuyết võ hiệp truyền thống Trung Quốc, chúng ta thường thấy có những tình tiết như thế này. Bọn gian dâm trộm cắp thường lẻn vào nhà người ta để làm chuyện bạy bạ, thường dùng một cái ống nhỏ thổi vào nhà người ta một thứ hương lạ làm say ngất người ta. Người trong nhà ngửi thấy mùi hương đó, vừa nhắm mắt lại là không biết gì nữa. Đó là do "hương mê hồn" tạo ra.

Tác dụng ma tuý và gây ảo giác của hương mê hồn rất mạnh, chỉ cần thổi vào ai một tí bột hoặc là hun người bằng hương có trộn bột hương mê hồn thì sẽ rất nhanh có ảo giác, bảo nghĩ đến cái gì thì sẽ lập tức thấy cái đó [1], bảo làm cái gì thì ngoan ngoãn làm việc đó, không bao giờ chống lại. Chính vì hương mê hồn có tác dụng gây ảo giác mạnh như vậy, cho nên người làm trò vừa kể mới phải vít kín mọi kẽ hở dù chỉ bằng lỗ trôn kim, lại phải căng màn trướng để che thật kín. Làm thế là cốt để những người tò mò xem bên ngoài khỏi hôn mê.

(1) Ví dụ về việc "lên trời" mà Thẩm Quát đã tận mắt nhìn thấy nói ở phần trên đây, hầu như cũng là dùng hương mê tạo ra ảo giác, bảo nghĩ đến cái gì thì thấy cái đó hiện ra. Có thể giải thích bằng việc này, không phải là thật sự lên trời

Hiện tượng thôi miên tập thể để tạo ảo giác có rất nhiều ở nước ngoài. Cuối thế kỷ 19, vương triều Rômannốp ở nước Nga sắp đến ngày tận thế, giáo phái Ma ri Oan ra đời, giáo chủ Maluêvani là một người có hiểu biết, các tín đồ bị hấp dẫn bởi tính thần bí của ông mà trúng mê, có người đã nổi chứng co giật như Itstêri, có người mất lý trí quất đánh chính mình. Họ tập thể đi vào trạng thái mê sảng hoảng hốt. Khi bị xã hội lên án, thậm chí đã có những vụ tự sát tập thể. Những người dự cái lễ hội giáng thần Âu Mỹ đều thừa nhận họ đã thấy các vong linh. Nói tập thể nhìn thấy vong linh, trên thực tế là tập thể bị thôi miên mà nảy sinh ảo giác, "thực ra là chỉ thấy được hình ảnh của tinh thần trong tâm, trong mắt mà thôi".

Cái gọi là lên trời, thực chất cũng chỉ là dùng thuốc thôi miên mà tạo ra ảo giác và ảo ảnh. Đó là kết luận của nhiều cuộc nghiên cứu về thuật thăng thiên của nhiều học giả nước ngoài. Những nghiên cứu của các học giả cho thấy, trên thế giới không đâu có thuật thăng thiên thật sự. Tục thăng thiên hoàn toàn là do các nhà tôn giáo và các thầy mo phịa ra. Cái mà thầy mo gọi là "phi hành", thực tế chỉ là qua ý niệm và thuốc tạo ra ảo giác mà cảm thấy được trên trời gặp gỡ các thần linh, còn có thể người đó không thể bay khỏi mặt đất được. Lên trời xuống đất chỉ là những tư thế tưởng tượng nhờ nghi thức phép thuật, còn thân xác của họ đâu có lìa khỏi mặt đất ! Ví dụ, các thầy mo đạo Tát mãn ở Altoá chỉ

định một cây bạch hoa, trên đó khắc nhiều dấu ấn, mỗi một khắc dấu như vậy chỉ một tầng trời. Thầy mo làm phép rồi dẫm chân lên một cái dấu nào đó rồi nói ông ta đã lên đến tầng trời thứ mấy. Các thầy mo người Ya - cút và người Tec gan dùng lá cây tạo ra dáng như mây, ngồi lên trên đó, làm ra vẻ từ từ bay lên cao. Vừa làm như vậy , họ vừa nói với những người có mặt ở đó rằng ông ta đang ngồi trên lớp mây đó để bay lên trời. Các thầy mo ở đại lục châu Âu đã phổ biến sử dụng loại thuốc mỡ và dầu cao thực vật chứa a - trô - pin tạo ra ảo giác. Những loại cây cỏ này gồm có cỏ man tơ la, các loại cỏ độc loại lang đăng, độc hồi, long quì, các cây độc họ cà, hoa mạn đà la v.v... các loại cây cỏ này có loại kiềm sinh vật rất mạnh. Đặc điểm nổi bật nhất của Atrôpin là được hấp thụ qua lớp da lành lặn. Trước khi cưỡi lên cái cán chổi để " bay", các thầy mo dùng dầu cao bôi vào mình, lúc đó là "từ từ cất bước, rồi bay bổng như ý muốn", nhưng thực ra là họ ngủ tít, khi được gọi dậy cứ khăng khăng nói là họ đã bay đi rất xa trở về. Một số thầy mo người Anh điêng cũng dùng thuốc tạo ảo giác mà "bay khắp trời nam biển bắc". Khi thuốc đã có tác dụng, họ sẽ có cảm giác điên cuồng, hai chân nhẹ bổng, phình to lên, như si như say, phơi phới bay lên. Về tục thăng thiên, từ đời Minh ở nước ta đã có người biết rõ chân tơ kẽ tóc. Sách "Tịnh tà kỷ thực" viết : "Cuối đời Minh, người ta đua nhau tập đạo Thiên chúa, chỉ có quan thập di Ngô Tiện Qui không bị mê hoặc.

Những người theo đạo đem thuật thăng thiên để lừa ông. Ông nói : Tôi phải trải qua việc đó thì mới tin. Một buổi tối giáo chủ mời ông đi chơi cung trăng. Ông đi theo. Vừa mới ra khỏi cửa, cảm thấy cứ như cưỡi gió mà đi, lát sau đến một nơi, thấy có lầu son gác tía, đàn sáo tưng bừng, thật đúng là cảnh chưa từng có ở nhân gian. Một hồi lâu sau, giáo chủ thúc về. Ông Ngô không chịu. Bỗng nghe từ không trung có tiếng gọi, nói mày cũng muốn tin vào ma đạo sao. Nhìn kỹ thì ra ông bố đã qua đời. Thế là giật mình ngã sấp xuống, thấy mình nằm trên ngọn cây như mê như tỉnh. Giáo chủ thì không thấy đâu nữa. Ông Ngô biết rằng đó chỉ là ảo giác, đã viết bài" Phủ tà thuật" ghi lại việc đó. "Cái tục thăng thiên", "Hồng đăng chiếu" đã nói trên là một kiểu "Tì pháp môn" trong ảo thuật truyền thống, tục gọi là "phiến hí", tức là lợi dụng bóng đêm để che đậy, dùng sợi dây màu đen kéo người thiếu nữ lên không trung, dùng ánh đèn đỏ lúc ẩn lúc hiện như quay múa trên không. Các học giả ngày nay của nước ta, đương nhiên càng không thể nào tin cái gọi là "thuật thăng thiên", họ cho rằng, cái gọi là "phép cưỡi hài" (1), phần lớn là thuật thần du của Đạo giáo.

Thực chất của cái gọi là thần ban cho những năng lực kỳ lạ, cũng chỉ là những ảo giác, ảo ảnh đã được tạo ra bằng sức người (thôi miên, khí công, du già, tĩnh

(1) Tức là thuật cưỡi lên vật gì mà bay. "Hài " tức là giầy, cũng muốn nói đi nhanh.

toạ, toạ thiền...) mà tuyệt đối không phải là do thần sai qui khiến. Cái cảm giác " thần dậy cho" mà các nhà khí công và những người có năng lực đặc dị nói, có thể xuất hiện trong khi tập khí công, du già. Trong quá trình thôi miên hoặc cầu thần nhập xác thì khỏi phải nói, ngay trong việc tập khí công, khi người tập đi vào trạng thái nhập tĩnh cao độ, thì họ thường có một thể nghiệm tâm lý hết sức lạ, họ cảm thấy như mình đang phơi phới bay trên không, như trông thấy được "Phật Như Lai" "Quan Thế Âm", "Thái Thượng lão quân" , "Ông già râu trắng" ... vì có người luyện công thiếu kiến thức, cứ tưởng họ đã tìm ra được bí mật của việc luyện công, có người cho rằng mình đã trộm biết được thiên cơ, đã đắc đạo. Nhiều học giả cho rằng, những thể nghiệm tâm lý đặc biệt này là do người luyện công đã khơi dậy được sức mạnh ý niệm trong tầng sâu ý thức của mình, khi đi vào trạng thái của mình mà cảm thấy một trạng thái mông lung như có như không. Thực nghiệm chứng minh rằng ; khi ở trong trạng thái khí công, hoạt động trình tự của lớp vỏ đại não tăng cường rất mạnh, tạo cơ sở sinh lý cho sự thể nghiệm tâm lý đặc thù. Dưới góc độ tâm lý học, sự sản sinh những thể nghiệm tâm lý đặc thù này còn có một cơ sở vật chất nhất định. Điều này biểu hiện ở chỗ những thể nghiệm tâm lý đặc thù ấy là thể hiện cụ

thể phương thức hoạt động của đại não dưới ý thức đặc thù của trạng thái khi công, là công năng của đại não, cũng là kết quả tất nhiên của hoạt động tự thân của đại não [1]. Do đó, qui những thể nghiệm tâm lý đặc thù nói trên cho sự tồn tại của linh hồn và coi việc có những công năng đặc dị là nhờ sự có thần linh, là cái gì siêu tự nhiên là hoàn toàn không có căn cứ.

## BÍ MẬT CỦA THÂY CHẾT ĐI ĐƯỢC

Cái "thây chết đi" nói trong mục "thây chết đi" của chương 2 sách này, quyết không phải là thây chết thật, mà là người chết giả hoặc ngất lịm. Nếu không dù người đưa thây có bản lĩnh đến đâu cũng quyết không thể làm cho người chết trong quan tài, càng không thể làm cho người chết trong quan tài sống lại, càng không thể nói gì đến việc xua đuổi thây chết chạy hết nơi này đến nơi khác.

Bí mật của thây chết đi được là ở chỗ, người làm phép chuẩn bị sẵn một thứ thuốc có thể làm người ta chết giả. Loại thuốc đó khi bôi vào thân người hoặc cho người ăn, thì có thể qua miệng, hoặc da, làm cho thuốc phát huy tác dụng của nó trong cơ thể người, khiến người ta tim đập chậm lại, huyết áp tụt xuống, thở yếu, chân tay tê dại và thần trí mê sảng. Thế là chết giả bị coi

(1) Xem "Bí mật của khí công và công năng đặc dị "của Tử Tài Chương, Nguỵ Bình, Trương Nghĩa Tân. NXB Đại lục Sơn Đông, 1990, trang 239 - 241.

là chết thật, cho vào quan tài chôn xuống đất. Đương nhiên quan tài và mộ không được vít thật kín, mà phải để chỗ thông hơi. Nếu không thể người chết giả sẽ chết thật. Sau khi quật mộ đưa người chết giả ra. Người làm phép dùng thuốc giải, giải thoát người chết giả,làm cho nó sống lại. Muốn đưa những người này làm thây chết đi, thì trước hết phải cứu sống lại đã, sau đó bôi thuốc tạo ra ảo giác, khiến người đó nhất thời mất trí nhớ, thần trí mê sảng, không thể có biểu hiện tình cảm gì. Nó loạng choạng bước đi, nghe người làm phép chỉ huy mà không thể nói năng gì được. Những người không biết rõ sự thật cứ tưởng là hồn ma ám vào,mượn xác hoàn hồn.

Thế thì, tại sao phải cho thây chết đi? Mục đích của việc này là những tay buôn lậu hoặc tham quan ô lại thời xưa muốn đưa vàng hoặc thuốc phiện lậu vào nội địa. Để bịt mắt người vào cửa khẩu, họ đưa thây chết từ quan tài, từ huyệt mộ dậy, xua nó đi để doạ bịp quan lại, đưa vàng hoặc thuốc phiện lậu vào cửa khẩu.

Những chuyện "mượn xác hoàn hồn", "thây chết đi" bữa này không chỉ có ở nước ta. Nó rất thịnh hành hiện nay ở Ha.i.ti trong quần đảo Tây Ấn và phía nam nước Mỹ, trong những người da đen. Mà cái trò mược xác hoàn hồn hoặc thây chết đi ở những địa phương này là khởi nguồn từ tôn giáo bản địa Tây Ph.i đạo Vu đu. Những người đem theo đạo Vu đu này bị bọn thực

dân bắt đưa đến châu Mỹ và họ đã truyền loại tà thuật ấy vào châu Mỹ.

"Vu đu" tiếng Y - Uây là Vu du, nguyên có nghĩa là "tinh linh". Đạo vu đụ sùng bái tinh linh và vu thuật. Cái tinh linh mà họ sùng bái nhất là thần rắn, vì vậy, khi tế lễ, họ múa rắn. Cái vu thuật mà họ mê tín nhất là thuật hoàn hồn cho thây chết.

Mấy năm trước, nhà thực vật Đa - vit đang học tiến sĩ ở khoa sinh trường đại học Ha - phít - Mỹ từng đến Ha - i - ti để khảo sát và nghiên cứu loại tà thuật này. Ông thấy một cảnh như sau ở một vùng lạc hậu thuộc Ha - i - ti: Thầy mo đưa đến một thứ thuốc tự chế, cho vào cơm và cho một người khoẻ mạnh ăn. Ăn xong người đó trúng độc, nôn oẹ rồi dần dần khó thở, và chẳng bao lâu mê sảng rồi "chết". Sau khi người đó "chết" thầy mo cho người đặt vào quan tài, đem chôn phía sau núi. Đến tối, thầy mo lại cho người đào mộ, đưa người đó ra, đổ thuốc vào, làm cho người đó sống lại. Vị học giả thế là hỏi thầy mo về việc "chết" rồi lại sống lại kia, nhưng thày mo nhất định không chịu nói ra cái bí mật đó. Về sau vị học giả đã dùng nhiều tiền mua chuộc một thầy mo khác. Thấy tiền, ông thầy mo sáng mắt ra, đồng ý bào chế cho vị học giả một liều thuốc như vậy, nhưng từ chối không chịu cung cấp công thức. Qua sự phân tích nghiên cứu sau đó của vị học giả, cái loại thuốc làm "chết

người" kia là một loại thuốc ma tuý rất độc - độc tố hà đồn -, nó được chết xuất từ loại cá biển hà đồn rất độc, nhất là nội tạng của cá rất độc, nó có thể làm yếu công năng của đại não và quá trình trao đổi vật chất của đại não, làm cho người cũng như một số động vật rơi vào trạng thái ngủ đông và đưa đến cảm giác giống như chết thật. Trong loại thuốc này còn có độc tố chiết xuất từ con cóc, có thể làm cho người ta có ảo giác, lại còn một thành phần ảnh hưởng đến công năng của tim và hệ thần kinh.

Còn thuốc hồi sinh, về sau vị học giả khảo sát và nghiên cứu, biết rằng : sau khi cái "thây được hoàn hồn" kia tỉnh lại, thầy mo buộc ông ta uống thứ thuốc cao do sơn dược và chất mạn đà la có tác dụng tạo ra ảo giác mạnh, thế là người đó ở trong trạng thái trúng độc, chìm đắm trong mê sảng, để cho người khác điều khiển. Sơn dược có tác dụng trung hoà làm chậm loại độc tố có thể làm người ta chết.

## BÍ MẬT CHỮA BỆNH CỦA THẦY MO.

Những người sinh trưởng ở nông thôn, nhiều người biết rằng, có người bị bệnh, vào bệnh viện chữa đủ cách không khỏi, thế mà thầy mo lại chữa được.

Vì sao thầy mo chữa được bệnh? Có ba nguyên nhân:

Một là, một số thầy mo sau khi cầu thần nhập xác, có năng lực đặc dị chữa được bệnh.

Hai là, một số thầy mo bản thân có năng lực đặc dị, là người có năng lực đặc dị. Hai loại thầy mo này chữa được bệnh, không có gì là lạ. Nhưng họ buôn thần bán thánh, làm ra vẻ điên dại, ngu ngốc, múa chân múa tay, cầu thần niệm chú, cốt để bịp người thật đáng ghét.

Ba là, thầy mo dùng phương pháp ám thị để chữa bệnh. Đây là cách chính mà thầy mo đã dùng để chữa bệnh.

Trên đây chúng tôi đã nói ám thị hoặc tự ám thị có thể làm cho cơ năng của người mất thăng bằng. Trái lại , dùng cách ám thị tương ứng hoặc tự ám thị có thể khôi phục cơ năng bình thường của người. Như trên đã nói, các khí quan khác của người chịu sự chi phối của đại não trong khi sự ám thị tốt có thể làm cho sự chi phối của đại não được phát huy, làm cho sự trao đổi năng lượng đã bị rối loạn có thể trở lại bình thường. Chính vì vậy, những ám thị tốt rất có lợi cho sự chữa bệnh. Chính là dựa trên cơ sở khoa học đó mà người ta sáng tạo ra tâm lý liệu pháp. Một số thầy thuốc giỏi dùng ám thị hoặc tự ám thị đã dùng tâm lý liệu pháp chữa khỏi bệnh tâm thần hoặc thần kinh. Ví dụ chuyên gia tâm lý liệu pháp nổi tiếng của Liên Xô cũ Pê - khi - xê - lép đã dùng tâm lý liệu pháp chữa khỏi bệnh cho nhiều người. Có một người bệnh, do một cơn bệnh tinh thần mà bị bại liệt suốt 9 tháng liền không thể đi lại được, nằm trong bệnh viện đã một tháng rưỡi. Pê - khơ

- xê - lép và các trợ thủ của ông đã thôi miên bệnh nhân sau đó dùng ám thị bảo anh ta đứng dậy, và dắt tay anh ta đi một vòng trong phòng bệnh, nói với anh ta rằng chứng bại liệt đã khỏi rồi. Chờ khi bệnh nhân qua khỏi trạng thái thôi miên, những người có mặt kinh ngạc thấy rằng anh ta đã thật sự vui vẻ tự mình đi về phòng bệnh. Tiếp sau đó Pê - khơ - xê - lép lại dùng cách ám thị khi người bệnh ở trạng thái tỉnh táo, ám thị anh ta rằng bệnh tinh thần gây ra động kinh đã tiệt nọc, và quả nhiên anh ta khỏi hẳn bệnh. Một bệnh nhân nữ, một cánh tay bị co giật, không thể nào chữa khỏi bằng các cách chữa thông thường. Pê - khơ - xê - lép đã dùng thôi miên làm duỗi thẳng cánh tay mình cho mọi người thấy. Ở đây, nhân tố tinh thần đã có tác dụng đối với sinh lý của người.

Cách chữa bệnh bằng khí công đang thịnh hành ở nước ta hiện nay, cũng bao hàm những thành phần của cách chữa bằng ám thị tâm lý, chữa bệnh bằng tâm lý. Cách chữa khí công coi trọng việc điều thần, coi trọng bình tâm tĩnh khí, vứt bỏ ý niệm vu vơ, làm cho tâm tình vui vẻ, nhằm đảm bảo trạng thái tâm lý bình thường và lấy việc ám thị hoặc tự ám thị tốt. Những người luyện công, cần phải giữ lòng tin kiên định đối với tác dụng chữa khỏi bệnh, làm khoẻ người của một công pháp nào đó. Tin thì linh, thành tâm thì linh. Trong luyện công, dùng một động tác nào đó và huyệt vị nào đó mà bài tiết bệnh khí ra ngoài, hoặc vận khí đến vùng bệnh, dùng

khí xung vùng bệnh v.v.. Những ám thị tốt ấy và những tự ám thị tốt ấy đã làm giảm hoặc chữa khỏi không ít những bệnh khó chữa.

Bí mật của tâm lý liệu pháp (ám thị liệu pháp), trên thực tế từ lâu đã được các thầy mo và nhiều người khác biết rõ. Từ bao thế kỷ này, nó đã được lưu truyền nhiều nơi trên thế giới dưới hình thức chữa bệnh bằng vu thuật,ma thuật, thần chú v.v.... Theo sử liệu, năm thứ năm niên liệu Nguyên Thú (năm 118 trước công nguyên), Hán Vũ đế làm bệnh nặng. Thời đó có một thầy mo Thượng quận cầu thần ở Cung Cam Tuyền, truyền đạt lời thần cho thiên tử: "Bệnh sẽ khỏi, không lo...". Vũ đế nghe vậy, rất mừng. Bệnh đã khỏi quá nửa. Khi đến Cam Tuyền cảm tạ thần thì bệnh đã khỏi hẳn. Sử liệu này cho thấy thầy mo đã mượn "lời thần" giải toả áp lực tâm lý và tinh thần của Vũ đế, mà làm khỏi bệnh. Cho uống một viên thuốc giải phiền đó chính là cái lý của tâm lý liệu pháp. Ở châu Phi có bộ lạc "Khổng", đã duùg nghi thức phức tạp để chữa bệnh cho người trong bộ lạc. Nghi thức đó bao gồm hát vu ca và nhảy múa, đưa phần lớn thành viên bộ lạc vào trạng thái thay đổi ý thức. Người ta nói rằng nghi thức này đã làm sống dậy một "năng lượng chữa bệnh. Những người duy linh chủ nghĩa ở Bơ - ra - xin cũng dùng vu ca, âm nhạc và vũ đạo để chữa bệnh. Họ cho rằng, trong trường hợp đó, thực thể linh hồn sẽ "hoà nhập vào" người chữa bệnh, nhờ đó mà làm

cho những thành viên đang bị bệnh tật dày vò trong cộng đồng khôi phục được sức khoẻ. Cả hai hình thức chữa bệnh vừa nói trên thực tế đều là tâm lý liệu pháp.

Tâm lý liệu pháp là đặc điểm chung của cách chữa bệnh nhiều tôn giáo. ở nước ta, chủ trương "thượng chương thú quá"(1) tức là tự sám hối, nó cũng như phù chú, có tác dụng như tâm lý liệu pháp kiểu vu thuật. Nếu một người ốm lâu, thuốc thang châm chi không khỏi, dùng bùa ngải cũng vô hiệu, thế thì chỉ còn cách sám hối kiểu tôn giáo là tốt nhất, nó có thể làm cho người bệnh trút bỏ được tâm lý có tội, nhờ vậy mà được nhẹ nhõm khoẻ mạnh. Cách làm "dâng tờ thú tội" này đòi hỏi người bệnh tìm nguyên nhân bệnh tật từ phía tội lỗi của mình, xin thần minh tha thứ. Cách làm này được đạo thiên sư sử dụng phổ biến. Việc kiểm thảo lỗi lầm phải bắt đầu từ 7 tuổi là khi đã bắt đầu có ý thức, những lỗi lầm có ý thức cũng như là làm điều ác, do đó trời phạt tội mà ốm đau. Làm vậy không hoàn toàn vô lý. Một người, vốn có mặc cả tâm lý là mình có tội thì gánh nặng tâm lý đó sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ, lâu dần thành bệnh. Sám hối rồi sẽ như được giải thoát. Điều này cũng giống như cách sám hối của Đạo Thiên chúa (2). ở Ấn Độ từ xưa cũng có cách chữa bệnh tôn giáo đại loại như thế. Đạo Phật, đạo Ấn Độ coi những mê loạn tâm trí là phiền não, và cho rằng chữa thần trí mê

(1). "Thượng chương thú quá" nghĩa là dâng tờ thú tội - ND

((2) "Sinh tử - hưởng lạc - tự do" của Triệu Hiền Thanh. Lưu Minh Thoa. Trương lập Vĩ. NXB Văn hoá Quốc tế. 12 - 1988. trang 184

loạn thì phải chữa những phiền não của tâm. Nhà tâm lý học Mỹ A. Water nói : "Các tôn giáo châu Á, vô luận là đạo Phật, đạo Ấn Độ hay đạo giáo đều có thể nói là tâm lý liệu pháp"

Đương nhiên, các thầy mo, các tôn giáo dùng tâm lý liệu pháp chữa khỏi bệnh cho người là nhờ công liệu của ám thị, nhưng không chỉ có thế, hiệu quả chữa bệnh còn do sự mê tín, sùng bái của bệnh nhân đối với quỉ thần, với vu thuật và các thầy mo, nhà tu hành. Về điểm này, có thể lấy kinh nghiệm của giáo sư Trần Vinh Tường, người Hoa ở Ốt - trây - lia để nói rõ. Năm 1985, giáo sư Trần Vinh Tường về nước giảng dạy, đã kể lại câu chuyện như sau : Ở trong bệnh viện của ông có một bệnh nhân, ông đã dùng nhiều cách , kể cả dùng ám thị, mà bệnh vẫn không có dấu hiệu thuyên giảm rõ rệt. Vì vậy người nhà bệnh nhân xin đưa bệnh nhân về nhà để chữa bằng vu thuật, giáo sư Trần đã ghi lại quá trình chữa trị của thầy mo. Thấy rằng, ngoài những cách chữa bằng vu thuật dân gian ra, thầy mo không có cách gì khác, thế mà bệnh chuyển biến tốt. Qua quan sát tiếp, giáo sư Trần phát hiện ra rằng bệnh nhân rất sùng bái thầy mo rất tin tưởng thầy mo. Thầy mo nói ma quỉ đã bị đuổi đi, thế là bệnh khỏi. Kết quả này đương nhiên không phải do tài chữa bệnh của thầy mo, mà là do thầy mo đã dùng được ảnh hưởng quyền uy của thần linh và

của chính mình, lại do lòng tin của bệnh nhân đối với thần linh và thầy mo đã nâng cao hiệu quả chữa trị tâm lý. Từ sự sùng bái vu thuật của bệnh nhân, có thể thấy vu thuật đã tăng thêm lòng tự tin cho bệnh nhân (mặc dù sự tự tin này là mù quáng) làm cho người bệnh lạc quan và tin tưởng. Đây thực sự là một sự ám thị rất tốt. Ám thị tốt này thúc đẩy sự điều chỉnh trạng thái tâm lý bệnh tật theo hướng khoẻ mạnh. Đúng như Ma - li - nôp - sky đã nói: Nếu anh đem toàn lực để duy trì lòng tin vào thắng lợi, tức là nếu anh tin ở giá trị của vu thuật, thì anh sẽ dũng cảm tiến lên. Nếu khi ốm đau có thể dựa được vào vu thuật mà lại tin rằng anh sẽ khoẻ mạnh trở lại, thì có thể anh sẽ cơ thể khoẻ mạnh hơn... Nói "tin thì linh" chính là như vậy. "Tin thì linh" bản thân nó đã là một sự ám thị tâm lí, một sự huy động sức mạnh tâm lý.

Nhìn từ góc độ ám thị, quyền uy là một cách ám thị quan trọng. Quyền uy tức là cảm giác tín nhiệm đối với một cơ cấu, một người, một quan niệm nào đó sau khi đã kinh qua khảo nghiệm. Người ta có thể tự giác hay không tự giác, trực tiếp hoặc gián tiếp cho rằng lời nói, việc làm quyền uy là đáng tin cậy, rất dễ dàng chấp nhận, tiếp thụ hoàn toàn không cần phân tích. Trong những người mê tín quỉ thần bản thân thầy mo đã có tác dụng ám thị mang tính quyền uy. Đây không chỉ là

vì thầy mo biết cách làm thế nào để người ta tin tưởng vào mình trong quá trình chữa trị, mình có tài cầu nhập xác siêu tự nhiên, lại vì thầy mo đã từng thật sự chữa khỏi bệnh cho người. Thày mo đã là sứ giả của quỉ thần, thế thì ý thần mà truyền đạt cho bệnh nhân, càng có quyền uy không thể nghi ngờ được. Do đó mà, "chỉ cần người trong xã hội tin thầy mo là thần thông quảng đại. Nếu thầy mo mượn uy tín của mình và cùng tâm lý sùng bái kính nể của người khác đối với mình, thì thầy mo sẽ có quyền uy, lấy đó để chi phối tín đồ, thì điều đó không có gì là kỳ lạ cả" (1). Một số thầy mo đã dùng tàn nhang , bột mì, hoặc một số những vật khác vốn không có tác dụng dược lý gì mà có thể chữa một số bệnh, đó chính là tác dụng của tâm lý mê tín, của những ám thị quyền uy. Các thầy mo khoe rằng họ có thể tiêu trừ tai hoạ, bệnh tật, là thần tiên tượng đế toàn năng, điều đó làm cho trong lòng những bệnh nhân mê tín, sùng bái quỉ thần không còn lo lắng sợ hãi nữa, tinh thần của họ được an ủi, có chỗ dựa, do đó mà tin rằng bệnh sẽ được chữa khỏi. Và chính điều này đã tăng thêm khả năng chữa được bệnh. Có người đã từng chứng kiến chuyện "nước thần Bê - tuyn", câu chuyện xảy ra ở một vùng nông thôn hẻo lánh. Do ngu muội mê tín hàng trăm hàng ngàn người đã đua nhau đi lấy "nước thần Bê -

(1) Phất lợi dịch : "Kim chi"

tuyn" về uống. Qua điều tra, một số người bệnh đã có chuyển biến tốt nhờ dùng thứ "nước thần đó" : "ăn uống khá hơn, đỡ hồi hộp, ngủ tốt hơn" v.v... [1] ám thị quyền uy đã có sức mạnh thần kỳ đến thế.

Trên đây là những bí mật chủ yếu của việc thầy mo chữa khỏi bệnh.

## ĐIỀU KHÓ HIỂU VỀ IT - TÊ - RI LÂY LAN

Hiện tượng It - stê - ri lây lan đã từng xảy ra nhiều làn ở trong nước ngoài nước thời xưa và thời nay. Dịch It - stê - ri được ghi lại sớm nhất trong lịch sử là "Nạn dịch khiêu vũ" ở nước Italia thời trung cổ, nhất là vào mùa hè, không phải là tết nhất lễ lạt gì, thế mà người ta ồ ạt đổ xô ra đường, nhảy múa cuồng nhiệt cho đến khi kiệt sức, mệt lả. It - stê - ri có tên khoa học là "bệnh cuồng" (ý bệnh) nó là một chứng bệnh tinh thần, nhưng ở những vùng văn hoá lạc hậu, người ta gọi là do quỉ ám. Ví dụ, khoảng năm 1919, ở Pa - pu - a đã phát sinh "Bệnh dịch" It - stê - ri lây lan mà người ta gọi là "sùng bái Uy la la"; Những người mắc chứng bệnh này, phần lớn đều thấy váng đầu hoa mắt, mỏi mệt rã rời. Đi đứng loạng choạng. Khi bệnh phát sinh có người bước nhanh mấy bước rồi đứng lại miệng lắp bắp nói những câu không ai hiểu là gì, rồi đầu lắc qua lắc lại, cả phần trên của cơ thể cũng lắc lư, hai chân thì vẫn bám chắc vào

(1) Lý chí An Điền Nhạ hoa : Bước đầu tìm hiểu ám thị liệu pháp và y học tâm lý

mặt đất. Một số người khác, bước nhanh mấy bước rồi đứng lại, hai tay chống nạnh, lúng búng nói những lời không ai hiểu là gì, đầu lắc trái lắc phải, thân mình cũng lắc lư. Tình trạng đó kéo dài khoảng một phút. Chứng bệnh này, ở địa phương coi là bị ma ám. Những hiện tượng đại loại như vậy cũng đã từng xảy ra ở một số vùng khác, ngay cả ngày nay cũng vậy. Ngày 11 tháng 11 năm 1978, một đội sản xuất nọ ở tỉnh Sơn Tây có hơn 30 xã viên lên núi trồng cây, trong khi giải lao một cô gái bỗng cảm thấy mặt nóng bừng, mồm miệng tê dại, tiếp đó là nói lảm nhảm, khóc rồi lại cười, ôm đầu chạy vung lên. Những xã viên có mặt tại chỗ lúc đó rất lấy làm lạ trước hiện tượng đó, bàn tán rằng có lẽ họ đã làm "kinh động thần núi". Ngày hôm sau lại có hai người nữa. Những ngày tiếp theo ngày nào cũng có mấy người như vậy, vừa khóc vừa cười, nói năng lảm nhảm, có ngày có đến 24 người bị. Cả làng sợ hãi. Vì sau một đội y tế của bệnh viện tinh thần Thái Nguyên được phái đến mới dập tắt được nạn dịch.

Một khối lớp ba trường tiểu học nọ ở huyện Cao tỉnh Giang Tô, chỉ một ngày sau khi xem một bộ phim rùng rợn có đến 33 học sinh bị bệnh, có em mù mắt, có em điếc tai, có em hai mắt nhắm nghiền mà không nói năng gì, có người cứng đờ như khúc gỗ, có em chạy vung lên, có em vượt tường leo lên mái nhà, liền hai tuần lễ rung động toàn trường, nhà trường không thể không ngừng học, cho học sinh sơ tán về nhà.

Những cơn dịch It - stê - ri đương nhiên không phải là do ma ám, mà chỉ là một chứng bệnh tinh thần lây lan thành dịch, trong một thời gian ngắn, do "sự truyền nhiễm tâm lý" mà người này lan sang người khác, nối nhau thành một bệnh dịch tinh thần. Nó thường phát sinh ở những vùng văn hoá lạc hậu xa xôi hẻo lánh. Cái cơ lý lây lan hiện tượng It - stê - ri là bị ám thị cái nhân tố tâm lý đặc biệt vốn có của người ta. Khi bị ám thị người ta thường mất đi cái cảm giác có tính độc lập, mà bắt chước người khác nảy sinh sự lây lan đặc biệt. Lo sự lây lan cho nhau người ta thường có chung một tình trạng tâm lý giống nhau và dùng ánh mắt, động tác tay chân, nhịp thở v.v.. để truyền cho nhau cái cảm giác tâm lý chung ấy và nhận được những thông tin ở mức độ gọi là chuẩn cảm giác (tức là ấn tượng khi chưa đạt đến mức độ cảm biết). Sở dĩ chịu ám thị mà có cái năng lượng như vậy là vì nó có tác dụng vật lý rất mạnh . Điều này đã được bàn đến trong mục thứ hai, tiết thứ hai chương trên" Ám thị - Cơ sở tâm lý và cơ sở vật lý của thôi miên" Liên hệ với nội dung mục đó, chúng ta sẽ thấy được bản chất của hiện tượng It - stê - ri lây lan và cơ lý của nó.

## NGƯỜI BỊ THÔI MIÊN TRONG TRẠNG THÁI THÔI MIÊN SÂU" VÌ SAO "KHÔNG HỌC MÀ BIẾT".

Người bị thôi miên ở trạng thái thôi miên sâu sở dĩ "không học mà biết" là vì hai nguyên nhân. Thứ nhất

đó có thể là kết quả những thông tin mà cơ thể con người đã tiếp nhận trong hoàn cảnh tự nhiên qua hàng triệu năm tiến hoá và tích trữ loại, được giải phóng trong những điều kiện nhất định. Trạng thái thôi miên là một điều kiện để những thông tin nguyên thuỷ được phát ra. Theo quan điểm toàn tức luận sinh vật, sinh vật là một hệ thống lớn do nhiều hệ thống nhỏ tương đối độc lập hợp thành, giữa các hệ thống lớn nhỏ có quan hệ đối ứng toàn tức (thông tin đầy đủ), tức là : bất cứ một bộ phận tương đối độc lập nào của cơ thể sinh vật đều chứa đựng đầy đủ toàn bộ thông tin của cả cơ thể, là sự thu nhỏ theo tỷ lệ của toàn thể. Kết cấu và đơn vị công năng nhỏ nhất của sinh vật là tế bào, cũng là một tiểu hệ thống, trong đó vật chất di truyền DNA cũng chứa đựng đầy đủ thông tin toàn bộ của cơ thể sinh vật. Đồng thời, có thể sinh vật không những có đặc trưng thông tin không gian đầy đủ, mà trong động vật cao cấp còn có đặc trưng thông tin thời gian đầy đủ. Lịch sử phát triển phôi thai của người là hình ảnh thu nhỏ của lịch sử hàng tỷ năm từ khi có đơn bào sinh vật đầu tiên cho đến khi con người xuất hiện. Do đó, trong cơ thể con người được bảo tồn toàn bộ thông tin đầy đủ của tác dụng tương hỗ giữa con người với hoàn cảnh chung quanh trong

suốt quá trình tiến hoá [1]. Nhưng con người đã là một đơn vị tiếp nhận, ghi chép và tích trữ thông tin , đồng thời lại là một đơn vị phát thông tin [2]. Khi ở trong trạng thái thôi miên sâu, do sự nhập tĩnh cao độ, người ta có thể có sự điều hoà, thống nhất cao độ giữa thân và tâm lúc đó , những thông tin vũ trụ đã thu nhập trong quá trình tiến hoá của nhân loại được giữ lại trong đại não sẽ được phát ra, tạo ra hiện tượng "không học cũng biết" đặc biệt kia[3]. Hiện tượng người " Vũ tiên đồng" không học mà biết múa mà côn đánh quyền là như vậy.

Thứ hai là, trạng thái thôi miên, có thể thức tỉnh tiềm ý thức. Trong trạng thái thôi miên lớp vỏ đại não ở trong trạng thái nội ức chế tương đối, làm mở toang cánh cửa tiềm ý thức, lúc đó mọi ký ức nguyên thuỷ đều hoạt động. Chính vì như vậy, một số nghệ nhân dân gian của dân tộc Tạng khi ở trạng thái thần nhập xác (thôi miên) mới có thể hát "Cách tát nhĩ vương", những người "tố miêu gia đạo" bình thường không biết hát, khi đã trở thành "miêu gia đạo" (tức là đi vào trạng thái thôi miên). Rất giỏi hát. Tất cả là do kết quả của việc tiềm ý thức được thức tỉnh. Về vấn đề này, đồng chí Phan Định Trí đã phân tích rất thấu triệt trong bài "Sùng bái

(1) Cho đến nay, con người vẫn ở trong quá trình không ngừng tiến hoá

(2) Đương nhiên bao gồm cả tiềm ý thức phát sinh qua tác dụng tương hỗ giữa cơ thể người với hoàn cảnh chung quanh

(3) Xem thêm "bí mật của khí công và công năng đặc dị" trang 255

cốc thần của người Miêu Đan Trại". Có thể dẫn lại ở đây một đoạn. Trong bài viết, tác giả cho rằng : Người "tố miêu gia đạo" từ bé sống trong môi trường văn hoá dân gian sùng bái cốc thần, sùng bái linh hồn, quan niệm thần linh nhiều lần tiềm nhập vào ý thức của người, mặt khác, những sự vật ngoại giới ngày ngày kích thích vào cảm quan, tạo ra sự hưng phấn của đại não, hình thành hoạt động tâm lý lớp ngoài , nó lại dồn nén quan niệm thần linh vào tầng sâu ý thức tạo thành tiềm ý thức . Tiềm ý thức đó chỉ hiện ra trong điều kiện nhất định, trong hoàn cảnh văn hoá dân gian và hoạt động dân gian đặc định nào đó, tạo ra hình chiếu tâm linh. Người không tin quỉ thần, không thể có tiềm ý thức quỉ thần, cũng không thể tạo ra hình chiếu quỉ thần. Thành tâm thì "thiêng", càng tin quỉ thần, càng dễ nảy sinh hình chiếu quỷ thần. Đứa trẻ mồ côi cả cha mẹ, rất dễ làm "Miêu gia đạo", và một khi đã làm "Miêu gia đạo" thì không dễ gì giải thoát. Đó là thể hiện của tiềm ý thức. Khi làm "Miêu gia đạo", lấy ngón tay nút tai lại, không thể nghe được âm thanh gì khác, mà lại như nghe tiếng nhajc ngựa xuất chinh, lại mơ màng nghe thấy tiếng người dẫn đường hát bài "lên đường". Lúc đó, người khác quạt cho hoặc dùng khói hương xông cho, thế là dần dần hôn mê. Phần lớn vỏ đại não dần dần bị ức chế, yếu đi rồi ngừng hoạt động. Trong mơ màng, hình như vẫn nghe tiếng nhạc ngựa và tiếng hát thúc dục vẫn tiếp tục kích thích. Thế là ý thức tầng sau hưng phấn lên. Trong tình hình

hoàn toàn không còn sự khống chế của lý trí, những ảo ảnh trong tiềm ý thức, hình chiếu tâm linh xuất hiện, thế là hình thành cái gọi là "ma ám", "thần linh nhập xác". Lúc đó, người đó sẽ biết hát như trong giấc mơ (có khi trong giấc mơ người ta soạn được những bài hát), cũng có khi gặp được cả những vong linh. Có học giả phân tích tâm lý cho rằng, sự "ma ám" và ảo ảnh này là tiềm ý thức đời đời truyền lại của chủng tộc, do những gien di truyền trong nhiều đơn vị Men xen (Mende Cian units) tạo ra. Qua việc làm "miêu gia đạo", có thể thấy những gien di truyền này chỉ có thể tạo ra cơ sở hoặc điều kiện tiền đề đẻ ra linh cảm (giỏi hát) và ảo ảnh (gặp vong linh người chết), còn việc thực hiện sự linh cảm hoặc ảo ảnh đó là do hoàn cảnh dân tục hoặc sự từng trải của cá nhân đặc định nào đó quyết định. Chỉ những người sùng bái cốc thần (miên gia đạo) mới có thể làm được "Miêu gia đạo". Những kẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ dễ làm được. Bởi vì họ đã đau buồn lâu dài vì mất cả bố lẫn mẹ, luôn luôn tưởng nhớ bố mẹ và nuôi ảo tưởng có thể xuống âm cung gặp lại bố mẹ. Tâm lý đó bị dồn nén lâu ngày, tạo ra tiềm ý thức. Vì vậy khi làm "miêu gia đạo", có thể xuất hiện ảo ảnh bố mẹ xuất hiện. Sự xuất hiện ảo ảnh đó lại làm cho họ đau buồn hơn, làm cho hoạt động tiềm ý thức kia càng mạnh. Có những trí thức dân tộc Miêu làm "miêu gia đạo" mà không được, chỉ cảm thấy mơ mơ màng màng , như là có người thúc dục xuống "âm phủ", nhưng không thể nào đi

được. Vì sao vậy? Chỉ vì những người đó bình thường vốn không tin quỉ thần, không sùng bái "Miêu gia đạo", không có ước mong xuống "âm phủ" gặp lại bố mẹ. Khi trong trí não không có quỉ thần, thì không có tiềm thức "miêu gia đạo". Tất nhiên sẽ không thể sản sinh được "hình chiếu tâm linh", cũng như người bình thường không thể thấy những ảo ảnh mà con bệnh tâm thần đã thấy vậy.

Tác giả hết sức tán đồng quan điểm của Phan Định Trí về hoạt động tiềm ý thức và "hình chiếu tâm linh" trong hoàn cảnh văn hoá dân tục đặc định (sự sùng bái cốc thần, sùng bái linh hồn). Dùng quan điểm này để giải thích hiện tượng không bình thường "không học mà biết" hát "Cách tát nhĩ vương" của một số nghệ nhân Tây Tạng là có lý. Những nghệ nhân dân gian này từ nhỏ sống trong hoàn cảnh văn hoá khác (Cách tát nhĩ vương), nội dung "Cách tát nhĩ vương" lần này rồi lần khác tiềm nhập vào ý thức của họ. Như ông già Trát Ba và Ngọc Mai đã nói ở một phần trên, họ từ nhỏ vốn được nghe hát "Cách tát nhĩ vương", thậm chí một số hiện vật các quan hệ với Cách tát nhĩ, như di tích cổ, hiện vật cổ, tranh vẽ , tượng đắp... cũng lưu lại trong đầu óc họ những ấn tượng rất sâu sắc. Tất cả những cái đó không thể không nhập vào tầng sâu ý thức của họ mà hình thành tiềm ý thức. Đồng thời, những sự vật ngoại giới thường

ngày kích thích cảm quan, làm lớp vỏ đại não hưng phấn, tạo ra hoạt động tâm lý lớp ngoài, hoạt động tâm lý lớp ngoài lại dồn ép nội dung "Cách tát nhĩ vương" mà họ nghe được vào tầng sâu ý thức, trở thành một thứ tiềm ý thức. Khi nghệ nhân tự giác hoặc không tự giác đi vào trạng thái hôn mê thần nhập xác (tức trạng thôi miên hoặc tự thôi miên), lớp vỏ đại não ở trong trạng thái nội ức chế tương đối làm mở cánh cửa tiền ý thức , tiềm ý thức về nội dung "Cách tát nhĩ vương" sẽ hoạt động thế là sẽ xuất hiện tình hình "không học mà biết" hát "Cách tát nhĩ vương". Qua đây có thể thấy, cái gọi là nghệ nhân dân gian "không học mà biết" hát "Cách tát nhĩ vương", vốn không phải thật sự là "không học mà biết", mà là tiềm ý thức về nội dung "Cách tát nhĩ vương" trong được thức tỉnh dưới trạng thái thôi miên cũng tức là phát huy phi thường ý thức về "Cách tát nhĩ vương" trong trạng thái thôi miên (đương nhiên cũng có tác dụng của gien di truyền nào đó). Nếu không có những điều kiện trên, tuyệt đối không thể có hiện tượng không bình thường "không học mà biết". Xưa nay chưa hề có bất cứ một người nào không biết một tý gì về sử thi "Cách tát nhĩ vương", cũng không ưa thích sử thi đó mà tự nhiên vô cớ bỗng biết hát "Cách tát nhĩ vương". Thực tế là những người diễn xướng "Cách tát nhĩ vương", từ nhỏ

đều yêu thích câu chuyện "Cách tát nhĩ vương", từ nhỏ lại được nghe các nghệ nhân lớp trước diễn xướng "Cách tát Nhĩ vương" lại do những nguyên nhân khác, họ dần dần hát được "Cách tát nhĩ vương". Cũng như giáo sư người Anh R.A Su Thai An đã nói: "Khi nghệ nhân diễn xướng mời thần nhập xác mà đi vào cảnh ảo, tất cả những ảo giác đó là nội dung ký ức của nghệ nhân, cũng là do tất cả những gì mà nghệ nhân đã học được, thu nhận được suốt trong quá trình bôn tẩu ngược xuôi tạo ra cho".

Cùng một lý do như vậy, ngoài những người làm "Miêu gia đạo" và những nghệ nhân diễn xướng sử thi "Cách tát nhĩ vương", tất cả những hiện tượng "không học mà biết" đã nói trên kia đều có thể coi là kết quả sự thức tỉnh của tiềm ý thức trong trạng thái thôi miên. Như người Bằng Tường, Long Châu sống trong môi trường văn hoá ma gà biến sắc, vì quan niệm "ma gà" đi sâu vào trong ý thức một số người, do đó khi mắc bệnh, lên cơn sốt cao, hôn mê bất tỉnh (cũng như đi vào trạng thái thôi miên), tiềm ý thức bị ma gà ám của những người ấy liền hiển hiện ra, thế là họ tự coi mình là ma gà, đương nhiên cũng có những triệu chứng ma gà ốm như đã nói. Còn như những người không học mà nói được tiếng phổ thông, tiếng Choang, tiếng Việt mà lúc bình thường họ không nói được, cũng là những thứ ngôn ngữ thường ngày họ nghe được đi dần vào tầng sâu ý thức

của họ, trở thành tiềm ý thức và khi ở trong trạng thái ma gà ám, tiềm ý thức đó được thả ra.

Đương nhiên, những thông tin vũ trụ mà con người đã nhận được trong quá trình tiến hoá và tiềm ý thức sản sinh nhờ tác dụng tương hỗ giữa cơ thể người với hoàn cảnh chung quanh không phải chỉ được giải phóng trong trạng thái nhập tĩnh cao độ ở trạng thái khí công hoặc trạng thái thôi miên. Trong những điều kiện đặc định không phải là nhập tĩnh, nó cũng có thể được giải phóng. Hiện tượng "học giả thằng ngốc " là như vậy.

Gọi là "học giả thẳng ngốc" là những người vừa là "thằng ngốc" vừa là "học giả". Là "thằng ngốc" vì là trí năng của nó thấp kém hoặc tinh thần phát triển không trọn vẹn mà không phải là thằng ngốc thật sự. Là "học giả" là chỉ trên cơ sở trí năng thấp kém mà lại có tài năng đặc biệt hơn người. Nhưng tài năng này chỉ tồn tại ở một mặt nào đó của trí lực, mà không phải là "học giả" thật sự.

Hiện tượng "học giả thằng ngốc" rất hiếm ở nước ta cũng như ở nước ngoài, nhưng thỉnh thoảng vẫn xuất hiện. Ví dụ như nước Pháp có "học giả thằng ngốc" Phu lơ - ri. Anh ta là một người mù tiên thiên, bị cha mẹ vứt bỏ từ khi còn rất nhỏ và một bệnh viện đã thu dung anh ta. Ở đó, người ta muốn dạy anh ta một số hành chính đáng nào đó, nhưng không có kết quả gì. Nhưng anh ta có thể làm những phép tính rất phức tạp có đến mười mấy hàng số một cách rất chính xác. Anh ta đã

biểu diễn tài năng đặc biệt đó trước các nhà thiên văn học, các nhà kiến trúc và các nhà chủ ngân hàng. Và lần nào cũng vậy, anh đã tìm ra đáp án chỉ trong vài giây đồng hồ.

Năm 1849, ở bang Alapama nước Mỹ có một lãnh chúa tên là Pin - tơn. Nhà ông ta có một nô lệ gái đã sinh ra một thằng con gọi là Tôm - vi gits. Thằng Tôm này cũng có tài năng tương tự như Phulơ -ri, nước Pháp.

Tôm cũng là một người mù và miệng luôn luôn rỏ dãi. Từ nhỏ nó chưa hề được học gì về dương cầm, thế mà nó có thể mò mẫm biểu diễn dường cầm như một nghệ sĩ dương cầm thật sự. Bất cứ người ta biểu diễn nhạc khúc gì, anh ta chỉ cần nghe một lần là có thể diễn lại, cả những chỗ người ta biểu diễn sai, anh ta cũng có thể lặp lại không hề khác đi một tí nào.

Nước ta cũng phát hiện có "học giả thằng ngốc" : M có trình độ phát triển thấp kém về ngôn ngữ, hành vi, tinh thần. Năm 1985, M đã 11 tuổi, mà không nói được một câu nào ra hồn. Năng lực tự lo liệu về sinh hoạt cũng rất kém, mặc quần áo và đại tiểu tiện vẫn phải có người lớn giúp đỡ. Năng lực tư duy trừu tượng và tư duy hình tượng càng cực kỳ thấp kém, một bức tranh giản đơn nhất cũng không hiểu gì. Diễn đạt tinh thần mừng giận, buồn, vui đều không thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ. Thế mà M lại rất giỏi suy ngày tháng, tính nhẩm và trí nhớ con số càng cực giỏi. Nó tính nhẩm

và trí nhớ con số càng cực giỏi. Nó có thể tính ra ngày thứ, khí tiết của một trăm năm từ 1900 đến 2000 một cách rất nhanh chóng, chuẩn xác, tính năm nhuận tháng nhuận và tính đổi từ ngày âm lịch ra dương lịch và ngược lại rất chính xác. Tuy rằng năng lực tính bằng giấy bút rất kém, nhưng tính nhẩm lại rất tài, chỉ trong vòng 5 giây đồng hồ, nó có thể tính chính xác những phép tính nhân trong phạm vi 4 hàng số, những phép chia số chẵn mà số chia và số thương hai hàng số, bình phương lập phương của bất cứ số nào trong phạm vi 316, luỹ thừa cao mà chỉ số là số âm, khai phương bất cứ số nào của những số từ 2 đến 5 hàng số v.v... Trí nhớ con số của M càng đáng sợ. Những sách mà M đã đọc, em nhớ rất chính xác chương nào bắt đầu từ trang nào, số trang của bất cứ tiết nào trong chương, bất cứ hỏi xuôi, hỏi ngược hay hỏi khi xuôi khi ngược, M đều có thể trả lời nhanh chóng và chính xác. Mặc dù M chưa hề được đến nhà trẻ, nhà mẫu giáo hay lớp học tiểu học nào, phụ huynh M cũng chưa hề dạy em về cái gì .

Vì hiện tượng "học quả thằng ngốc" nhiều nhà nghiên cứu trong ngoài nước cho rằng, vì chế độ giáo dục hiện hành không thu nhận những "học giả thằng ngốc". Hàng ngày không có việc gì làm, không có gì để suy nghĩ cho nên những người đó đã dồn tất cả thời gian và tinh lực để học một kỹ năng nào đó, dần dần hình

thành thói quen học tập tự cường hoá. Hơn nữa, việc ưa thích và say mê riêng vì một kỹ năng nào đó, sẽ tạo ra tác dụng đẩy lùi các kỹ năng khác về mặt trí lực, làm cho trí lực các mặt khác bị ức chế mà lụi tàn, dẫn đến trạng thái dị dạng của cấu tạo trí lực (1). Quan điểm này có đúng không, không dám bàn vì tác giả chưa có nghiên cứu gì về vấn đề này. Nhưng hiện tượng "học giả thằng ngốc" có thể có ích cho việc nghiên cứu hiện tượng siêu thường" không học mà biết", và trên một bình diện khác, nó cũng chứng minh hiện tượng "không học mà biết" là có thật.

(1) Xem "Bí mật về học giả thằng ngốc" của Quách Giáo tạp chí "Thông tin tâm lí học" số 3 năm 1987

# Chương VII

## BẢN HỢP TẤU NHIỀU TẦNG VỀ THẦN TIÊN THẬT GIẢ: TÍNH BỊP BỢM VÀ HẠN CHẾ CỦA TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Cầu thần nhập xác không phải toàn là thuật thôi miên. Một số người, trong đó có những nhà tôn giáo, tín đồ tôn giáo có dụng ý xấu, vốn không biết thôi miên, nhưng khi thấy việc cầu thần có thể mê hoặc lòng người, có thể lợi dụng nên đã vờ vĩnh cầu thần nhập xác để mưu lợi riêng. Còn việc cầu thần nhập xác bằng thôi miên, không phải là trò bịp, tuy rằng có thể làm xuất hiện những công năng đặc dị như trên đã nói, nhưng những công năng đặc dị đó cũng có hạn chế rất lớn.

### MỘT SỐ MÁNH BỊP TRONG TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Những mánh khoé bịp bợm trong tục cầu thần được thấy phổ biến ở trong ngoài nước. Những hoạt động cầu thần nhập xác như khiêu thần, tẩu âm, phù kị, vũ tiên

đồng v.v... nhiều khi là bịp bợm. Ví dụ như dân tộc Lạc Ba có một loại thầy mo gọi là "Nhữ Quách Bố", nếu phát hiện ai đó có tật bệnh gì là ông ta nhảy múa trong một cái lồng tre, cầu thần nhập xác rồi cố "bới tìm trong chỗ đau của bệnh nhân, bắt ra cho được một con sâu và nói rằng bắt được sâu rồi bệnh sẽ chóng khỏi. Loại thầy mo gọi là "Na mu xa" của dân tộc Tu lung thì hun khói, tự làm cho mình đi vào trạng thái hôn mê, rồi lắc chuông nhảy múa, mời thần nhập xác sau đó giả vờ đón nhận thuốc thần từ trên trời, giỏ mấy giọt lên đầu người bệnh, rồi vờ xem thuốc đang chạy trong cơ thể bệnh nhân thế nào. Thuốc dừng lại ở đâu thì nói là thuốc đã tìm được nguồn gốc của bệnh ở đó. Thầy mo dùng miệng hút gốc bệnh ra, hoặc thổi vào bệnh nhân một cái, dùng ngón tay đẩy ép gốc bệnh ra ngoài. Trong khi đó, thầy mo lấy một viên sỏi, viên đá hoặc một đoạn dây đã mang sẵn trong người ra, đưa cho mọi người xem, nói đó là nguồn gốc bệnh, rồi tiện tay ném vào lò lửa đốt đi. Các trò "không sợ đao thương" của Nghĩa Hoà đoàn, Đại đao hội, Hồng thương hội phần lớn cũng là bịp bợm. Khi thì lấy đạn giả đổi đạn thật tức là đưa đạn thật cho mọi người xem, nhưng khi bắn ra lại là đạn giả[1], khi thì đặt ngược viên đạn, không gây nguy hiểm cho người. Một số "quan vong bà" (bà bắt vong) dân tộc Hán, dân tộc Choang cứ khoe rằng họ có thể dùng pháp thuật bắt linh hồn người chết về, mượn cái miệng của chính cái bà mo ấy để nói chuyện với người thân. Một số người

(1) Xem sách "Sơn Đông dân tục" trang 374 - 375

thấy cái "bà bắt vong" có thể nói ra được một vài chuyện kín trong gia đình mình thế là hoàn toàn tin tưởng. Thực ra là trước khi bắt vong, các "bà bắt vong" cũng như các thầy bó, thày tướng, đã điều tra tìm hiểu kỹ các khách hàng của mình, dò la, thăm hỏi bằng nhiều cách, tìm cho ra một số việc riêng trong nhà người ta. Ngoài việc dò la tìm hiểu tình hình gia đình khách hàng, họ còn biết tuỳ cơ ứng biến, nói dựa đoán mò , nếu không rất dễ lộ tẩy. Có bà mo đã đến nhà người ta bắt vong, cầu thần xem bệnh, sau khi đã cầu thần rồi, bà ta nói : "Thảo nào nhà có người ốm, không được dùng thớt cối chắn cửa chuồng lợn". Con cả của gia chủ ngay lúc đó bê cái thớt cối ném vào hố phân. Gia chủ lại hỏi" Bà còn dạy gì nữa không? " Bà mo đòi 100 đồng, nói là để giúp nhà chủ cầu thần, hứa nguyện. Chủ nhà nói, chỉ cần được thần phật phù hộ, cần gì có nấy. Bà mo đột nhiên nói : "Đã bảo mồng một ngày rằm phải cúng, mà không nghe. Có thủ lợn để đó mà không cúng. Thảo nào trụ cột gia đình ốm". Chủ nhà nói trong nhà làm gì có thủ lợn, nếu có thì đã cúng rồi ! Bà mo nói :" Nói là sai rồi mà cứ không nhận sai, xem treo cái gì trên xà nhà đấy? "Chủ nhà nói đó là hũ hạt cà giống. Bà mo nghe vậy, biết đã lỡ lời, bèn nói : "Bà lão hôm nay bị bưng tai bịt mắt, không nhìn rõ hũ hạt cà giống. " Cả nhà chủ trố mắt, há mồm [1]. Một vùng nọ có một "thần đồng". Nghe nói có tài cầu thần chữa bệnh. Một nông dân mắc bệnh lao đã lâu, vội đi mời "thần đồng" về cầu thần. Bệnh trạng

(1) Theo "Nghĩa hoà đoàn" (J)

của bệnh nhân "thần đồng" đã biết rõ từ lâu. Sau khi thần giáng, "thần đồng" vờ vĩnh nói "Cả nhà đệ tử lâm nạn lớn, nếu đuổi được tà, bắt được quỷ, thì hoạ lớn có thể trở thành nạn nhỏ". Nhà bệnh vội vã theo lời "thần đồng" đuổi tà bắt ma. Kết quả, bệnh vẫn ngày càng nặng và người bệnh chết. Đã chết người rồi, mà người nhà bệnh nhân vẫn rất cảm ơn "Thần đồng" "linh nghiệm", chỉ vì "Thần đồng" nói "Cả nhà lâm nạn lớn", thế mà bây giờ chỉ chết có một người, may nhờ sức thần đã biến nạn lớn cả nhà thành hoạ nhỏ. Sở dĩ vị "thần đồng" kia có thể lừa bịp được là vì nhà bệnh ngu muội đã đành, lại nhờ "thần đồng" biết tuỳ ứng biến. Tục mời thần xin chữ của đạo Nhất quán cũng là một trò bịp. Trò bịp này phải tổ chức huấn luyện tam tài một cách nghiêm ngặt, bí mật. Tam tài là chỉ ba loại người phù kị: thiên tài, nhân tài và địa tài. Người cầm vòng kị, dùng bút gỗ cho lời dạy của thần trên mặt cát là thiên tài; người cầm ván gỗ gạt phẳng mặt cát và hát đàn huấn gọi là nhân tài, người chép lại đàn huấn gọi là địa tài. Tam tài là những tín đồ nam nữ được bí mật huấn luyện kỹ. Thiên tài phải huấn luyện lâu nhất, thường là khoảng một năm. Trong thời gian đó, thiên tài phải học thuộc kinh điển của đạo, học thuộc lòng những câu đàn huấn, lại phải tập phù kị, tập viết chữ trên mặt cát. Phải qua kiểm tra diễn tập lâu dài, đủ tiêu chuẩn rồi mới được phù kị trước mọi người. Trước khi phù kị, thầy điểm truyền trong đạo báo cho thiên tài biết mục đích của việc phù kị, thiên tài theo ý đồ của thầy, soạn huấn từ

sẵn. Nếu là để độ người vào đạo thì địa tài, nhân tài phải bí mật tìm hiểu tình hình đó mà đưa vào đàn huấn, nhằm bịp người vào đạo, làm cho tín đồ tin rằng huấn từ là của tiên phật. Khi phù kị, thiên tài nhắm mắt, sau khoảng hơn 10 phút, thiên tài giả vờ tiên phật nhập xác và giáng bút, viết thơ "lâm đàn" trên mặt cát miệng thì nói ta là thần linh gì đó. Nhân tài ngồi bên trái cầm ván gỗ vừa niệm vừa gạt phẳng mặt cát, địa tài bên phải vội ghi chép lại. Vì ít người hiểu rõ bí mật của việc phù kị, lại do sự tuyên truyền thần bí trong đạo và do không khí thần bí của việc thỉnh thần giáng đàn, nhiều tín đồ tin thật không nghi ngờ gì ngày càng tin hơn. (1) Lại như sách "Quyền sự tạp ký" của Tả Nguyên Đốc Giới đã ghi, thời kỳ phong trào Nghĩa Hoà đoàn "khi mới lập đàn, có lúc không có ai vào học, thường phải cho hai ba tên phỉ vờ làm ra vẻ giáng đàn, cầm dao đi các nhà gần đó, trông thấy có trẻ con là xông vào kéo đi. Người nhà ra giữ lại tên phỉ miệng lẩm nhẩm lời thần, nói rằng trẻ đó là có duyên trời. Người nhà tin là mệnh thần, không dám trái, bất đắc dĩ phải cho con nhập đàn, do vậy dần dần đông lên và trẻ nhỏ quanh vùng đều bị vơ vét vào đàn". Lại như người Thai - i a Đài Loan, nếu muốn cầu xin thần cái gì thì đem mục đích báo rõ với thần xin thần cho chỉ thị. Cách làm là dùng hai chiếc đũa tre cắm vào giữa hai ngón chân, rồi đặt ngang một cái ống tre trên đầu hai chiếc đũa. Nếu cái ống tre đỡ được trên đầu đũa thì cho rằng thần trả lời đồng ý, nếu

(1) Xem sách "Xã hội bí mật Trung Quốc" trang 180 - 181

cái ống tre rơi xuống thì cho rằng thần trả lời không đồng ý. Cách làm ấy phần lớn có nhân tố người làm.

Những trò bịp khéo, thường có thể mê hoặc một số người trong một thời kỳ nhất định. Trái lại, nếu bịp không khéo thì rất dễ bị lột tẩy tại chỗ. Một vùng nọ ở Triết Giang trước đây có một người tự xưng là "bán tiên", có tài bắt ma. Một hôm, thôn bản cho người đến mời ông ta đi đuổi ma cho cháu của một người ốm nặng. vị "bán tiên" đó cho người nhà của người bệnh về trước, một mình ông ta thong thả đi sau đến nhà người bệnh. Tất nhiên ông ta không có tài bắt ma, do đó ông ta vừa đi vừa nghĩ cách bịp người. Sắp vào làng, đi đến cạnh một con ngòi, thì thấy mấy đứa bé đang tranh nhau một con cá màu đen, bỗng nghĩ ra kế, bỏ tiền ra mua con cá. Để người ta không trông thấy ông ta bỏ con cá vào túi quần, buộc lại. Sau khi đến nhà người bệnh, thừa lúc cả nhà đang lúi húi chuẩn bị, ông ta bí mật cho con cá vào một cái hũ đặt trước bếp.

Chẳng bao lâu sau, khi việc làm lễ thỉnh thần được hoàn tất chu đáo, vị "bán tiên" giỏi bắt ma kia liền múa bảo kiếm, miệng lẩm nhẩm chú, rồi ngáp liên hồi, nói ông ta được Trương thiên sư gọi đến đây bắt ma đuổi tà. Ông ta trỏ bảo kiếm về phía trước bếp, nói ở trước bếp có một con ngư tinh. Người nhà tìm trong cái hũ đặt trước bếp, quả nhiên bắt ra được một con cá màu đen, kêu to: "Đây rồi, đây rồi. Bán tiên thật là linh nghiệm". Tin loang nhanh ra cả làng. Giữa lúc đang ồn

ào, phía đầu thôn phía đông có hai đứa bé khoảng mười tuổi cũng chen vào đám đông, trong thấy ở đên liền nói to lên" Ôi, tưởng ngư tinh gì ! Con cá đen này là chúng tôi vừa mới bán cho thầy ở đầu mương ngoài kia, ở miệng con cá còn bị xâu rách ra kia!" Mọi người nhìn kỹ, quả nhiên thấy miệng con cá bị xâu rách. Giữa lúc đang nửa tin nửa ngờ, một thanh niên xé toạc áo dài của "bán tiên" nhìn kỹ thì thấy trong áo trong của "bán tiên" còn dính nhoe nhoét nhiều vảy cả đen, và một mùi tanh nồng nặc phả vào mũi mọi người. Thế là trò bịp bị lột trần.

Những trò bịp kiểu cầu thần nhập xác nước ta cũng có ở nước ngoài. Thầy mo người Tát - sma - nia ở Ốt-strây-lia có thể rơi vào trạng thái co giật như lên cơn động kinh. Coi đó là điểm hiệu của việc ma quỉ nhập xác và người ta cho rằng lúc đó thầy mo có thể chữa bệnh được. Có lúc thầy mo giả vờ hút từ trong vết thương của bệnh nhân ra một mẩu đá hoặc một mẩu xương, nói đó là nguyên nhân của tật bệnh. Mối một Xa - Man người Khoa - Khút stơn, bờ biển tây bắc châu Mỹ đều có những mánh khoé hơi khác với địch thủ của mình. Có xa - man có thể hút ra chất độc, có người lại khôi phục được linh hồn đã mất. Cách được ưa nhất là dùng một con "nhũ trùng" nhỏ nhổ tật bệnh trong người ra. Để chuẩn bị biểu diễn trò này, sa - man nhét vào giữa răng và môi trên một cục nhung đen. Khi được mời đi chữa bệnh, trước hết ông ta lấy nước súc miệng kỹ, để chứng minh rằng trong miệng ông ta không có gì. Sau đó ông ta nhảy

múa và hút độc ra, sau đó cắn rách phía trong hai má, làm miệng đầy bọt máu. Ông ta nhổ cục bông nhung đẫm máu vào bát và tưởng tượng là đã hút ra được nọc độc gây bệnh. Khi ông ta đã rửa sạch "nhũ trùng", ông ta coi đó là bằng chứng đã trừ được tật bệnh. Các xa man Bắc Á thì làm đủ trò để làm những người chứng kiến sợ hãi. Xa - man thường coi cái gọi là "phúc ngữ" là tài giỏi, có lúc lấy cái bàng quang, đựng đầy máu, bí mật buộc vào bụng đến lúc lấy dao vờ đâm vào bụng, để cho máu tuôn ra. Có người đã từng khảo sát tại chỗ một thầy mo Luân Đôn hồi thập kỷ 80 thế kỷ 19 tên là Uy - liam Ai cơ lin tơn. Đồn rằng ông ta có thể làm cho bản đá tự động viết chữ. Nhưng kết quả khảo sát cho thấy ông ta đã chơi "trò chơi thông minh" trên bản đá." Phương pháp gọi là "phương pháp ngoại khoa tinh thần mà các "thầy thuốc ngoại khoa tinh thần" của Phi-lip-pin, trên thực tế chung qui chỉ là một cách làm thành thạo dùng bàn tay mà sờ phủ tạng của gà hoặc động vật như khác. Họ làm ra như vẻ như đi vào thể tạng và tứ chi của người bệnh và dùng tay vứt bỏ khí quan sinh bệnh. Với phương pháp trị bệnh ngoại khoa đó, họ tuyên bố có thể chữa khỏi các chứng bệnh kết khối cứng kể cả mọi loại ung thư. Các thầy thuốc ngoại khoa này đều được các trợ thủ giúp đỡ. Các trợ thủ của họ bí mật đưa cho họ một lọ thuốc nhỏ bằng chất dẻo trong đó chứa thuốc nhuộm làm bằng hạt cau hoặc máu động vật, làm cho người bị hại tưởng nhầm rằng trên

cơ thể họ đã chảy máu thật. Thầy thuốc chữa bằng ngoại khoa nắn những phần mềm, da, hoặc mỡ của bệnh nhân. Với những người chưa được huấn luyện, thì có vẻ như tay của thầy thuốc đã luồn vào cơ thể bệnh nhân, Để có thể bịp được người, các thầy mo mới của nhiều địa phương phải được luyện về thế tay, ma thuật những tri thức của các thầy thuốc giang hồ (bao gồm cả nghệ thuật vờ hôn mê, vờ ngất, nghệ thuật hát vu ca, nghệ thuật gọi nôn mửa v.v...) lại còn phải biết cả việc dùng ống nghe khám bệnh và cách đỡ đẻ, biết sử dụng như thế nào những "người đang nằm mơ", tức là nghe trộm người ta nói chuyện và bí mật báo cho thầy mo biết rõ triệu chứng bệnh, nguyên nhân bệnh v.v...

## ẢO THUẬT TRONG XIẾC VÀ TRÒ BỊP CẦU THẦN NHẬP XÁC

Mánh khoé bịp trong tục cầu thần nhập xác không chỉ có những trò vụng về như đã nói, còn bao gồm cả việc lợi dụng những nguyên lý, những thành quả nghiên cứu của các khoa thanh học, hoá học, quang học, lực học và cả những trò ảo thuật trong xiếc. Vì ảo thuật có thể lấy giả làm thật, cho nên nhiều thày mo xưa nay đã lợi dụng ảo thuật để bịp người, ví dụ dùng những trò đại loại như "tiên hái đậu" để biến ra thuốc viên, bịp rằng đó là thần tiên thưởng cho để chữa bệnh cho mọi người. Lại còn dùng ảo thuật làm công năng đặc dị để lừa mình dối người.

Ảo thuật được manh nha từ thời thượng cổ, đến thời kỳ chế độ nô lệ thì đã có một bước phát triển lớn. Ngay ở nước ta, ngay từ thời Chu, ảo thuật đã phát triển đến một trình độ rất cao. Theo "Thiên chu Mục vương" sách liệt tử : "Thời Chu Mục vương, từ Tây Vực có "hoá nhân" đến, có thể vào lửa vào nước, xuyên qua vàng, đá, lật ngược núi sông, di chuyển thành ấp, cưỡi trên không mà không rơi, va vào đá không vướng, thiên biến vạn hoá, không thể nói hết".

Đời Hán là thời ảo thuật Trung Quốc đạt đến đỉnh cao. Thời Hán Vũ đế, ảo thuật được truyền từ Tây vực đến, trong đó có những trò như cắt đứt lưỡi rồi nối lại, phun ra lửa, đổi đầu trâu, ngựa v.v... Những ảo thuật Tây vực này hoà nhập với ảo thuật Trung Quốc, tạo thành một thứ ảo thuật giàu bản sắc dân tộc, lấy ảo thuật Trung Quốc làm chính

Rõ ràng là cái trò leo núi dao, xuống biển lửa, nuốt lửa, phun lửa, liếm sắt nung đỏ, dùng dao, đinh đâm thủng bụng, má, ngực ... mà các thầy vu thuật biểu diễn khi giáng thần, có khi là những công năng đặc dị của việc giáng thần nhập xác (bằng thôi miên), có khi là kết quả việc luyện khí công nhưng phần lớn là những trò bịp vụng về và những ảo thuật "cao siêu". Thuộc loại công năng đặc dị nhờ thôi miên như trò "múa dây xích" của thầy mo người Khương. "cắn lưỡi cày nung đỏ" của thầy mo người Choang".

Xưa kia người Khương ốm nặng, mời thầy bắt ma chữa bệnh, phải làm trò múa dây xích. Trước hết, thầy cho dây xích vào lửa, để khoảng một giờ, chờ cho dây xích đỏ rực lên và pháp thuật bắt đầu. Thầy múa dây xích đỏ đó bằng những động tác nhanh nhẹn mà linh hoạt. Sau khi múa một hồi, thầy vấn dây xích ba vòng vào cổ mình, sau lại vấn ba vòng vào cổ người bệnh. Trò cắn lưỡi cày đỏ của người Choang là nung đỏ lưỡi cày sắt, dùng tay hoặc mũi kiếm lấy â, cắn đầu lưỡi cày đang đỏ rực bằng răng, quay một vòng rồi bỏ xuống, thế mà răng và môi không hề bị bỏng. Tác giả sách này đã nhiều lần xem những cuộc biểu diễn kiểu này và những cuộc biểu diễn dẫm lên lửa hoặc dùng tay cầm những sợi xích đỏ rực của các nhà khí công.

Những ảo thuật "cao siêu" như "mò nồi dầu", "xuống biển lửa", "lên núi dao", "cắt đứt lưỡi", "phun ra lửa" (bằng miệng)..v.v. "mò nồi dầu" hoặc là cho dấm vào nồi dầu, vì dấm nặng hơn dầu, cho nên chìm xuống đáy nồi. Khi đốt lửa, vì dấm ở đáy nồi chịu nóng trước, nổi bọt lên trên trông như dầu đang sôi sùng sục, nhưng thật ra dầu chưa nóng, cho tay vào dầu vẫn không hề bị bỏng; hoặc là cho một loại thuốc địa phương gọi là "xuý can tử" vào nồi dầu, khi đốt lửa, "xuý can tử" và dầu sẽ tạo ra một phản ứng hoá học, làm dầu nổi bọt như đang sôi lên, nhưng thật ra dầu trong nồi chưa nóng, cho tay vào không thể bỏng được. Ngoài ra còn có thể

cho rượu trong, vôi vào nồi dầu, làm cho dầu sôi giả. Trò "xuống biển lửa" là đốt đỏ than củi trên mặt đất, sau đó gạt than ra, thầy mo niệm chú bước xuống than mà hai chân không bỏng. Thật ra thì trước khi "vào biển lửa", thầy mo dùng nước vẽ bùa, bí mật cho muối và chất keo dính vào nước, sau đó dùng nước bùa rửa chân mấy lần, làm cho trên chân dính một lớp muối. Khi sắp bước lên "biển lửa", lại tưới nước muối lên than, không những làm cho khói bốc mù mịt mà cũng làm giảm nhiệt độ rất nhiều. Vì tính thể muối truyền nhiệt chậm, cho nên bước lên than mà chân không bỏng; cũng có khi phun nước hoàng đan lên than hồng, bôi băng sa lên bàn chân, cả hai đều có tác dụng phòng bỏng, lúc đó có thể nhảy lên than hồng, gạch nung đỏ hoặc sắt nung đỏ. "Lên núi dao" là dùng máu gà, máu chó bôi lên lưỡi dao, máu gà máu chó đông kết, làm dao trở nên cùn đi ; hoặc là lấy giấy vàng đặt lên lưỡi dao, đo đó chân trần dẫm lên mũi dao mà không đứt. Cái gọi là "cắt lưỡi" là ngậm ngân châu vào miệng, ngân châu hỗn hợp với nước bọt, đỏ như máu, thầy mo rạch lưỡi dao trên mặt lưỡi, rồi nhỏ "máu đỏ" lòm ra, người xem cứ tưởng là lưỡi thầy bị đứt, tuôn máu tươi ra, thực tế thì lưỡi không hề thương tổn gì. Còn "miệng phun ra lửa" là thầy mo ngậm bột tùng hương vào miệng, tay cầm một cây hương đang cháy hoặc điếu thuốc lá đang cháy, phun bột tùng

hương ra, bột tùng hương gặp lửa bốc thành lửa cháy. Nhưng dù bịp giỏi hay ảo thuật tài đến đâu cung vẫn có thể bị lật tẩy. Năm 1550, một nhà ảo thuật lớn tên là Nô - stan - mus có thể hiện hình các vị đế vương các triều đại xưa trước mặt công chúng, có thể nói là thần kỳ. Thế mà hai trăm năm sau, nhà vật lý học Rô - bớt Xung, với sự giúp đỡ của trợ thủ trốn trong phòng bên cạnh, lợi dụng sự phản xạ của hệ thống gương đặt nghiêng, đã phơi bày hết những bí mật kia. Đây chỉ là một trò ảo thuật. Ảo thuật hiện đại có tiết mục hình người ẩn hiện. Nó dùng những nguyên lý quang học làm cho người biểu diễn lúc hiện rõ, lúc ẩn mất, rất kỳ ảo khó lường. Việc các thầy thông linh cho quỉ thần hiển linh cũng có vẻ lạ kỳ lắm. Thế mà từ mấy chục năm trước, nhà ảo thuật Mỹ nổi tiếng thế giới Đặng Ninh Cần đã phơi bày tính chất bịp bợm của cái trò giáng thần ấy. Mảng ánh sáng được coi là quỉ thần hiển linh hiện ra trên màn, thực ra là do người ẩn sau màn tạo ra. Anh ta ngồi trong một cái tủ, khi tấm màn trước tủ kéo lên, mọi người có thể nhìn rõ toàn thân anh ta bị trói chặt trên một cái ghế tựa. Sau khi hạ màn, từ trong tủ, anh ta đơ tay lên (tay ghế là có thể di động được) trên tay cầm một gậy có thể thò dài thụt ngắn được mà khua. Trên đầu gậy buộc một mảnh vải, trên đó dùng sơn phát sáng vẽ hình ảnh vị thần. Từ ngoài mà nhìn người ta

rất dễ cảm thấy quỉ thần hiển linh. Một cách hiển linh khác là dùng sơn phát quang vẽ hình quỉ thần lên mặt trong của áo người biểu diễn. Trong bóng tối, người biểu diễn đứng trên một ghế, dương mặt trái của áo anh ta lên, từ ngoài có thể nhìn thấy hình ảnh vị thần hiện ra trong không trung. Còn như hiện tượng cái bàn có thể tự di chuyển là vì đuới cổ tay người biểu diễn có buộc những cái móc câu; cái bàn đá có thể tự viết chữ, là người biểu diễn hai tay bị người khác đè chặt, nhưng sau khi tắt đèn, anh ta lè cái bút vốn ngậm trong miệng ra, dùng răng cắn bút mà viết chữ trên mặt đó. Năm 1976, một nhà xuất bản ở New York nước Mỹ đã xuất bản cuốn sách "Đảng áo đen của tâm linh." quyển sách do một linh môi (người làm trung gian giữa người sống với quỉ thần) chuyên làm chuyện bịp bợm đã đổi nghề viết. Ông ta đã lột trần những mánh khoé bịp bợm của những linh môi mạo danh, kể rõ những linh môi đó đã làm thế nào để người ta có thể tin rằng mình đã được gặp lại những người thân đã chết.

## III. HẠN CHẾ CỦA NHỮNG CÔNG NĂNG ĐẶC DỊ CÓ ĐƯỢC KHI GIÁNG THẦN.

Giáng thần nhập xác có thể khơi dậy được những công năng đặc dị, nhưng những công năng đặc dị ấy bị hạn chế rất lớn. Điều có thể hiện như sau :

Trước hết, tỷ lệ thành công trong việc tạo ra công năng đặc dị bằng huấn luyện đặc biệt hay luyện khí công phụ thuộc nhiều vào tình cảm, tinh thần và tinh lực người được huấn luyện. Mọi thực nghiệm về công năng đặc dị cho thấy chỉ khi nào người được huấn luyện tập trung chú ý, tâm tình cởi mở, vui vẻ, tinh lực dồi dào thì mới gợi dậy được những công năng đặc dị và đưa những công năng đó đến thứ bậc cao. Cũng như trong luyện khí công, trong cầu thần nhập xác có khơi dậy được công năng đặc dị hay không và công năng đó ở thứ bậc cao thấp thế nào cũng tuỳ thuộc ở tình cảm, tinh thần, khí chất, tinh lực, độ nhậy cảm thôi miên .v.v.. của người được giáng thần (kể cả người tự thôi miên mình, phần lớn là các thầy mo, thầy cúng). Nếu có tâm lý mong đợi kỳ tích, tin quỉ thần, tình cảm xúc động thì có thể đem lại kỳ tích. Trái lại, nếu không có những điều kiện trên, thì người được thôi miên khó đi vào trạng thái thôi miên và những công năng đặc dị vốn có, đang tiềm ẩn trong bản thân khó mà khơi dậy được, ngay cả trong trường hợp khơi dậy được cũng khó đạt đến thứ bậc cao. Có những người giáng thần nhập xác khó đi vào trạng thái mê cuồng, hoặc vào được trạng thái đó, nhưng những hiện tượng siêu trí lực, siêu nghị lực, siêu thể lực.v.v... rất khó giữ ổn định, dự báo tương lai không đúng.v.v... là do thiếu những điều kiện trên. Tóm lại những công

năng đặc dị được gọi dậy dưới các tác dụng môi giới khác và những công năng đặc dị nhờ giáng thần nhập xác (thôi miên) mà có đều có nhiều hạn chế. Hơn nữa, những công năng đặc dị nhờ giáng thần nhập xác mà có cũng chỉ tồn tại được trong trạng thái mê cuồng (thôi miên), khi đã ra khỏi trạng thái đó, thì sẽ không còn nữa. Điều này đã trình bày trong các chương trên.

Thứ nữa, trong trạng thái mê cuồng ở độ sâu, trường ý thức của người giáng thần nhập xác bị thu hẹp đến cực độ, mất hẳn sức tự chủ và sức phán đoán, tri giác cũng bị tê liệt, ngoài liên hệ đơn tuyến với thầy thôi miên ra, không thể có phản ứng gì với các kích thích khác, vẻ mặt đờ đẫn, không chút sinh khí. Trong tình hình đó, giá trị sử dụng công năng đặc dị hết sức có hạn. Điển hình nhất như những người diễn thần quyền Nghĩa Hoà, vũ tiên đồng, cầu đồng, lên đồng, những siêu trí lực, siêu nghị lực, siêu nghị lực của họ đều chỉ là những thứ hoa lá không có mấy tí giá trị sử dụng. Vì tri giác tê liệt, mất sức tự chủ và sức phán đoán, cho nên họ có thể "không học mà biết", "sức khoẻ hơn người"... nhưng trong thực tế lại không dùng được những tài năng đó. Cái gọi là "bài đao bài thương" không phải thật sự là dao chém không đứt, súng bắn không trúng, mà chỉ là chịu được đòn côn quyền, đao kiếm ở một mức độ rất có hạn. Thế mà trong phong trào Nghĩa Hoà đoàn,

khi người ta thấy những người diễn luyện thần quyền. Nghĩa hoà có thể có những công năng thần kỳ như đã nói mà không giải thích được, liền qui cho thần linh mà sùng bái cuồng nhiệt. Đưới ảnh hưởng của tư tưởng mê tín phong kiến, đã khuếch đại tác dụng của nó quá mức, ngu muội tưởng rằng "sức thần" đó có thể chống lại pháo lớn súng tốt của giặc tây, tạo ra cái cục diện "già trẻ đều tin", "cả nước như cuồng". Đến mức trong chiến đấu các thành viên Nghĩa Hoà đoàn "nuốt phù chú, thắp hương cầu thần, nhảy múa loạn xị ... rồi cầm dao , gậy súng kíp ... hướng về hướng đông nam mà bái lạy, lẩm nhẩm đọc chú ..."[1] Trong chiến đấu, họ tin rằng súng bắn không chết, điên cuồng rồ dại xông pha như trúng tà "lao vào trận liên quân dùng súng bắn lại chết như ngả rạ " [2]. Những tình hình như thế còn xuất hiện không ít trước sau phong trào Nghĩa Hoà đoàn, trong các tôn giáo dân gian bí mật như đạo Kim Đan, Vũ Thánh môn và Tại Lý giáo, Đại Đao hội, Hồng Thương hội, thậm chí cả trong thời kháng Nhật, trong chiến tranh giải phóng . Ví dụ năm thứ 17 đời Quang Tự (1891). Đạo Kim Đan, Vũ Thánh môn và Tại Lý giáo ở Nhật Hà dấy lên một phong trào bạo động lớn chống lại vương công Mông Cổ và đạo Thiên chúa . Khi đứng trước quan quân, giáo chủ "mặc áo màu, đội khăn đạo múa gươm làm phép

(1) "Sử liệu lưu trữ về Nghĩa Hoà đoàn" (quyển thượng) trang 93

(2) "Nghĩa Hoà đoàn" (1), trang 149

như điên như dại" còn quần chúng tín đồ thì "mình đeo túi bào đỏ", áo đỏ đai vàng "miệng đọc thần chú" mà "xông lên không tránh đạn" Mãi đến giữa thế kỷ 20, những trò mê tín như vậy trong các tôn giáo dân gian bí mật vẫn còn, cuộc bạo động của Đại Đao hội ở Minh Đức, Phúc Kiến. Trước bạo động, người ta bảo hội viên ai nấy đều phải đeo bùa hộ mệnh đảm bảo đao chém không chết, súng bắn không trúng ra, người ta còn phát cho mỗi hội viên một bùa hộ thân in dấu gỗ trên giấy vàng để dán trước nhà. Trước khi xuất trận lại tề tập trước bàn thờ thần để lễ bái. Mỗi người lại được lĩnh một tờ "bùa bảo mệnh", rồi đốt ngay tại chỗ, nuốt tro đó với nước lã và ai cũng ngầm đọc thần chú bản mệnh. Ngoài ra còn phát cho mỗi người một lọ nước bùa để khi chiến đấu quyết liệt thì uống vào nhằm để tránh đạn và khỏi sợ. Tiếp đó, mọi người xếp hàng dọc, theo nhau bước qua một cái hũ hương nghi ngút khói đặt giữa đất, mỗi người đều một tay cầm vũ khí, một tay cầm lá cờ 7 ngôi sao. Mấy vị đầu lĩnh đi phía trước đều múa cờ 7 sao theo nhịp, các hội viên cũng theo nhịp đó mà múa cờ 7 sao .

Sau đó pháp sư mặc áo cà sa đỏ rực, đầu đội vành thép (vương cô), tay trái cầm vỏ ốc có thể phát hiệu lệnh tiến, thoái, tay phải cầm một cái vòng thép, trên đó đính những mảnh đồng lá mỏng, lắc kêu leng keng. Pháp sư lẩm nhẩm đọc :

"Một lớp núi, hai lớp núi, ba lớp núi, phía trước hơn lên thành muôn núi. Tổ Chu công bịt súng không bắn được, tiên Hoa đào biến đạn thành bùn.

Trong tiếng thần chú "Đao thương vô hiệu" đó của pháp sư, các thành viên Đại Đao hội ùn ùn xông lên như bị ma đuổi. (1) Kết quả thế nào có thể tưởng tượng mà biết được. Do ngu muội và mê tín, các giáo chủ và giáo đồ tôn giáo dân gian chỉ có thể diễn một màn kịch đau buồn.

(1) "Xã hội bí mật Phúc Kiến "của Kiến Lập Xương. NXB Nhân Dân Phúc Kiến. tháng 2 năm 1989. trang 287-289

# Chương VIII

## VIỆC LÀM XẤU CỦA YA ĐANG VÀ XA OA; TÁC HẠI CỦA TỤC CẦU THẦN

Kinh "Tân cựu ước toàn thư" của đạo Cơ đốc nói rằng, thuỷ tổ của loài người là Ya đang và Xu oa đã nghe theo rắn xúi dục trái lệnh thượng đế, làm việc xấu là ăn vụng "quả cấm" cây "biết thiện ác" trong vườn Y điện, mà phạm tội. Hành vi tội lỗi đó tiếp diễn mãi, để luỵ cho con cháu đời sau. Do đó, có thể nói mọi khổ đau trên đời này đều do tội lỗi của con người đưa đến. Đó tức là cái gọi là "nguyên tội". Thuyết về nguyên tội đương nhiên không thể tin được . Mọi khổ đau trên đời không phải đều do tội lỗi của con người tạo ra. Nhưng chúng ta nói tục cầu thần nhập xác là một tội ác, thế thì những tai hoạ do nó mang lại có thể coi là hậu quả tội lỗi của con người. Bởi vì, chính các thầy mo, nhà tôn giáo đã làm việc xấu là bày ra, truyền lại và phát triển tệ tục cầu thần nhập xác, do đó mới làm cho con người phải chịu hậu quả tai hại của nó. Mặc dù những công

năng đặc dị do việc cầu thần nhập xác tạo ra cũng có ích lợi nhất định. Đại loại như không học mà tự biết hát, dự báo tương lai, tìm nguyên nhân mất của vv..., nhưng chúng ta nên thấy rằng, tác hại của tệ cầu thần nhập xác vượt xa lợi ích của nó mang lại. Những tác hại đó là:

## TỆ CẦU THẦN NHẬP XÁC PHÁ HOẠI NGHIÊM TRỌNG TINH THẦN VÀ SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI CẦU THẦN NHẬP XÁC.

Hiệu quả lợi ích của tục cầu thần nhập xác được xây dựng trên cơ sở làm tổn hại tinh thần và sức khoẻ của người tự thôi miên (thầy mo)và người bị thôi miên. Những kết quả nghiên cứu tâm lý học hiện đại cho thấy : những ám thị và tự ám thị tiêu cực có thể làm rối loạn nghiêm trọng công năng của trung khu thị giác, thính giác, vận động vv... trong đại não, làm cho những công năng tương ứng mất cân bằng, tế bào thần kinh mất đi năng lực làm việc bình thường, không thể tiếp nhận và xử lý những thông tin ngoại giới, không thể phản ứng tương ứng với những kích thích ngoại giới, đưa đến hậu quả có hại cho sức khoẻ, tạo ra sự giải thể tinh thần và những phản ứng tâm lý không bình thường do nó tạo ra. Những ám thị tiêu cực như ma quỉ ám trong tục cầu thần nhập xác phá hoại nghiêm trọng tinh thần và sức khoẻ của người cầu thần nhập xác là như vậy. Nhiều người ngồi đồng đã thừa nhận, thần đã nhập xác thì họ

lập tức ngất đi, mặt mày tái xám, ánh mắt đờ đẫn. Sau khi mê đi thì nói năng lảm nhảm, hơn nữa, thần vừa nhập xác là lập tức run lên, trước là run tay rồi run cả chân, rồi run toàn thân, vô cùng khó chịu , có lúc cắn cả lưỡi, khi tỉnh lại không thể nhớ được mình làm những gì, đến mấy hôm sau vẫn mệt lả, như vừa ốm nặng một trận.

Một lần cầu thần nhập xác làm cho người ta mệt lả mấy ngày, thế thì cầu thần nhập xác nhiều lần hậu quả càng nghiêm trọng. Nhà khí công nổi tiếng nước ta là Nghiêm Tân cho rằng: "Trạng thái mê cuồng có thể làm cho người ta cứng đờ toàn thân, bất tỉnh nhân sự, vừa hại sức khoẻ lại rất hại tinh thần, tim co bóp dồn dập, cơ bắp toàn ở trong trạng thái căng thẳng một thời gian dài, cứ làm mãi nhiều lần như vậy, nguy hại rất lớn". Sử liệu Nghĩa Hoà đoàn cho biết: "Những người luyện quyền mà ma quỷ nhập xác trở thành điên dại nghe nói đến luôn luôn". Con một nhà nọ ở Tân Phụ Hà Đông, tuổi mới 15, 16, luyện quyền ở đám mồ mả chập chùng của nghĩa địa Các Tiền, hướng về Đông vái ba vái, đọc chú, nói: quỷ ma chết oan đòi mạng, tìm người thế thân. Cứ nói lảm nhảm như vậy 8 ngày liền, không ăn uống gì, cứ chạy đến nghĩa địa Các Tiền nằm sấp ngất đi, người xúm lại xem đông nghìn nghịt. Lại như Vương Tử, một trẻ em luyện quyền ở lò Gia Trang, tuổi 14, 15 bỗng sáng sớm ngày hôm kia lao đến Trung Các đường ở cửa

cống, gõ cửa đòi vào, cầm lấy bao tải gai đòi cầm lấy trăm quan tiền, tìm được cái then cửa sắt của hiệu cầm đồ, nắm chặt trong tay, gặp ai đánh nấy, quát nhà hàng cầm đồ phải đánh võ với nó. Người của hiệu cầm đồ thấy nó có vẻ như người điên, đã đưa cho nó một trăm đồng tiền và để cho nó cứ cầm cái then cửa đi. Tiếp đó gọi trưởng xóm lần tìm đến nhà đứa bé, đòi lại then cửa và dặn người nhà trông nom nó cẩn thận. Ai ngờ trưởng xóm vừa đi thì Vương Tử lại phóng như bay, tay cầm cái bao gai, bảo là áo tiên bát quái, đến thẳng cửa hiệu cầm đồ đòi cầm, lấy tiền, phải nhờ nhiều người mới đưa được nó về nhà nó. Nghe nói đứa bé này cứ đi lang thang lúc nhanh lúc chậm ở trong ấp, hầu như không thể chững lại được. Ra khỏi ấp thì chạy lồng lên như con hươu chạy hoảng, bất kì chỗ thấp chỗ cao. Hôm qua đã ra khỏi ấp rơi xuống một cái hố, xuýt nữa chết đuối, người ta vớt lên thì đã thấy đâu mất một ngón chân, không biết mất ở đâu vì lẽ gì, tính đến nay nó đã không ăn uống gì đã mười ngày rồi. Thầy mo thầy thuốc đã dở hết phép mà chẳng ăn thua gì, cứ nói là một ma con gái ám vv... Quyền thuật hại người thật không thể nói hết. Có người còn tệ hơn nữa, có người luyện quyền, sau khi niệm chú và bùa thì gặp ai đánh nấy, suốt ngày không lúc nào ngơi, kết quả phát điên mà chết".

Sau mấy lần đến huyện Quảng Nam tỉnh Vân Nam khảo sát tại chỗ tục cầu thần nhập xác, tôi đã thu được không ít

chuyện như sau: một số người thần kinh vốn bình thường, sau lần tham gia việc "đi âm phủ" và hát "bảy nàng tiên" thì hễ ngửi thấy mùi hương là ngất đi. Ở xã Ngũ Châu có một thầy giáo dân lập tên là Vương Vận Văn, sau khi vợ chết đã "đi âm phủ gặp vợ" nhiều lần do đó thần kinh đại não bị tổn thương nghiêm trọng, hễ đốt hương là ngất đi. Một cô gái của một thôn nọ, một lần một mình ra đồng làm việc, gặp mưa chạy vào hang núi để trú mưa, vừa lúc đó thì đột nhiên có vẻ như lên cơn "thất cô nương" vì không ai biết mà cứu chữa kịp thời, nên bị chết trong hang .

Vì cầu thần nhập xác nguy hại như vậy cho nên một số dân tộc không phải hễ động có việc gì là cầu đồng ngay. Ví dụ, bói quá âm (cho hồn lìa khỏi xác tạm thời đi âm phủ) là hình thức bói cao nhất của người dân tộc Miêu bất cứ tật bệnh gì cũng có thể dùng bói quá âm để tìm ra nguyên nhân bệnh. Nhưng người Miêu cho rằng khi quá âm, hồn lìa khỏi xác, người ta nhất thời là cái xác sống, rất có hại cho sức khoẻ, rất tổn thọ, hại người, khi lên trời, xuống âm phủ, ngộ nhỡ gặp linh hồn tổ tiên ông bà mình thì sẽ hỏi han thăm viếng, không nỡ rời, có khi hồn không về nữa, thế là chết. Vì vậy, nhiều người không dám quá âm, chỉ khi nào gặp hướng đạo quá âm thật giỏi, biết dẫn hồn trở về thì mới quá âm.

Cầu thần nhập xác (thôi miên ) có thể chữa được một số bệnh , nhưng đối với một số bệnh khác thì nó lại làm nặng thêm, thậm chí vốn không có bệnh mà nó làm ra bệnh.

Ví dụ các bệnh tinh thần phân liệt, một số bệnh tinh thần, tâm thần khác, bệnh tim, bệnh xơ cứng động mạch vv... Những người có các chứng bệnh đó, nếu cầu thần nhập xác sẽ nảy sinh ảo giác, vọng tưởng, làm rung động tinh thần mà dẫn đến những hậu quả xấu.

## TỆ TỤC GIÁNG THẦN TẠO ĐIỀU KIỆN CHO NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỘI PHẠM MÊ TÍN BỊP BỢM

Các thầy mo, nhà tôn giáo hoặc một số người có dụng ý xấu đã lợi dụng tâm lý mê tín việc cầu thần nhập xác mà lừa bịp người lành thu lợi lớn hoặc tiến hành những hoạt động bịp bợm khác. Những hiện tượng như thế không thiếu bất cứ ở nước ta hay nước ngoài, thời xưa hay thời nay. Ví dụ sách "Điểm thạch trai thạch ấn hoạ báo hội đồ thục tích" cho biết: Một mụ già ở một vùng nọ khoe rằng Linh cô nhập xác mình, đi bói cho người khác lấy nhiều tiền. Một hôm vợ một người nọ, nhân chồng vắng nhà đã mời mụ đến bói. Mụ ngồi chưa ấm chỗ thì nghe trong bụng mụ có tiếng kêu chiếp chiếp mọi người đều kinh ngạc. Mụ làm ra vẻ ngơ ngác, rồi nghiêm giọng nói, chồng bà có tình nhân ở đất khách, nhưng kiếm cho tôi mười nghìn đồng tiền vàng hương, tôi sẽ làm phép cho bà, ly gián quan hệ của chồng bà với người tình, làm cho ông ấy hồi tâm, trở về quê với bà. Người kia bị mụ mê hoặc nhưng vì nhà nghèo xin giảm tiền vàng hương. Trong khi đang cò kè thêm bớt thì em chồng người đàn bà về nhà, biết chuyện, cười

người đàn bà dại và đuổi mụ bói đi. Nhưng mụ không đi, chửi lại người em chồng cho hai bà già lục khám trong trong người mụ thì được hai cái còi và một bình nhân bằng gỗ. Thì ra tiếng chiếp chiếp vừa rồi là do mụ bóp hai cái còi. Mọi người thấy rõ trò bịp của mụ và mụ cũng thấy mình lòi đuôi chuột, ôm đầu đi thẳng ... Sau khi nước Cộng hoà Nhân dân ra đời, chính phủ đã nghiêm cấm các tập tục mê tín bao gồm cả việc cầu thần nhập xác. Nhưng mấy năm gần đây do ảnh hưởng của những tư tưởng, thói quen xấu, những tập tục mê tín lại ngóc đầu dậy và bọn người bất lương lại dở ngón bịp đồng bóng ra kiếm lợi bất chính. Theo "Giải phóng Nhật báo" số ra ngày 21 tháng 2 năm 1987, mấy năm nay tập tục mê tín đã lan tràn ở mười huyện ngoại ô Thượng Hải, thành một mối hại lớn, nhất là ở các vùng tiếp giáp với hai tỉnh Giang Tây và Triết Giang, hoạt động mê tín rất nghiêm trọng. Một số vùng nông thôn ven đường sắt Hàng Châu Thượng Hải, bọn xấu đã "liên hiệp hàng ngang" mưu lợi bất chính. Tạp chí "Xã hội" số 1 năm 1990, tên Cung Bội Hồng ở tổ 1 thôn Lộc Khê xã Lục Tảo huyện Nam Hồi ngoại ô Thượng Hải, đã lập "khán đài" trong nhà tiến hành hoạt động mê tín, trong nhà y thường xuyên có người lui tới "cầu tiên" chữa bệnh, tên họ Cùng đã qua đó thu lợi lớn. Chỉ tính từ tháng 2 năm 1988 đến nay y đã lừa bịp người ta mà đút túi một vạn nhân dân tệ, chưa kể các loại hoa quả, bánh kẹo đường sữa vv... Ở nước ngoài, những chuyện dùng

trò bịp để lấy tiền không thể kể hết. Điển hình nhất phải kể đến A-lêch-xan-đơ thời đế quốc La Mã cổ đại. Nhà võ thần luận Liu-san thời đó đã viết bài "A-lêch-xan-đơ - tên tiên tri giả" đã tố cáo tên bịp bợm giang hồ đó một cách sâu sắc .

Bài văn nói rằng A -lêch - xan - đơ khôi ngô, to lớn tướng mạo đường, có vẻ ngoài của một vị thần. Ông ta có trí nhớ rất tốt, học vấn uyên bác, có tài nói dối, lừa bịp, mạo hiểm, giỏi ăn nói, vờ lương thiện. Khi còn là một chàng trai trẻ tuấn tú, để có nhiều tiền, y đã không do dự đem bán cái dáng vẻ đẹp đẽ của mình. Trong quan hệ của y với những người theo đuổi y, y quen biết một tên bịp bợm biết ma thuật. Tên bịp kia đã giữ A-lêch-xan-đơ bên cạnh làm người hầu và người giúp việc, truyền dạy ma thuật cho y .

Khi A-lêch-xan-đơ mặt mũi đầy râu ria, cái vẻ ngoài anh tuấn mà y dựa vào đó để kiếm sống không còn nữa, y bắt đầu rong ruổi khắp nơi làm ma thuật, bịp người. Trong khi đi đây đó, y bắt gặp những con mãng xà to lớn nhưng hết sức hiền lành, thuần dịu có thể đem chúng cho phụ nữ nuôi, có thể ngủ chung với trẻ nhỏ. Y mua về một con mãng xà tốt nhất và nghĩ cách làm giàu to với con rắn khổng lồ đó. Y quyết định xây ngôi miếu thần tiên tri lợi dụng tâm lý sợ hãi và muốn giàu sang sung sướng của một số người, triển khai những hoạt động thần bảo, lừa người ta tự đến dâng cúng, biếu tặng vàng bạc. Y chọn quê hương mình, một giải đất cạnh thành

A - pô - nô tơ cốt ở bờ nam Bắc Hải làm trung tâm hoạt động, chôn một số tấm biển bằng đồng cạnh ngôi miếu cổ Các - xi -tơn, tuyên truyền khắp nơi rằng thần mặt trời và con trai của thần là A khơ lây phi át sắp giáng lâm và định cư ở A - pô - no = thơ cốt. Tin đó lan truyền đi thế là dân trong vùng lo dựng miếu thờ. Khi cuối trở về quê hương, A -lêch - xan - đơ bình thường rất ít nói, có lúc giả vờ phát điên miệng xủi bọt làm người ta phát khiếp. Trong lúc đó, y ngầm khâu một cái đầu rắn bằng vải sợi gai ở trong nhà, để phối hợp với con mãng xà đã mua về bịp người lấy tiền. Trong đêm, y ngầm hút rỗng những quả trứng gà, cho vào vỏ một con rắn con, rồi dùng bạch lạp bít kín lại. Ngày hôm sau, y cởi trần vừa đi vừa nhảy ra chợ, đầu bù tóc rối trèo lên tế đàn cao tít, chúc phúc cho mọi người. Mọi người xúm lại lạy bái thần linh. Lợi dụng dịp đó A - lêch - xan - đơ nói mấy câu không thể nào hiểu được, nhưng luôn nhắc đến thần A - khơ - lơ - phi át. Y vừa nói lảm nhảm vừa chạy đến bên một cái hố bùn cầu xin thần giáng lâm vào thành phố. Y xin các thị dân một cái chén, vươn tay lấy quả trứng dấu sẵn trong người ra, nói y đã nắm được thần A -khơ -lơ - phi - át (vì thần thoại nói thần đã từng hoá thân thành con rắn). Khi mọi người đang nửa tin nửa ngờ, y xé vỡ quả trứng ra, quả nhiên từ trong quả trứng, một con rắn nhỏ bò ra, con rắn không những ngọ nguậy mà còn quấn vào tay y . Sự kiện này lập tức làm náo nức tất cả già trẻ gái trai có mặt tại

chố lúc đó, họ đồng thanh hoan hô, vui mừng chào đón thiên thần giáng lâm lúc đó, A - lêch - xan - đơ chạy vội về nhà, chui vào căn buồng nhỏ đã bố trí sẵn cái đầu rắn và con mãng xà khổng lồ. Y ôm con mãng xà cho nó quấn quanh cổ mình cho đuôi nó quấn qua người vòng qua trước ngực và rồi quét xuống đất, còn cái đầu thì giấu vào nách y, còn cái đầu rắn giả kia thì thò ra cạnh đám râu của y, trông cứ như con rắn có dáng người. Trong căn buồng tranh tối tranh sáng, những con người xúc động kinh ngạc và hy vọng được thiên thần ban phúc lành kia, theo thứ tự lần lượt chen qua gian phòng. Mọi người kinh ngạc nhất là con rắn con lập tức biến thành con mãng xà khổng lồ hình người, mà người ta có thể tự tay sờ lên thân và đuôi con rắn khổng lồ. Mọi người hoàn toàn tin tưởng . Tin tức lan nhanh dân các vùng đều đến cầu xin thiên thần phù hộ. Sau khi đã lừa bịp được người A - lêch - xan - đơ bắt đầu phát ra những lời tiên tri và những lời thần dạy. Y yêu cầu mọi người ghi những điều muốn hỏi và nhất là những điều muốn biết vào một cái trục uốn, cuộn lại dùng bạch lạp phong kín, đưa cho y đưa vào điện thờ sau đó cho trợ tế lần lượt theo thứ tự mà tuyên bố và đưa cuộn trục cuốn vẫn giữ nguyên lớp bạch lạp phong kín trả cho từng người, trong đó đã có lời giải đáp. Thực ra thì y đã dùng một cái kim dài đã nung nóng mở phong bạch lạp ra, theo câu hỏi mà điền đáp án. Mọi người vô cùng vui mừng và thoả mãn trước tình hình đó. Cho nên người đến xin

chỉ thị của thần rất đông, có người một lần xin hỏi rất nhiều thứ. Mỗi một câu chỉ thị của thần nạp một Đơ-ra-khơ-ma lẻ hai A pô lôt. Số tiền tuy không lớn nhưng tích tiểu thành đại, mỗi năm y thu về 7 đến 8 vạn Đơ-ra-khơ-ma. A - lêch - xan - đơ chia một phần khoản thu nhập đó cho những người hầu hạ, người giúp việc, người dò la tình hình, người biên chép chỉ thị của thần, người làm ấn niêm phong và người giải thích ý thần.

Tuyệt đại bộ phận y cho vào túi riêng của y. (1)

Ngoài những kẻ lợi dụng mê tín để lấy tiền một số thầy mo, thầy tôn giáo và bọn vô lương khác còn lợi dụng trò bịp cầu thần nhập xác để làm nhục phụ nữ. Theo "Trùng san tịch tà kỷ thực" một người nọ ở vùng Tương Đàm ép vợ và con dâu theo đạo thiên chúa... qua kẽ hở trên bàn, người con dâu thấy mẹ chồng ngồi đối diện với giáo chủ vẻ mặt sượng sùng xấu hổ, giáo chủ ngậm nước vào miệng phun lên không rồi cởi trần truồng ra nằm xuống đất... làm xong cái trò đồi bại ấy, giáo chủ lại ngậm nước phun, người mẹ chồng lúc đó mới như tỉnh cơn mê. Đây là một tội ác lớn mà giáo sĩ truyền giáo ngoại quốc đã phạm ở Trung Quốc trong lịch sử cận đại. Đầu thế kỷ 20 này, lại có một việc làm rung động cả nước Nhật. "Giáo chủ phụ" của Đại bản giáo là Xuất khẩn Vương tam Lang, cũng là một tên đầu sỏ

(1) " Vô thần luận sử thoại "do Khang Hy Thái chủ biên tiết 4 chương 1. quyển hạ

tội phạm lợi dụng giáng thần nhập xác để hoạt động phạm pháp. Y thường dùng phép "chấn hồn quỷ thần" để làm nhục phụ nữ, lừa lấy vàng bạc. Những chuyện ghê tởm ấy vẫn tồn tại ở Trung Quốc ngày nay. Những sự thật về mặt này, đã được nêu ra trong "lời dẫn" sách này. Ngoài đó ra, còn có thể dẫn ra nhiều thí dụ khác. Như một gã thầy cúng ở vùng sơn trại vùng núi non biên giới phía nam Tứ Xuyên đã lợi dụng tâm lý muốn có con trai, miệng đọc kinh đọc chú, bịa ra chuyện nói y đã lên tiên, đã gặp Ngọc hoàng, đã hoá công quả, có thể chữa khỏi bách bệnh, nói láo rằng thần tiên sai y đi giao phối ba năm, chỉ sinh con trai không sinh con gái, để duy trì nòi giống người. Một số phụ nữ đã mắc lừa y. Một vùng nọ ở Triều Dương, Liêu Ninh, một gã lao động cải tạo được thả, vừa 38 tuổi tự xưng là Thần hán trăm tuổi, khoe rằng có thể gọi đại tiên nhập xác, rồi lại nhập vào phụ nữ, thì có thể chữa khỏi mọi bệnh của phụ nữ và làm cho người đó sống lâu. Những trò bịp thô lậu vụng về đến thế mà vẫn có người tin. Một đảng viên nông thôn đã mời "thần hơn trăm tuổi" kia về "chữa bệnh" cho vợ và đứa con gái vừa thành niên của mình, để cho y chà đạp nhân phẩm vợ con.

Dùng trò bịp cầu thần nhập xác để làm hại người chống lại mình hoặc kẻ thù của mình cũng là một trò bịp quen dùng của các thầy mo hoặc của kẻ có dụng ý

xấu. Ví dụ Mi - man - chai ở Man - kinh - tai, châu tự trị dân tộc Tai ở Xi - xoang - ban - na, vốn là người Ma - chai, năm 1944 bị vu là quỉ tì bà [1], bị đuổi khỏi Man - chai. Mi - man - chai xin được cư ngụ ở Man - kinh - tai, người đứng đầu Man - kinh - tai đồng ý, nhưng đòi Mê - man - chai phải sắm gà, lợn cúng ma. Mi - man - chai nuốt nước mắt vay người đứng đầu tiền mua một con lợn, 20 con gà, 10 bát rượu, 20 đôi nến để tế ma trại. Thế là sau đó cả nhà Mi - ma - chai phải đi làm không công cho người cầm đầu trại, để trừ nợ. Sau nấy năm vất vả cả nhà, Mi - man - chai coi như đã trừ hết nợ, lại đào được một cái ao lớn để thả cá và trồng được một đám cây lồng đèn (?). Sau cải cách ruộng đất, Mi - man - chai không phải nghe theo sự sai bảo của địa chủ nữa. Địa chủ Trách Nham Thiêu rất ức vì việc đó, lại muốn chiếm đoạt cái ao thả cá và vườn cây lồng đèn của Mi - man - chai, thế là tìm mọi cách để làm hại Mi - man - chai. Năm 1959, cô gái Ngọc Han của Mi - xi - ma ốm, Trách Nham Thiên liền tung ra dư luận nói Mi - man - chai là ma tì bà, chính là Mi - man - chai làm Ngọc Han ốm, nhưng rất may là Ngọc Han chóng khỏi, cho nên Trách Nham Thiên không thể đuổi ma tì bà Mi - man - chai được. Tuy vậy, tên địa chủ vẫn đòi Mi - man - chai mua một con lợn, 20 con gà,

(1) Người bị quỷ tì bà ám, có thể hại người

20 quả trứng để cúng ma. Năm 1963, Ngọc Khiếu Bính ốm, Trách Nham Thiên liền xúi dục Ngọc Khiếu Bính cầm một nắm xôi, trong đó kẹp một đồng bạc thật đến nhà Mi - man - chai. Cùng lúc đó, bọn địa chủ phú nông khắp trại đều nói Mi - man - chai là quỉ tì bà và rồi suốt cả đêm hùa nhau đến dỡ nhà Mi - man - chai, đuổi cả 4 hộ thân thích của Mi - man - chai ra khỏi Man - kinh - tai. Thế là Trách Nham Thiên chiếm được đám rừng cây lồng đèn và cái ao cá của Mi - man - chai...

Dân tộc Cảnh Pha cũng có loại quỉ ác gọi là quỉ tỳ bà. Người ta đồn loại quỉ ác này thường ám các phụ nữ trung niên, ban đêm ra đường cắn người. Người bị quỉ ấy cắn sẽ sinh bệnh, phải giết lợn mổ bò cúng ma. Người ta nói, ai gặp loại quỉ đó phần lớn bị cắn chết, do đó người Cảnh Pha rất sợ giữ tì bà. Nếu thầy mo nói quỉ đó ám vào ai, thì người đó sẽ bị đuổi ra khỏi trại. Cô gái nào bị loại quỉ đó ám thì suốt đời không được lấy chồng, có khi người bị quỉ tì ám mà bị giết chết. Theo tài liệu điều tra lịch sử xã hội dân tộc Cảnh Pha, thì ở trại Bang Ngoã, huyện Lũng Xuyên, tỉnh Vân Nam, con trai của Sơn quan Tảo Đố ốm, thầy mo gieo bói nói bị hai người đàn bà trại dưới bị quỉ tì bà ám cắn phải. Mặc dầu đã giết bò cúng ma, người ốm cũng vẫn chết, Tảo Đố nổi giận cầm súng đến nhà hai người đàn bà kia, bắn chết 3 người nói là bị quỉ tì bà ám. Những

phụ nữ bị thầy mo nói là bị quỉ tì bà ám, phần lớn là những người không được thầy mo ưa.

Dân tộc Bạch có loại qui gọi là quỉ âm mưu. Nghe nói loại quỉ này bám vào người nào thì người đó sẽ có bản lĩnh đưa người khác đến chỗ chết. Nếu người bị quỉ ám kia viết họ tên ai đó vào một mảnh giấy, vẽ bùa lên rồi đốt đi, thế là người đó và không chết cũng ốm nặng. Có điều là chính người bị quỉ âm mưu ám cũng không tự biết được là mình bị qui ám mà phải do thầy mo tính ra mới biết. Trước khi thăm bệnh, thầy mo lấy một ít xương tóc người hoặc một chiếc giày rách vứt xuống ao hay chôn xuống đất, xong rồi thầy mới thăm bệnh, đọc chú, cầu thần. Khi thần đã nhập vào người rồi, sẽ đi mò ở ao hay đào đất, khi phát hiện được xương người tóc người, thầy mo muốn vu cho ai là quỉ âm mưu thì người đó lập tức bị coi là quỉ âm mưu.

Qua đây có thể thấy, cái gọi là quỉ âm mưu, hoàn toàn là do thầy mo phịa ra để hại người, là một thủ đoạn hèn hạ để làm hại người mà thầy không sai bảo được hoặc có thù oán gì với thầy mo. Xưa kia, trong những thôn làng của dân tộc Hà Nhì, hễ có người ốm, là đi mời thầy mo chữa bệnh. Thầy mo thường qui tội gây bệnh cho một phụ nữ nào đó trong làng. Người bị vu cáo có thể bị đánh chết ngay tại chỗ. Họ là những người thầy mo thù ghét.

Trong quan niệm của dân tộc Lê, có một loại phụ nữ bị "quỉ cấm" (quỉ hại người) ám, người ta gọi những

phụ nữ đó là "mụ cấm". Những phụ nữ bị quỉ cấm ám (phần lớn là trung niên hoặc nhiều tuổi), đều không biết mình bị quỉ ám. Loại quỉ này thường lìa xác mà đi lang thang ở nhà người khác hoặc ra đường tìm mồi muốn bắt ai thì "tung cái bao cấm" lên người đó, thế là người đó bị ốm. Xưa kia, trong thôn trại hễ phát hiện được "mụ cấm" thì người ta xúm lại lăng nhục hoặc trừng phạt đến chết. Có ba cách trừng phạt: Một là người đầu trại phạt đứng ra cùng với lũ cấp dưới công khai giết chết. Hai là gia đình "mụ cấm" phải giết trâu đen, chó đen, gà đen lấy máu, gọi là "ba loại máu đen" (tam hắc huyết), nhờ "đạo công" (loại đầu mục cấp dưới người đầu trại?) rửa sạch linh hồn, tức là khua chiêng, đánh trống, tưới máu đen lên người để đuổi quỉ. Ba là, khênh "mụ cấm" ra suối mà ngâm, trên đường đi dùng thương phấn(?) mà đánh vào giá võng, băng ca. Khi ngâm xuống nước, phải lột hết áo quần, cho trôi theo nước, rồi dùng áo quần mới sạch mặc cho. Ngâm rửa xong thì nhà phải đóng cửa ba ngày, để trở thành người đàn bà linh hồn trong sạch. Những người bị chỉ là "mụ cấm" là những người bị "đạo công" thù ghét.

Những hiện tượng vì chữa bệnh bằng cầu thần nhập xác mà chết đã xảy ra không ít. Ví dụ, ở ngoại ô Thượng hải có một nông dân mắc một chứng bệnh khó chữa, một bà mo nói "bảo đảm chữa bệnh này ". Sau hai tháng

chữa trị, người bệnh đã chết trong khi chữa. Một cô gái làng Ngoã Tà, huyện Ninh, tỉnh Cam Túc bị đau ruột thừa cấp tính ở nhà mời bà mo "pháp quan" chữa 3 - 4 ngày, kết quả bệnh tình nặng thêm, đã chết trên đường chuyển đến bệnh viện. Đương nhiên, có nơi người ta đã giết chết thầy mo vì chữa làm chết người. Ví dụ, dân tộc Lạc - Ba có loại thầy mo gọi là "Nữu bố" Nếu nhiều lần cầu thần chữa khỏi được bệnh thì tiếng tăm lừng lẫy, được tín nhệm. Nhưng người cầu thần mà chết, "Nữu bố" "sẽ bị coi là đã ăn mất người bệnh", vì "Nữu bố" đã biến thành quỷ ác rồi. Thế là Nữu Bố không những bị căm ghét, mà thường thường còn bị giết chết. Tương truyền dân tộc Nộ có một loại thầy mo gọi là "Ni -Ma". Các thầy mo này có thể dùng mắt thường mà thấy được các loại yêu ma hại người, lại có thể biết rõ tình hình đời sống dưới âm phủ của người đã chết. Vì thế các thầy mo này không những có thể xem bệnh chữa bệnh cho người ốm mà còn có thể xuống âm ty tìm bắt hồn phách đã mất đi đem về. Do đó, thầy Ni -Ma cũng có thể hại người, bắt hồn người để người ta phải chết. Nếu ai đêm ngủ mơ thấy chim sẻ bay đến, sáng sớm hôm sau lại gặp Ni - Ma, hoặc là trong khi ốm đau, thậm trí thất thường, gọi tên một Ni Ma nào đó, thế là những người đó sợ hãi cho rằng linh hồn mình đã bị Ni Ma bắt mất rồi, phải mời một Ni Ma khác chiêu hồn cho. Vì Ni Ma có

thể chữa bệnh, hoàn hồn, lại vì Ni Ma, có thể bắt mất hồn, và chữa bệnh thì đòi nhiều tiền, cho nên người ta nói chung thường có tâm lý xa lánh Ni Ma giữ thái độ "kính nhi viễn chi". Trong lịch sử đã từng có chuyện vì nghi ngờ Ni Ma bắt hồn, do đó mà đánh đuổi Ni Ma, giết chết Ni Ma.

Những hiện tượng trừng phạt thầy mo đã được nghe nói nhiều trong các dân tộc nguyên thuỷ ở nhiều nơi trên thế giới. Vì thầy mo có ma lực lớn, người ta nể sợ. Một cộng đồng càng cảm thấy được lực lượng của thầy mo lớn thì càng cần đến lực lượng đó. Vì vậy, địa vị của thầy mo trong xã hội thường được thừa nhận là đặc biệt, nhưng vì lực lượng siêu phàm đó của thầy mo, người ta khó mà chịu đựng được, do đó thầy mo lại thường bị phản đối, thậm chí bị làm hại.

Đương nhiên chúng ta không thể coi việc các thầy mo dùng được các thủ đoạn bịp bợm là trách nhiệm mà chỉ riêng các thầy mo phải gánh chịu. Chúng ta phải biết rằng, các thầy mo bịp được người ta, còn vì người ta ngu muội. Câu chuyện người đảng viên nông dân tin lời tên tội phạm, coi nó là "thần hán trăm tuổi" đem vợ con cho nó hại đã nói trên, cho thấy rõ điều đó. Càng đáng buồn hơn nữa, mẹ con người đã bị tên "thần hán trăm tuổi" kia dày dạp lại "cảm thấy tốt đẹp" ! Sự ngu muội đã đến độ không còn biết sỉ nhục là gì?

Tháng 2 năm 1980, ở Tứ Xuyên đã xảy ra một vụ án nghiêm trọng, dùng thủ đoạn mê tín lừa bịp lấy tiền và giết chết một lúc 13 người của hai gia đình, vụ án đã xảy ra ở huyện Kì Giang tỉnh Tứ Xuyên. Vụ án chứng tỏ sự ngu muội đã đưa đến kết quả bi thảm thế nào. Tên tội phạm Tạ Hiển Cát tự xưng là "khôi tinh xuống trần" "thường xuyên qua lại giữa trần gian với thượng giới, báo trời những việc thiện ác của trần gian và phổ độ chúng sinh". Bí thư công xã A - liệt huyện Chức Kim là Trương Thịnh Hoằng và công nhân công ty thăm dò địa chất mỏ than Quí Châu là Trương Thanh Hồng hết sức tin lời bịp bợm của tên tội phạm, đã bị nó lừa cướp đi 1600 Nhân dân tệ. Tên Tạ Hiển Cát lo sợ việc bịp người lấy tiền của y bị bại lộ quyết định dùng câu chuyện hoang đường "lên trời thành tiên" đưa cả hai gia đình họ Trương ngu muội kia đi giết. Hai kẻ họ Trương ngu xuẩn tin lời bịp, cùng với nó tổ chức đưa vợ con "lên trời thành tiên". Kết quả 8 đứa con cả trai lẫn gái của Trương Thịnh Hoằng bị lùa vào một cái hang núi giết sạch. Hai đôi vợ chồng thì bị tên Tạ trói chặt bằng thừng, buộc thêm đá, đẩy xuống sông sâu. Họ quyết làm thần tiên, cho đến chết chưa tỉnh ngộ. May sao Trương Thanh Hồng khi vừa rơi xuống nước thì chợt tỉnh, cố sức dãy thoát được, tố cáo với chính quyền. Tên Tạ bị xử tử theo luật pháp.

Vụ án "máu thần tiên" mà báo "Pháp chế Tứ Xuyên" đưa tin thật đáng cho mọi người suy nghĩ : Một nông dân huyện Lăng Trung tự xưng là "Ngọc hoàng đại đế",

phong cho mẹ là "Vương Mẫu nương nương", chị gái là "Vương Diệu Chân", đứa con lớn 13 tuổi là "Đại tướng quân" đứa con trai bé lên tám là "Tiểu hoàng đế" và định đưa tất cả lên trời. Cơm no rượu say, chải chuốt trang điểm xong, "Ngọc hoàng đại đế" đem cả đám "quần tiên" nằm xếp hàng liền nhau dưới đất đập chết, xéo chết. Vợ y, em trai y, tất cả 3 người không chịu được, chạy thoát được. "Ngọc hoàng đại đế" chưa kịp vào Linh lôi điện đã phải vào nhà lao. Đáng buồn là, không ít người trong làng cho rằng chỉ vì công phu tu luyện chưa đủ, nên lão ta chưa lên trời được !

Bên cạnh những tổn thất vừa kể trên, phải tính đến những lãng phí rất lớn do tục cầu thần nhập xác gây ra. Sách "Chính đức quỳnh đài chí" nói rằng Đông Pha (Chu Đông Pha, tức Tô Thức nhà chính trị, nhà văn lớn đời Tống -- ND) nói, dân địa phương "ốm không uống thuốc, chỉ giết bò cũng lễ, có nhà giết đến mười mấy con, người chết vẫn không thể sống lại. May mà không chết, thì của cải cũng về tay thầy mo". Sách "Hắc long giang chí cảo" cũng nói xưa kia cầu thần", Thần nói tế bằng ngựa thì giết ngựa, tế trâu thì giết trâu, tế cừu thì giết cừu, thường giết rất nhiều mà người ốm vẫn chết, nhà cũng khánh kiệt". Đến nỗi một số người hiểu biết phải kêu lên : "Đừng bảo cầu thần mà thiệt bữa ăn thường" .

Ngày 29 tháng 3 năm 1990, xã Đại Dao huyện Lưu Dương tỉnh Hồ Nam làm lễ đón tiếp Khâu tiên cô, số người tham gia lên đến 7000 người, đội ngũ 6 - 7 người một hàng xếp dài đến 2 km, cờ màu cỡ to 500 lá, hương

án, kiệu thần 20 bộ. Từ 5 giờ sáng đến 10 giờ đêm, đoàn rước tế đi qua 32 thôn thuộc 3 xã, trên chặng đường hơn 50 km, hết 17 tiếng đồng hồ. Trong đoàn người đi rước, có đảng viên, đoàn viên, cán bộ về hưu. Trước những hoạt động mê tín như vậy, các ngành các cấp vẫn bật đèn xanh, nông dân bỏ cày bừa, học trò bỏ học, nhà máy pháo hoa cấp cho mỗi công nhân viên chức một nghìn quả pháo đỏ... Những khoản lãng phí lớn do hoạt động cầu thần nhập xác như vậy gây ra ở Trung Quốc xưa nay không ít, ngay cả nước Trung Quốc ngày nay cũng không phải diễn ra ngẫu nhiên và chỉ ở một vài nơi. Nó diễn ra nhiều không chỉ ở những vùng biên giới lạc hậu mà ở cả những vùng đã thoát khỏi nghèo đói, bắt đầu bước lên đoạn đường no đủ, nhưng vẫn chưa thoát khỏi ngu muội. mức độ lãng phí của nó, có thể tưởng tượng mà thấy được.

## TỆ TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC THÚC ĐẨY SỰ HÌNH THÀNH VÀ DUY TRÌ TÂM LÝ MÊ TÍN.

Tệ tục cầu thần nhập xác và những "thể nghiệm thần bí"của nó đã có tác dụng thúc đẩy sự hình thành và duy trì tâm lý mê tín.

*1. Tục cầu thần nhập xác với sự hình thành và phát triển tâm lý mê tín của nhân loại thời xa xưa.*

Sự hình thành và phát triển tâm lý mê tín của loài người từ thời xa xưa. theo một số nhà nhân loại học là do sự hiểu sai của người nguyên thuỷ về giấc mơ, những

hiện tượng lạ, những ảo giác, những cơn điên và những hiện tượng khác cùng loại. Kết quả nghiên cứu về tôn giáo nguyên thuỷ, xã hội sử nguyên thuỷ, nhân loại học văn hoá cổ đại cho thấy, quan điểm đó về cơ bản là đúng. Nhưng quan điểm đó chung chung quá. Tác giả cho rằng, sự ra đời, phát triển của tâm lý mê tín của loài người thời xa xưa, có thể chia làm hai giai đoạn, một là giai đoạn phát sinh sơ bộ, hai là giai đoạn hình thành toàn diện. Trong giai đoạn thứ hai, "Những thể nghiệm thần bí" của việc cầu thần nhập xác có tác dụng tăng cường sự hình thành toàn diện tâm lý mê tín của nhân loại thời kỳ đầu. Nói cụ thể hơn, ở giai đoạn phát sinh sơ bộ tâm lý mê tín của nhân loại, vì người ta cho rằng những giấc mơ, những ảo giác, những cơn điên và những hiện tượng lạ như động đất, lụt lội, núi lửa phun lửa.v.v... là do một lực lượng thần bí nào đó tạo ra, do quỉ thần điều khiển, và tưởng rằng có một thế giới quỉ thần. Cho nên mới nảy sinh tâm lý mê tín quỷ thần. Nhưng sự mê tín quỉ thần ở giai đoạn này chủ yếu là xuất phát từ tâm lý sợ hãi (trong đó đương nhiên cũng chứa đựng cả những sự cầu khẩn vu vơ). Trong những hiện tượng lạ nói trên, trong ý nghĩ của người nguyên thuỷ, quỉ thần xuất hiện dưới hình ảnh những kẻ gây ra nguy hại, mà chưa thấy những tác dụng "thiện" thể hiện đối với con người, mà chỉ tạo ra sự huỷ hoại đối với tự

nhiên. Điều này tuy chưa ảnh hưởng trực tiếp đến sự mê tín của người nguyên thuỷ đối với quỉ thần, từ sự sợ hãi, người ta cũng có thể mê tín quỉ thần, trái lại rõ ràng đã ảnh hưởng đến sự sùng bái quỉ thần hơn nữa, bởi vì sự mê tín, sùng bái quỉ thần không chỉ vì sợ hãi, mà còn xuất phát từ chỗ mong có lợi. Huống gì sự sản sinh và phát triển tâm lý mê tín của loài người thời nguyên thuỷ tất cả chỉ xây dựng trên cơ sở tưởng tượng. Thế giới quỉ thần mà họ tưởng tượng cũng không phải là hoàn thiện. Tuy thế, cùng với sự xuất hiện tục cầu thần, đi âm phủ.v.v... xuất hiện người ta không những thấy quỉ thần tạo ra được những kỳ tích chữa bệnh, trừ hoạ, dự báo tương lai .v.v... cho người, mà còn thấy được người và quỉ thần có thể giao lưu trong thế giới quỉ thần siêu tự nhiên. Điều này khiến cho tâm lý mê tín quỉ thần phát triển từ sự sợ hãi sang sự sùng bái, vừa sợ hãi vừa kính nể. Cơ sở của tâm lý mê tín không chỉ còn lại sự tưởng tượng mà còn có cả những "thể nghiệm chân thực". Trên cơ sở mới này, thế giới quỉ thần phong phú hơn, hoàn thiện hơn. Rất có thể thế giới quỉ thần và những đề tài thần thoại liên quan đến sự chết chóc đều là kết quả của những thể nghiệm của người cầu thần nhập xác : Trong trạng thái xuất thần, người ta du lịch đến thế giới khác. Những chỗ họ đã qua, những người họ đã gặp ở đó, họ đã miêu tả tỉ mỉ. Vì thế cái thế giới u minh chưa biết

và đáng sợ kia đã có hình dạng, và được tổ chức theo một hình thức đặc thù nào đó, cuối cùng thể hiện ra một kết cấu nào đó, cùng với thời gian, nó dần dần được người ta quen biết và chấp nhận. Trái lại, những cư dân siêu tự nhiên của cái thế giới u minh kia cũng trở nên có thể trông thấy được, chúng đều có một hình dạng, một nhân cách nào đó, thậm chí xây dựng lên cả một bộ truyện ký. Cứ thế, lâu dần, thế giới u minh không còn là không thể biết được nữa. Những lời kể lại những cuộc du lịch thế giới thần linh của các thầy mo và của những người cầu thần nhập xác đã có tác dụng rất lớn đối với việc "tinh thần hoá" thế giới u minh. Cái thế giới ấy không ngừng được làm phong phú thêm bằng nhiều hình thức và nhân vật kỳ diệu [1]. Ví dụ cảnh quan thiên đường và vị thần bảo vệ thể hiện trong thần thoại Côn Lôn nước ta rất có thể là những thể nghiệm ảo giác của các thầy mo cổ đại được ghi chép lại. Vị Cốc thần nói là được trông thấy trong khi làm "Miêu gia đạo" của dân tộc Miêu chưa hẳn hoàn toàn là bịa đặt mà rất có thể là một "hình chiếu tâm linh" (ảo ảnh), mà cũng có thể là một ảo ảnh khách quan, càng làm cho người ta tin rằng có một vị Cốc thần thật, càng làm cho người ta sùng bái Cốc thần hơn nữa. Thực chất của "thế giới quỉ thần" là như vậy. Lại như những chuyện kể về thể nghiệm

(1)"Thần bí chủ nghĩa, vu thuật dữ văn hoá phong thượng" trang 49-50

xuất thần trong một số sử thi và Xa-man trong văn học truyền miệng dân gian của Xi-bê-ri, Trung Á, Pôlinixia và các bộ lạc Bắc Mỹ có nhiều chỗ rất giống nhau, ví dụ để triệu được linh hồn người chết trở về, Xa-man phải vượt nghìn gian khó, xuống tận địa ngục, các anh hùng sử thi cũng phải chịu đựng muôn nghìn gian nguy thử thách mới tìm được linh hồn người chết trở về. Ec-phut đã phải vượt qua bao nhiêu nguy hiểm khó khăn mới tìm được và đưa được linh hồn vợ trở về là một ví dụ.

Chính là dưới tác dụng tăng cường của những "thí nghiệm "Thần bí" trong tục lệ cầu thần nhập xác mà tâm lý mê tín mới hình thành toàn diện.

*2. Sự lan tràn và duy trì tục lệ cầu thần nhập xác và tâm lý mê tín*

Nhìn lịch sử Trung Quốc và nước ngoài qua các thời đại, thì thấy tác dụng của quỉ thần không phải lúc nào và ở đâu cũng linh nghiệm. Tác hại của sự mê tín không thể nào kể hết. Những thủ đoạn lợi dụng mê tín không ngừng được vạch trần. Thế mà, đến nay, trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, tâm lý mê tín vẫn còn đất sống. Tại sao vậy? Nguyên nhân của hiện tượng này rất nhiều. Sự phát triển cao của kinh tế hàng hóa làm cho cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Dịp may vận rủi của người ta thay đổi trong chốc lát và đời sống của người ta ở đâu, lúc

nào cũng trở nên bấp bênh, người ta chỉ còn gửi gắm hy vọng vào sự phù hộ của thần linh và vận may trong kiếp khác. Thế là tư tưởng tôn giáo có điều kiện đi sâu và cắm rễ sâu trong tâm lý người ta. Ở nước ta, di độc mê tín phong kiến chưa được quét sạch, văn hoá khoa học còn rất lạc hậu. Ở nước ta, từ lâu đã hình thành một quan niệm "thần linh vô tội", vì thế nếu cầu thần mà không được thì cũng không bao giờ dám đổ lỗi cho thần mà chỉ quay lại "kiểm tra mình, trách cứ mình". Cần phải nói thêm rằng, sự trỗi dậy và phát triển của tệ tục cầu thần, đến những thể nghiệm thần bí, do đó đã làm tăng thêm tâm lý mê tín. Đây cũng là một nhân tố quan trọng không thể coi thường làm cho tâm lý mê tín lan tràn và phát triển. Điều này thể hiện ở :

Trước hết, cùng với sự phát triển của nhân loại, tục lệ cầu thần, dưới tác dụng của các thầy mo, các nhà tôn giáo, đã từ hình thức "khiêu thần" thời viễn cổ, dần dần phát triển sang các hình thức "tẩu âm", "phù kì", "vũ tiên đồng", "xướng thần tiên", "thỉnh lam thần", "viên quang", "nhập định", "tiểu chuyển bản", "linh vận bàn", "khuynh trác thuật", "hội giáng thần".v.v... rất phong phú. Một phần các hình thức này không chỉ tồn tại phổ biến ở nước ngoài mà được bảo tồn khá hoàn chỉnh ở một số vùng nông thôn nước ta, ngay cả ngày nay. Mấy năm gần đây, những hoạt động ấy còn phát triển lên nữa. Nếu nói rằng, với tục "khiêu thần" cổ đại, chỉ có các thầy mo

là có thể nghiệm về thế giới qui thần, thế thì, sự xuất hiện của các hình thức đa dạng vừa kể, rất nhiều người có thể thể nghiệm được sự tồn tại của thế giới qui thần, tâm lý mê tín lan tràn mạnh mẽ. Theo tài liệu điều tra, ở nước Mỹ cứ 5 người dân thì có 4 người đã từng có thể nghiệm tâm lý từ linh cảm đến đối thoại với người chết. Ở Mỹ vậy, ở các nước Phương Tây khác cũng vậy. Số người tin đạo ở Phương Tây sở dĩ nhiều như vậy, ngoài nguyên nhân xã hội ra, còn có quan hệ với tình hình trên.

Thứ nữa, sự phát triển và có thêm nhiều dạng thức cầu thần đã làm cho một số người vốn không tin hoặc nửa tin nửa ngờ, do tác dụng kích thích trực quan mà thay đổi lập trường hoặc càng mê tín hơn. Đó cũng là nguyên nhân lan tràn và duy trì tâm lý mê tín. Ví dụ, theo tài liệu điều tra, ở nước ta một số người từ chỗ nửa tin nửa ngờ đến chỗ hoàn toàn tin, chỉ vì nguyên nhân họ thấy trong "vũ tiên đồng", có người không học hành gì mà biết múa quyền đánh côn, trong "xướng thất cô nương", có người không học hát mà biết hát, trong "đấu âm quyền", có người sau khi cầu thần nhập xác, "sức khoẻ tăng lên gấp mấy lần lúc bình thường", sau lên đồng, một số người có sức chịu đau kỳ lạ và những hiện tượng kỳ lạ khác như đũa tự nhiên nhảy múa trong trò "cầu thần đũa".v.v... Chính là tác dụng kích thích trực

quan của những hiện tượng "thần bí" đó đã làm nhiều người thay đổi thái độ từ nửa tin nửa ngờ đến chỗ tin hoàn toàn. Một học giả Đài Loan đã hỏi một số tín đồ đạo Nhất quán rằng yếu tố gì đã làm cho họ tin đạo, có đến 70% số người được hỏi trả lời là vì họ tận mắt thấy những hiện tượng kỳ lạ trong "phù ky". Có nhiều thí dụ cho thấy có người chưa tin hẳn, thậm chí chưa bao giờ tin quỉ thần, chỉ vì tai nghe mắt thấy những hiện tượng kỳ lạ, thần bí nào đó trong những cuộc cầu thần mà thay đổi thái độ.

Quyển 6 sách "Cận ngũ thập niên kiến lục" của Chu Vận Dung kể : "Ông Lư họ ta, xưa nay không tin vu thuật. Ông từng đến nhà người tá điền họ Trần ở thôn Ngưu Lộ vào lúc nhà này mời thầy cúng cầu hồn ông bố đã mất. Ông Lư chưa vào đến nhà người kia thì thầy cúng nói với chủ nhà họ Trần ở sân rằng: "Ông chủ họ Chu sắp đến, hãy chuẩn bị trà nước đón tiếp và giao nạp 14 đấu 3 thùng thóc tô". Chủ nhà cười là nói vu vơ nhưng cũng lấy làm lạ là tại sao thầy cúng lại biết số tô phải nạp. Đến khi ông Lư vào đến nhà thì mọi người đều kinh ngạc cho thầy cúng là thần. Ông Lư hỏi việc gì mà rộ lên thế? Người tá điền họ Trần kể lại sự việc, ông Lư cũng lấy làm lạ. Từ đó ông Lư rất tin vu thuật còn hơn cả người khác". Tạp chí "Vũ trụ phong" (số B) đưa tin, một "người vô thần" nhất quán, sau mấy

lần nghe kể chuyện về phù ky, đã tò mò đến tận nơi xem, sau đó bênh vực cho hoạt động phù ky.

Năm 1955, giáo sư danh dự khoa Hóa học, trường đại học Pen-xin-va-ni-a, nước Mỹ tên là Rô-bớt-Halơ đã xuất bản một quyển sách rất không bình thường. Tên gọi đầy đủ của cuốn sách là : "Nghiên cứu thực nghiệm về hiện tượng quỉ thần đã chứng minh sự tồn tại của quỉ thần và sự giao lưu giữa quỉ thần với người sống : Học thuyết thế giới quỉ thần và thiên đường, địa ngục, đạo đức và thượng đế và ảnh hưởng của kinh thánh đối với đạo đức tín đồ Cơ đốc giáo." Bộ sách này là một mớ tạp pí lù lớn về nghiên cứu tâm linh và thần học. Trong sách, Hai-lơ đã kể ông đã bắt đầu nghiên cứu về tâm linh như thế nào, kết quả từ là một người hoài nghi học thuyết vô thần mà biến thành một tín đồ ngoan đạo. Không những ông đã kể lại những biểu diễn xuất sắc của những người cầu thần, mà ngay bản thân ông ta cũng biến thành một người cầu thần. Những người nói trên đã thay đổi lập trường từ không tin quỉ thần sang tin quỉ thần, qui đến cùng là có những nguyên nhân xã hội, nhưng không chỉ giản đơn đưa ra nguyên nhân xã hội là đủ. Nếu nói rằng nguyên nhân xã hội đã khiến một số người có tâm lý mê tín, làm tâm lý đó lan tràn và duy trì lâu dài thì chưa đủ , bởi vì nếu không có sự trỗi dậy của tục cầu thần và các dạng thức cầu thần không

phát triển phong phú và có những thể nghiệm thần bí thì tình hình trên sẽ xuất hiện chậm hơn nhiều. Chính là vì tục cầu thần nhập xác đã tạo ra những tác dụng kích thích trực quan và những thể nghiệm thần bí và vì ảnh hưởng của tâm lý "quỉ thần vô tội", cho nên tác dụng của quỉ thần không linh nghiệm là chuyện thường thấy mà người ta vẫn tin quỉ thần, chỉ chú ý đến những chuyện linh nghiệm mà không nhấn mạnh những trường hợp không linh nghiệm. Như nhiều lời tiên đoán của những kẻ cầu thần, phần lớn là những lời nói lấp lửng, giải thích thế nào cũng được, làm nhiều người tin là đúng, còn cái phần không được thực tế chứng minh thì người ta quên, không nói đến. Thậm chí có người cầu thần để mong tránh được tai hoạ, gặp phúc may mà không kết quả gì, thậm chí có người chết ngay trong khi thầy mo đang giở trò phù phép, thế mà người ta lại khẳng định rằng đó là ý trời, hoặc lại qui tội cho người gặp hoạ : "bình sinh có tội, không được quỉ thần tha thứ", có người lại qui tội không thành kính tin tưởng hoặc đã có điều gì "bất cung" với quỉ thần, ví dụ phải chăng mình đã vi phạm điều cấm kỵ gì, hoặc phải chăng thầy cúng đã làm sai chỗ nào.v.v... mà chưa bao giờ nghi ngờ sự linh nghiệm của quỉ thần, không hề giảm lòng tin và sự sùng bái đối với quỉ thần. Như vậy gọi là "bên trong kiểm điểm tự trách mình", "bên ngoài tìm những hiện tượng khác

thường". Vì những lý do trên, tác giả cho rằng, ngoài nguyên nhân xã hội ra, còn một nguyên nhân quan trọng khác nữa : sự ngóc đầu dậy của tục cầu thần, sự phát triển phong phú các hình thức cầu thần, làm cho càng nhiều người nghe thấy nhiều hơn về thế giới quỉ thần và có thể nghiệm thần bí, do đó tăng thêm tâm lý mê tín. Bởi vì, trong tình hình nước ta hiện nay, tệ tục cầu thần nhập xác đang có cơ ngóc đầu dậy ở một số vùng nông thôn, làm thế nào để ngăn chặn, triệt tiêu ảnh hưởng tăng cường tâm lý mê tín do những hoạt động cầu thần nhập xác tạo ra.

# Chương IX

## NHỮNG CƠN ĐIÊN NHẢY MÚA, NHỮNG ĐỢT IT-STÊ-RI, THUỐC TẠO ẢO GIÁC VÀ NHỮNG CÁI KHÁC : NGUỒN GỐC, SỰ HÌNH THÀNH, SỰ TRUYỀN TIẾP VÀ SỰ LAN RỘNG CỦA TỤC CẦU THẦN.

Nguồn gốc, sự hình thành, sự truyền tiếp và sự lan rộng của tục cầu thần nhập xác là một vấn đề rất khó. Cho đến nay, chưa có học giả nào khảo cứu chứng minh. Vì tục giáng thần nhập xác có thể là có nguồn gốc từ xã hội thị tộc mẫu hệ khi chưa có chữ viết, những người dân nguyên thuỷ chưa có thể ghi lại sự thật lịch sử ấy, làm cho ngày nay chúng ta hoàn toàn không có tài liệu gì về nguồn gốc của tục cầu thần, gây khó khăn rất lớn cho chúng ta trong việc tìm hiểu nguồn gốc, sự hình thành, sự truyền tiếp và lan rộng của tục cầu thần thời nguyên thuỷ. Chúng ta chỉ có thể dựa vào thành quả nghiên cứu của các khoa lịch sử xã hội nguyên thuỷ, lịch sử tôn giáo nguyên thuỷ, khảo cổ học, dân tục học, văn hoá nhân loại học để đưa ra một số suy đoán.

## THỜI KỲ KHỞI NGUỒN VÀ THỜI KỲ HÌNH THÀNH TỤC CẦU THẦN.

### 1. Trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ - Thời kỳ khởi nguồn của tục cầu thần nhập xác

Tục cầu thần nhập xác rất có thể là ra đời cùng với sự ra đời của các thầy mo. Vì thế, tìm hiểu thời kỳ khởi nguồn của tục cầu thần nhập xác không thể không nói đến thời kỳ khởi nguồn của thầy mo.

*1) Về thời kỳ lịch sử thầy mo ra đời* (1)

Vì vấn đề thầy mo ra đời từ bao giờ, quan điểm của các nhà khoa học không nhất trí. Có người cho rằng quan niệm quỉ thần ra đời thì thầy mo ra đời ; có thuyết cho rằng thầy mo ra đời vào trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ ; có thuyết lại cho rằng vào vãn kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, có người lại cho rằng sơ kỳ xã hội phụ hệ cũng chưa có thầy mo, đến vãn kỳ xã hội nguyên thuỷ thì thầy mo mới phân hoá từ trong các tù trưởng... Tác giả tán thành quan điểm của giáo sư Tống trong sách "Thầy mo và vu thuật" cho rằng thầy mo xuất hiện vào trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, vì nó gần lịch sử hơn các thuyết khác. Qua những phát hiện khảo cổ học từ rất nhỏ ở một số vùng châu Âu, thấy rằng, mặc dù từ trung kỳ thời đại đồ đá cũ, đã có tục chôn người chết (đa số các nhà khoa học cho rằng, tập tục này chứng tỏ ngay từ thời đó đã

(1) Tài liệu về vấn đề này, chủ yếu dựa vào phần "Sự ra đời của thầy mo" trong tác phẩm "Thầy mo và vu thuật" của giáo sư Tống Triều Lân

có quan niệm tín ngưỡng linh hồn, cho nên nơi chôn người chết), nhưng chưa phát hiện được bằng chứng gì nói rõ thời kỳ đó đã có thầy mo. Sau đó ở Pháp, ở Tây Ban Nha đã phát hiện được nhiều tranh vẽ trên vách hang động thuộc hậu kỳ thời đá cũ (tức trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ), trong đó có rất nhiều hình mặt nạ hình thú, hình nhảy múa những điệu múa thần bí. Về những hình vẽ này, có người cho là phản ánh của điệu vũ tô tem. Những câu chuyện thần thoại dẫn dưới đây và những thực tế hiện còn có thể cho chúng ta suy đoán rằng, đó là hình ảnh những thày mo thời trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ.

Trước hết, nhiều thần thoại, truyền thuyết đều nói các vu sư trước hết là phụ nữ. Dân tộc Mông Cổ truyền nói Xa-man (Tát-măn - cũng có nghĩa là vu sư) trước hết là bà mo. Các dân tộc Duy Ngô Nhĩ, Ngạc Ôn Khắc, Tích Bá, người Thiết Lặc Đốn ở An Tai.v.v... đều truyền rằng Xa-man đầu tiên là nữ.

Người Ya-khút ở Xibêri cho rằng trước hết là các bà mo rồi sau mới có thầy mo.

Thứ hai, lịch sử tôn giáo thế giới cho thấy, các vu sư của các dân tộc Trung Quốc và nước ngoài là phụ nữ. Trong các dân tộc nước ta đã lưu truyền phổ biến chuyện phụ nữ làm bà mo, dân tộc Hán như vậy, các dân tộc Choang, Bố Y, Đồng, Dao, Miêu, Lê, Tày, Bạch, Di, Khương, Ngạc Ôn Khắc, Ngạc Luân Xuân, Hách

Tích, Tích Bá.v.v... tất cả đều như vậy. Theo thống kê, từ năm 1900 đến 1945, dân tộc Ngạc Luân Xuân có tất cả 39 xa-man, trong đó 24 người là nữ. Ở nước ngoài, trong các giáo chủ các tôn giáo dân gian mới xuất hiện trong thế giới cận đại, hiện đại của Nhật Bản, "số nữ chiếm một tỷ lệ hết sức lớn" và "hầu như toàn bộ những giáo chủ nữ ấy, đều có thể nghiệm "thần linh nhập xác",hình như là phụ nữ Nhật Bản có bản chất giỏi làm sứ giả của thần linh" (1). Có người đã nghiên cứu về án tử hình 1258 yêu vu (vu sư làm bậy) của miền Tây nước Đức từ 1562 đến 1864. Kết quả cho thấy 80% những vu sư bị hành hình là nữ. Tính chất phổ biến vu sư là nữ ấy cho thấy, sự ra đời của vu sư có nguồn gốc rất xa xưa.

Lại nữa, một số dân tộc tuy có nam vu (thầy mo), nhưng khi tiến hành những hoạt động tôn giáo, các thầy mo phải cải trang làm nữ. Như nam xa-man của dân tộc Mân, khi mời thần đều phải mặc váy nữ vu. Các nam vu các dân Dao, Lê, khi cầu thần thì trước ngực phải đeo vú giả của nữ vu.

Các nam xa-man người Ya-khut Xibêri cũng phải đeo vú giả bằng kim loại trước ngực, khi làm phép phải đeo tóc giả phụ nữ. Trong các tín đồ đạo Islam vùng Trung Á, cho đến nay, các xa-man vẫn để một món tóc dài như phụ nữ. Việc nam vu cải trang thành nữ vu như vậy, mới nhìn rất buồn cười, nhưng chính nó đã cho thấy,

(1) "Bí mật cơn sốt tôn giáo hiện đại" của Tiểu Diên Tấn (Nhật). NXB Công nhân.C tháng 5 năm 1989. trang 60-61

ác vu sư đã xuất hiện trong nữ giới của xã hội thị tộc mẫu hệ. Trong xã hội thị tộc mẫu hệ, phụ nữ không chỉ là lực lượng chính trong sản xuất, đời sống sinh đẻ, mà còn là cái gốc của huyết thống, phụ nữ quản lý mọi việc của thị tộc, là thủ lĩnh của thị tộc, do đó vu sư do chủ thị tộc kiêm nhiệm là hợp lý hợp tình. Nhưng cùng với sự xuất hiện chế độ phụ quyền, nữ vu đã dần dần được nam vu thay thế. Nhưng trong lĩnh vực này, vai trò thống trị của phụ nữ tương đối vững chắc. Ngay sau khi đi vào xã hội phụ quyền, các nữ vu vẫn còn thế lực nhất định, trong một số xã hội, vai trò nữ vu vẫn được duy trì, thậm chí trong nhiều dân tộc , các xa-man nam vẫn phải cải trang thành nữ giới. Trên thực tế , đây là cuộc đấu tranh giữa mẫu quyền và phụ quyền phản ánh trong vấn đề vu sư.

*2) Vu sư ra đời vì nhu cầu liên lạc với thần.*

Vì nhu cầu liên lạc với thần, vu sư đã ra đời. Sự ra đời của vu sư còn có quan hệ mật thiết với việc hình thành quan niệm sùng bái tổ tiên. Đó là vì :

Ở trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, vì huyết thống được tính theo mẫu hệ và quan niệm huyết thống của mọi người rất mãnh liệt, đặc biệt là vì trong phạm vi thị tộc mẫu hệ, những thành viên trong gia tộc cùng lao động, cùng sinh hoạt, cho nên quan niệm huyết thống của họ càng trở nên trực tiếp và thân mật. Trong những cộng đồng như vậy, người nữ tù trưởng và những nữ thủ

lĩnh khác càng có điều kiện chăm sóc con cái của gia tộc mình. Như thế người ta rất tôn kính những nữ thủ lĩnh trong gia tộc mình, thậm chí các thủ lĩnh đó chết rồi vẫn được các thế hệ sau tôn kính. Và thế là quan niệm sùng bái tổ tiên hình thành. Đương nhiên người ta sùng bái tổ tiên không chỉ đơn thuần vì tưởng nhớ, mà quan trọng hơn là cầu mong được linh hồn tổ tiên mình từ trong cõi u minh, phù hộ độ trì con cháu, làm cho họ tránh được tai hoạ và bất hạnh. Nói khác đi, người ta sùng bái tổ tiên tức là muốn gửi gắm hy vọng của mình vào vong linh tổ tiên. Nhưng giữa người và quỉ thần không thể có liên hệ trực tiếp. Thế mà cần có một loại sứ giả làm môi giới giữa quỉ thần với người sống. Chính là để đáp ứng nhu cầu đó, sứ giả trung gian giữa quỉ thần với người sống - vu sư, đã ra đời. Thế thì, tốt nhất nên chọn ai đây? Không nghi ngờ gì nữa, người đáng chọn nhất phải là nữ tù trưởng hay nữ thủ lĩnh khác. Trong truyền thuyết một số dân tộc, ở thời viễn cổ , giữa trời và đất có thang trời, bất cứ ai cũng có thể trèo thang đó mà lên trời. Về sau thang gãy, người thường không thể lên trời được nữa. Vậy là sự liên hệ giữa trời và đất, giữa thần với người, phải có một loại người trung gian đảm nhiệm, người trung gian đó là nữ vu. Một bức tranh thần mà xa-man dân tộc Tích Bá còn lưu truyền đến nay đã làm chứng cho sự suy đoán này : phần trên bức tranh đó, có một phụ nữ đội mũ thần, mặc áo thần, tay cầm trống thần, đang đứng trên tầng mây. Người ta nói, người

phụ nữ đó là "thế hệ xa-man thứ nhất". Thế hệ xa-man thứ nhất có thể từ đất nối thông với trời, từ người liên hệ với thần. Bức tranh cổ xưa ấy như đang nói rõ cho chúng ta biết, sự xuất hiện của vu sư là nhằm thoả mãn nhu cầu liên hệ với thần. Người vu sư thứ nhất là một thầy thuốc liên hệ được với thần [1], hình thức cầu thần nhập xác sớm nhất là "Khiêu thần" [2], người vu sư sớm nhất là nữ tù trưởng của gia tộc hoặc nữ thủ lĩnh khác của gia tộc.

Cần nhấn mạnh rằng, vu sư đầu tiên là nữ gia tộc trưởng hay thủ lĩnh khác của gia tộc, không chỉ vì trong xã hội đương thời, nữ tù trưởng hay nữ thủ lĩnh giữ địa vị thống trị, mà còn là vì trong xã hội nguyên thuỷ, phụ nữ dễ có bệnh tâm lý hoặc sinh lý hơn nam giới. Ngoài ra, người thời đó có quan niệm nữ giới tự nhiên có tính thần.

Theo kết quả nghiên cứu, trong xã hội cổ đại (ngay cả trong xã hội hiện đại cũng thế), phụ nữ dễ có bệnh tâm lý hay sinh lý hơn nam giới. Lấy bệnh tâm thần làm ví dụ, bất cứ cổ hay kim, ở Trung Quốc hay ở nước ngoài, nữ giới chiếm đại đa số. Theo thống kê không đầy đủ, số nữ bệnh nhân tâm thần trong các bệnh viện hiện đại gấp 8 lần nam giới, nếu kể cả những người chưa được nhận vào bệnh viện thì số nữ bệnh nhân tâm thần gấp

(1) "Vu và vu thuật" của Tống Triệu Lân. NXB Nhân dân Tứ Xuyên. tháng 5/1989. trang 62

(2) Hình vẽ nữ xa-man nói trên rất giống người khiêu thần của nhiều dân tộc hiện

20 lần nam giới. Nguyên nhân của bệnh tâm thần rất phức tạp, sự sợ hãi, tức giận, hưng phấn.v.v... do nhiều sự kích thích khác nhau gây ra, rất dễ tạo ra phản ứng đối với phụ nữ, đó là do đặc trưng tâm lý và sinh lý của phụ nữ quyết định [1]. Hiện tượng "Thần động" là chỉ hiện tượng cảm thấy chung quanh chuyển động một cách thần bí. Hiện tượng này thường thường được những thiếu nữ đang ở thời kỳ thanh xuân cảm nhận được.

Những thiếu nữ này vốn không có ý niệm làm cái gì sai xấu, nhưng vì sự khác thường của tâm lý và sinh lý của họ, mà họ tự nhiên cảm thấy những vật chung quanh chuyển động một cách thần bí. Chính vì lẽ đó, không phải ai cũng làm được xa - man của người A-y-nu Nhật Bản, mà chỉ những thiếu nữ cảm thấy một sự rung động tình cảm khó mà khống chế được có thể làm xa -man, đa số Sa Man là những thiếu nữ mười mấy tuổi, tức là trước sau tuổi dậy thì. Có một xa-man người A-y-nu tên là Hồ Tư Khoa, khi ở tuổi 14, 15, ngày nào cũng vậy vào buổi chiều cô cảm thấy phải hát to lên những điều mà cô cảm thấy. Cô lại thấy một luồng khí rất mạnh chạy trong cơ thể mình. Những người lớn tuổi bảo cô là cô có nguyện vọng được làm nghi thức xa-man...

Nói chung bất luận là bệnh tâm lý hay bệnh sinh lý, tất cả đều có nghĩa là một sự không bình thường. Đặc biệt những biểu hiện khác thường của những người

(1) "Bệnh tâm thần. it-stêri phụ nữ" của Hoàng Vĩ Dân, tạp chí "Tự nhiên với con người" số 1 năm 1990

mắc bệnh tâm thần, thần kinh, dưới con mắt nguyên thuỷ, là thần đã nhập vào người đó. Đây chính là cơ sở để người nguyên thuỷ quan niệm rằng, những ai mắc bệnh tâm thần mới có thể làm xa-man được. Thêm vào đó người phụ nữ lại đắp đổi sống những ngày sạch sẽ và những ngày không sạch sẽ,(1) cũng tức là phụ nữ thường xuyên qua lại giữa lĩnh vực thần thánh và lĩnh vực thế tục, làm cho người nguyên thuỷ cho rằng phụ nữ là có "tính thần" tự nhiên. Vì thế, phụ nữ không phải đơn tính như nam giới, mà là loại người thần có tính chất lưỡng thê. Phụ nữ không chỉ có thể bị thần đến nhập xác, diễn đạt ý chí của thần mà lại có tài với thần nhập xác, dẫn dắt thần làm những việc mà con người cần. Đã vậy, phụ nữ đảm nhiệm trước hết sứ mạng qua lại giữa hai lĩnh vực thần và người, đương nhiên chẳng cần phải nhờ ai mới làm tròn được chức trách của mình. Chính vì lẽ đó, bộ lạc Indian nước Mỹ chủ yếu trao cái chức hàm vinh dự xa-man cho những phụ nữ đã từng có biểu hiện mê cuồng. Chọn họ vì họ có khuynh hướng thiên bản và có biểu hiện mê cuồng.

Tổng kết những điều vừa nói, vu sư đã ra đời vào trung kỳ xã hội thị tộc mẫu hệ, vu sư ra đời để đáp ứng nhu cầu liên hệ với quỷ thần, thế thì tục cầu thần nhập xác phải bắt đầu xuất hiện thời kỳ giữa của xã hội thị tộc mẫu hệ.

(1) "Thần thoại côn lôn và văn hoá xa-man" của Lã Vi, tạp chí "Dân gian văn học luận đàn" số 3, 1989

**2. Một kỳ xã hội thị tộc phụ hệ - Thời kỳ hình thành của tục cầu thần nhập xác.**

Nhiều tài liệu khảo cổ chứng minh rằng, ngay từ thời đại đồ đồng (tương đương một kỳ xã hội thị tộc phụ hệ), hình thức "khiêu thần " trong tục cầu thần nhập xác rất có thể đã hình thành xa-man với tư cách là người chuyên làm việc cầu thần rất có thể đã sáng tạo ra những hình thức "khiêu thần" phức tạp hơn, những trang phục chuyên dùng cho việc "khiêu thần" và những lời thần chú, lời cầu khấn tương ứng. Ví dụ cụm bích hoạ hang đá dày đặc cuối thời đại đồ đá mới, đến đầu thời đại đồ đồng ở Hạ Lan Sơn tỉnh Minh Hạ cho thấy những hình nhân vật kỳ lạ, toàn thân chính diện hướng về đám đông, có người trên đầu có vật trang sức, hai cánh tay cong cong dơ cao, năm ngón tay xoè ra, hai chân dang rộng hết cỡ, mũi bàn chân vểnh lên, năm ngón chân xoè rộng, giống như con nhái đang bơi, dưới háng có khí quan sinh dục nữ được phóng đại. Có học giả đã nghiên cứu hình tượng những nhân vật kỳ lạ đó, cho rằng nhìn hình tượng, những nhân vật này có vẻ cố nũng nịu để rằng mình có bản lĩnh hơn người, có vẻ như năng lực phi phàm nối thông được trời đất qui thần, có phép lực có vẻ như truyền đạt được ý chí của trời cho người, lại bày tỏ được nguyện vọng của người với trời, là loại người có thể nối thông được quan hệ thần - người, trời đất. Từ chỗ thái độ của những hình tượng nhân vật kỳ dị này không phải là biểu

hiện hành vi thường mà là đang làm uy làm phép hàng thần phục ma. Tư thế đặc biệt của những hình tượng ấy có lẽ là đang làm việc "thông thần" (liên hệ với thần). Không chỉ ở Hạ Lan Sơn, mà ở Phong nhai huyện các tỉnh Sơn Tây, ở Ân Sơn, thảo nguyên U lan xa pu, thảo nguyên Xu ni tơ chô xi xi lin cô lơ Nội Mông, ở Thiên Sơn huyện Mu Lây Tân Lương... đều có những bích hoạ hang động, có hình dáng như ở Hạ Lan Sơn hoặc gần giống như thế. Những hình vu sư ở Xu - ni - tơ - chô- xi Nội Mông có phong cách gần với hình vu sư ở Hạ Lan Sơn nhất, đều về chính diện, quay mặt về đám đông, đều loã thể, đều ở thế múa hay cầu khấn, phần lớn có dáng nhái bơi, tứ chi xoãi ra ngoài, ngón chân ngón tay xoè, đều có đặc điểm người và nhái hợp thể hoặc nhân tố người và nhái. Đặc điểm này muốn nói người và nhái biến hình lẫn nhau. Vu sư biến hình thành nhái, không chỉ ngoại hình, mà toàn bộ thân, tâm đang chuyển biến thành động vật. Đó là mời hồn nhập xác trong Tác Mãn giáo. Những bích hoạ hang động ở Hạ Lan Sơn, trên ý niệm là cầu nhái nhập thể. Người Y-a-khét Xi bê ri cho rằng xa-man bình thường chỉ có thể biến thành chim, cá, chỉ có những xa-man có phép thuật phi phàm mới có thể biến thành nhái. Vu sư phải bắt chước nhái, bởi vì trong quan niệm Vu giáo nguyên thuỷ, con nhái có "thần tính" nhất. Trong sử thi Antai "Matay cara" là người hầu của chúa địa ngục. Vì nhái là động vật lưỡng thể, cho nên xa-man cho rằng

biến hình thành nhái thì có thể lặn như nhái xuống địa ngục để chiêu hồn người ốm và người chết, hoặc có thể vọt cao như nhái lên trời để gặp thần linh. Những bích hoạ hang động hình vu sư ở Hạ Lan Sơn chứng tỏ rằng vu giáo vùng thảo nguyên Tây Bắc có nguồn xa dòng dài. Đương nhiên những hình vẽ vu sư ở Hạ Lan Sơn và các vùng khác đã kể không phải là đầu nguồn của vu giáo, mà chỉ là phản ảnh nghệ thuật xã hội thị tộc mẫu hệ phát triển đến giai đoạn cuối xã hội nguyên thuỷ (1). Nó cũng chứng tỏ rằng ngay từ cuối thời đại đồ đá mới, chậm nhất là thời đại đồ đồng, hình thức "khiêu thần" trong tục cầu thần nhập xác đã hình thành. Lại như những bích hoạ hang động thuộc thời đại đồ đồng mới phát hiện được ở bờ sông Ô-ca vùng dân tộc Mông Cổ ở Puriato, trên những bức vẽ trên đá này phát hiện được những thần khí và thần phục mà xa-man hiện nay đang dùng. Xa-man tay cầm trống thần, mình mặc thần phục (thắt lưng có tua rủ), đầu đội mũ thần hình sừng thú, hai tay giơ cao lên trời như đang cầu khấn. Những bích hoạ trên đá như thế cũng phát hiện được ven hồ Bai - can và khu vực hậu Bai - can. Đáng chú ý là tư thế của những hình người nhỏ bé trên các bích hoạ hang đá ở vịnh Xa-can-tra-pa và vịnh A - ya, họ đang làm nghi thức khiêu thần và là nhảy múa tập thể.

(1) "Bước đầu tìm hiểu những bích hoạ vu sư Hạ Lan Sơn" của Cái Sơn Lâm, tạp chí " Ninh Hạ xã hội khoa học" số 3, 1992

## NƠI KHỞI NGUỒN CỦA TỤC CẦU THẦN

Tục cầu thần nhập xác khởi nguồn ở một nơi hay ở nhiều nơi? Các học giả nước ta người thì cho rằng Tát Mãn giáo khởi nguồn ở Đông bắc, người thì nói ở Tây Nam, ở Tây Bắc. Nhưng chưa có đủ căn cứ để nói tục giáng thần nhập xác có nhiều nơi khởi nguồn. Kết quả nghiên cứu về Tát Mãn giáo, cho thấy tục cầu thần nhập xác rất có thể bắt nguồn rất xa xưa từ Tát Mãn giáo Bắc Á (bao gồm xibêri của Nga và đông Bắc của Trung Quốc). Lý do chủ yếu là:

Thứ nhất, Tát Mãn giáo là một tôn giáo nguyên thuỷ mang tên Tát Mãn vì xuất hiện Tát Mãn dùng phép thuật hôn mê của làm cho "thần linh nhập xác". Nhiều học giả nghiên cứu Tát Mãn giáo đều cho rằng, Tát Mãn giáo sớm bắt nguồn từ trong các dân tộc Bắc Á ở trung kỳ xã hội thị tộc nô lệ. Chữ Xa - Man (Tát Mãn) trong ngôn ngữ Thôngcuts không những chỉ "vu sư" mà còn có nghĩa là "kích động không yên" "điên cuồng". "hôn mê". Thuật "hôn mê" là đặc điểm tối thiểu của đạo Xa Man, không có pháp luật "hôn mê" thì không có Tát Mãn giáo. Từ "hôn mê" trong thuật ngữ Tát Mãn giáo, tuỳ ngữ cảnh khác nhau, có thể có ba nội dung ý nghĩa khác nhau : Một là biểu hiện biến hoá dị thường của tinh thần khi xa-man làm vu thuật, ý là hôn mê. Hôn mê là một quá trình trước hết là điên cuồng, dần dần đi vào trạng thái thôi miên, đến cao trào thì ngã ra ngất lịm. Trạng

thái hôn mê (mất tri giác) với nghĩa chặt chẽ, nói chung chỉ là hiện tượng tạm thời hoặc không tồn tại, trên thực tế bán hôn mê hoặc có vẻ như hôn mê; Hai là chỉ một trong những vu thuật xa-man, ý nghĩa "tinh linh ám vào xác" hoặc là "linh hồn rời xác", cho rằng lúc đó xa-man đưa linh hồn đi gặp tinh linh, là một trong những cách liên hệ với thần; Ba là chỉ một trong những bước của vị thuật xa-man, tương đương với quá trình gọi là "hạ thần" (hoặc "thỉnh thần", "giáng thần", "quá âm", "hạ âm", "du âm")[1]v.v... Thuật "hôn mê" từ lâu đã hình thành ở Bắc Á dưới thời đại đồ đồng. Nội dung những bích hoạ hang đá ở Hạ Lan sơn, ở bờ sông Ô ca, hồ Bai - can v.v.... (thuộc thời đại đồ đồng) là chứng minh hùng hồn. Nhìn nghi thức khiêu thần của Tát Mãn giáo hiện nay thấy rõ không thể không dùng thuật "hôn mê". Từ đó suy ra ngày xưa, những bích hoạ hang động nói trên đã phản ánh nghi thức "khiêu thần" cổ lão ở Bắc Á, chắc chắn cũng phải bao hàm của thuật "hôn mê".

Thứ hai, đánh trống tay mà nhảy múa cuồng nhiệt, đó là đặc điểm trước sau như một của nghi thức "khiêu thần" từ xưa đến nay. Nếu tìm được nơi khởi nguồn của trống tay xa-man, cũng tức là tìm được bằng chứng mạnh mẽ của nơi khởi nguồn nghi thức "khiêu thần" Tát Mãn giáo. Gần đây nhà khoa học Hung ga ri Da ôs ky phát hiện được trên vách đá thuộc thượng du sông Yê - mis - xia trong lãnh thổ Nga một hình khắc cái trống thời

(1) Dẫn theo "bách khoa toàn thư Pretagne" bản dịch của Cẩm Tú, bản in năm 1980.

đại đồ đồng. Ông cho rằng đó là hình trống Tát - Măn, nó hết sức giống trống về màu của xa-man Ye ni sei O styak cổ Á. Hình khắc trống trên vách đá đã được phát hiện ở tây nam hồ Bai - can mà hồ Bai - can tức là Bắc hải của thời đại đế quốc Hung Nô. Nói cách khác, đặc điểm phát hiện của cái trống khắc bà Bờm giới phía bắc của đế quốc Hung nô. Phát hiện này của Đa ôsky trùng hợp với thuyết của nhà khoa học cận đại Mi - nôn - nông cho rằng vùng quanh hồ Bap can là trung tâm khởi nguồn của trống tay Tát măn [1]

Vì những lý do trên tác giả cho rằng nghi thức khiêu thần, hình thức cầu thần nhập xác sớm nhất rất có thể khởi nguồn từ Bắc Á.

## KHỞI NGUỒN CỦA TỤC CẦU THẦN VÀ BỆNH TINH THẦN

Khi nghiên cứu Tác Mân giáo trên phạm vi thế giới, nhiều nhà nghiên cứu chú ý rằng, họ gặp trước hết những người đàn ông và đàn bà của thần kinh rất dễ bị kích thích, có khi thần kinh rõ ràng là không bình thường hoặc hoàn toàn là phát điên. Trong thế kỷ 20 người ta phát hiện được rằng các vu sư Bắc Á, Bắc Mỹ và Nam Mỹ, Đông Nam Á, Ốt - Trây - lia và châu Đại Dương đều là những con bệnh tinh thần. Nhưng một số nhà nghiên cứu thì lại cho rằng, Xa Man cái vùng trên thế giới, kể

(1) "Hung nô tôn giáo tín ngưỡng cậy kỳ lưu biến" của Tạ Kiến "Tây oan sở nghiên cứu ngôn ngữ lịch sử viện nghiên cứu trung ương quốc tập" quyển 42. phần 4.

cả các Xa Man của Xa Man giáo phía Bắc Á đều là những người khoẻ mạnh cả về tâm lý và sinh lý. Ví dụ, các Xa Man người In dian Bắc Mỹ, trong đời sống thường ngày đều không có gì cách biệt với người khác.

Tác giả cho rằng, vấn đề người như thế nào thì có thể làm Xa Man không thể nói chung chung được. Chúng tôi cho rằng không thể nói Xa Man đều là người hoàn toàn khoẻ mạnh về tâm lý và sinh lý, cũng không thể nói họ đều là những người điên, những người có bệnh tâm thần. Nhưng ở đây cần chỉ rõ, những Xa Man khoẻ mạnh cả về tâm lý và sinh lý tính tình thường là "vui giận thất thường" và rất "nhạy cảm" ; những Xa Man có bệnh tâm thần điên dại hoặc có chứng itstêri thì phần lớn đều thuộc dạng bệnh nhẹ mà không phải là nặng. Nếu loại Xa Man khoẻ mạnh kia mà không phải là "mừng giận thất thường" và "nhạy cảm" thì không dễ gì đi vào trạng thái thôi miên hoặc tự thôi miên đến mức mê cuồng. Còn loại có bệnh tâm thần nặng thì không thể nắm vững và điều tiết bệnh tật của mình một cách chủ động. Xa Man khác với những con bệnh tâm thần và những người lên con itstêri ở chỗ họ có năng lực chủ động điều tiết thời gian phát bệnh.

Đương nhiên vấn đề chúng ta cần bàn ở đây không phải là cái chức Xa Man ấy phần lớn do những người như thế nào đảm nhiệm, mà chủ yếu là nguồn gốc của

tục cầu thần nhập xác có quan hệ gì với bệnh tinh thần hay không. Thế thì, nguồn gốc của tục lệ cầu thần nhập xác ấy có quan hệ gì với chứng bệnh tinh thần hay không? Từ thực tế là Xa Man các vùng trên thế giới có những người có bệnh tinh thần và tục cầu nhập xác khởi nguồn từ vùng đất có hoàn cảnh địa lý đặc biệt Bắc Á, chúng ta có thể suy đoán rằng, nguồn gốc của tục cầu thần nhập xác rất có thể là có quan hệ với chứng bệnh tinh thần "itstêri vùng cực" khá phổ biến trong các dân tộc Bắc Á, kể cả vùng Bắc cực và Xibêri.

"Chứng bệnh tinh thần" itstêri vùng cực" là chứng bệnh dễ phát sinh trong các dân tộc ở những vùng nói trên. Nó đặc biệt dễ phát sinh trong phụ nữ đã thành niên, nhất là phụ nữ đã có chồng. Khi phát bệnh, người bệnh bị co rút cơ bắp, mất đờ dẫn, có người bỗng sợ hãi cuồng chạy.

Một số thầy thuốc cho biết, chứng "itstêri vùng cực" có trạng thái tinh thần rất giống như Xa Man khi khiêu thần [1].

Tài liệu nghiên cứu cho thấy, người At - skimô Bắc cực là một dân tộc rất khoẻ mạnh, nhưng lại rất dễ mắc chứng bệnh này. Trước khi phát bệnh không có triệu chứng gì báo trước, thường là vào cuối mùa thu, cơn bệnh thường kéo dài mấy phút cho đến nửa tiếng rồi đột nhiên

(1) "Nguồn gốc Tác mãn giáo và quan niệm qui thần" của Tô - ca - rép (Liên Xô) xem tạp chí "tài liệu tôn giáo thế giới" số 3, 1989

khỏi, cũng như đột nhiên phát bệnh vậy. Có người đã miêu tả chứng bệnh đó như sau : Một phụ nữ ngồi trên mặt đất, mắt trừng trừng nhìn về phía trước ngơ ngác trước tất cả những gì diễn ra chung quan, thân mình lắc lư, mép xùi bọt, kêu ré lên, nói lảm nhảm. Thế mà con bà ta và hàng xóm láng giềng coi như không có việc gì (vì đã thấy nhiều hiện tượng như vậy nên coi thường).

Vì chứng trạng của bệnh tinh thần "it - stêri vùng cực" rất giống trạng thái Xa Man khiêu thần, có thể thấy, tục cầu thần nhập xác cũng sản sinh một cách ngẫu nhiên như nhiều phong tục khác vậy [1]. Có lẽ một số người mắc chứng "it -stêri vùng cực" nhẹ trong các dân tộc Bắc Á thời xa xưa ấy, đã ngẫu nhiên học được cách chủ động gọi ra, duy trì và chấm dứt chứng bệnh đó, và tục cầu thần nhập xác ra đời. Ngày nay chúng ta không thể hiểu được "tình hình cụ thể và quá trình cụ thể" của việc ra đời ngẫu nhiên đó, nhưng qua tình hình các Xa Man vùng Bắc Á phần lớn là những người đã từng mắc bệnh hoặc "tinh thần rối loạn" và các dân tộc vùng Bắc Á thường mắc bệnh "it-stêri vùng cực", chúng là hầu như có thể nhìn ra được ít nhiều.

Từ gốc độ các xa man Bắc Á là những người mắc chứng it-stêri và thường hôn mê, có người còn có chứng điên chúng ta có thể dự đoán, trong cùng xã hội thị tộc mẫu hệ ở Bắc Á, các nữ tù trưởng hoặc các nữ thủ lĩnh đương thời chắc chắn có người mắc chứng bệnh ấy. những

(1) "Trung quốc dân tục học luận văn tập" NXB Văn nghệ dân gian TQ. 7. 1986

người đó mặc dầu có địa vị thống trị đặc biệt nhưng không thể như vậy mà không mắc chứng bệnh kia. Trong xã hội chúng ta ngày nay, người như vậy nhất định không thể được giao trọng trách lãnh đạo, nhưng ở thời đó những người như vậy lại được cho là có những tri thức bí mật và có sức mạnh siêu tự nhiên. Bởi vì, "với trí tuệ của người thời đại dã man, những người ở trong trạng thái hôn mê rất tự nhiên được coi là người nói thay cho quỉ thần. Những động tác trong cơn co giật. những lời gào thét không có mạch lạc gì, tất cả như những chứng triệu gì đó, hình như họ đã mất hết ý chí, một cái gì đó khống chế thân thể của họ. Người ta thấy vậy cho rằng hồn ma hay thần linh đang qua miệng người mà phát biểu và chính thần linh ma quỉ đang điều khiển con người họ [1]. Chính vì lẽ đó, trong một giai đoạn lịch sử nhất định, hầu như ở các nơi đều lưu truyền quan niệm cho rằng bệnh thần kinh là do một lực lượng siêu tự nhiên nào đó gây ra, tức là người ta tin rằng, chính thần linh nhập vào xác người mới như vậy. Mà những nữ tù trưởng , nữ thủ lĩnh, do nhiều lần lên cơn bệnh mà ngẫu nhiên học được cách chủ động điều tiết chứng bệnh ấy tự nhiên được người ta tưởng tượng là họ không những có thể liên lạc được với quỉ thần mà còn có thể chủ động làm cho quỉ thần nhập vào xác người. Các xa man thời đó và cả sau đó nữa của vùng Bắc Á (trên thực tế, các xaman các vùng khác trên thế giới cũng vậy) phần lớn do những người tinh thần rối loạn đảm nhiệm. Người ta cứ cho rằng

(1) "Tù liên tôn giáo thế giới" số 3 năm 1989, trang 21

họ là người môi giới trung gian giữa thần với người. Còn như những người bệnh tâm thần đã khoẻ hoặc những người tuy tâm lý và sinh lý đều khoẻ mạnh nhưng thường "mừng giận thất thường" và "nhậy cảm" mà làm xa man là việc xảy ra sau khi xuất hiện những xa man tinh thần rối loạn. Với những người đã mắc bệnh rồi lại đã khỏi bệnh, thì trong thời đại thượng cổ, trong điều kiện không có điều kiện chạy chữa gì, tật bệnh và chết chóc uy hiếp nghiêm trọng sự sinh tồn của con người, thế mà họ ốm rồi lại tự khỏi, thì chắc chắn là có thần linh bảo vệ, chắn chắn là họ đã tiếp xúc với qui thần, do đó, họ có đủ tư cách làm sứ giả trung gian giữa qui thần với người, là điều đương nhiên. Thêm vào đó, họ và những người "nhạy cảm" đều rất dễ bị người khác thôi miên, cũng rất dễ tự thôi miên mình(1).

Chính những người này được các xa man già coi là xứng đáng làm xaman mới. Qua đây thấy được quan hệ giữa nguồn gốc của tục cầu thần nhập xác với chứng bệnh tinh thần.

## NGUỒN GỐC CỦA TỤC CẦU THẦN VỚI VŨ ĐẠO NGUYÊN THUỶ VÀ THUỐC THỰC VẬT GÂY ẢO GIÁC

Nguồn gốc tục cầu thần nhập xác không những rất có thể có quan hệ với bệnh tinh thần, mà còn rất có

(1)Theo nhiều tài liệu nghiên cứu , về chứng "it - stê - ri vùng cực" rất phổ biến trong các dân tộc Bắc Á. Những người ốm khỏi không ít là đã mắc chứng bệnh ấy mà thích ảo tưởng và dễ ám thị một trong những đặc điểm chủ yếu của chứng "it - stê - ri vùng cực". Vì vậy những người đã mắc chứng it - stê - ri rất dễ bị thôi miên hoặc tự thôi miên. Còn những người tính tình "nhạy cảm" thì vốn là người có tính chất dễ bị thôi miên hoặc tự thôi miên .

thể có quan hệ với vũ đạo nguyên thuỷ và thuốc thực vật tạo ảo giác.

Sở dĩ nguồn gốc của tục cầu thần nhập xác có quan hệ với vũ đạo nguyên thuỷ thường thường có thể làm cho người ta mắc chứng it - stê - ri. Trong chương 4 chúng ta đã nói rằng, nghi thức là một phần rất quan trọng trong đời sống xã hội nguyên thuỷ, nhiều hoạt động của người nguyên thuỷ không tách rời được với nghi thức. Vũ đạo nguyên thuỷ liên quan mật thiết với nghi thức vì vũ đạo nguyên thuỷ rất dễ gây ra chứng it - stê - ri cho người ta. Những nghiên cứu về vũ đạo nguyên thuỷ, nhất là vũ đạo tôn giáo nguyên thuỷ cho thấy : Khi một xaman nhảy múa đến kiệt sức, hôn mê đến ngất lịm là không thể tránh khỏi... Hình thức khiêu thần trong phong tục cầu thần nhập xác có thể ra đời trong vũ đạo nguyên thuỷ, nhất là trong vũ đạo tôn giáo nguyên thuỷ. Chính vì như vậy, nhảy múa điên cuồng là thủ đoạn quan trọng để những người khiêu thần đưa thần đến nhập xác. Đương nhiên, mặc dầu các vu sư nguyên thuỷ đã thấy được rằng nhảy múa đến cuồng dại có thể gây ra chứng it - stê - ri nhưng họ đã học được cách chủ động điều tiết và chấm dứt chứng trạng ấy, cũng như những người mắc chứng "it stê ri vùng cực", sau nhiều lần làm thử rồi mới biết chủ động điều tiết các cơn it stê ri. Chỉ có khi các vu sư vô số lần làm thử, dần dần biết chủ

động điều tiết và chấm dứt cơn it stê - ri mới có thể nói rằng tục cầu thần nhập xác đã ra đời trong những cơn cuồng vũ.

Còn nói rằng, nguồn gốc tục cầu thần nhập xác có quan hệ với thuốc cây cỏ tạo ảo giác, là vì dùng các thuốc thực vật gây ảo giác như nấm độc, cây tiên nhân chưởng Nam Mỹ v.v.. có thể tạo ra những ảo giác ly kỳ cổ quái và ca hát nhảy múa cuồng loạn. Như đã nói trên, dùng thuốc thực vật gây ảo giác đã thành một phong tục trong nhiều bầy người nguyên thuỷ. Lấy thí dụ việc ăn nấm độc, nhiều nhà nhân loại học, khảo cổ học đã khảo cứu, cho thấy từ hơn 3000 năm trước, người Indian cổ sống ở châu Mỹ đã nhân thức được những phản ứng khác thường do ăn nấm độc nhưng họ lại tưởng rằng quỉ thần dùng thứ thuốc đó để hiển linh. Thế nhưng người Indian cổ có lẽ chưa phải là dân tộc sử dụng nấm độc sớm nhất. Có học giả đã cho rằng, tập tục ăn nấm độc là họ đã học được từ miền Bắc châu Á. Những nghiên cứu về thời tiền sử đã chứng minh rằng người Indian là từ bắc phần châu Á qua cầu nối lục địa ở eo biển Be - ring mà di cư sang châu Mỹ, lại còn vì, trước khi di chuyển, họ đã có tục ăn nấm độc. Bởi vì trong quá trình di chuyển, họ đã mang đến nền văn hoá săn bắt hái lượm từ thời đại đá cũ sang thời đại đó giữa. Có lẽ trong sinh hoạt săn bắt hái lượm, họ đã nếm các loại cây cỏ mà ngẫu nhiên phát hiện ra tác dụng mê huyển của các loại nấm độc. Tác dụng mê huyển này làm cho họ đi vào những

thí nghiệm thần bí, thể nghiệm thấy giữa họ và thần linh có sự hoà nhập vào nhau, sự giao lưu với nhau và, họ không ngừng điều tiết lượng sử dụng để đạt được một cơ sở hợp lý. Và trên cơ sở đó hình thành phong tục dùng nấm độc để cầu thần nhập xác. Phong tục này vẫn được duy trì trong thổ dân Mông Cổ ở Xi bê ri, một số người trong các xaman của họ vẫn giữ thói quen ăn nấm độc để sắm vai thần linh.

## CÁCH THỨC TRUYỀN NỐI TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Trên đây chúng ta đã nói, tục cầu thần nhập xác có thể có quan hệ với bệnh tinh thần "it - stê ri vùng cực", với vũ đạo nguyên thuỷ và thuốc thảo mộc gây ảo giác và nó khởi nguồn trước hết là ngẫu nhiên. Vậy thì, những kết quả ngẫu nhiên đó đủ để phong tục cầu thần nhập xác truyền nối mãi sao? Vì vấn đề này, trong các tiết 3, 4 trên đây chúng tôi đã ít nhiều đề cập, có thể có độc giả đã thấy được phần nào . Để làm sáng tỏ hơn vấn đề này, xin trình bày thêm dưới đây.

Tác giả cho rằng, chỉ dựa vào những yếu tố ngẫu nhiên nói trên thì tục cầu thần nhập xác khó mà truyền nối. Bởi vì "hành vi của người, chỉ dựa vào sự xung động nhất thời thì khó mà được tiếp nối. Hành vi ngẫu nhiên chỉ đưa lại kết quả ngẫu nhiên, muốn duy trì lâu dài, điều cần thiết không phải là một xung động ngẫu phát, mà là phải có những kết luận lôgic rút ra

qua tổng kết "[1]. Sở dĩ tục cầu thần nhập xác phát sinh ngẫu nhiên được truyền nối, chính là vì các vu sư thời kỳ đầu từ những hiện tượng hôn mê ngẫu nhiên mà mò mẫn, làm thử nhiều lần, tổng kết ra một qui luật nào đó. Qua vô số lần làm thử, các vu sư dần dần nắm được qui luật dùng vũ đạo và thuốc thảo mộc mà chủ động gợi ra, duy trì và chấm dứt trạng thái "hôn mê" theo ý muốn, làm cho mình khi tiến hành nghi thức cầu thần đạt được trạng thái "hôn mê" mà bề ngoài có vẻ như mất hết lý trí, nhưng trong khi đó lại vẫn có thể điều tiết trạng thái đó một cách chủ động mà không sa vào tình trạng điên cuồng, mất hết trí lực. Thế là hiện tượng "hôn mê" đã từ là một xung động ngẫu nhiên được nâng lên thuật "giáng thần" có thể huấn luyện mà nắm được. Thêm vào đó, các vu sư thời kỳ đầu đó, qua vô số lần làm thử, đã phát hiện ra rằng những người ốm lâu đã khỏi bệnh và những người "nhạy cảm" dễ học "thuật giáng thần" hơn những người khác và đã chọn loại người này làm người kế nghiệp làm vu sư. Điều này về khách quan đã đảm bảo cho "thuật hôn mê" được kế thừa. Từ đó, "cầu thần nhập xác" đã từ là một việc làm ngẫu nhiên trở thành một thứ hoạt động có thể chủ động tiến hành khi cần thiết. Đương nhiên, học được thuật gợi ra, duy trì và chấm dứt trạng thái hôn mê, không phải là việc đơn giản, muốn nắm được thuật đó, phải qua một quá

(1) "Lịch sử tôn giáo" (thượng) của Cơ - rô - vi lep (Liên Xô). NXB khoa học TQ. 12 - 1984 trang 31

trình học tập, huấn luyện gian khổ. Các vu sư kế nhiệm phải trải qua một giai đoạn chuẩn bị lâu dài, chính là để học được thuật gọi ra, duy trì và chấm dứt trạng thái "hôn mê" một cách chủ động. Ví dụ, các vu sư "quá âm" của dân tộc Miêu phải qua một quá trình "điên dại" kéo dài đến mấy năm. Thời gian này chủ yếu là để học thuật tạo ra và điều tiết sự "hôn mê". Các xa man mới của các dân tộc Mãn, Ngự Luân Xuân v.v.. trước khi chính thức hành nghề, phải nhận một xaman già làm thầy, học nghi thức dần thần, bao gồm việc học khiêu thần, học lời khấn tế thần. Làm quen với những hoạt động tôn giáo của Xa Man giáo v.v... Cứ thế , mỗi đợt khoảng 10 ngày, mà phải học liên tục 3 năm, phải học khiêu thần đến mức thần trí rối loạn, cho rằng linh hồn của xaman đã nhập vào xác mình [1]. Phần lớn các bà mo (nữ vu) dân tộc Di xã A - lạp thành phố Côn Minh đều hành nghề từ hồi còn trẻ. Việc huấn luyện xaman mới thường được tiến hành ngay tại đàn tràng, họ phải theo các vu sư già kiến tập nghi thức bắt ma đuổi tà, làm thành thạo các nghi lễ tế thần. Ngày nông công rỗi rãi, phải theo các vu sư già nhảy múa vu vũ, hát "vu khúc", "thần khúc", luyện "vu điệu". Mời thần là chương trình sau cùng. Đây là điều quan trọng nhất đối với các nữ vu, không nắm được "ngón" này, không thể làm bà mo được : Mời thần nào thì hát điệu gì, cầu thần gì thì theo điệu gì,

(1)"Tát Mãn giáo nghiên cứu" Thu Phố chủ biên. NXB nhân dân Thượng Hải. 1 - 1995. trang 60 - 61.

tất cả đều có chương trình chặt chẽ, không có năm ba năm thì không thể nắm được.

Ở Bắc Mỹ, học thuật "hôn mê" cũng là con đường chủ yếu để trở thành xaman mới. Một số tập đoàn vu sư bí mật của người Indian nước Mỹ, chỉ cho những người đã trải qua một quá trình huấn luyện đặc biệt vào tập đoàn của họ. Việc "huấn luyện đặc biệt" này bao gồm việc học tập và huấn luyện thuật "hôn mê". Người Alan ta ở Ốt -strây - lia thì muốn trở thành vu sư, phải làm "lễ gia nhập máu" hoặc thần linh trực tiếp tham dự, hoặc do vu sư già chủ trì. Dù trong tình hình nào thì người xin ra nhập cũng phải đam thủng lưỡi mình, mặc quần áo riêng, tuân theo những cấm kỵ riêng, dùng những pháp khí riêng và phải "gặp gỡ thần linh".

## CON ĐƯỜNG TRUYỀN BÁ TỤC CẦU THẦN NHẬP XÁC

Trên đây, từ những góc độ khác nhau đã chứng minh rằng tục cầu thần nhập xác đã ra đời và hình thành ở khu vực Bắc Á thời viễn cổ. Thế thì, làm sao phong tục đó lại trở thành một hiện tượng văn hoá lịch sử có tính chất thế giới? Nguyên nhân có thể có nhiều, ở đây xin bàn riêng về vấn đề con đường truyền bá tục lệ đó.

Tác giả cho rằng, sự hình thành hiện tượng văn hoá lịch sử có tính thế giới này là kết quả sự truyền bá Tát Mãn giáo cùng với thuật cầu thần và tục cầu thần nhập

xác do nó tạo ra từ khu vực Bắc Á, nơi ra đời của nó, đi các vùng khác trên toàn thế giới. Một trong những lý do chủ yếu là những nhân vật loại xa-man, dùng phương thuật "hôn mê" mà làm cho "tinh linh nhập xác", có thể gặp ở khắp mọi vùng của thế giới. Đương nhiên có những học giả không tán thành quan điểm này. Những tác giả mục từ" Tát mãn giáo" trong "Bách khoa toàn thư Bơ - rơ - ta - nhơ" nổi tiếng đã cho rằng: "Những hiện tượng có một số đặc điểm nào đó giống như Tát Mãn giáo có thể thấy ở trong các dân tộc nguyên thuỷ toàn thế giới. Chỉ với những đặc điểm cô lập như vậy, không nhất định đều là Tát Mãn giáo. những nhân vật trung tâm của hệ thống này - Các thuật số, thày mo chữa bệnh và những nhân vật cùng loại khác - có thể dùng trạng thái hôn mê mà liên lạc với một thế giới khác. Nhưng khác với Tát - Mãn giáo, họ có chức vị đó là nhờ sự kiên trì học tập và sự vận dụng tri thức lý tính. Tuy rằng với tư cách là tư tế, họ chủ trì các buổi tế lễ, có địa vị quyền uy và có năng lực làm vu thuật, nhưng kết cấu và đặc tính những hoạt động siêu tự nhiên của họ là hoàn toàn không giống Tát - mãn giáo".

Chỉ dựa vào "kết cấu và đặc tính những hoạt động siêu tự nhiên" của các thuật sĩ, vu y các vùng khác trên thế giới và cái cách để có địa vị ấy không giống với các Xa man Bắc Á mà phủ nhận Tát Mãn giáo là một hiện

tượng văn hoá lịch sử có tính chất thế giới cầu thần nhập xác là do Tát - Mãn giáo có nguồn gốc Bắc Á đã truyền bá tục cầu thần nhập xác ra các vùng khác của thế giới) là không đủ sứ thuyết phục [1]. Bởi vì Tát Mãn giáo Bắc Á trong quá trình truyền bá ra ngoài ở những giai đoạn khác nhau, khu vực khác nhau, tất nhiên phải có những biến dị trong kết cấu và đặc tính hoạt động siêu tự nhiên của nó. Do đó không nhất thiết những kết cấu và đặc tính hoạt động siêu tự nhiên của xa-man các vùng đều giống hoàn toàn các xa-man Bắc Á cổ đại. Nếu nói rằng đây chỉ là một sự suy đoán, thế thì vô số những sự thật về các cuộc di dân trong lịch sử xã hội nguyên thuỷ thế giới có thể trả lời rất tốt câu hỏi Tát - Mãn giáo có cội nguồn Bắc Á cùng với tục cầu thần nhập xác của nó đã truyền bá như thế nào của phát triển thành một hiện tượng văn hoá lịch sử có tính chất thế giới.

Trước hết hãy xem Tát - Mãn giáo và tục cầu thần nhập xác của nó đã truyền vào nội địa Trung Quốc như thế nào.

Tát - Mãn giáo có nguồn gốc Bắc Á và tục cầu thần nhập xác của nó truyền bá vào nội địa Trung Quốc có thể có nhiều khả năng. Ví dụ, Bản giáo Tây tạng vốn là Tát - Mãn giáo là hình thức đại phương Tây Tạng. Về sau, Bản giáo không chỉ lưu hành ở khu vực trung tâm Tây Tạng mà được truyền bá rộng rãi ra các vùng

(1) Mà thực ra, chức vị xa-man Bắc Á cũng chỉ có thể có được nhờ sự học tập và vận dụng tri thức lý tính.

lân cận, bao gồm cả các vùng của người Hán, người Duy Ngô Nhĩ, người Na - xi thậm chí đến cả những vùng tiếp giáp với Ấn Độ.

Trong những thẻ gỗ khắc chữ phát hiện được từ lòng đất miền nam Tân Lương đã có ghi chép về hoạt động Bản giáo. Vùng người Na - xi ở Vân Nam cũng là một vùng chịu ảnh hưởng khá lớn của Bản giáo.

Lại ví như, bắt đầu từ thời đại đồ đá mới, bộ lạc Để Khương vốn sống ở vùng Cam Thanh Hà Hoàng đã theo dãy núi Hoành Đoạn mà di cư xuống phía nam. Vì Cam Thanh Hà Hoàng tiếp giáp với các thảo nguyên Mông Cổ ở phía bắc, cho nên trong văn hoá của bộ lạc Để Khương có những nhân tố của văn hoá thảo nguyên phương bắc. Cùng với người Để Khương đi xuống phía nam, những nhân tố văn hoá thảo nguyên phương bắc cũng lan xuống phía nam. Như các vu sư dân tộc Bạch Nhi khiêu thần thì đánh trống da cừu. Có người cho rằng đó là do người Để Khương mang đến.

Lại ví như, thế kỷ 4 sau công nguyên, chính quyền Hung Nô ở miền bắc sụp đổ. Nhiều bộ chủng Hung Nô di dân xuống phía nam, đến vùng Trung nguyên của người Hán và sống chung lẫn với người Hán. Theo một số học giả cận đại, tín ngưỡng tôn giáo của người Hung Nô cổ đại là nguyên hình của Tát Mãn giáo Bắc Á. Sau khi theo dân tộc mà di cư xuống Trung Nguyên, các vu sư Hung Nô đã có ảnh hưởng sâu sắc ở Trung Nguyên.

Thiên "Phong thiền thư" trong "Sử ký" ghi : "Vu sư cửu thiên, tế lễ cửu thiên". Sách "Tam phụ cố sự" ghi : "Vu sư người Hồ thờ cửu thiên ở thần minh đài". "Hán thư - địa lý chí" ghi "huyện Triều Na thuộc quận An Định nhà Hán có 15 ngôi nhà thờ Đoan Tuần, trong nhà thì có vu sư người Hồ đọc chú". Những người hoạt động mê tín người Hán dùng phù chú mưu lợi đã truyền bá tục cầu thần nhập xác ấy ra khắp các vùng toàn quốc là chuyện rất tự nhiên dễ hiểu.

Chúng ta lại xem Tát - Mãn giáo Bắc Á và cầu thần nhập xác của nó đã truyền bá sang Nam Bắc Mỹ như thế nào.

Vì vấn đề này, có học giả cho rằng thuật "hôn mê" Tát - Mãn giáo rất có thể đã được những người châu Á mang đến Bắc Mỹ và Nam Mỹ từ đợt sóng di dân lần thứ nhất. Nhiều phát hiện mới về khảo cổ học đã chứng minh có những đợt di dân lớn, liên tục từ Bắc Á sang Bắc Mỹ. Người ta tính toán, đợt di dân đầu tiên từ châu Á sang Bắc Mỹ đã diễn ta cách đây 1400 năm. Tát - Mãn giáo và phương thuật "hôn mê" của nó đã tồn tại ở Bắc Á từ rất lâu trước đó, và những xa-man châu Á di cư hiển nhiên đã mang theo thuật "hôn mê" sang châu Mỹ. Có lẽ vì những nguyên nhân đó, những xã đoàn bí mật và những tổ chức thần bí của người Indian đã nắm được phương thuật "hôn mê" và hoạt động cầu thần của các xa-man.

Tục cầu thần nhập xác tồn tại trong các dân tộc nguyên thuỷ ở châu Âu, châu Đại dương, châu Phi và ở các nước văn minh cổ trên thế giới cũng có thể lấy các đợt di dân trong lịch sử xã hội nguyên thuỷ để giải thích.

Châu Âu, từ Rumani ngày nay đến vùng bắc Hắc hải, Lý hải, cho mãi đến vùng hồ Bai - can và miền nam Xibêri, cho đến những thảo nguyên mênh mông phía đông Liên xô cũ là rất quan trọng với toàn châu Âu nếu nhìn từ góc độ nhân loại học, sử học và nghệ thuật học.

Các dân tộc du mục chuyển dịch không ngừng trên các thảo nguyên không bờ bến, đã biến các thảo nguyên thành những tuyến đường giao thông cũng như các đại dương đã có tác dụng giao lưu vậy. Ba thế kỷ trước công nguyên, các dân tộc du mục phía bắc châu Á đã khi liên tục, khi gián đoạn di chuyển dần tới các vùng mà sau này đã trở thành các trung tâm văn minh châu Âu. Năm 735, bộ lạc Hung nô với số nhân khẩu khá lớn đã đến được ven biển Đen, họ đã qua Trung Á, đi vào vùng sông Đông và sông Đni - bo. Tục cầu thần nhập xác ở châu Âu rất có thể là đã do những dân du mục ấy mang đến trong những thời kỳ nói trên (thậm chí có thể sớm hơn). Ví dụ các vu sư dân tộc La phu ở Phần Lan Bắc Âu, khi hành lễ cùng đánh trống , múa hát, cùng với tiếng hát, họ đơ cao trống quá đầu rồi nằm rạp xuống

như trong trạng thái hoảng hốt hôn mê. Khi tỉnh táo trở lại, họ có thể nói ra những thông tin cần thiết. Mà người La phu vốn là một dân tộc châu Á di cư dần sang phía tây từ thời đại băng hà vĩ định cư lại ở phần cực bắc châu Âu.

Ở châu Đại dương, năm 1977 và 1980 A.G Thorne đã hai lần nêu ra quan điểm có những đợt di dân cổ đại từ châu Á sang châu Úc. Ông cho rằng ở châu Úc đã có hai đợt di dân khác nhau, không liên quan gì với nhau. Một là đường phía nam, một loạt người cao to, có những khung xương thô lớn, đã từ Đông Nam Á đến, có thể là từ Gia va đi qua Timo mà vào châu Úc. Mộc nữa là đường phía bắc, có thể là từ Hoa Nam Trung Quốc đến. Đây là những người có thân hình nhỏ nhắn hơn, họ qua Đông Dương, Ca li ma tan và Tân Ghi nê mà vào miền đông bắc Ốt - strây - lia. Hai đoàn người khác nguồn gốc này hồi cư với nhau và tạo ra thổ dân Ôt - strây - lia. Quan điểm này đã hé cho thấy, những người Đông Nam Á và người Hoa Nam Trung Quốc vốn đã nắm được thuật "hôn mê" đã đi dần đến Ốt - strây - lia trong thời cổ.

Ở châu Phi và các nước văn minh cổ - khoảng 2000 năm trước, người Ấn đã từ Lý hải và đại thảo nguyên Nam Nga, chia thành nhiều bộ lạc đã đến Hy lạp, Tiểu

Á, Ai Cập , I ran, Ấn Độ. Yô ga của Ấn Độ , tục giáng thần Cơ đốc giáo cổ có lẽ cũng có liên quan đến những người Ấn Âu này. Có học giả cho rằng, Yôga Ấn Độ là một thực hành tôn giáo của Tát - Mãn giáo nguyên thuỷ. Tục cầu thần nhập xác ở châu Phi thì có thể là từ Ai cập truyền đến.

# VĨ THANH

## I

Luật hình nước ta qui định rõ ràng, những hành vi lợi dụng tâm lý mê tín và các tổ chức mê tín để tiến hành hoạt động phản cách mạng, làm tổn hại trị an xã hội, tổn hại sức khoẻ và thân thể công dân phải bị trừng trị theo pháp luật . Qua sự phân tích , xem xét theo nhiều tầng nấc nhiều góc độ tục cầu thần nhập xác trên đây, trừ những hoạt động tôn giáo bình thường (như Phật giáo Tây Tạng dùng phép bói viên quang Cách tát nhĩ để bói tìm linh đồng chuyển kiếp) thì tục cầu thần nhập xác phần lớn đã thành thủ đoạn chủ yếu của một số người có dụng ý xấu nhằm làm nguy hại cho trị an xã hội, cho sức khoẻ công dân, thậm chí chống phá cách mạng. Những hoạt động tội lỗi lấy cầu thần nhập xác làm thủ đoạn làm hại trị an xã hội, phá hại sức khoẻ công dân đã được vạch trần trong phần trên; lấy cầu thần nhập

xác để tiến hành hoạt động chống phá cách mạng cũng rất đáng ghê sợ. Ví dụ, một thời gian trước sau ngày giải phóng toàn quốc các tổ chức đồng thiện xã ở các vùng trong toàn quốc đã lợi dụng các vu thuật thần đàn, kỵ ngữ để gieo rắc dư luận chính trị chống lại việc hợp tác với chính quyền mới, tiến tới xây dựng cứ điểm bí mật, hòng gây phiến loạn vũ trang đã được chính quyền nhân dân kịp thời phát hiện và trừng trị. Hồi mới giải phóng, Nhất Quán đạo cũng lợi dụng phù kị gieo rắc dư luận phản cách mạng, điên cuồng hoạt động chống cộng chống nhân dân, trở thành một thế lực phản động tiến hành hoạt động lật đổ chính quyền mới, do đó năm 1951, chính quyền nhân dân đã chính thức ban bố lệnh cấm. Trong thời kỳ cải cách ruộng đất, một số bà mo thần hán đã mượn lời thần giọng quỉ, đả kích, ám hại những người tích cực trong cải cách ruộng đất. Có người đã lợi dụng cầu thần nhập xác để li gián quan hệ giữa dân tộc Hán với dân tộc thiểu số, uy hiếp doạ nạt quần chúng làm rối lòng dân, phá hoại sản xuất...

Mấy năm gần đây, các tổ chức mê tín lợi dụng giáng thần nhập xác để hoạt động phá hoại có cơ phát triển, trong đó hoạt động của Nhất Quán đạo càng nổi bật. Theo điều tra của cơ quan có trách nhiệm, Nhất Quán đạo một số địa phương lại lợi dụng phù kị để gieo rắc dư luận chính trị phản động, công kích Đảng và chủ

nghĩa xã hội, phá hoại chính sách cải cách mở cửa, âm mưu xưng vương đế, thay đổi triều đại, hết sức điên cuồng. Vì tục cầu thần nhập xác đã tạo điều kiện thuận lợi cho những trò bịp cầu thần nhập xác, vì tục cầu thần nhập xác làm hại nghiêm trọng sức khoẻ và tinh thần của người giáng thần nhập xác và có hại cho trị an xã hội, vì tục cầu thần nhập xác có tác dụng thúc đẩy sự hình thành và duy trì tâm lý mê tín, cho nên, chúng ta không can thiệp tục cầu thần nhập xác thuộc hoạt động tôn giáo bình thường, nhưng kiên quyết chống lại những trò bịp cầu thần nhập xác và những phần tử lợi dụng thủ đoạn cầu thần nhập xác để hoạt động phạm pháp kiên quyết thủ tiêu những tập tục cầu thần nhập xác trừ những hoạt động tôn giáo bình thường. Điều này là không thể chần chừ và không thể mơ hồ.

## II

Tục cầu thần nhập xác có liên hệ mật thiết với thôi miên và những công năng đặc dị của cơ thể con người. Rời bỏ thuật thôi miên và khoa học nhân thể thì không thể nào chỉ ra được thực chất và chân tướng của việc cầu thần nhập xác. Cho đến nay người ta chưa có nhận thức nhất trí đối với thuật thôi miên và công năng đặc dị của cơ thể con người. Có người coi nó là hết sức thần

diệu, có người nửa tin nửa ngờ, có người hoàn toàn phủ định... Những người có thái độ phủ định, phần lớn là vì những biểu hiện của thôi miên và công năng đặc dị không phù hợp với cách hiểu của họ về thế giới hiện thực. Khi niềm tin cũ bị sự vật mới uy hiếp, họ thà không thừa nhận sự vật mới, chứ không chịu thay đổi quan niệm cũ. Có người trong bụng thì thừa nhận thôi miên và công năng đặc dị, nhưng lại không giám công khai bày tỏ quan điểm của mình sợ người khác chế diễu, mất uy tín vốn có của mình. Vì vậy, để bảo vệ ý kiến cố chấp hoàn toàn vô lý của mình và địa vị của tín ngưỡng cá nhân, họ đành lấy những "lý luận" như "trò bịp", "chuyện ngẫu nhiên", "ảo giác" "cảm giác sai" v.v... để phủ định thuật thôi miên và công năng đặc dị của cơ thể người. Nhưng "cũng như với thứ tôn giáo đã chinh phục thế giới đế quốc la Mã và chi phối đại bộ phận văn minh nhân loại 1800 năm nay mà chỉ nói là câu chuyện hoang đường do những tên bợp bợm nặm ra coi là xong" (1), hiện tượng thôi miên và công năng đặc dị quyết không thể đưa cái "lý luận" coi là "trò bịp" mà phủ nhận được. Nếu không xuất hiện những kỳ tích , không chữa được bệnh cho bao nhiêu người, thì những hiện tượng thôi miên và công năng đặc dị kia không thể lưu truyền rộng rãi đến thế từ xưa tới nay. Nếu không có công năng đặc dị, thế thì tôn giáo nguyên thuỷ, chưa nói gì những tôn giáo đủ màu kiểu hiện đại, không thể nào duy trì được. Nhìn bề ngoài, những "lý luận" kia có vẻ rất khoa học, thực ra là phản

(1) "Bàn về lịch sử Cơ đốc giáo nguyên thuỷ" của Ăng ghen. trang 2

khoa học, là những thành kiến chủ quan không tôn trọng thực tế khách quan, là tiếng rên yếu ớt do đau khổ vì nhận thức mất cân bằng. Nó chỉ có thể làm cho những người duy tâm và những người hữu thần vui mừng. Chúng ta không thể tiếp tục để cho thái độ thuyết giáo, huấn thị đó chiếm ưu thế trong ta nữa. Một người duy vật chân chính , không thể chỉ lên án mê tín một cách giản đơn mà phải dùng khoa học và thái độ khoa học để mổ xẻ và nói rõ mê tín. Thái độ khoa học, tức là vứt bỏ thiên kiến cá nhân và khắc phục yêu ghét. Chúng ta phản đối việc thần thánh hoá thôi miên, công năng đặc dị của nhân thể và tục cầu thần nhập xác, nhưng chúng ta cũng phản đối thái độ phủ định trông ra có vẻ ngạo mạn nhưng thực tế là yếu hèn ba hiện tượng nói trên. Việc tục cầu thần nhập xác ngóc đầu dậy và một số người thần thành hoá thuật thôi miên và công năng đặc dị có tác dụng nguy hại rất lớn cho sự nghiệp xây dựng "hai thứ văn minh" (Văn minh vật chất và văn minh tinh thần - người dịch). Muốn xây dựng tốt "hai thứ văn minh", muốn thật sự triệt để phá bỏ tâm lý mê tín, thì chúng ta phải nhìn thẳng vào thực tế, phải nghiên cứu thuật thôi miên, công năng đặc dị của con người và tục cầu thần nhập xác, tìm rõ nguyên nhân của chúng, vạch rõ chân tướng của chúng, làm cho mọi người hiểu rõ và đứng về phía khoa học. Chỉ có như vậy mới có ích cho sự nghiệp xây dựng "hai thứ văn minh " của chúng ta.

# III

Đến đây, việc tìm hiểu phong tục cầu thần nhập xác tạm dừng. Nhưng như vậy không có nghĩa là chúng ta đã nghiên cứu đến đầu đến đũa phong tục đó. Trái lại, việc nghiên cứu vấn đề này chỉ mới bắt đầu. Sách này chưa làm sáng tỏ được nhiều điều khó hiểu của tục cầu thần nhập xác. Ví dụ các vấn đề cơ chế tạo ra những biến đổi tâm lý và sinh lý của thôi miên (ám thị), thực chất của "những hình ảnh còn lại", "những thông tin còn lại" v.v... vì nó đề cập đến hiện tượng sống vô cùng phức tạp của cơ thể con người. Cho đến nay, con người đã tìm ra những vũ khí lợi hại có thể huỷ diệt bản thân nhân loại hàng ngàn vạn lần, nhưng trong vấn đề nhận thức bản thân nhân loại thì lại đang ở giai đoạn hết sức mơ hồ, khiến cho hàng loạt những vấn đề như vậy, với chúng ta đến nay vẫn còn là một "mớ thần bí" (lời của Ravaxi). Muốn mở tung cái "mớ thần bí" này, chỉ dựa vào khoa học xã hội là không đủ, cần có sự tham gia của các chuyên gia tâm lý học, sinh lý học, thần kinh học, nhân thể học và các chuyên gia nghiên cứu về thôi miên. Điều này có lẽ phải trông đợi vào sự cố gắng chung của mấy thế hệ nữa mới mong thực hiện được. Nhưng chúng ta tin rằng cái ngày đó sẽ đến. Chúng ta chờ đợi cái ngày đó đến sớm !

# HẬU KÝ

Tết xuân năm 1974 mới qua được một tuần, tiếng pháo tết thỉnh thoảng còn nổ dòn đây đó, trường học đã kết thúc vụ nghỉ tết. Mấy học sinh trung học chúng tôi năm đó đành phải miễn cưỡng đến lớp học, trong lòng chưa hết háo hức.

Trước giờ nghỉ trưa buổi học thứ hai sau tết, mấy đứa chúng tôi bàn tán sôi nổi về cảm nghĩ của mình sau khi xem biểu diễn "hát bảy cô tiên", "đấu âm quyền", 'đấu địa cổ ngưu"... ở thôn Mộ Nặc.

"Có lẽ chúng mày đã bị lừa rồi, chắc chỉ là một trò bịp". Chưa nghe hết câu nói của bạn, tôi đã không ngần ngại hùng hổ cãi lại. Kết quả là giờ nghỉ trưa đã hết, mà vẫn không ai chịu ai.

Sau cơm tối, mấy cậu bạn lại xềnh xệch kéo tay, lôi tôi theo họ đến thôn Mộ Nặc để "đối chất". Không cự lại được, tôi đành phải "lái" máy bay địa phương, đến thôn Mộ Nặc theo họ.

Đêm hôm đó, lần đầu tiên trong đời, tôi được tận mắt xem biểu diễn ba hình thức cầu thần nhập xác: "Đấu âm quyền", "đấu địa cổ ngưu"và "hát bảy cô tiên". Sau một đợt nghiệm chứng đau khổ, tôi không thể không thú

nhận "việc này không phải là giả", nhưng vẫn không sao hiểu được những hiện tượng khác thường đã xuất hiện trong quá trình biểu diễn. Và tôi ngầm hạ quyết tâm. sẽ có ngày tôi phải tìm cho ra nhẽ !

Cái lần "bị bắt buộc" ấy không ngờ đã làm cho tôi không sao dứt bỏ được việc nghiên cứu tục cầu thần nhập xác.

Giữa mùa hạ năm đó, chúng tôi tốt nghiệp trung học. Sau đó hơn mười năm trôi qua, tôi hết làm một thanh niên trí thức "lên núi về làng" lại vào nhà máy là công nhân, sau lại thi vào đại học... bao nhiêu việc cũ mờ dần trong trí tôi, nhưng những bí mật của việc cầu thần vẫn quay cuồng trước mắt tôi. Thế là, trong khi làm việc giảng dạy và nghiên cứu văn học dân gian dân tộc thiểu số , tôi bắt đầu nghiên cứu về tục cầu thần nhập xác. Nhưng do sự lười biếng của tôi, việc nghiên cứu tiến triển chậm hơn ốc sên. Tháng 9 năm 1988, tôi hân hạnh được mời về trường cũ - trường Trung học Châu Lâm huyện Quảng Nam tỉnh Vân Nam - để dự lễ kỷ niệm thành lập trường. Ở đây tôi được nghe nói những tục mê tín xem bói, xem tướng, phong thuỷ địa lý, cầu thần nhập xác... hôm nay lắng đi, nay lại trỗi dậy. Tác hại nghiêm trọng cho việc xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. .. Tôi ý thức được rằng, đã đến lúc"hoàn nguyện" rồi. Trước tình hình như vậy mà vẫn không thấy là một nguy cơ, không cảm thấy trách nhiệm của mình không thấy được tính cấp bách, thì khác nào khoanh tay mà nhìn ! Đó là một tội lỗi ! Vì vậy tôi đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu. Không biết đã qua bao nhiêu

ngày đêm phấn đấu gian khổ, cuối cùng tôi đã viết ra được bản chuyên luận 14 vạn chữ này.

Viết được cuốn sách này là vì tôi đã được sử ủng hộ giúp đỡ từ nhiều phía. Các giáo sư Phùng Nhĩ Khang. Vương Liên Sinh, Trần Chấn Giang khoa sử trường Đại học Nam Khai đã hết sức ủng hộ đề cương, lại nhiệt tình cổ vũ khuyến khích tôi. Giáo sư Phùng Nhĩ Khang còn vui vẻ viết lời tựa cho sách. Tổng biên tập nhà xuất bản nhân dân Quảng Tây Hạ Vĩnh Tường, chủ nhiệm phòng biên tập văn sử Âu Vi Vi và chủ nghiệm hệ sách văn hoá thần bí, thầy Vương Ngọc Đức đã cho nhiều ý kiến cụ thể, quí báu chỉ đạo tôi viết và sửa chữa. Phòng khoa học trường Đại học sư phạm Vân Nam và khoa Trung văn Trường Đại học sư phạm Vân Nam đã tạo nhiều điều kiện cho việc nghiên cứu đề tài này. Viết sách này, tôi đã tham khảo một khối lượng tài liệu lớn trong ngoài nước. Do khuôn khổ có hạn, tôi chưa thể nói rõ hết tất cả ở đây xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành ! Ngoài ra, tôi còn phải cảm ơn các bạn đọc năm nào đã "bắt cóc" tôi đi xem biểu diễn cầu thần, không có việc "bắt cóc" ấy thì có lẽ tôi không có duyên nợ gì với tục cầu thần nhập xác.

Vì tài sơ trí thiển, sai lầm là không thể tránh khỏi, kính mong các chuyên gia, học giả và đông đảo bạn đọc chỉ giáo.

*Tác giả*

**Tháng 9 năm 1992**

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA
PHẦN VI

# VU THUẬT THẦN BÍ

Tác giả : DIÊU CHU HUY

Những người dịch

GS. LÊ HUY TIÊU

GS. ĐỖ ĐỨC SÂM

DƯƠNG THU ÁI

NXB VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 1996

* * * * * *

**Chịu trách nhiệm xuất bản:** QUANG HUY

**Biên tập** : NGUYỄN THẾ VINH

**Trình bày sách** : QUỐC TÙNG

**Trình bày bìa** : HOÀNG LONG

**Sửa bản in** : PHẠM CÔNG BẰNG

In 1000c khổ 14,5v x 20,5 cm tại XI - NXBNN
Giấy phép xuất bản số 25/CXB - 45/VHTT
Giấy trích ngang KHXB - Nhà xuất bản
Văn hóa Thông tin kí ngày 15 tháng 8 năm 1996
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 1996

**TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA**

# VU THUẬT THẦN BÍ

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang mầu sắc thần bí, đều có thể gọi là *Văn hóa thần bí.*

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như *Văn hóa thần bí.*

*Văn hóa thần bí* là một kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mông muội thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình.

**VƯƠNG NGỌC ĐỨC**

*Trích lời tựa* "TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA"

GIÁ : 32.000